

### TÌM HIỂU HỘI-HỌA

của ĐOÀN-THÊM

*Cuốn sách quốc-văn đầu tiên đề phê-biến hội-họa*

Nam-Chi Tùng-Thư xuất-bản

300 trang, 206 tranh đen trắng, 24 bản màu

- Những thường-thức căn-bản đề thường-ngoạn bức tranh
- Những tài-liệu chính-xác về cuộc tiến-triển hội-họa
- Những lý-tưởng, quan-niệm, kỹ-thuật của các môn-phái
- Những nhận xét chắc-chắn về mọi ngành, mọi nhóm và các nhà danh-họa.

#### Có bán tại

các nhà sách

VIT-BÀNG, 38/78, Đường Lê-Lợi, Sài-gòn

XUÂN-THU, 185, Đường Tự-Do, Sài-gòn

MỸ-TÍN, 58, Nguyễn-Huệ, Sài-gòn

Nhà in KIM-LAI, 3, Nguyễn-Siêu, Sài-gòn

Tòa Báo BÁCH-KHOA, 160, Phan-Đình-Phùng, Sài-gòn.

Giá tiền : 185\$ loại thường  
250\$ loại đặc-biệt (Nhà in Kim-Lai)

# VĂN-HOÁ

## NGUYỆT-SAN

### CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

文化

ĐÀO  
KINH-TANG

化

Tập XII, Quyển 5

Số 81 (tháng 5, 1963)

NHA VĂN-HOÁ  
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

# VĂN-HOÀ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

*Loại mới — Tập XII — Quyển 1*

Số 81 (Tháng 5 năm 1963)



NHA VĂN-HOÀ  
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

# VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

NHA VĂN-HÓA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

Loại mới - Tập XII - Quyển 5

Số 81 (Tháng 5, năm 1963)

## Mục-lục

Thông-diệp của TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA nhân ngày Lễ Quốc-Tế Lao-Động (1-5-1963).

Huấn-từ của TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM. CỘNG-HÒA nhân dịp Lễ Đệ nhất viên đá đầu tiên Trung-Tâm Giáo-dục Y-Khoa Sài-gòn (9-5-1963).

### I. Văn-hóa Việt-Nam

Thử tìm hiểu nguồn gốc ba chữ <i>d</i> , <i>đ</i> và <i>s</i> trong Việt-ngữ . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN	681
Thiên-Nam ngữ-lục (tiếp theo) . . . . .	PHẠM VĂN ĐIỀU	689
Việt-Nam trong những năm đầu của thế-kỷ XX . . . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	699
Vấn-đề viết và đọc tên người và tên đất ngoại-quốc . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-NGŨ	707
Nguyễn-Thần-Hiến, một chí-sĩ miền Nam (t. theo) . . . . .	MINH-TRẦN	715
Thi-ca của ĐÔNG-VIÊN, VIỆT-NHÂN, ĐÔNG-XUYỀN, MAI-ĐÌNH, ĐẠM-NGUYỄN, HỒNG-KHANH, THANH-TÙNG, HỒNG-THIÊN, BẠCH-LĂNG, LÊ-VĂN-CHÍNH, THƯỜNG-TIÊN, VŨ-HUYỀN-DU, DUY-KHÁC, HẢI-ÂU-TỬ, NGUYỄN-VĂN-HÀM, BÙI-THẠCH-ÂN... . . . .		721

### II. Văn-hóa Thế-giới

Triết-học Trung-Hoa cận-đại . . . . .	NGUYỄN-BẰNG-THỤC	729
Sáu nguyên-tắc về hội-họa của Tạ-Hách . . . . .	TRƯƠNG-CAM-VINH	739
Truyện Rip Van Winkle (Bản dịch của G.S. Nguyễn-Đình-Hòa) . . . . .	WASHINGTON IRVING	749
Chính-phủ địa-phương: căn-bản nền Dân-chủ Mỹ . . . . .	JAMES E. ROSENTHAL	763

III. Tin-tức Văn-Hóa

Tin trong nước . . . . .	769
Tin ngoài nước . . . . .	802

IV. Tranh-ảnh

Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát.  
 Hình chạm nổi thếp tại phần mộ của gia-đình họ Võ ở tỉnh Sơn-Đông.  
 Ngựa buộc vào một cọc.  
 Chín Rồng trong mây và sóng.

V. Phụ-trương

- Diễn-văn của Ông Cố-Vấn Chánh-Trị nhân dịp Lễ Mãn-khóa VIII Sinh-viên Học - viện Quốc - Gia Hành - Chánh ngày 2 - 5 - 1963.  
 (Bản dịch Anh-văn).
- Diễn-văn của Ông Khoa-Trưởng Y-Khoa Đại-Học-Đường Sài-gòn, nhân dịp Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa Sài-gòn, ngày 9-5-1963.  
 (Bản Việt-văn và bản dịch Anh-văn).
- Diễn-văn của Đại-Sứ Frederick E. Nolting Jr. nhân dịp Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa Sài-gòn, ngày 9-5-1963.  
 (Bản Anh-văn và bản dịch Việt-văn).
- Diễn-văn của Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục nhân dịp Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa Sài-gòn, ngày 9-5-1963.  
 (Bản Việt-văn và bản dịch Anh-văn).
- Huấn-từ của TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA nhân dịp Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa Sài-gòn, ngày 9-5-1963.  
 (Bản dịch Anh-văn và Pháp-văn).

# CULTURE

## MONTHLY REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS  
 DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION

Vol. XII, No. 5  
 May 1963 (Fasc. 81)

## Contents

Message of the President of the Republic on May Day, 1963.  
 Speech of the President of the Republic on the occasion of the Laying of the Cornerstone of the Medical Education Center, Saigon University (May 9, 1963).

### I. Vietnamese Culture

Origin of the letters <i>d</i> , <i>d</i> and <i>s</i> in Vietnamese orthography . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN	681
The Odyssey of Thien-Nam (continued) . . . . .	PHẠM VĂN ĐIỀU	689
Vietnam in the early years of the 20th Century . . . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	699
How to Spell Foreign Names . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-NGŨ	707
Nguyen-Thân-Hien, a patriot from the South (continued) . . . . .	MINH-TRẦN	715
Poems by ĐÔNG-VIÊN, VIỆT-NHÂN, ĐÔNG-XUYỀN, MAI-ĐÌNH, ĐẠM-NGUYỄN, HỒNG-KUANG, THANH-TÙNG, HỒNG-THIỆN, BẠCH-LĂNG, LÊ-VĂN-CHINH, THƯƠNG-TIÊN, VŨ-HUYỀN-DU, DUY-KHẮC, HAI-AU-TU, NGUYỄN-VĂN-HÀM, BÙI-THẠCH-ẤN . . . . .		721

### II. World Culture

Modern Chinese Philosophy . . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC	729
Hsieh Heh's Six Principles of Painting . . . . .	TRƯƠNG-CAM-VINH	739
Rip Van Winkle . . . . .	WASHINGTON IRVING	749
(Vietnamese translation by Nguyễn-Đình-Hòa).		
Local Government: Fundamentals of American Democracy . . . . .	JAMES E. ROSENTHAL	763
(Original text in Vietnamese).		

III. Cultural News

Vietnam News . . . . .	769
World News . . . . .	802

IV. Figures and Illustrations

- The Bodhisattva Kshiltgarbha.
- Relief in the Wou family vault at Chan Tong.
- Horse chained to a picket.
- Dragons appearing in the clouds and waves.

V. Supplement

- National Institute of Administration Commencement Address by Mr. NGÔ-ĐÌNH-NHU, Political Counselor (May 2, 1963)  
*(English translation).*
- Speech by Professor PHẠM-BIÊU-TÂM, M. D., Dean of the Faculty of Medicine, University of Saigon, at the Ceremony of the Laying of the Cornerstone of the Medical Education Center  
*(Original in Vietnamese and English translation).*
- Speech by the Honorable FREDERICK E. NOLTING, JR., U. S. Ambassador  
*(Original in English and Vietnamese translation).*
- Address by the Honorable Professor NGUYEN-QUANG-TRINH, Secretary of State for National Education.  
*(Original in Viet-nameese and English translation).*
- Address by His Excellency NGO-DINH-DIEM, President of the Republic  
*(English and French translations).*



# CULTURE

## REVUE MENSUELLE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES

SECRETARIAT D'ÉTAT À L'ÉDUCATION NATIONALE

Nlle Série — Vol. XII, No. 5

Mai 1963 (Fasc. 81.)

### Table des Matières

Message du Président de la République à l'occasion de la Fête du Travail (1er Mai 1963).	
Discours du Président de la République du Viet-Nam à la Cérémonie de la Pose de la Première Pierre du Centre Médical de Saigon (le 9 Mai 1963).	
<i>I. Culture vietnamienne</i>	
L'origine des lettres <i>d, đ</i> et <i>s</i> dans l'orthographe vietnamienne . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN 681
L'Odysée de Thiên-Nam (suite) . . . . .	PHẠM VĂN ĐIỀU 689
Le Viet-Nam dans les premières années du XXème siècle . . . . .	PHẠM-VĂN-SON 699
La translittération des noms étrangers . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-NGŨ 707
Nguyễn-Thân-Hiên, un patriote du Sud-Vietnam (suite) . . . . .	MINH-TRẦN 715
Poèmes de ĐÔNG-VIÊN, VIỆT-NHÂN, ĐÔNG-XUYỀN, MAI-ĐÌNH, ĐẠM-NGUYỄN, HỒNG-KHANH, THANH-TÙNG, HỒNG-THIÊN, BẠCH-LĂNG, LÊ-VĂN-CHÍNH, THƯỜNG-TIÊN, VŨ-HUYỀN-DU, DUY-KHẮC, HẢI-ÂU-TỬ, NGUYỄN-VĂN-HÀM, BÙI-THẠCH-ÂN. . . . .	721
<i>II. Culture internationale</i>	
La philosophie chinoise des temps modernes . . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC 729
Six principes de la peinture de Sie Ho . . . . .	TRƯƠNG-CAM-VINH 739
Rip Van Winkle . . . . .	WASHINGTON IRVING 749
<i>(traduction vietnamienne de Nguyễn-Đình-Hòa).</i>	
Le Gouvernement local: Démocracie fondamentale des Etats Unis . . . . .	JAMES E. ROSENTHAL 763

### III. Nouvelles culturelles

Nouvelles du Viet-Nam . . . . .	769
Nouvelles du monde . . . . .	802

### IV. Planches et Gravures

Bodhisattva Kshitigarbha.  
Les bas-reliefs dans le tombeau de la famille des Wo à Chan Tong.  
Cheval attaché à un pieu.  
9 dragons évoluant dans les nuages et sur les vagues.

### V. Supplément

- Discours de Mr. NGÔ-ĐÌNH-NHU, Conseiller Politique à la Présidence, à l'Institut National d'Administration (2 Mai 1963).  
*(Traduction anglaise)*
- Discours du Professeur PHẠM-BIỂU-TÂM, Doyen de la Faculté de Médecine de Saigon à la Cérémonie de la Pose de la Première Pierre du Centre Médical de Saigon le 9 Mai 1963.  
*(Texte vietnamien et traduction anglaise)*
- Discours de S.E. l'Ambassadeur des E. U., FREDERICK E. NOLTING JR., à la Cérémonie de la Pose de la Première Pierre du Centre Médical de Saigon le 9 Mai 1963.  
*(Texte anglais et traduction vietnamienne)*
- Discours du Professeur NGUYEN-QUANG-TRINH, Secrétaire d'État à l'Éducation Nationale à la Cérémonie de la Pose de la Première Pierre du Centre Médical de Saigon le 9 Mai 1963.  
*(Texte vietnamien et traduction anglaise)*
- Discours du Président de la République du Viet-Nam à la Cérémonie de la Pose de la Première Pierre du Centre Médical de Saigon, le 9 Mai 1963.  
*(Traductions anglaise et française)*

## THÔNG-ĐIỆP của TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA nhân ngày Lễ Quốc-Tế Lao-Động (1-5-1963)

Đồng-bào cần-lao,

Hôm nay, Lễ Quốc-tế Lao-Động lại đến với chúng ta; một lần nữa, trong khi đồng-bào cảm-thông với cần-lao thế-giới, tôi hân-hoan gửi đồng-bào lời chào thân-ái.

Kiểm-diệm kết-quả của chánh-sách "Thăng-tiến cần-lao, đồng-tiến xã-hội" thực-hiện từ khi thành-lập chế-độ Cộng-Hòa, đồng-bào chắc đã nhận rõ những bước tiến vững-vàng của chúng ta ảnh-hưởng đến đời sống của nhân-dân toàn-quốc nói chung và của giới cần-lao nói riêng.

Giới cần-lao ngày nay, đã được chánh-thức góp phần trách-nhiệm vào nhiều bộ-phận quan-trọng của guồng máy quốc-gia: tại Quốc-hội, tại Hội-đồng Kinh-tế quốc-gia cũng như trong các cơ-quan như Tòa án Lao-động, Hội-đồng Trọng-tài, Ủy-ban Tư-vấn Lao-động, giới cần-lao đều có đại-diện để trực-tiếp tham-dự vào việc soạn-thảo các chương-trình khuếch-trương kinh-tế, các luật-lệ xã-hội và đề-bảo-vệ những quyền-lợi chánh-đáng của mình.

Ngoài ra, phong-trào tự-do nghiệp-đoàn, được Hiến-Pháp long-trọng thừa-nhận, luôn luôn được Chánh-phủ giúp-đỡ đề-trưng-thành trong tinh-thần dân-chủ. Từ một số ít tổ-chức hiệp-hội, nay đã có tới 690 nghiệp-đoàn quy-tụ rất nhiều đoàn-viên hoạt-động.

Về mặt tổ-chức kinh-tế, chương-trình kỹ-nghệ-hóa quốc-gia được thúc-đẩy mạnh, song song với các chương-trình dinh-diện, nông-tín, khuếch-trương kỹ-nghệ, tiểu-công-nghệ v.v... nhằm tăng gia sản-xuất, hữu-sản-hóa dân nghèo và cung-cấp nhiều công-án việc làm cho nhân-dân, tạo cho đồng-bào lao-động ở thành-thị cũng như ở thôn-quê thêm nhiều cơ-hội để thăng-tiến và góp-năng-lực của mình, lợi-ích cho nhà, cho nước.

Những chương-trình đại quy-mô trên muốn được thực-hiện một cách vững-chắc, liên-tục và ngày càng mở-rộng phạm-vi ra thì phải căn-cứ vào những cộng-đồng cơ-sở quốc-gia lành-mạnh và tiến-bộ. Vì thế mà Chính-phủ đã đề-ra quốc-sách Ấp, Hộ-m, Khu Chiếm-lược,

lấy các công-đồng cơ-sở Ấp của nông-thôn, Khóm của thành-thị và Khu của cơ-xưởng và các cơ-quan quân chính làm những trung-tâm vận-động đời sống mới, một đời sống mới tiến-bộ bằng kỹ-nghệ và khoa-học, trong đó nhân-vị con người được nâng-nở, công-bằng và nhân-ái.

Đường của chúng ta đi theo chiều hướng ấy, còn dài và đầy trở-ngại do Cộng-sân gieo-rắc. Chúng thường xuyên phá hoại mọi công cuộc của Chánh-phủ, thậm-chí hành-động dã-man đến tở-chức đốt nhà của đồng-bào. Sở-di Việt-cộng không từ một thủ-đoạn ti-tiện nào, chính vì chúng e sợ chúng ta thành-công trong việc xây-đựng một xã-hội mới, tiến-bộ. Chúng thường tuyên-truyền tranh-đấu cho cần-lao, nhưng thật-sự cần-lao tại các nước bị chúng thống-trị, đều bị áp-bức, cưỡng-bách lao-động, bóc-lột đến tận xương tủy mà không được thụ-hưởng gì.

Trái lại, cần-lao của chúng ta, hiện cùng với các giới khác, đang tiến đến một mức sinh-hoạt mỗi ngày mỗi cao, dưới một chế-độ xã-hội cởi mở, tôn-trọng nhân-vị và trong một tở-chức kỹ-nghệ ngày một khuếch-trương.

Đồng-bào cần-lao,

Lễ Quốc-tế Lao-động năm nay đến với chúng ta trong một hoàn-cảnh chiến-thắng. Thực vậy, chúng ta đang đôn kè thù dân-tộc vào đường cùng. Chúng ta cần khai-thác những thắng-lợi đã thu-hoạch được. Vậy, đồng-bào hãy cùng các giới khác, cùng Chánh-phủ, Quân-đội chiến-đấu liên-tục với một tinh-thần kỷ-luật cộng-đồng, đề diệt trừ Cộng-phi, hoàn-thành công cuộc cách-mạng quốc-gia, mang lại cho toàn-dân và cho giới cần-lao nói riêng, một đời sống mới sung-mãn, hạnh-phúc trong tự-do.

## HUẤN - TỪ

của

**TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA**  
**nhân dịp Lễ đặt viên đá đầu tiên**  
**Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa Sài-gòn**  
**(9-5-63)**

Thưa quý Vj,

Tôi hân-hoan đến chủ-tọa lễ đặt viên đá đầu tiên cho Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa Sài-gòn.

Dự-án quan-trọng này đã được Chánh-Phủ nghiên-cứu từ lâu, trong khuôn khổ chương-trình khuếch-trương ngành Đại-học và, hôm nay, với sự hợp-tác của Cơ-quan Viện-trợ Hoa-Kỳ, chúng ta bước vào giai-đoạn thực-hiện. Khi hoàn-thành, Việt-Nam sẽ có một Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa hoàn-bị, không kém gì những cơ-sở đồng-loại tân-tiến nhất vùng Đông-Nam Á.

Tôi có lời cảm ơn nông-hộu Chính-Phủ Hoa-Kỳ đã giúp cho công-trình này một ngân-khoản lớn, và ngợi khen các chuyên-viên Mỹ Việt đã cộng-tác chặt-chẽ và hữu-hiệu trong việc thiết-lập các đồ-án.

Sức khỏe của nhân-dân là một yếu-tố căn-bản trong cuộc tranh-đấu để thoát khỏi tình-trạng chậm tiến. Cho nên, ngay từ ngày chấp-chánh, tôi đã chỉ-thị mở-mang các cơ-sở y-tế trong toàn-quốc, đồng-thời khuếch-trương cấp-tốc ngành chuyên-khoa y-dược. Trong chương-trình phát-triển này, một Trường Đại-học Y-Khoa đã được thành-lập tại Huế, ban Được-Khoa tại Sài-gòn đã được nâng lên hàng một trường đại-học và hôm nay bộ-phận đầu tiên của Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa bắt đầu được xây cất tại đây và sẽ được hoàn-tất trong 24 tháng. Ngoài ra, những trường Cán-sự Điều-dưỡng và Nữ Hộ-sinh Quốc-gia cũng đang phát-triển đều-hòa.

Như vậy, trong một tương-lai gần đây, số chuyên-viên y-tế các cấp sẽ không còn thiếu-thốn như hiện nay, và nhất là tại thôn-quê, sức khỏe của đồng-bào sẽ được chăm nom thêm phần chu-đáo.

Sinh-viên Y-Khoa,

Tại đây, các bạn sẽ có một ngôi trường xứng đáng, đầy đủ tiện-nghi để học-hỏi, nghiên-cứu, thực-hành, hầu trở nên những y-sĩ lành nghề. *Lành nghề để phục-vụ cho Dân-tộc, để thực-hiện đồng-tiến xã-hội Việt-Nam.*

Vì kiến-thức chuyên-môn, dù sâu rộng đến đâu, cũng còn chỉ là lợi-khí của cá-nhân, nếu các bạn thiếu tinh-thần Tranh-đấu và đạo-đức cách-mạng, cương-quyết đảm-nhận lấy vận-mạng của Đất nước để biến-cải nó theo chiều hướng của nhân-vị con người Việt-Nam, nhất là con người nghèo.

Vậy nên, ngay trong thời-gian học-tập, các bạn phải luôn luôn cố-gắng ý-thức nhiệm-vụ hệ-trọng của người y-sĩ dân Việt trong cuộc kháng-chiến vận-động đời sống mới của Dân-tộc.

Nói một cách khác, các bạn phải là bộ-đội xung-phong đánh giặc chậm tiến về sức khỏe trong toàn-bộ đấu-tranh của Dân-tộc. Nếu các bạn cũng như các y-sĩ đã lành nghề không ý-thức đủ và do đó không chu-toàn nhiệm-vụ đối với Dân-tộc, thì các bạn sẽ là những phần tử đảo-ngũ, phản-bội lịch-sử, phản-bội Dân-tộc và phản-bội ngay con em và chính các bạn nữa — nếu chúng ta tự đứng ra ngoài cuộc đấu-tranh của Dân-tộc, thì chính con em của chúng ta sẽ phi nhờ vào mặt của chúng ta.

Tôi tin rằng ngôi trường sắp được xây dựng tại đây, sẽ là một trung-tâm Đấu-Tranh của toàn-thể giáo-sư và sinh-viên để đào-tạo những thế-hệ y-sĩ tân-tiến, vừa có khả-năng chuyên-môn, vừa có tinh-thần xả-kỷ, biết hòa-minh với nhân-dân để phục-vụ nhân-dân, biết chen vai sát cánh với mọi tầng lớp khác để vừa Đấu-Tranh vừa xây-dựng một xã-hội Việt-Nam mới.



NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

## *thư tìm hiểu nguồn gốc ba chữ d, đ và s trong Việt-ngữ*

Trong khi khảo-cứu về nguồn-gốc tự-mẫu Việt-ngữ hay quốc-ngữ, chúng tôi chưa hiểu cặn-kẽ về nguồn-gốc mấy chữ D, Đ và S. Bởi vì tại sao lại dùng chữ D, trong khi đó có thể (chúng tôi nói là có thể) dùng chữ J hoặc chữ Z. Cũng vậy, bởi đâu có sáng-kiến thêm dấu ngang cắt chữ D để thành Đ, trong khi đó La-ngữ và đa-số các tiếng Âu-châu đọc D là Đ. Và sau cùng tại sao người ta đã lấy chữ S làm chữ đọc mềm và hơi uốn lưỡi, trong khi đó chữ này được đọc cứng như phần nhiều các tiếng Âu-châu, kể cả La-ngữ.

Thực ra, cuối cùng, có thể chỉ là một ước-định. Nhưng từ nguyên-thủy hẳn phải có một lý-do nào? Hơn nữa, trong ba chữ kể trên, đối với người ngoại-quốc, chữ D và chữ S khó đọc và khó ghi. Chúng tôi không nói là khó nhất, nhưng thực ra khó ghi cho đúng, nhất là trong khi ấy, nhiều miền có giọng khác, phát-âm khác.

Trong bài này, chúng tôi sẽ lần-lượt tìm về những sách và văn-phạm cổ nhất như *Khái-niệm về Việt-ngữ* hay *Văn-phạm Việt-ngữ* của A-lich-sơn Đắc-lộ 1651 (Alexandre de Rhodes), Taberd 1838, Legrand de la Liraye 1868-1874 và Theurel 1883.

### I. Văn-phạm Việt-ngữ của Đắc-lộ (1651)

*Chữ D.* Trong Văn-phạm Việt-ngữ, Đắc-lộ viết về chữ D như sau: «Chữ D đọc và có giá-trị như chữ D La-tinh, nhưng khác ở chỗ này: khi có chữ e theo sau, thì không đọc rõ chữ e ấy, thí dụ *Dea* (ngày nay ta viết là *Da*); còn khi không có chữ e theo sau thì đọc hoàn-toàn như chữ D của chúng ta (nghĩa là như La-ngữ hay tiếng Âu-châu hoặc Pháp-ngữ)<sup>1</sup>, thí dụ *Dà* (ngày nay

<sup>1</sup> Những chữ trong ngoặc đơn là của chúng tôi.



ta viết là *Nhà*, hay đúng hơn *Gia*?). Ở một vài miền xứ Bắc, người ta đọc D thành R, song đó chỉ là đọc sai mà thôi ».

Trong mấy giòng trên đây của tác-giả, chúng ta nhận thấy hai điểm này. Thứ nhất ngày nay chúng ta không viết *Dea* nhưng *Da* và không viết *Dà* nhưng *nhà* hoặc *gia* (?). Vì thế nhận xét của Đắc-lộ là nhận xét theo địa-phương và vào thời-đại đó mà thôi. Trái lại nhận xét về việc đọc chữ D thành chữ R thì hiện nay trong nhiều miền thuộc Bắc-Việt, người ta vẫn còn đọc sai như vậy, thí dụ: Phát-điếm thì đọc là Phát-riệm, que điếm thì đọc là que riêm... Điểm thứ hai: tác-giả chỉ cho chúng ta biết cách đọc mà không cho chúng ta biết tại sao lại dùng chữ D đọc như thế. Chúng ta cũng không hiểu tại sao lại nói: dùng chữ D như chữ D của chúng ta, trong khi đó La-ngữ và Pháp-ngữ cũng như Ý-ngữ đọc D là Đ. Hay là "D của chúng ta" chỉ D trong tiếng Bồ-đào-nha? Về điểm này Đắc-lộ chưa bàn-giải minh-xác.

**Chữ Đ.** Ngay sau mấy giòng như trên chúng ta đã thấy, tác-giả viết ngay về chữ Đ: "Ngoài ra còn chữ D có gạch ngang cắt (tức là chữ Đ) thì khác hẳn chữ D của chúng ta. Khi đọc chữ Đ này, thì đầu lưỡi phải uốn cong sát lợi mà tránh đừng chạm vào răng, thí dụ *Đa Đa* (là con chim đa đa). Chữ này rất được thông-dụng ở đầu tiếng". Có thể nói là chỉ dùng ở đầu tiếng mà thôi.

Theo những lời lẽ của tác-giả, chúng ta nhận thấy ba điểm này: (1) Cách đọc theo tác-giả tả lại thì rất nhảm, rất hợp với cách đọc thực sự của tiếng ta. (2) Việc thêm một gạch ngang cắt chữ D thật là độc-đáo, có thể nói là một sáng-tác. (3) Nhưng tác-giả không nói cho chúng ta biết đã căn-cứ vào đâu mà thêm cái dấu cắt ấy. Theo sự tưởng-tượng của chúng tôi, thì có lẽ ông đã dựa vào sự chạm của đầu lưỡi tới khẩu-cái mà tạo nên cái gạch ngang đó chăng?

Tới đây, chúng ta mới thấu hiểu lời trình-bày của tác-giả. Khi ông nói D Việt-ngữ giống D của La-ngữ hay Âu-ngữ thì ông chỉ có ý nói giống về hình-thái thôi, song không giống về cách đọc. Trái lại khi ông nói Đ Việt-ngữ khác hẳn D của La-ngữ thì ông muốn nói về hình-thái, chứ không phải cách đọc, bởi vì nếu bàn về cách đọc thì phải nói Đ Việt-ngữ đọc giống như D của La-ngữ hay Âu-ngữ.

Tựu trung, bản văn của Đắc-lộ không cho chúng ta biết nguồn gốc đích-thực của hai chữ D Việt-ngữ và Đ Việt-ngữ. Chúng ta chỉ thấy đó là sáng-kiến kỳ-lạ, độc-đáo không phải của riêng Đắc-lộ, song có thể là của cả một lớp người tiên-phong sáng-lập chữ quốc-ngữ.

**Chữ S.** Đền chữ S, Đắc-lộ viết: «Chữ S chỉ dùng ở đầu tiếng, và đọc tiếng gió hơn chữ S của chúng ta, nghĩa là gắn gập đôi, song rít hơi yếu hơn».

Khi đọc thì uốn lưỡi chạm khẩu-cái, thí dụ *Sa*. Không dùng ở giữa hay cuối bao giờ ».

Như vậy tác-giả cũng chỉ dạy cách đọc, nghĩa là cũng theo giọng hơi như S La-ngữ, song mạnh hơn và nhất là uốn lưỡi. Còn về nguồn gốc thì chỉ nói trông, vì thực ra chữ S La-ngữ không đọc như S Việt-ngữ. Nếu muốn ghi S Việt-ngữ với một cách phát-âm nào của La-ngữ thì phải tạm dùng âm *ce* và *ci*, thí dụ *cecidierunt* thì đọc như *tsé-tsi-dê-run-t*.

Trái lại khi bàn về chữ X thì Đắc-lộ nói rõ: đọc như trong tiếng Bồ, hoặc như Sc của Ý-ngữ, thí dụ *Xa, Xe*.

Tóm lại, chữ S Việt-ngữ đọc mềm, theo tiếng gió và uốn lưỡi chạm khẩu-cái cũng là một chữ khác biệt với các tiếng Âu-châu về cách đọc. Những tác-giả đầu tiên sáng-lập chữ quốc-ngữ hẳn đã muốn chọn S này để chỉ những cách đọc như trên chúng tôi vừa nói và các ngài đã dành chữ X cho những cách phát-âm cứng. Các ngài đã cho thành lập như vậy vì thực-tiên và trực-giác (?), chứ không gọi lên một nguồn gốc xác-đáng nào như trong nhiều chữ khác, thí dụ chữ KH thì đọc tương tự như chữ KHI Hylạp, TH như Thêta Hylạp, PH như chữ PHI Hylạp, NG như NGA-IN Do-thái, CH như tiếng Bồ, X như SC Ý-ngữ...

## 2. Nam-Việt Dương-hiệp tự-vị của Taberd (1838)

Như chúng ta đã rõ: từ 1651 cho tới 1838 mới lại có một quyển sách in bằng Việt-ngữ hay chữ quốc-ngữ và đó lại là một quyển tự-vị, quyển *Nam-Việt Dương-hiệp tự-vị* của Taberd in tại Serampore, xứ Bengale năm 1838. Vậy quyển này nói gì về ba chữ chúng ta muốn tìm nguồn gốc.

**Chữ Đ.** Taberd nói gọn và rõ hơn Đắc-lộ. Trước hết ông phân biệt Đ và D mà ông nói là có hai chữ "D". Rồi ông đề-cập tới chữ Đ. Ông viết: «Đ gọi là D cắt và đọc như D La-ngữ hoặc Pháp-ngữ, thí dụ *doan*» (tr.VIII).

**Chữ D.** Còn về chữ D mà ông gọi là D không cắt, ông cho là một điểm khó đối với người ngoại-quốc. Vì theo ông, khi đọc thì «đầu lưỡi phải chạm khẩu-cái rồi hạ xuống ngay, trong khi đó không chạm răng và miệng phải để mở cho đủ, như thế có e hoặc i theo sau, nhưng đọc thắm và rất vắn, vì chữ D không cắt tự nó đã có kèm theo e hoặc i, thí dụ *Da* thì đọc như *Dia* hay *Diea*, nhưng phớt qua e hoặc i cách rất mau lẹ.»

**Chữ S.** Sáng-sủa hơn khi Taberd viết về chữ S. «Chữ S chỉ dùng ở đầu và không bao giờ dùng ở giữa hay cuối tiếng. Những vắn *Sa, se, si, so, su* thì đọc gần như *cha, che, chi, cho, chu* trong tiếng Pháp, hoặc *sha, she* v.v... trong tiếng Anh. Thí dụ *Sa* là một thứ lụa rất mỏng và mềm thì đọc như *cha* trong Pháp-ngữ, *Se* như *chaise* (là cái ghế) nhưng bớt vắn cuối "se" đi.» (tr.IX).

Nếu chúng ta xem những giọng tác-giả viết về chữ X thì thấy ông dạy đọc chữ này như "giữa chữ S và Ch trong Pháp-ngữ," tuy đọc mềm mại hơn, hoặc như SC trong Ý-ngữ, tuy cũng mềm mại hơn.

Như chúng tôi đã nói, Taberd bàn-giải khúc-chiết hơn, thí dụ khi coi chữ Đ Việt-ngữ như thể chữ D trong tiếng La-tinh hay tiếng Pháp. Cũng vậy, ông đã coi chữ S Việt-ngữ như Ch trong Pháp-ngữ. Tuy nhiên, ông vẫn còn lúng-túng như Đắc-lộ khi nói về cách đọc chữ D Việt-ngữ.

Một điểm mới trong Taberd, đó là ông thường đem Pháp-ngữ ra so đo với các âm trong tiếng Việt, điều mà Đắc-lộ rất ít đề-cập tới. Thời Đắc-lộ là thời tru-tiên của người Bồ-đào-nha, thế-kỷ XVII, còn thời Taberd lại chuyên sang ảnh-hưởng của người Pháp, thế-kỷ XIX.

Sau cùng, Taberd, lần đầu tiên đã lấy một thí-dụ trong Anh-ngữ, để đối-chiếu với âm Việt-ngữ, đó là: chữ S tiếng Việt đọc như Sh trong tiếng Anh. Chúng ta biết rằng: bộ Nam-Việt Dương-hiệp tự-vị này đã được xuất-bản tại miền thuộc ảnh-hưởng Anh-quốc và dưới sự bảo-trợ của một Hội tại Bengale. Bởi vậy, trong quyển tự-vị Việt-La cũng của ông, ông đã dành một phần phụ gọi là Tự-vị Annam bằng bốn thứ tiếng: Anh, Pháp, Latinh và Việt, 135 trang.

Nhưng rốt cục, phải nói rằng: Taberd một phần vẫn theo lối cũ và không cho chúng ta biết nguồn cội ba chữ có một cách đọc rất khác đối với những ngôn-ngữ Âu-châu.

### III. Tự-vị Việt-Pháp của Legrand de la Liraye (1868, 1874)

Tác-phẩm của giáo-sĩ De la Liraye mở đầu cho một giai-đoạn mới, giai-đoạn ảnh-hưởng của Pháp-quốc với tiếng Pháp làm lợi-khí văn-hóa. Chúng ta không còn ở trong thời-kỳ tiên-khởi trong đó chỉ có tự-vị Việt, Bồ và La-tinh.

Tự-vị Việt-Pháp của De la Liraye xuất-bản lần đầu năm 1868 và tái-bản năm 1874<sup>2</sup>. Trong lời tựa, ông đã đề-cập tới một ít khái-niệm về Việt-ngữ. Chúng ta thử xem ông đã bàn-giải thế nào về những chữ chúng ta đang muốn học-hỏi.

*Chữ D.* Tác-giả theo tự-mẫu cổ-truyền. Tuy nhiên ông đề-nghị và thật ra ông đã thực-hành ngay một cải-cách. Ông cũng nhận thấy sự khó-khăn thực-hiện công-cuộc này, bởi vì tự-mẫu này vừa hoàn-bị, vừa có lâu đời, vừa được thông-dụng. Dầu vậy ông cứ khởi công làm, dựa vào "thê-lực chiêm-đóng của người Pháp" trên đất nước Việt.

2 Trong bài này, chúng tôi theo lần tái-bản 1874.

Trước hết, ông đề-nghị dùng dz thay cho d. Ông viện những lý-do sau này: (1) Phổ-diễn cách đọc phổ-thông nhất trong Nam cũng như ngoài Bắc; (2) Tránh sự lẫn-lộn các tiếng; (3) Nhặt là tránh sự gian-trá trong các giấy tờ, thí dụ khi tù-bình sửa-chữa tên mình cách dễ-dàng nếu dùng D và Đ (tr. 2).

Nhưng đề-nghị của ông có được nhiều người đồng-thời chấp-nhận không? Theo ông thì rất ít người hưởng-ứng, kể cả những lớp giáo-sĩ thừa-sai người Pháp tại xứ Bắc cũng như ở miền Nam. Cũng theo ông thì sơ-di lớp giáo-sĩ đầu tiên thế-kỷ XVII đã phải dùng chữ D là để dung-hòa tất cả ý-kiến của nhiều người thuộc nhiều quốc-gia khác nhau như Bồ-đào-nha, Ý, Đức và Pháp. « Nếu hết các vị giáo-sĩ tiên-khởi đã là người Pháp cả thì cái phương-kê D không cần ấy liệu có được ra đời không? » Hẳn là không. Chúng tôi vẫn theo tác-giả: sơ-di hết các ngài đã để lại cho chúng ta chữ D không cần này là vì nó có một cái gì trong loại chữ D và giữa những tiếng có D đứng đầu này với những tiếng tận bằng ia, ie, io, iu hoặc những tiếng viết với g như gia, gie, gio, giu có một sự khác-biệt. Nhưng các ông đã không giải-quyết nổi, nghĩa là đã không dùng chữ J của Pháp-ngữ, hoặc chữ Z.

Tác-giả vừa đưa ra chữ J và Z, song thực ra ông không muốn dùng một trong hai chữ đó để thay thế cho chữ D cổ-truyền. Ông tuyên-bổ "bất-chước" đường lối của người xưa, có lẽ là đường lối "chiết-trung", nghĩa là ông đã đề-nghị vẫn dùng chữ D cổ-truyền, song sau chữ này, thêm Z vào. Thành ra chúng ta có DZ thay vì D không cần.

Cuộc cải-cách này có gặp nhiều cản-trở và gây nhiều khó-khăn không? Tác-giả tự trả lời: không có gì khó-khăn hết. Đối với các sách cũ, cứ việc đọc như thường; còn từ nay trở đi đối với các sách hoặc tờ báo giấy má thì cũng cứ viết chữ D, song đừng quên thêm vào đó chữ Z nữa, để cho khỏi lẫn-lộn.

Còn về cách đọc thì sẽ đọc như mọi nơi mọi chỗ: « cứng, trong và rành-mạch như ở Bắc; bển-sắc và giặt-giọng như ở Huế; mềm, lều-lo và mập-mờ như ở Nam ». (tr. 3)

*Chữ Đ.* Sau khi đã tranh-đầu gát-gao cho DZ thay D rồi, tác-giả của chúng ta không cần nói nhiều về chữ Đ. Bởi vì nếu đã dùng DZ thay cho D thì từ nay, theo tự-mẫu của ông, D sẽ là Đ, như trong các tiếng Âu-châu vậy. Như thế, từ nay, không còn phân chia thành D cần và D không cần, có gạch ngang và không có gạch ngang. Người Âu-châu và nhất là người Pháp sẽ không còn phải thêm một điều cần nhớ nữa, bởi vì DZ hoàn-toàn hay gần giống như Z Pháp-ngữ, còn D thì như D Pháp-ngữ hoàn-toàn.

*Chữ S.* Như trên chúng tôi đã nói: trong nhiều ngôn-ngữ Âu-châu, chữ S đọc cứng chứ không mềm như trong tiếng Việt. Bởi đó, tác-giả của chúng

ta cũng muốn làm một sửa-đổi nữa. Tác-giả sẽ giữ chữ S đọc cứng như trong nhiều tiếng Âu-châu, còn sẽ dùng SH trong Anh-ngữ mà chúng ta đã gặp trong Taberd thay cho S Việt-ngữ.

Cho nên, trong tự-mẫu của De la Liraye, chúng ta thấy: a, b, c, ch, d, dz... p, q, r, sh, t... vv...

Trong quyển tự-vị của tác-giả, chúng ta thấy ông đã hoàn-toàn áp-dụng lý-thuyết của ông. Sau vẫn CH, thì tới D (chữ không phải là Đ). Như thế D thay cho Đ và Đ không tồn-tại trong tự-mẫu Việt-ngữ. Từ trang 59 đến trang 76, nghĩa là từ chữ *Dz* (đọc là Đa theo ông) cho tới chữ *Dzút* (đọc là Đút cũng theo ông), tác-giả chỉ dùng D mà thôi. Rồi tiếp đến DZ (đọc là D của ta) từ chữ *Dza* (đọc là da) cho tới chữ *Dzút* (đọc là đút), nghĩa là từ trang 76 đến trang 86 ông toàn dùng DZ thay vì D. Ông cũng tiêu-chú ngay trong vấn DZ rằng: nếu không tìm thấy nhiều chữ khác trong mục DZ này thì xin coi vấn *G, Gia, gie, gio, giu...*

Sau cùng, ngay sau chữ R trong tự-vị, tác-giả dùng SH thay vì S trong suốt những cột về chữ này (tr. 200-209) từ *Sha, Sha, Shá, Shá...* đến *Shút, Shru, Shru, Shuyén*, ngày nay ta viết là *Sa, Sa, Sá, Sá...* và *Sút, Suru, Sừu, Suyén*.

Tóm lại, bởi vì ba chữ trên đây không có một nguồn gốc minh-xác và chỉ là hậu-quả của những ước-định khá di-dung-hòa được nhiều ý-kiến khác nhau của nhiều giáo-sĩ thuộc nhiều quốc-gia khác nhau như Bồ, Ý, Đức, Pháp; và hơn nữa chỉ vì hiện nay, sau thời-kỳ ảnh-hưởng Bồ-đào-nha, với chế-độ chiếm-đóng của người Pháp, những chữ này trở nên quá khác biệt với cách đọc thông-thường trong nhiều ngôn-ngữ Âu-châu, trong đó có Pháp-ngữ, nên ông Legrand de la Liraye đã đề-nghị cải-cách cho hợp với chữ viết của người Pháp và người Anh, nhất là người Pháp. Sự-kiện này không có gì là lạ-lùng. Người Pháp di-nhiên muốn phiên-âm hoàn-toàn theo lối viết của người Pháp, cũng như nếu là người Đức thì họ cũng sẽ muốn phiên-âm theo lối viết của người Đức, hoặc ngày nay người Anh-Mỹ muốn phiên-âm theo đường lối quốc-tê hay Anh-Mỹ. Nhưng cải-cách này có được chấp-thuận hay không, chúng ta sẽ xem tiếp sau đây.

#### IV. Tự-vị Việt-nam La-tinh của Theurel (1877)

Theo lời tựa của cuốn sách, thì tự-vị này đã được soạn vào trước năm 1868, nhưng mãi tới năm 1877 mới xuất-bản tại Ninh-phú, Hà-nam, Bắc-Việt.

Cũng như quyển của De la Liraye, tác-phẩm của Theurel phần lớn đã rút ra từ quyển của Taberd. Riêng về vấn-đề chúng ta đang bàn-giải, tác-giả đã nói gì?

Trước hết, Theurel nhận-xét rằng: hình-thái chữ quốc-ngữ đã được thành-lập do các giáo-sĩ, và các giáo-sĩ tiên-khởi này đa số là người Bồ. Do đó hình-thái hay cách viết phần lớn lấy ở tiếng Bồ. Việc này tuy vương-trở cho cho một số ít, song thực ra có ích rất nhiều. Ông cho rằng có một ít âm vận Việt-ngữ không thể dùng La-ngữ mà diễn-tà được thí-dụ những tiếng *cha* tức âm *ch*, *bách* (tức âm cuối *ch*), *dấu* (âm *d*?), *đanh* (tức âm cuối *nh*), *ngịch* (tức âm đầu *ng* và có lẽ cả âm cuối *ch*), những âm này được ghi bằng cách viết của tiếng Bồ hơn là tiếng La-tinh. Việc dùng Bồ-ngữ để viết Việt-ngữ này hẳn gây nên nhiều khó-khăn cho nhiều người, nhưng nếu trong trường-hợp chúng ta dùng một ngôn-ngữ nào khác, thì chúng ta vẫn gặp những khó-khăn mới và nhiều khi những khó-khăn ấy còn lớn lao hơn bấy giờ nữa. Bởi đó, Theurel tuyên-bổ rõ-rệt lập-trường của mình và lập-trường đó đối-lập hẳn với Legrand de la Liraye.

**Chữ D.** Ông không đồng-ý với De la Liraye, khi ông này, muốn sửa đổi một lẽ-lỗi đã thông-dụng gần 300 năm nay, nghĩa là chữa chữ D thành DZ: một ký-hiệu đã không giản-dị lại thêm phiền-toái.

**Chữ Đ.** Tác-giả không đề-cập tới chữ Đ, song khi ông phân-đôi hình-thái DZ thì đồng-thời ông chủ-trương đường lối cổ-truyền, nghĩa là bảo-tồn cả D lẫn Đ.

**Chữ S.** Theurel cũng chời bỏ cải-cách của bạn đồng-nghiệp muốn bãi chữ S để thay vào đó một cách viết của người Anh là SH. Như vậy, ông Liraye đã « quay lưng lại với người Bồ và hiến thân cho người Anh vậy » (Terga Lusitanis vertit, et se Anglis dedit) và trong hai cách này, cách nào tiện dụng hơn? Theurel còn chỉ-trích rằng: ông Liraye nhân danh người Pháp mà bỏ kiểu đọc chữ S cổ-truyền, nhưng sao ông không cho thay thế vào đó bằng CH của tiếng Pháp, CH của Pháp-ngữ cũng đọc y hệt S của Việt-ngữ? Thật là tiện hậu bất nhất: một người Pháp muốn bỏ lối xưa của người Bồ, để thay vào đó một cách mới của người Anh. Hơn nữa, sao ông không tiếp-tục công-cuộc cải-cách là thay chữ X trong Việt-ngữ bằng chữ S của Pháp-ngữ? Thật lại một lần nữa « tiện hậu bất nhất », « bán đồ nhi phè », không đi đến cùng kiệt việc cải-cách.

Kết-luận, Theurel không theo Liraye, song theo vết-tích của tiền-nhân, sử dụng hoàn-toàn cách phát-âm đã thông-dụng và được mọi người công-nhận. Thực ra đề-xương của Liraye không được người đồng-thời hưởng-ứng và chính người đề-xương cũng đã cảm thấy phản-ứng đó rồi.

#### V. Tổng-kết

Qua tất cả bốn tác-giả kể trên, chúng ta vẫn chưa thấy sáng tỏ nguồn gốc ba chữ D, Đ và S. Chúng tôi mới chỉ thấy kết-luận tạm như sau:

(1) Ba chữ này, cũng như một ít chữ khác trong tự-mẫu quốc-ngữ, có thể đã được lấy trong tiếng Bồ. Không chắc đối với chữ Đ, và có lẽ cả chữ S, song hình như đúng với chữ D, theo lời của Theurel (coi trên).

(2) Đúng hơn, ba chữ này đã được dùng do một ước-định (convention) giữa các giáo-sĩ tiên-khởi thế-kỳ XVII, trong thời tiền-Đắc-lộ (Pré-Rhodes) và được minh-xác trong tác-phẩm của Đắc-lộ, rồi từ đó đã được thông dụng.

(3) Ước-định đó đã thành, hẳn là vì một nhận-xét trực-giác và thực-tiên: gạch ngang tượng-hình cái lưới đặt chặm khâu cái (?). Hai chữ D và Đ cùng thuộc một loại, chỉ khác có cái đặt lưới đặc-biệt đó.

(4) Ước-định cũng đã thành vì một ý-hướng làm việc chung, đó là hết sức giản-dị-hóa tự-mẫu Việt-ngữ. Càng nghiên-cứu về chữ quốc-ngữ, chúng tôi càng thấy rõ ý-hướng này. Cho nên, các tác-giả đầu tiên đã không dùng J và Z, cũng như đã không dùng F. Ở đây còn gì giản-dị hơn khi dùng D và Đ — Đ thật là một sáng-kiến đặc-biệt. Cũng vậy, còn gì giản-tiện hơn, khi biến chữ S cứng của Âu-châu thành S mềm của Việt-ngữ: muốn đọc cứng thì đã có X. Bởi vì trong nhiều ngôn-ngữ Âu-châu có hai chữ S và X để chỉ cùng một âm hoặc gần như chỉ về cùng một âm. Bởi không muốn thêm số chữ trong tự-mẫu, nên người ta đã dùng S như CH Pháp và X như S Pháp.

Ngày nay, sau hơn 300 năm thành-lập chữ quốc-ngữ, sự thông-dụng đã làm cho tự-mẫu và cách viết trở nên một di-sản nhập máu-huyết dân-tộc, khó có thể rời bỏ được, mặc dầu có những cố-gắng theo kiểu Legrand de la Liraye mà chúng ta đã coi ở trên kia để cải tổ.

#### THƯ MỤC

1. ALEXANDRE DE RHODES, *Văn-phạm Việt-ngữ* (Linguae anamiticae seu Tunchinensis brevis declaratio), Roma, 1651.
2. TABERD, *Dictionarium anamitico - latinum*, Scrampore, 1883.
3. LEGRAND DE LA LIRAYE, *Dictionnaire annamite-français*, Paris, 1874.
4. THEUREL, *Dictionarium anamitico - latinum*, Kê sê, 1877.

PHẠM VĂN ĐIỀU

Giảng-sư

Đại-học Văn-khoa Đà-lạt

## Thiên-nam ngữ-lục

(tiếp theo V.H.N.S. số 80)

Tác-giả *Thiên-nam ngữ-lục* không diễn-tả sự việc theo chính-sử, mà lại chủ-trương luôn luôn đi theo hướng của dã-sử, thần-tích, đã miêu-tả hành-vi kinh-thiên động-địa của Hai Bà một cách sáng-khoái. Lời bút-pháp này làm thỏa-mãn lòng mong muốn của dân-gian, thỏa-mãn sự ước-ao của lòng con người yêu nhân-nghĩa. Theo cái khuynh-hướng ấy, tác-giả cũng đã ca-ngợi triều-đại Hai Bà bằng những văn thơ nhẹ nhàng hân-hoan, xem Hai Bà như một họ vua tài giỏi, hiền-hách chẳng khác gì các họ vua lớn mở nước sau này:

Quét nhanh bụi bụi tro tàn,

Thu về thấy thấy giang-sơn bản đồ.

Dây từ canh-tí làm vua,

Đền nhâm-dần kể thời vừa ba năm.

Thành ngoài dư sáu mươi lăm,

Thu về một môi tay cầm láng-lãng.

Mở thông néo bể, đờng rừng,

Trong không chuột xã, ngoài không cáo thành.

Sự thật lịch-sử là khi Tô Định binh bại chạy về Nam-hải, vua Hán Quang-Vũ bèn sai Mã Viện, một lão-tướng tài giỏi, đem quân đánh Trung vương. Quân của Mã theo đường bể, mở rừng đảo núi để tiến binh vào Giao-chi, đền Lãng-bạc thì dựng-độ quân Nam. Hai Bà bị thua trận phải chạy về Hát-môn, và nhảy xuống sông Hát-giang<sup>26</sup> tìm cái chết về-vang vào ngày 6 tháng 2 năm quí-mão 43. Trong *Thiên-nam ngữ-lục*, sự việc lại không như thế. Nhà văn vô-danh đã mô-tả Hai Bà như người nhà trời, ca-tụng khí-thê

26 Tức là khúc sông Đáy chảy vào sông Hồng-hà bây giờ.

của Hai Bà dũng-mãnh không hề thua trận, trái lại chỉ hòa với Mã Viện, khiến Mã phải giải binh, và sau đó Hai Bà nhuộm bệnh, nửa đêm kia bay lên trời, hình-ảnh tuyệt đẹp:

*Ai ngờ tạo-hóa đền kỳ!  
Tiên-hồn lại nhớ tiên-vì thiên-gia.  
Chị em nhiễm bệnh yên-hà,  
Nửa đêm bỏ đất rudi xa lên trời...  
Tiết cao sáng nửa trăng thu,  
Trong như nước lọc, sạch như gương mài.*

Mục-đích của tác-giả Thiên-nam ngữ-lục không phải chỉ là chép lại những sự thực lịch-sử, mà là miêu-tả những con người, những cuộc đời, chú-ý biểu-hiện nhiều mặt của nội-tâm, của hành-động nhân-vật theo chiều hướng truyền-thuyết và truyện cổ. Chung-quanh sự-nghiệp cứu dân dựng nước mà lịch-sử chú-trọng ghi lại truyền đời, nhà thơ vô-danh đã lợi-dụng sở-trường của văn-học để tự-sự và miêu-tả một cách sâu-sắc, thâm-thía hơn bao nhiêu chi-tiết để làm nâng nổi sống-động sự-nghiệp ấy như mỗi tình đẹp của Thi-Trung, những tính-cách và các mặt tâm-lý của họ trước những éo-le, gian-hiềm trong cuộc đời, những hành-động một người tướng giỏi, gồm đủ trí năng dũng-cảm, đánh tan giặc dữ của Hai Bà, và sau cùng là cái chết phi-thường của hai người nó chỉ là việc người nhà trời lại trở về trời sau khi làm xong phận-sự ở trần-gian. Chính Hai Bà Trưng này mới là Hai Bà Trưng trong trí-tưởng dân-gian, của dã-sử và thần-tích, nên mới sinh-động như cuộc sống và có sức quyền lòng ta một cách thâm-thiết đặc-biệt.

Bây giờ ta đến chuyện Đinh Tiên-Hoàng và công cuộc binh-định mười hai sứ-quân của nhà vua. Ở đây ta gặp lại ngón bút-pháp miêu-tả tính-cách cùng tâm-lý nhân-vật rất quen thuộc của tác-giả trong truyện Mỹ-Châu Trọng-Thủy, trong sự-tích Trưng-vương, và còn gặp lại cả lối xây-dựng hình-tượng có tính-chất sử-thí của truyện Phù-đồng Thiên-vương nữa.\* Tác-giả bắt đầu giới-thiệu gia-thê, lai-lịch Đinh Bộ-Linh, cho biết cha là Đinh Công-Trứ xưa làm thứ-sứ Hoan-châu, tính hiền-lương, có lòng lo thời-thê, bà mẹ nhân-nam mộng thấy có người cầm ti-phù đến xin làm con thì liền thụ-thai, hai vợ chồng-lây làm mừng, càng lo tu nhân tích đức hơn. Sau sinh một con trai tức là Bộ-Linh hình dung rất đẹp:

*Phu-nhân từ động thai bào,  
Kỳ kể mong hầu mười tháng sinh ra.  
Được một nam-tử bằng hoa...*

Người niên-thiếu ấy ra đời trong những hoàn-cảnh nào, sống và lớn lên ra làm sao, tác-giả miêu-tả rất kỹ-lưỡng, đi sâu vào từng tình-tiết một, ghi lại nhiều mặt của tâm-lý, của hành-động, làm nổi bật những ý-nghĩ nhân-vật trong từng hoàn-cảnh với khía cạnh riêng-tư của nó. Cậu bé «bằng hoa» vừa lọt lòng mẹ chào đời thì bây giờ ông cha cũng đã già, lại gặp thời loạn Kiều Công-Tiến, bèn xin về quê nghỉ rỗi qua đời luôn. Cái cảnh mẹ góa con côi, một mình tần-tảo nuôi con được gọi lên rất thâm-thương:

*Nàng từ góa bụa bơ-vo,  
Quan thanh nhà khó, con thơ sẩy chông.  
Hòa thêm binh-cách chiến phong,  
Cửa nhà cơ kiem còn mong cây gì!  
Làm nghề buôn-bán kẻ quê,  
Nuôi con cả lớn dạy nghề làm ăn.*

Bộ-Linh thuở trẻ, chỉ mãi-mê chơi «cửa nhà chẳng chút đoái lo», tháng ngày lán-lữa chỉ «lững-lờ dạo chợ đèn làng». Bà mẹ thầy vậy bèn cho đi chăn trâu ở với người láng-giềng mé đồng. Hoàn-cảnh mới xui nên là một «sự may» đối với cậu bé lêu-lổng có khi-tượng đề-vương này. Cậu liền tụ tập lũ trẻ chăn trâu, bày binh bố trận, kết-giao với bọn gà xuất-sắc là Nguyễn Bạc, Đinh Điện, Trịnh Tú, Lưu Cơ luyện-tập bọn chúng thành đội ngũ, có kỷ-luật nghiêm minh, có nghi-vệ thiên-từ. Lần này, tác-giả diễn-tả rất tỷ-mỷ uy-phong của cậu bé «ngàn Hoa-lư» thời dấy binh lay lau làm cờ bằng những lời thơ ân-cần khoái-trá:

*Hoa-lư rậm biết mấy lần;  
Lau làm đài-các, công ngăn lũy thành.  
Đặt làm có cơ có doanh,  
Có quân, có vệ, có thành, có ti.  
Trên làm bảo-điện uy-nghi,  
Trong có đàn-trì, ngoài có nghi-môn.  
Triều-đình đặt những vệ-quan,  
Tả-ban Bạc, Điện; hữu-ban Tú, Cơ.  
Cùng nhau liệu-lượng toan lo,  
Làm dù bằng nón, làm cờ bằng lau.  
Trí ra từ-thuật, chức mầu,  
Tùy nhau giao thủ đứng hầu làm nai.  
Quy, cho Bộ-Linh lên ngồi,  
Giống ba trồng miêng, giống mười chiêu tay.*

Những trẻ phụ-cận đồ rày,  
 Làng nào, cơ ấy, đóng bầy đôi bên.  
 Hễ nghe ông miệng động lên,  
 Hò reo ba tiếng dậy miền Hoa-lư.  
 Thiên-từ ngự vệ nghiêm như,  
 Đùn-đùn mây hợp, rào-rào gió ran.  
 Rước lấy Bộ-Linh lên đến,  
 Bày ban nhũ-vệ, đôi bên khâu dấu.  
 Tung-hố ba tiếng quỳ tâu:  
 Vua muốn muôn tuổi, sông lâu trùng-trùng.

Ngay từ thiếu-thời, cậu bé ấy đã nặng lòng nhân-nghĩa, trước cảnh quán-chúng một dạ yêu qui tôn thờ mình như thề, cậu rất lấy làm cảm-thương, bèn nhân cơ-hội một hôm mẹ đi chợ xa, bắt lợn làm thịt khao quán. Những lời thốt ra trong dịp này là những lời chân-tình vang lên tự đáy lòng:

Linh mừng nói hết khúc-nhôi:  
 «Mai nên công-nghiệp ơn nuôi yêu-vì.  
 Đã nên cắt dạ một bề,  
 Hiềm nhà cơ-kiệm lấy gì đôi nhau?  
 Nhà còn một lợn bấy lâu,  
 Mẹ nuôi làm vốn tiếc nhau ru mà!  
 Mai người đi chợ đường xa,  
 Dòm-dò thấy vắng chúng ta áp vào.  
 Bắt ra làm thịt ta khao,  
 Con này hầu để tiếc sao phải người!»

Bà mẹ trở về hay được cả giận, nhờ em là Đinh Dự răn dạy hộ con. Dự cầm liếm rượt bắt, Bộ-Linh sợ chú bỏ chạy, khi đến bên đó Đàm-gia được róng của Thủy-tế long-cung vát mình ngang sông đưa qua. Chú thấy thề liên gọi với «trở về, ới con», song Bộ-Linh vẫn e-sợ không trở lại «lệ khi giận quá ra gan thiệt mình». Người ta thấy rõ tâm-lý cậu bé ở đây vẫn là cái tâm-lý của đứa trẻ chăn trâu thường-tục. Trong khi chia tay bọn Điện Bạch đi sang Giao-thủy theo những người chài cá sông qua ngày tháng, Linh cũng không quên căn-dặn phải ăn ở với nhau cho có thủy chung và khéo chăm sóc lũ trẻ chăn trâu, cùng là hẹn một ngày về tươi sáng nghĩa trả ân đền, lời lời thâm-cảm bối-hối:

Linh như Điện Bạch trước sau:  
 «Tớ về ắt chú thấy ầu chẳng vì.  
 Chúng người tự ý phần về,

Tớ sang Giao-thủy làm nghề bộ ngư.  
 Vòn ta đã nguyện nẻo xưa,  
 Cùng hưởng phú-quý cùng nhờ hiển-vinh.  
 Trời dẫu còn hậu họ Đinh,  
 Chung sau tớ được về thành Hoa-lư.  
 Đến lau sau tớ định đó,  
 Ngôi, người ngày trước lại như giao lời.  
 Về thăm khắp hết ai ai,  
 Chớ thấy sông cá mà người mái chèo!  
 Khăn-khăn xin hãy nhớ điều,  
 Chúng yêu, trời cũng lòng yêu, giữ-giàng».

Sau cái cảnh năm chàng trẻ tuổi cùng nhau giả-từ đơm cá nước mắt, là cuộc đời của Bộ-Linh trên sông nước Giao-thủy để kiếm ăn cùng bọn người ngư-phủ. Nơi khúc sông này có ngọc Khuê bắt đầu sáng đã 12 năm từ khi cậu bé Hoa-lư ra đời. Ở đây, Bộ-Linh lại bắt được ngọc Khuê, dường như trời dành riêng cho người anh-tài vậy. Ta có thể nói rằng ấy là một đoạn đời tuy gieo-neo nhưng đầy hứa-hẹn, quả đúng như một nhà sư nọ thấy Bộ-Linh mang ngọc Khuê sáng đi lạc vào chùa mình mà tiên-đoán Linh sau này sẽ làm vua:

Linh sang Giao-thủy bấy chừ,  
 Kết cùng phao vông, sớm khuya bạn-bè.  
 Con thuyền tay lái đi về,  
 Nào khi ngư-phủ, nào thì Hoa-lư.  
 Mệnh trời đã định nẻo xưa,  
 Ngọc khuê dành để đợi chờ đề-vương.  
 Thường thường có khí hào-quang,  
 Đêm đêm sáng rực bên giang trùng-trùng.  
 Bộ-Linh hỏi chúng ngư-ông:  
 «Ấy gì mà sáng bên sông đây rày?»  
 Chúng ngư mới bảo rằng bấy:  
 «Sáng ở sông này đã mười hai năm».  
 Bộ-Linh hay dạ ước thắm,  
 Sông này hẳn có ngọc trầm ở đây.  
 Mười hai năm kể khuất tay,  
 Ta ra lòng mẹ, trời rày sinh khuê. . .

Đoạn đời này kể ra cũng đeo nặng nhiều buồn thương. Bộ-Linh phần thì mong về quê cũ, nhưng ngại lo lòng chú, chẳng thương họ-đó, phần ngại-

ngủ nhớ thương cha «bao chừ sáng chút một phần đèn mờ», phần xót-xa thời loạn mười hai sứ-quân «tranh đua đêm ngày». Bộ-Linh khi đến tuổi 20, nghe tiếng Trần Lâm ở Bồ-hải đức-độ «có lòng dãi si, có ân dung người», bèn quyết tìm đến «xưng thân». Đời Bộ-Linh từ đây bắt đầu chuyển sang một tương-lai sáng, chấm dứt bao ngày bèo dạt trôi, tăm, ru-phiến :

*Cửa doanh thơ-thần hỏi dân,  
Tình-cờ khi ấy họ Trần ra chơi.  
Thầy lạ bèn hỏi: «ây ai?»  
Rằng: «Tôi là người quê ở Hoa-lư.  
Cha tôi thứ-sử Hoan-châu,  
Là Đinh Công-Trứ đời vua chiến-tranh.  
Sinh ra con trẻ phù-sinh,  
Loạn, về quê cũ đem mình lên tiên.  
Mẹ tôi góa-bụa khổ hèn,  
Trai thuở thất quyến, gái lỡ hồng-nhan!  
Liên nên nhị rứa hoa tàn,  
Điệp chẳng đoái nhìn, ong chẳng tham thanh.  
Mẹ nam, con bắc cầu sinh,  
Tôi bỗng một mình lạc đền chưng đây!»*

Trần Lâm khi nhận biết ở chàng thanh-niên giang-hồ đúng là con của người bạn cũ, bèn nuôi làm con và gả con gái cho, lại giao cho cả binh-quyền Bộ-Linh bây nay vẫn luôn luôn canh-cánh bên lòng mỗi tình cội rễ quê xưa, rất lấy làm sung-sướng gặp được cơ-hội này, liền sai người đưa thư về báo tin cho mẹ và Bạc, Điển, Tú, Cơ đến giúp rập. Cuộc tái-ngộ thực là buồn vui bao nỗi dạt-dào:

*Đình-công thấy mặt người-người,  
Nghĩa thấy tờ cũ cùng ngồi đã nhau.  
Năm người nước mắt nhiễm thấu,  
Những ngờ lưu-lạc, hay đâu sum-vầy.  
Thôi bèn chén chầu với đây,  
Yên diển cao thấp, tiệc vầy ý lạ.  
«Báo nhau sự cũ lâu xa,  
Bởi con lợn ấy cho ra nỗi nấy.  
Mở từ lưu-lạc bấy chày,  
Nhớ đền nhau rày trong dạ còn đau!»*

Người niên-thiếu ấy vốn là con của một người mẹ góa-bụa nghèo-nàn, trước sau vẫn mang tính-cách một đứa trẻ chăn trâu, hồn-nhiên và giàu tình-

cảm, rất gắn với cuộc đời thông-tục, nhưng lại vừa là một vị thần nhà trời thác sinh. Cậu nguyên xưa là một vị «cao cả đại-phu» tay cầm ti-phù, «vừa thuở canh hai» giáng xuống «mây-mò bà phu-nhân «xin làm mẹ con». Thời đi chăn trâu nõ-đùa cùng lũ trẻ quê mùa, cậu đã có khí-tượng «thiên-tử ngự-vệ», uy-nghiêm tràn lan chấn-động khắp trong vũ-trụ, khí-thể đàng-đàng bao trùm cả vạn-vật «đùn-đùn mây hợp, ào-ào gió ran». Đã là người có chân-mạng đề-vương thì khi gặp cùng đường không dỏ sang ngang ắt có rỗng uồn mình nổi lên vát ngang sông «hóa thân làm đờng». Hình-ảnh kỳ-vi ấy còn được tiếp-tục ở chỗ ngọc khêu đêm đêm sáng rực nơi khúc sông Giao-thủy đã 12 năm dành để «đợi chờ đề-vương», đợi chờ về tay kẻ anh-tài:

*Mười hai năm kể khuất tay,  
Ta ra lòng mẹ trời rày sinh khêu...  
Một mình làm-ước ai hay,  
Nào ngờ phú-quý đền ngày trời cho...*

Đã đến cái lúc cậu bé chăn-trâu ấy già-từ đoạn đời tiếm-long. Bây giờ, bỗng dưng chàng phát dị-tượng «mi trắng, tóc phượng, mũi rồng», cốt-cách thì «hò bộ long hành», diện-mạo «thiên biểu nhật giác». Chính khi đó thì vận trời bắt đầu bắt lợi cho các sứ-quân, và có binh hùng tướng mạnh của Đinh-hoàng chủ-tương thừa cơ-hội lập ra nghiệp lớn. Bọn giặc hùm sói đã từng «tranh đua đêm ngày» chẳng khác nào cảnh «thất hùng» cuối đời Xuân-Thu bên Trung-quốc nay so với Đinh-hoàng chẳng khác chi «một trời gió dậy chín trời cũng thanh». Tứ thơ ấy vươn đến mức-độ kỳ-vi như vậy tưởng cũng xứng-đáng với danh-hiệu quân-chúng suy-tôn cho hoàng là «Bách-thắng-vương». Sự tương-phản kỳ-thứ đó càng bày rõ trong đoạn văn tiếp-tục diễn-tả công-trạng binh-định 12 sứ-quân của Đinh-hoàng mà tác-giả đã tỏ ra vô cùng say-sưa âu-yếm khi chép lại:

*Bình ra thuận gió thuận mưa,  
Thiên-thời, địa-lợi, nhân-hòa, dưới trên.  
Lũy nào lũy chẳng phá tan,  
Giặc nào giặc chẳng lo toan về đầu.  
Lấy thành như thể hái rau,  
Khác nào mãnh-hổ xông vào đàn dê.  
Bắc nam mắng tiếng tìm về,  
Kinh đến uy sấm, dãi he hơi hấm.  
Những loài tồn áo hao cơm,  
Khi rồi nổi lý, khi làm sướng tay.  
Thấy binh kéo đến chạy ngay,  
Lấy mình làm trọng, lấy thấy làm khinh.*

Giang-son rừng núi quét thanh,  
 Sĩ-quân thập-nhị phá manh lâu-lâu.  
 Kể thời thua trận chông đầu,  
 Kể thời lão-tử, kể âu trầm mình.  
 Nhân đàn nước chằng đao-binh,  
 Loan xa thánh giá về thành Hoa-lư.

Bọn sứ-quân làm mưa làm gió đêm ngày như thế kia nay so với Bách-thắng-vương chằng qua như rau cỏ như đàn dê, thì khỏi phải nói tài vũ-dũng của Bách-thắng-vương là như thế nào! Những hình-tượng kỳ-vi dọc theo truyện được tăng-cường càng về cuối càng đậm nét, mạnh mẽ, mỗi lúc càng nâng cao lên một bậc, đã kích-thích óc tưởng-tượng của ta, mở rộng bầu trời cho nó bay lên một cách thanh-thú.

Qua chừng này đoạn thơ kể sự-tích cậu bé ngàn Hoa-lư, mỗi đoạn tả một trường-hợp, một hoàn-cảnh, một hành-động khác nhau, trong đó in lên rất rõ bản-chất anh-hùng cũng là cái lý-tưởng cứu nước giúp đời của nhân-vật là điều mà lịch-sử xưa nay chú-ý ghi chép lại và cũng là phần chủ-yếu trong tính-cách của nhân-vật. Nhưng để biểu-hiện tính-cách đó một cách sinh-động và gợi-cảm, tác-giả *Thiên-nam ngữ-lục* đã chú-ý miêu-tả nhiều mặt của tâm-hồn, mỗi tình-kết-giao giữa chúng bạn, những phản-ứng và hành-động của nhân-vật trước những eo-lẻ gian-khổ trên cuộc thế, những ý-nghĩ và tâm-lý của họ diễn-tiến như một quá-trình. Lời miêu-tả này là một sở-trường của văn-học đã làm cho câu chuyện sâu-sắc, thâm-thía, tề-nhị nên sức truyền-cảm cũng mạnh và sâu hơn. Ngoài ra, tác-giả cũng đã ứng-dụng bút-pháp của sử-thi để miêu-tả khí-tượng đề-vương và tài vũ-dũng của Đinh-hoàng, tạo ra một không-khí kỳ-vi và huyền-diệu bao phủ cuộc đời nhân-vật với những ánh hào-quang tỏa lên trên con người thường-tục. Người ta cũng sẽ thấy rằng chính hai bút-pháp trên đây đã hòa lẫn nhau mà tạo cho nhân-vật một cốt-cách đặc-biệt, phức-tạp: Bách-thắng-vương tuy là thần-nhân giáng-sinh và về sau khi nguy-khốn chạy qua sông có rồng đón, khi sắp làm vua thì được ngọc khuê trời dành ở lòng sông Giao-thủy, nhưng trước sau vẫn là đứa con của bà mẹ góa-bụa nghèo-nần tháng ngày tảo-tân cầu sinh, vẫn là cậu bé quê mùa bạn của trẻ chăn trâu trắng đống gió nội.

Ta đã đi sâu vào bốn thí-dụ cụ-thể để phân-tích những nét chủ-yếu trong nghệ-thuật áng văn *Thiên-nam ngữ-lục*. Người ta thấy rất rõ rằng tuy là một tập diễn-ca lịch-sử, một tác-phẩm sử-học, *Thiên-nam ngữ-lục* lại có một giá-trị văn-học rất lớn, trong căn-bản vẫn là một tác-phẩm văn-học. Trong loại văn sử-ca của ta, có thể nói rằng *Thiên-nam ngữ-lục* mang tính-chất văn-học hơn các tác-phẩm nào hết, hơn cả *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* thế-kỷ XIX sau này.

*Thiên-nam ngữ-lục* trước sau vẫn lấy đề-tài trong chính-sử, dã-sử, nhưng đã sử-dụng quán-xuyến những ngôn-sở-trường của văn-học cổ-truyền để biểu-hiện, tự-sự và miêu-tả một cách tinh-tế, sâu-sắc, tỳ-mỹ làm cho văn phong-phú sinh-sắc, chiêm được cảm-tình người đọc. Nói theo ngữ-ngôn hiện-đại, tác-giả đã tiểu-thuyết hóa nhân-vật lịch-sử và sự-kIỆN lịch-sử khiến cho ta khi đọc sách có cảm-giác y như đọc các truyện nôm, đọc tiểu-thuyết vậy. Do đó, cái tính-chất căn-bản trong toàn bộ trước sau là tác-giả đã tự-sự và miêu-tả người và sự việc kỹ-càng, tề-nhị, chú-ý đến lai-lịch của sự-việc, đến những diễn-biến của tình-tiết, cho dù là những tình-tiết nhỏ-nhất chi-li phức-tạp. Xuyên qua những thí-dụ đã phân-tích ở trên như truyện *Mỹ-châu Trọng-Thủy*, truyện *Trung vương*, truyện *Đinh Tiên-Hoàng* đều được xây-dựng có bề dày, đều được ngòi bút siêng-năng và nghệ-thuật của tác-giả mô-tả thành những con người đặc-sắc có tâm-lý cá-biệt, những cuộc đời, cuộc sống nhiều hình nhiều vẻ linh-lung, sinh-động. Tính-cách tâm-lý của *Mỹ-Châu* và *Trọng-Thủy* đã khác-biệt nhau như thế nào, tài bi-kịch của một nàng con gái thủy-mị trung-hậu bị người chồng lưu-manh lừa-đào như thế nào đã được vẽ ra đầy-đủ các hồi, các cảnh của nó. Trong sự-tích *Hải Bà*, mối tình giữa hai họ *Trung-Thị* cao cả và đau khổ ra làm sao, tâm-lý và hành-động của họ trong từng hoàn-cảnh riêng-biệt đã được mô-tả ra y như câu chuyện đời xảy ra ở trước mắt. Cuộc đời của *Đinh Tiên-Hoàng* từ thuở trẻ cho đến khi lên ngôi tôn đã được miêu-tả như cả một quá-trình, một cuộc sống đạt-đào bao nhiêu sắc màu, thực là ngôn-ngang sông-động, nhưng cũng thực là linh-dị. Trong áng văn này, còn có bao nhiêu chuyện khác như chuyện *Trương Hồng Trương Hát*, chuyện *Lý Công-Uân*, chuyện *Trần Bình-Trọng* v. v. . . cũng đều được xây-dựng theo phương-pháp truyện nôm, phương-pháp tiểu-thuyết hóa nói trên và không phải chỉ thuần là diễn-ca lịch-sử, chỉ chép lại sự-kIỆN lịch-sử mà thôi. Như vậy, *Thiên-nam ngữ-lục* đã lợi-dụng được những sở-trường của văn-học nên tự-thân có một giá-trị nghệ-thuật đặc-biệt mà một tác-phẩm sử-học thường không thể nào có được. Tuy-nhiên, ngòi bút tác-giả nói chung vẫn chưa đạt đến sự đều-đặn, tinh-luyện, nên kết-cấu còn đề nhiều sơ-hở. Bên cạnh những sự xây-dựng thành-công còn có bao nhiêu méo-mó, và ngay cả trong những lần thành-công đó đây vẫn bày ít nhiều ti-vết góc-gáy hoặc vì non yếu hoặc vì quá tham-lam mà thành ra bề-bộn rườm-rà, chứng-tỏ tác-giả chưa biết chọn lọc, thiếu sự điều-độ, sự chín-chắn vững-vàng.

Ngoài tính-chất tự-sự và miêu-tả sự-vật, tâm-lý, có thể coi là tính-cách chủ-yếu của tác-phẩm, *Thiên-nam ngữ-lục* trong căn-bản là áng tác-văn mượn đề-tài ở lịch-sử dân-tộc giông-nòi, nên lác-đác trong suốt chiều dài hơn tám nghìn câu đã có những đoạn thể-hiện tính-chất kỳ-vi của sử-thi.



Trong văn-học, sử-thi là một thể loại văn rất cổ mục-đích diễn lại sự-tích, những hành-động tung-hoành, cao-cả của những nhân-vật lịch-sử, có tính-chất tự-sự, tính-chất mãnh-liệt và phồng-phú, tính-chất kỳ-vi, nên thường vẫn được mệnh-danh là loại văn anh-hùng-ca. Xuyên qua những thí-dụ phân-tích ở trên kia, ta thấy rất rõ tính-chất kỳ-vi của sử-thi thể-hiện trong truyện Phù-đồng thiên-vương, trong đoạn miêu-tả công-cuộc bình-định mười hai sứ-quân của Đinh Tiên-Hoàng. Trong sách này, còn những đoạn khác ở truyện An-đương-vương, truyện Bà Triệu đánh Ngô, truyện Lý Nam-đề chống quân Lương, truyện Mai Thúc-Loan và Quang Sở-khách, truyện vua tôi nhà Trần kháng Nguyên v.v... ngòi bút của tác-giả cũng đã đạt đến chỗ thành-công nhất, vung lên một cách sáng-khoái đượm cả vẻ hùng-tráng, có sắc-thái anh-hùng-ca rõ-rệt. Tuy-nhiên, tính-chất kỳ-vi ấy nếu đã giúp cho trí tưởng-tượng của ta đôi cánh để bay bổng thì trái lại nó cũng chưa hề làm cho các nhân-vật phi-phàm kia ly-cách với cõi đời thường-tục. Thánh Gióng là người trời giáng-sinh nhưng vẫn là đứa con của một người đàn-bà thôn-dã tần-tảo rất thương con, khi sứ-giả đi rao cầu hiền thì bây giờ hãy đang nằm trên chiếc chõng tre mà nghe. Mai Thúc-Loan tuy là người nhà trời nhưng thác sinh vào nhà làm muối thì cốt-cách vẫn đúng hệt là con-cái nhà làm muối. Đinh Tiên-Hoàng cũng là thiên-thần đầu thai, có khi-tượng đế-vương, nhưng xuất-thân gia-cảnh bán-hàn trước-sau vẫn giữ cốt-cách một đứa trẻ chận trâu nơi thôn-ô. Sở-di như thế là vì Thiên-nam ngữ-lục đã đi thuận chiều với trí tưởng-tượng phong-phú của thần-tích, dã-sử, truyện cổ dân-gian. Và tính-cách kỳ-vi nói trên xét cho cùng cũng chỉ là phản-ánh cái sức sống dạt-dào, mãnh-liệt của cả giòng-nòi, nói khác đi chính vì kết-tinh cái sức sống ấy đến tột cùng ở trong truyện mà sử-thi đã thể-hiện được mọi vẻ kỳ-vi mỹ-lệ vậy.

(còn tiếp)

PHẠM-VĂN-SƠN

## Việt-Nam trong những năm đầu của thế-kỷ XX\*

Vào năm 1896, tiếng súng của nghĩa-quân Hương-Khê đã im bật sau cái chết vô cùng đáng tiếc của cụ Phan-đình-Phùng, vị linh-tụ Cán-Vương đang sáng ngời uy-danh. Trung-Kỳ bắt đầu lặng tiếng như Nam-Kỳ, người Pháp đặt xong dần các cơ-câu quân-sự và hành-chánh ở khắp mọi nơi. Theo lời cụ Minh-Viên Huỳnh-thúc-Kháng, cái triều-đình con con bên sông Hương núi Ngự dưới quyền Bảo-hộ tái diễn vở tuồng « thái bình múa hát » ngày xưa. "Một tụi Bá-Dì, Thúc-Tế thờ chủ-nghĩa trung quân mấy lúc, vì cái cơ rau vì núi Thủ-Dương quá đáng đã lần lượt ra hàng" (Nhất đội Di, Tề hạ Thủ-Dương, Cộng ngôn vì khổ bất kham thương). Còn lại để giằng co với thực-dân Pháp là một số anh-hùng, nghĩa-sĩ Bắc-hà mà người cừ-khỏi là Hoàng-Hoa-Thám. Người chiến-sĩ thảo-dã này đã được Pháp mệnh-danh là 'hùm-thiêng Yên-thê'. Tuy vậy, dưới con mắt của kẻ thức-thời, đại-thê của Việt-Nam đã nằm gọn trong tay Đê-quốc. Những cuộc chống trả có tính-cách địa-phương trong khi tinh-thần dân-chúng đã quá mệt-mỏi sớm muộn rồi cũng thất-bại. Kịch-nghiệm về các cuộc nổi dậy trên toàn-quốc mười năm qua đã chứng-minh như vậy.

Đầu thế-kỷ XX, do ảnh-hưởng của các tân-thư<sup>1</sup> của thầy trò Khang-hữu-Vi, Lương-khải-Siêu, trong đầu-óc các nhà ưu-quốc và ái-quốc Việt-Nam dần dần có sự chuyển-hướng. Các sách này được viết ra để cảnh-giới bốn trăm triệu người Hán thì cũng có lợi cho 2 triệu người Việt cũng đang bị cái Bạch-họa hệt sức trầm-trọng. Thêm vào, đó là cuộc Chính-biên Mậu-tuất (1898) có mục-đích lật-đổ triều Thanh lấy chánh-sách duy-tân tự-cường cho nước Trung-Hoa làm

\* Bài này viết qua lời trần-thuật của cụ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền với người bạn Hàn-Quốc cũng một tâm-sự, tài-liệu do cụ Nguyễn-thượng-Khỏi, bào-đệ của cụ Mai-Sơn trao cho. P.V.S.

<sup>1</sup> Các sách đã lung-lạc tinh-thần sĩ phu Việt-Nam đó là Âm-bằng-thất nhất là Trung-quốc-hồn.

lời thoát. Cuối năm 1904 đế-quốc Nhật đánh bại Nga-hoàng giành xứ Triều-Tiên, mở rộng thế-lực ở Mãn-Châu, đứng vào hàng đầu trong các đế-quốc trên Thê-giới bấy giờ càng làm cho các văn-thân Việt-Nam có tư-tưởng tiên-bộ đứng ngồi không yên. Rồi lần-lượt hội Duy-Tân ra đời, Đông-Kinh nghĩa thực được khuếch-trương ở nhiều nơi, phong-trào Đông-du được phát-động. Những người chủ-trương các sự-kiện trên đây là Phan-bội-Châu, Phan-chu-Trinh, Nguyễn-Thành, Tăng-bạt-Hồ v.v... quan-niệm rằng việc cứu nước đã thất-bại do nước yếu, dân hèn, nay phải mở-mang đầu-tri và thực-nghiệp bên trong, đem thanh-niên xuất-dương cầu học và vận-động ngoại-viện mới hy-vọng khôi-phục được quê-hương xứ-sở... Một trong các linh-tu của chủ-trương mới này là cụ Hoàng-giáp làng Liên-Bạt, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông (Bắc-phần) tên thật là Nguyễn-thượng-Hiến, hiệu là Mai-Son (ra ngoài nước cụ lấy hiệu là Định-Nam). Cũng như các đồng-chí, cụ chẳng lấy bằng vàng bìa đá, lợi danh làm quý, năm 1908 cụ bỏ nước qua Tàu cùng các cụ Sào-Nam, và Kỳ-ngoại-Hầu Cường-Đề... mưu việc cách-mạng giải-phóng dân-tộc. Cụ đi khắp nước Trung-Hoa, Nhật-Bản giao-kết với nhiều chánh-khách. Nhưng thời thế bấy giờ đang thuận-lợi cho Pháp, nước Nhật tuy hùng-cường ở Á-Đông nhưng vẫn còn e ngại chuyện dứt giây-động rừng trước sự cầu-kết của các nước Tây-phương; nước Trung-hoa tuy đã thành dân-quốc nhưng nội tình còn rối-ren, rút cục các người cầm đầu hai nước, Nhật, Tàu chỉ có lời hứa xuống với cách-mạng Việt-Nam mà thôi. Tệ hơn nữa, họ còn có phen trục-xuất hay bắt giam cách-mạng Việt-Nam theo lời yêu cầu của các nhà cầm-quyền Pháp ở Đông-Dương (các du-học-sinh của ta bị giải-tán khỏi đất Nhật, cụ Phan-bội-Châu, Cường-Đề cũng phải rời bển Hoàn-Tân, sau đó cụ Sào-Nam còn bị Long-Tê-Quang cầm giữ ở Quảng-Đông luôn ba năm trong ngục-thất...) Giọt lệ của Thân-bao-Tư xét ra chẳng luôn luôn hữu-hiệu trên lịch-sử vì người nước nào cũng đặt quyền-lợi nước họ lên trên đã, cái nghĩa đồng-văn, đồng-chúng chỉ là điều thứ-yếu. Tại quốc-nội, trước cuộc Đệ-nhất thê-chiến, các hoạt-động cách-mạng của ta cũng thất-bại và tan-rã trông thấy: Duy-tân hội, Đông-Kinh nghĩa-thực hoạt-động chẳng được bao lâu thì bị đóng cửa, các người cầm đầu bị giết và bị lưu đày ra Côn-đảo; vụ Hà-Thành đầu-độc bất lợi khiến một số chiến-sĩ mạng vong, vụ nổi dậy Thái-nguyên không thành công, vụ bạo-động của vua Duy-tân giữa kinh-thành Thuận-hoá cũng đi tới kết-quả bi-đát như bao vụ trước...

2 Ngoại-viện bấy giờ theo các cụ là nhờ Nhật-Bản can-thiệp bằng quân sự và chính-trị vào việc Việt-Nam.



Cụ MAI-SON NGUYỄN-THƯỢNG-HIẾN hồi 43 tuổi  
 Ảnh chụp ở đất Tàu năm 1911 sau cuộc cách-mạng Tân-Hội  
 (do cụ Nguyễn-thượng-Khởi, báo-đệ cụ  
 Mai-Son cho mượn để làm bản khắc)

Từ giai-đoạn này trở đi, cuộc thông-trị của thực-dân Pháp đã vững-vàng, người Pháp được rảnh tay bóc-lột dân ta đến xương-tủy. Dưới đây chúng tôi xin trình-bày cùng bạn đọc một tài-liệu của cụ Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiến đã phác-họa chế-độ Bảo-độ của người Pháp trong những năm đầu của thế-kỷ XX ở Việt-Nam về mọi phương-diện qua một chuyện tâm-sự với một người bạn Cao-ly cũng lâm vào cảnh mất nước tan nhà mà cụ gặp-gỡ trên đất Tàu. Tài-liệu này trích trong *Nam chí tập*<sup>3</sup> được dịch ra quốc-văn do bào-đệ của cụ Mai-Sơn là Nguyễn-thượng-Khôi có nhã ý trao cho tôi gán đây. Theo cụ Nguyễn-thượng-Khôi, tài-liệu này cũng đã được dịch ra cả tiếng ngoại-quốc do mục-dịch phổ-biến ra nước ngoài vì nó có tính-cách tố-cáo chế-độ bóc-lột và tàn-ác của Đê-quốc Pháp. Tôi thành-thực cảm-tạ cụ Nguyễn-thượng-Khôi đã cho tôi món quà quý báu này để công-hiến bạn đọc hôm nay và tôi xin ghi chép ra theo nguyên-văn. Tài-liệu này mang nhan-đề là: *Câu chuyện chảy nước mắt vì cuộc biến đầu*:

« Tôi là người Việt-Nam đi khởi nước đã 6 năm nay, nhưng công việc « mưu tính, trăm việc chẳng được việc gì, mình gầy mặt vó, tâm hồn đau khổ, « ngửa mặt lên hỏi trời, trời chẳng trả lời cho, cúi đầu xuống kêu đất, đất « không thềm nói với. Một mình trơ-trọi trong khoảng mênh-mông, bôn bề hiu-« quạnh, bực mình mới đi chơi vung trong cái cõi doanh-hoàn để tìm xem có ai « là người thân-thê cũng giống như mình để kết làm bạn uất-hận, cùng nhau kể « lễ những nỗi niềm uất-hận, mãi sau mới gặp được một người nước Hàn là « ông họ Man<sup>4</sup>. Một hôm chúng tôi họp nhau ở trên một ngọn núi nhỏ, lấy củi « làm chiếu, lấy máu làm rượu, lấy mật làm đồ ăn, đưa gươm mà nói chuyện, « cùng thỏ-lộ cho nhau biết những nỗi chua-chát ở trong lòng.

« Ông Man bảo tôi rằng: « Chúng ta mỗi người ở một nước, tiếng nói, « y-phục khác nhau nhưng tình-trạng thì giống nhau, nghĩa là cùng là người « mất nước cả. Than ôi, ông Nguyễn, cái thâm-họa mất nước ông với tôi đều « phải chịu, nhưng nước Hàn tôi đối với giồng người lùn vì quá gán gụi nên áp-« lực mạnh hơn nhiều, như một người già ốm ở liền quân cường-đạo, không kể « mưa nắng, ngày đêm lúc nào nó cũng có thể tra-khảo mình để lấy của, đâm chém « ráy-vò mình cho chết. Còn như nước ông, nghe nói bị người Pháp chiếm « nhưng người Pháp ở xa mà nước lại giấu, chắc hẳn họ không đến nỗi làm hại « nước ông quá lắm ».

<sup>3</sup> *Nam chí tập* có tên này theo ý-nghĩa « Việt điều sào Nam chí » tức chim Việt đậu cành Nam, cũng như biệt-hiệu của cụ Phan-bội-Châu vậy.

<sup>4</sup> Nước Hàn lúc này mất về tay Nhật.

« Tôi trả lời rằng: « Chao ôi, ông lại còn cho nước tôi là may-mắn « lắm sao? Tiếc rằng ông chưa đặt chân đến nước tôi lần nào nên ông không « biết. Ở đời bao giờ lại có giồng hồ dữ mà không ham ăn thịt người, con « chim non bị điều-hầu bắt mà xương thịt còn toàn-vẹn. « Núi Hương-Sơn của « nước tôi đã cao chót vót thì xương của dân nước tôi cũng cao như thế, sông « Nhi-Hà nước tôi chảy cuốn-cuộn thì máu dân nước tôi cũng chảy nhiều như « thế, ông còn chưa biết sao?

« Ông Man nói: « Những sự hung tàn bạo ngược của người Pháp xưa nay « chưa có ai nói cho tôi biết, xin ông kể lại tường-tận, tôi xin lắng tai nghe. « Lúc ấy máu nóng trong lòng tôi sôi lên sùng-sục bắt-giác kể chuyện ra dài « dằng-dặc, nay chép ra đây để ghi lại niềm oán thù, uất hận của tôi. Còn sau « này, ai xem đến mà thương tôi, khinh tôi hay cười tôi, thì cũng đành vậy.

« Nước tôi diện-tích rộng 27 vạn dặm vuông, dân số hơn 25 triệu người, « ruộng đất tốt lại có nhiều nguồn lợi trên rừng dưới biển dư thành một nước « trên mặt địa-cầu. Vài trăm năm trở về trước, dù có nhiều lần bị nước ngoài « xâm lấn, nhưng nhờ người trong nước trên dưới một lòng, kháng - chiến « mãnh-liệt nên vẫn giữ được đất nước toàn vẹn. Năm mươi năm trở về « đây, làn sóng Âu-châu tràn sang, cục-diện đổi khác hẳn, những người cảm « quyền trong nước bầy giờ đã ngu lại gàn bướng, cứ kháng-khăng giữ *chủ-nghĩa* « *bề quan tòa công*, không biết lấy việc ngoại-giao làm cần thiết, phải mở mang « tri-thức cho nhân dân. Vậy nên người Pháp mới thừa cơ, trước tiên là đem « người sang truyền-đạo Da-Tô để biết điều thực hư trong nước, kể đến đem « hàng-hóa sang buôn bán để đi sâu trong dân-gian. Sau khi đã rõ tình-hình « họ mới dùng đến chiến-tranh, bắt kẻ hòa-ước, thế là 36 tỉnh trong nước tôi « đều lọt hết vào tay họ. Khi đã đắc thế rồi, thấy ai phản-đoại họ tiêu-diệt ngay, « coi quan lại nước tôi như phường nô-lệ, nhân-dân nước tôi như bầy súc-vật, « thi-hành những chính-sách cực-kỳ hung-ác để trói chặt chân tay, hút hết máu « mủ, tình-trạng bi-thảm này đến nay đã 26 năm rồi. Chính-sách độc-ác nhất của « họ có 4 điều:

- (1) Áp-dụng các hình-phạt tàn khốc nhất.
- (2) Đánh sưu-thuế rất nặng-nề.
- (3) Chẹn hết mọi đường mưu-sinh của dân.
- (4) Giăm hãm không cho dân chúng tôi phát-triển về đường tri-thức.

« Ngoài ra còn muốn ngàn điều tai hại, nói không sao xiết. Tóm lại một « câu: họ chỉ muốn tiêu-diệt toàn-thê dân-tộc chúng tôi mà thôi.

« Ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu (1885) là ngày kỷ-niệm lớn của nước tôi « về việc nước mất vua-tròn. Mấy năm về trước, quân-đội nước tôi đánh nhau

« với quân Pháp, nhiều lần bị thua. Quan Thông-độc quân-vụ đại-thần Nguyễn-tri-  
 « Phương, quan Tổng-độc Hoàng-Điệu đều tự-tử vì việc nước. Nam-Kỳ, Bắc-Kỳ  
 « đều mất, Pháp mới đem trọng-binh vào uy-hiệp kinh-thành, áp-bức chính-phủ  
 « nước tôi phải lập Hòa-uớc mới. Quan Điện-tiến thượng-tướng-quân Vệ-chính-  
 « hầu Nguyễn-Thuyết (tức cụ Tôn-thất-Thuyết) xưa nay vẫn chủ chiến, bây giờ  
 « giận lắm đem quân ra đánh định phá tan sào-huyệt, giết hết quân giặc, không  
 « ngờ chúng đã có phòng - bị trước, sau một trận kịch-liệt đèn sáng  
 « thì kinh-thành thất-thủ, ông mới hộ-vệ xa-giá chạy ra Cam-lộ, quân giặc đuổi  
 « theo không kịp, liền bắt cụ thân-sinh của ông đày ra hoang-đảo, một ông già  
 « đã 80 tuổi, tinh-thần lẫn-lộn không còn biết việc đời là gì nữa mà còn ghép  
 « cho có tội để phải chịu khí độc lam-chương. Giặc Pháp tự cho là văn-minh mà  
 « lại có cái hình-luật bắt tội dầy-dựa như thế thật là quái gở.

« Quan Tả-dực tướng-quân Trần-xuân-Soạn khởi binh ở tỉnh Thanh-hóa,  
 « đóng quân ở làng Ba-dình, giặc Pháp đánh mãi không được mới đào mã ông  
 « cha của tướng-quân lên đem xương bỏ ra giữa đường cho người đến báo với  
 « tướng-quân nếu không hăng sẽ đem vớt xương nước. Tướng-quân không trả  
 « lời, giặc đem vớt xương sống thật. Đó là cách đối xử với người thù-dịch của  
 « một nước văn-minh chăng?

« Quan Hiệp-độc quân-vụ đại-thần Phan-dình-Phùng đem quân giữ vững  
 « thượng-du tỉnh Nghệ-An hơn 10 năm, giặc dùng trăm phương nghìn kế cũng  
 « không sao thắng nổi rồi cũng đào mã cụ thân-sinh quan Hiệp-độc lấy xương ném  
 « xuống sông, sau quan Hiệp-độc mất ở sơn-trại, quân-lính tan hết, giặc cũng lại  
 « đào mã ngài lên đem thả ra đọt rồi vung vãi tro cho tan hết, thật là thâm-  
 « ác. Quân giặc đối đãi với người, trái ngược hẳn với công-lý như những việc trên  
 « đây là thậm-tệ nhất, còn như giết hại những người vô-tội bằng gươm sừng, xua  
 « đuổi những dân lương-thiện vào khe suối để cho chết xuống đất làm cỏ mục,  
 « xuống nước làm bèo trôi, khí oán thâm xông lên mù-mịt, che khuất cả bóng  
 « mặt trời, một mình tôi không thể nào tả ra cho hết tình-trạng, nói ra cho đúng  
 « sở mục được. Tuy vậy tôi cũng xin kể qua ra đây một vài việc để tỏ rõ sự đau  
 « đớn:

« Mùa xuân năm Đinh-hợi (1887) nghĩa-binh ở Thanh-hóa tan-rã rồi, giặc  
 « vẫn cứ ngày ngày tung quân-binh ra khắp nơi, thầy ai chạy ngoài đường xa  
 « hay nấp trong hang núi đều bắt đem về; nếu là nghĩa-binh thì đem giết ở cách  
 « đóng làng Thọ-hạc về phía Bắc tỉnh thành, là thường-dân và các người già  
 « yếu thì trói lại đem đến cầu làng Bồ-Vệ cách phía Nam tỉnh-thành vài cây  
 « sỏ, chúng đem lính giữ hai đầu cầu, mỗi buổi chiều quan binh Pháp đến ra  
 « lệnh ném người xuống sông. Mỗi lần ném một người xuống nước chúng lại

« vỗ tay cười lấy làm vô cùng thích-thú. Nếu ai còn nhớ dấu lên mặt nước hay  
 « còn ngoi-ngóp ở giữa sông, chúng lấy súng bắn cho kỳ chết. Trò dã-man này  
 « kéo dài luôn ba bốn tháng, nước sông Cầu Bồ đỏ ngầu như máu, người qua  
 « lại không ai còn dám đi trên đường ấy nữa.

« Quan Bắc-kỳ Hiệp-thông quân-vụ Đại-thần Nguyễn-Thuật hội-hợp  
 « những nghĩa-binh ở Hải-dương thường đóng ở một huyện giữ nơi hiểm-yêu  
 « để chống giặc. Giặc mộ người trong huyện làm gián-điệp, nhưng không một  
 « ai chịu ra làm tay sai cho chúng. Giặc tức giận liền giết hết cả dân một huyện.  
 « Lại có lần giặc về quê-quán quan Hiệp-thông bắt hết cả mọi người già trẻ ra  
 « họp ở đình (tục nước tôi làng nào cũng có một cái đình để làm nơi hội-hợp  
 « bàn việc và ăn uống) gọi Lý-Chính tức Lý-trưởng ra hỏi những phần mộ tổ-  
 « tiên của quan Hiệp-thông. Lý-Chính từ chối, nói không biết, giặc liền chém  
 « chết ngay. Rồi chúng lại trói một đứa trẻ 16 tuổi, dơ gươm ra dọa nạt, bắt trả  
 « lời, đứa trẻ cũng lặng thinh, giặc đâm ngay gươm vào mặt nó, máu chảy ròng-  
 « ròng; đứa trẻ quát to lên: «Lũ giặc chúng bay là đồ hung-bạo, quan Hiệp-thông  
 « hết lòng lo việc nước, ta lấy làm ân-hận không theo ngài được, có đâu ta lại  
 « giúp chúng bay làm việc tàn ngược ấy! Giặc giận liền lấy vải quấn chặt mình  
 « đứa trẻ rồi châm lửa đốt. Đứa trẻ vẫn chửi mắng giặc cho đến chết. Ngày  
 « nay nói đến việc ấy ai cũng phải ứa nước mắt và cảm hờn oán tàn-bạo.

« Năm Bình-thân (1896) giặc họp nhiều đạo binh đến đánh hai tỉnh  
 « Hà-tĩnh, Nghệ-an, yết-thị ra ngoài nói ai đầu hàng thì tha cho khỏi tội, thế  
 « mà sau kéo quân đến đầu cũng đốt phá giết chóc, người hàng hay không cũng  
 « chết cả. Mây mù đất ngoài đình trại của giặc chỗ nào cũng có máu chảy chan  
 « hòa, tới khi giặc rút khỏi, một vùng mây trắng dậm xuống giữa khoảng núi  
 « Hồng sông Lam không còn bóng nhân-dân nhà cửa nào nữa.

( còn tiếp )

**NHỮNG TÁC-PHẨM DO SỞ TU-THU  
DỊCH-THUẬT VÀ ÁN-LOÁT XUẤT-BẢN**

\*

Cây cỏ miền Nam Việt-Nam. G. S. Phạm-Hoàng-Hộ	150\$
Lịch-sử Triết-học đông phương, Tập IV. G. S. Nguyễn-Đăng-Thục	120\$
Lão-tử Đạo-đức-kinh. G. S. Nghiêm Toản phiên-giải	70\$
Lê-Triều Lịch-khoa Tiến-sĩ đề danh bí ký. Võ-Oanh	
Quyển I	85\$
Quyển II	75\$
Quyển III	70\$
Công-dư Tiếp-ký. Nguyễn-Đình-Diệm	
Quyển I	50\$
Quyển II	40\$
Quyển III	50\$
Quốc-triều đang-khoa lục. Lê-Mạnh-Liêu	80\$
Tang-thương ngẫu lục. Đạm-Nguyên	75\$
Tiếng cười (Le rire của Bergson). Phạm-Xuân-Độ	32\$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomade của Aristote). Đức-Hình	75\$
Xã-Uớc (Du Contrat social của J. J. Rousseau). Nguyễn-Hữu-Khang	32\$
Vạn-pháp tinh lý (L'Esprit des lois của Montesquieu). Trịnh-Xuân-Ngan	30\$
Khảo về linh-hồn theo thể luận-lý (Phédon ou de l'Ame : genre moral của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	60\$
Khống-biện-luận về tu-từ phép (Gorgias của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	48\$
Cung-oán ngâm khúc (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dung	28\$
Chính-phụ-ngâm (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dung	40\$
Thượng-chí Văn-tập (toàn bộ 5 quyển của Phạm Quỳnh)	
Từ quyển I đến quyển IV mỗi quyển giá	35\$
Quyển V giá	25\$
Anh-Ngữ Đệ Thất (High School English Series, Book One)	
G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	40\$
Speak Vietnamese, Book One (Revised Edition, 1963)	
G.S. Nguyễn-Đình-Hòa	100\$

Những sách này có bán tại tất cả các hiệu sách ở Thủ-đô, các tỉnh và tại Sở Tu-Thư, Dịch-Thuật và Án-Loát, số 89 đường Lê-văn-Duyệt, Sài-gòn.

NGUYỄN-KHẮC-NGŨ

**văn-đề viết và đọc  
tên người và tên đất ngoại-quốc**

**I. Nhận-xét về các tên đang dùng**

Tên người và tên đất ngoại-quốc trong sách Việt-Nam ngày nay có thể nói là không theo một nguyên-tắc nào nhất-định. Ai giỏi tiếng Anh thì viết theo tên trong sách vở Anh, ai rành tiếng Pháp lại bắt chước các tên trong sách Pháp, người thông Hán-tự lại phiên âm các tên từ chữ Hán... Cứ ai thạo tiếng gì thì lại lấy chữ ấy làm căn-bản nên các tên đã dùng thường có nhiều dạng-thức khác nhau. Đại-khái ta có thể thấy-mấy loại sau:

A. *Loại viết nguyên theo tiếng ngoại-quốc.* Loại này chép y theo các tiếng ngoại-quốc dùng mẫu-tự La-tinh, không thay đổi gì cả. Ta có thể chia loại này ra làm nhóm:

(1) *Nhóm dùng các tên La-tinh-hóa:* Nhóm này theo tiêu-chuẩn của Liên-hiệp-quốc nghĩa là cứ tiếng nước đó chính-thức phiên-âm để dùng trong giấy tờ giao-thiệp quốc-tê thế nào thì cứ ghi như thế. Thí dụ: Tên ông Cò Tổng-thư-ký Liên-hiệp-quốc người Thụy-điển, tiếng Thụy-điển viết là Hammarskjold thì ta cứ viết theo y như thế.

(2) *Nhóm dùng các tên Pháp-hóa:* Người Pháp khi viết sách thường phiên-âm hay thay đổi tên ngoại-quốc cho phù-hợp với tiếng Pháp. Thí dụ: Người Anh viết là 'Mecca' thì người Pháp lại viết là 'La Mecque'. Người Anh viết là 'The Hague' thì người Pháp viết là 'La Haye'. Người Anh viết là 'Singapoor' thì người Pháp viết là 'Singapour'.

(3) *Nhóm dùng các tên Anh-hóa:* Người Anh viết tên ngoại-quốc bằng cách phiên-âm các tên này theo tiếng Anh. Thí dụ: Tanganyika, Kenya, Somaliland, Thailand v.v. . .

Lỗi viết tên theo loại này rất được thông-dụng vì nhóm thứ nhất được các tổ-chức quốc-tê công-nhận, còn nhóm thứ hai và thứ ba lại quá quen-thuộc

với dân ta (tất-nhiên chỉ với người tri-thức) vì chữ Anh và Pháp hiện được nhiều người biết. Song cách viết này vẫn còn có trở-ngại ở các điểm :

(a) *Không thông-nhất* : Có sách chỗ thì viết tên La-tinh-hóa, chỗ thì viết tên Anh-hóa, chỗ thì viết tên Pháp-hóa... làm người đọc hoang-mang.

(b) *Rất khó mà đọc đúng được*. Một tên viết theo kiểu trên trong sách Việt làm người đọc không biết đọc theo tiếng Anh, theo tiếng Pháp hay theo tiếng La-tinh. Thí dụ : tên Clark Gable nếu ai không hiểu đó là tên một tài-tử màn bạc Hoa-kỳ thì có thể đọc lầm theo tiếng Pháp là 'Cờ-lác Gáp' thay vì 'Cờ-lác Ghê-ban' theo tiếng Anh. Chẳng lẽ sau mỗi tên ta phải ghi chú là đọc theo tiếng Anh, đọc theo tiếng Pháp hay có phiên-âm viết kèm

Trong trường-hợp La-tinh hóa, thì lại càng phức-tạp hơn vì luật-tác đọc mỗi chữ một khác ta phải biết ngôn-ngữ tất cả các nước trên thế-giới thì mới có thể đọc đúng được.

Thí dụ : muốn đọc đúng tên ông Hammarskjold ta phải biết tiếng Thụy-diễn chữ ; đọc như i tức là 'Ha - mác - ki - òn' mới đúng, chứ nếu ta theo tiếng La-tinh, tiếng Pháp hay tiếng Anh mà đọc là 'Ha - mác - giôn' thì có khác vì người Pháp đọc Mỹ-tho là 'Mi-tô', Chợ-lớn là 'Sô - lông', Trần-đình-Châu là 'Trăng - bing - Sô' nghe đến chính đương-sự cũng không hiểu là gì. Muốn đọc cho đúng chẳng lẽ ta phải ghi cạnh mỗi tên lời phiên-âm quốc-tê hay sao ?

**B. Loại phiên-âm.** Gần đây khi phong-trào dùng tiếng Việt lên cao, để phổ-thông văn-hóa tới lớp bình-dân, các tác-giả đã bắt đầu dùng tiếng Việt để phiên-âm các tên ngoại-quốc. Tuy nhiên mỗi người vẫn còn phiên-âm một khác.

(1) Có người dùng nguyên-tắc hệ tiếng địa-phương đọc thế nào thì lấy tiếng Việt chép lại như thế. Thí dụ : Paris đọc theo tiếng Pháp là 'Pa-ri', London đọc theo tiếng Anh là 'Lân-đân'.

(2) Song cũng có người phiên-âm qua một ngoại ngữ khác, thí-dụ : Roma thì phiên-âm qua tên Pháp Rome đọc là 'Rô-mô' ; Căm-pô-chia (theo thổ-âm của Cambodja) đọc theo tên Pháp Cambodge là 'Căm-bôt-giô' hay giản-dị hóa đi là 'Căm-bôt'.

Lỗi thứ hai này đã làm cách đọc tên xa với tên thổ-âm quá vì Cambodge chỉ là tên Pháp-hóa, đọc sai với tên thổ-âm một phần, nay ta phiên-âm qua tiếng Pháp lại sai đi một phần nữa nên cái tên mới xa lạ hẳn đi.

**C. Loại bắt chước Hán-tự.** Loại này cũng có nhiều thứ khác nhau :

(1) Đa số các học-giả Việt-nam cứ thấy chữ Hán viết thế nào thì đọc lên như thế rồi viết ra thành tiếng Việt.

Thí dụ :	Bolivia	đọc là	Pha-ly-dự
	Kashmir	-	Khắc-thập-mễ
	Maroc	-	Ma-lạc-khoa
	Salvador	-	Tát-nhi-Ngôa
	Rousseau	-	Lư-Thoa
	Montesquieu	-	Mạnh đức-tư-cru
	Washington	-	Hoạ-thịnh-đôn

Nếu theo đúng tiếng Bạch-thoại (tiếng chính-thức được dùng để thông-nhất tiếng Trung hoa) thì đọc lên ta thấy không xa với các tên chính-lâm, nhưng cũng một chữ Hán người Trung-hoa đọc một khác, người Việt-Nam đọc một khác. Do đó cùng một cái tên phiên-âm rất sát ở tiếng Bạch-thoại, đọc sang tiếng Việt ta sẽ thấy khác xa một vực một trời.

(2) Thế rồi đôi khi người ta lại không đọc đủ như chữ Trung-hoa mà lại còn giản-dị hóa đi. Thí dụ : France người Trung-hoa phiên-âm là 'Pháp-lan-tây' hay 'Pháp-lang-sa' thì người Việt ta chỉ lấy một chữ đầu là 'Pháp' mà thôi ; America là 'Mỹ-lợi-căn' thì ta chỉ lấy là 'Mỹ' ; England là 'Anh-cát-lợi' thì chỉ còn là Anh ; Belgique là 'Bi-lì-thì' chỉ còn là 'Bi' mà thôi.

(3) Đôi với các tên người Trung-hoa đặt cho các xứ ngoại-quốc hay dịch ở các tên ra ta cũng giữ nguyên như thế. Thí dụ : Người Trung-hoa thấy cờ Mỹ có nhiều sao nên đặt là Hoa-kỳ thì ta cũng gọi theo như thế ; người Trung-hoa dịch Mũi Good-hope là 'Hảo-vọng-giác' thì ta cũng giữ nguyên.

(4) Có khi người Trung-hoa vừa dịch, vừa phiên-âm như New Delhi gọi là Tân (New) Đê-li (Delhi) thì ta cũng bắt chước y như vậy.

(5) Ngoài ra người Trung-hoa hiện nay có khuynh-hướng La-tinh-hóa chữ Hán nên đã viết tên người và tên đất theo chữ La-tinh. Vì thế ở xứ ta một số người hoặc chép ở sách Anh, Pháp hoặc dựa theo tiếng Trung-hoa La-tinh-hóa mà viết các tên theo chữ La-tinh.

Thí dụ :	Dương-tử-giang	là	Yang-tsé-kiang
	Bắc-bình	-	Peping
	Vân-nam	-	Yunnan
	Lão-tử	-	Lao-tseu
	Tướng-giới-Thạch	-	Tchang-kai-Chek v.v.

Lỗi bắt chước Trung-hoa này chỉ là một cách « ăn cổ sắn » dựa vào tên Trung-hoa-hóa mà thôi chứ trên thực-tê đã quá xa với tiếng thổ-âm. Thí dụ : Geneve mà đọc là Nhật-nội-ngoã thì ai mà hiểu được.

Một cái tên mà viết, đọc ý nghĩa<sup>1</sup> cùng xa với tên gốc như thế thì làm sao gọi là hợp-lý được.

Tóm lại với 3 loại viết, phiên-âm và bất-chước trên, gồm tất cả 10 cách trên ta thấy cách viết và đọc hiện nay không thể chấp-nhận được vì:

(1) Nó quá phức-tạp, nếu cứ tiếp-tục phát-minh thêm cách đọc và cách viết thì mai sau tên viết ra không ai biết được nữa; (2) Nó không hợp-lý vì tên đọc theo kiểu này thường xa với tiếng địa-phương; (3) Nhiều khi ta không thể đọc nổi vì không biết phát-âm theo ngôn-ngữ nào.

## II. Đi tìm một cách viết tên người và tên đất hợp-lý

Đề giải-quyết những khó-khăn về việc viết tên người và tên đất trên, nhóm Nghiên-cứu Sử-địa đã hoạch-định một chương-trình làm việc như sau: Trong giai-đoạn thứ nhất, nhóm mở một cuộc trưng-cầu ý-kiến mọi giới để định lấy những nguyên-tắc căn-bản cho cách viết và đọc tên người và tên đất ngoại-quốc. Trong giai-đoạn thứ hai, nhóm sẽ nhờ các giới có thẩm-quyền về ngôn-ngữ-học dựa vào các nguyên-tắc trên để định một lối viết hợp-lý.

A. Trưng-cầu ý-kiến. Theo bản trưng-cầu ý-kiến của nhóm này thì đến nay ở trên thế-giới chỉ có 2 cách phiên-âm hợp lý nhất:

(1) Khuynh-hướng thứ nhất chủ-trương không phiên-âm mà cứ viết nguyên theo tên tiếng địa-phương La-tinh-hóa. Như tôi đã trình-bày trên lời này được các tổ-chức quốc-tê dùng. Lối này có ưu-điểm là rất dễ nhận biết trên các bản-đồ vì các tên này không khác các tên Anh, Pháp thường dùng. Song cách này có khuyết-điểm là rất khó mà đọc đúng vì mỗi tiếng dù đã La-tinh-hóa vẫn có cách đọc khác nhau. Muốn đọc đúng thì phải hiểu tất cả các ngôn-ngữ các nước hay ghi cách phiên-âm ở cạnh, cả hai điều này đều khó mà thực-hiện nổi.

(2) Khuynh-hướng thứ hai chủ-trương dùng tiếng Việt phiên-âm các tên ngoại-quốc đọc đúng tiếng địa-phương. Cách này có ưu-điểm là dễ viết, dễ đọc, từ trí-thức đến bình-dân ai cũng đọc được. Song nó cũng có nhược-điểm là hơi lạ trên các bản-đồ.

Cách thứ hai này đã được các nước Trung-hoa, Nhật-bản đã dùng.

Nhóm Nghiên-cứu Sử-địa đã đặt các câu hỏi sau để trưng-cầu ý-kiến:

<sup>1</sup> Trừ trường-hợp đặt tên như Hoa-kỳ và Hào-vọng-giác là có ý-nghĩa.

(a) Theo ý qui-vị ta nên chọn khuynh-hướng nào trong hai khuynh-hướng đang được các nước trên thế-giới dùng trên? Nếu không chọn một trong hai khuynh-hướng trên, qui-vị có cách nào khác để giải-quyết văn-đề trên không?

(b) Nếu dùng một trong hai cách trên thì có nên đặt thêm các trường-hợp ngoại-trừ, bổ-túc và chuyên-tiếp hay không?

(c) Trong trường-hợp nhận khuynh-hướng thứ hai, đối với các tiếng thông-dụng như America có nên phiên-âm cho đúng là A-mê-ri-ca hay cứ để là Mỹ?

(d) Trong trường-hợp nhận khuynh-hướng thứ hai, ta có nên thêm vào tiếng Việt các vắn Pa, Pla hay Kla không?

(e) Đối với các tên có ý-nghĩa lịch-sử hay địa-lý ta có nên dịch như Cape Good hope là Hào-vọng-giác không?

(f) Đối với các tên người như Indonésien có nên giản-dị hóa đi là người In-đô-nê-xi không? Nếu không thì nên viết thế nào?

B. Kết quả. Với gần 500 lá thư gửi đến tận tay các nhà giáo-dục, các nhà trí-thức hội-viên của Câu-lạc-bộ Văn-hóa và Hội Nghiên-cứu liên-lạc Văn-hóa Á-châu và đăng tải trên một số nhật-báo, tuần-báo cũng như nguyệt-san ở Sài-gòn, nhóm Nghiên-cứu Sử-địa đã nhận được một số khá nhiều thư trả lời.

Thành phần các quý-vị trả lời gồm:

6,6% đại-diện cho các công-sở như học-viện Quốc-gia Hành-chính, trường Quốc-gia Âm-nhạc v.v.; 6,6% đại-diện cho các tổ-chức tôn-giáo như Tiểu-chúng-viện Phát-diệm, Giáo-hội tăng-già Bắc-Việt v.v.; Nhân-sĩ: 16,5%; Bác-sĩ y-khoa: 10%; Nhà văn 13,2%; Giáo-sư 13,2%; Quân-nhân 6,6%; Tu-sĩ Thiên-chúa giáo và Phật-giáo không đại-diện cho các tổ-chức tôn-giáo kể trên: 3,3%; Sĩ-gia 3,3%. Thương-gia 3,3%.

Kết-quả kỹ-thuật trong các khuynh-hướng trên ta thấy:

70% ý-kiến đã chọn nguyên-tắc thứ hai.

11% ý-kiến đã chọn nguyên-tắc như thứ nhất.

9% ý-kiến phủ-nhận cả hai nguyên-tắc trên.

Để tổng-kết cuộc trưng-cầu ý-kiến ngày 22 tháng 9 năm 1961, nhóm Nghiên-cứu Sử-địa đã tổ-chức một buổi hội-thảo để thảo-luận thêm về hai nguyên-tắc trên. Theo các ý-kiến viết trong thư cũng như lời bàn cãi trong cuộc hội-thảo chúng tôi thấy:

(I) Nhóm chủ-trương theo khuynh-hướng thứ nhất (π%) cho rằng nên viết y như tên La-tinh-hóa vì nếu phiên-âm thì chính người nước đó cũng không nhận ra tên người, tên đất xứ họ trong sách Việt. Các vị trên cũng cho rằng làm như thế sẽ thích-hợp với sự tiên-bộ của thế-giới cũng như làm giàu thêm cho tiếng Việt. Một vài vị lại cho rằng nếu có khó đọc thì nên chừa tên phiên-âm ở cạnh song một vài vị khác lại bảo rằng khi đọc đến các sách vở có tên ngoại-quốc thì trình-độ học-văn đã khá rồi có thể đọc đúng được các tên La-tinh-hóa trên.

Để chống lại chủ-trương trên một số các vị khác bảo rằng nếu họ đã đọc được sách tiếng Việt thì cứ đọc lên là họ nhận ra tên ngay còn đòi với người không biết chữ Việt thì dù họ không đọc được thì có hại gì đâu?

Còn nếu làm theo khuynh-hướng thứ nhất ta sẽ làm đa-số dân-chúng ít học — thường chỉ đọc thông tiếng Việt — không đọc được. Như thế là ta đã bỏ rơi họ, bỏ rơi đa-số quần-chúng thì sao gọi là tiên-bộ được, là làm giàu tiếng Việt được? Còn việc bảo nên chừa phiên-âm ở một bên thì sao ta không nên làm ngược lại, nghĩa là viết phiên-âm theo tiếng Việt rồi chừa tên La-tinh-hóa ở bên.

(II) Trong khi đó thì 70% ý-kiến nhận nguyên-tắc thứ hai lại cho rằng viết theo các phiên-âm theo tiếng Việt sẽ dễ đọc, dễ viết và thích-hợp với đại-chúng. Nguyên-tắc thứ hai lại làm cho tiếng Việt đỡ lại càng. Thêm vào đây tiếng Việt cũng là tiếng dùng mẫu-tự La-tinh nên không xa với tiếng La-tinh-hóa, Anh-hóa hay Pháp-hóa lắm.

Thí dụ: Indonesia (Anh), Indonésia (Pháp) và In-đô-nê-xi (Lời phiên-âm Việt theo khuynh-hướng thứ hai); hay America (Mỹ) và A-mê-ri-ca (Việt).

(III) Phần còn lại 9% chủ-trương khác hai nguyên-tắc trên mà lại chủ-trương Việt-hóa các tên ngoại-quốc như Venezuela nên Việt-hóa thành Viên-duyên vừa có vẻ Việt-Nam vừa êm tai và vừa phang-phác như tên thổ-âm.

Một số khác lại chủ-trương trong khu-vực ảnh-hưởng Trung-hoa như Triều-tiên, Nhật-bản, Trung-hoa thì cứ nhận phiên-âm chữ Hán còn phần khác thì giữ nguyên theo nguyên-tắc thứ nhất.

Các ru-khuyết-điểm của chủ-trương này ta đã bàn ở trên rồi.

Về các nguyên-tắc bổ-túc ta thấy:

- (a) 98% ý-kiến chủ-trương giữ nguyên các tên dùng quen.
- (b) 42% đề-nghị thêm các vấn mới không có trong tiếng Việt như Pa, Pla, Kla. 22% chủ-trương không nên thêm như thế vì nó sẽ làm lai-cãng tiếng Việt, làm một số người khác cũng không đọc được. 36% không trả lời.

- (c) 25% đề-nghị nên dịch các tên có tính-cách lịch-sử hay địa-lý. 10% chủ-trương không nên. 65% không trả lời.

(d) Về cách viết tên thì hầu hết đều đồng ý là nên giản-dị-hóa nghĩa là viết là người In-đô-nê-xi thay vì người Anh-đô-nê-diêng v.v..

Ngoài ra có một số hội-thảo-viên đã đưa ra ý-kiến là có nên bỏ các dấu gạch nối trong các tên hay không? Thí dụ như: Inđônêxi chẳng hạn. Đa số đều cho là không phù-hợp với tiếng Việt và có khi làm người đọc đọc sai như Bờ-ra-di-li-a mà viết liền lại sẽ thành Bờradilia sẽ có thể đọc ra là Bờ-ra-di-li-a.

Hiện nay ban ngôn-ngữ của nhóm Nghiên-cứu Sử-địa đã sắp hoàn-thành phần thứ nhất *Địa-danh quốc-tê* và sẽ hoàn-thành phần *Nhân-danh quốc-tê* ngay sau khi hoàn-thành phần trên.

### THẺ-LỆ MUA VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

(kê từ năm 1963)

Mỗi số (Tư-nhôn) :	12\$	1 năm	(12 số) :	120\$
		nửa năm	(6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm	(12 số) :	240\$
		nửa năm	(6 số) :	120\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 7\$00

Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phí

Mua dài hạn V.H.N.S., xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về  
 Ô. GIÁM-ĐỐC NHA VĂN-HÓA (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn).



## “VĂN-HÓA TÙNG-THU”

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

Những tập Văn-Hóa Tùng-Thu

đã xuất-bản:

<b>SỬ-LIỆU VIỆT-NAM</b> (V.H.T.T. số 1) (246 trang) <i>Tuấn-Lý Huỳnh-Khắc-Dùng</i> biên soạn . . . . .	25\$
<b>CỜ-ĐỒ HUỆ</b> (V.H.T.T. số 7 và 8 hợp nhất) (Lịch-sử, Cờ-tích, Thăng-cánh và Thi-ca) dày 487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản-đồ) <i>Thái-Văn-Kiểm</i> biên soạn . . . . .	70\$
<b>ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: LỤC TỈNH NAM-VIỆT</b> <i>Tu-Trai Nguyễn-Tạo</i> phiên-dịch Tập thượng (152 trang) (V.H.T.T. số 2). . . . . Tập hạ (132 trang) (V.H.T.T. số 3). . . . .	20\$ 15\$
<b>ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TỈNH THANH-HÓA</b> <i>A-Nam Trần-Tuấn-Khái</i> phiên-dịch Tập thượng (122 trang) — (V.H.T.T. số 4). . . . . Tập hạ (174 trang) — (V.H.T.T. số 5). . . . .	15\$ 15\$
<b>ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN</b> <i>Tu-Trai Nguyễn-Tạo</i> phiên-dịch: <i>Kinh-sư</i> (96 trang) — (V.H.T.T. số 6). . . . . <i>Quảng-Trị và Quảng-Bình</i> (208 trang) (V.H.T.T. số 9) . . . . . <i>Thừa-Thiên-Phủ</i> , Tập thượng (144 trang) — (V.H.T.T. số 10). . . . . Tập trung (152 trang) — (V.H.T.T. số 11). . . . . Tập hạ (134 trang) — (V.H.T.T. số 12). . . . .	15\$ 20\$ 15\$ 15\$ 15\$

Có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại Nha Văn-Hóa (266, Đường Công-Lý, Sài-gòn).

MINH-TRẦN

## Nguyễn-thần-Hiền một chí-sĩ miền Nam

(tiếp theo V.H.N.S. số 80)

### III. Dời ra Cần-thơ

Cần-Thơ, thủ-đô miền Tây, đất rộng, người giàu, ở vào giữa miền Nam nước Việt, sự giao-thông tiện lợi nhờ đường thủy đường bộ đầy-đủ. Ông Nguyễn-thần-Hiền vừa ra tới là lo tìm bạn kết-giao. Ông mượn cơ mua đất lập nghiệp, đi thuyền nhỏ từ tỉnh này sang tỉnh khác để bí-mật liên-lạc với các người đồng chí-hướng với ông.

Ông thường đọc báo Tàu theo sát thời-cuộc Quốc-tê. Năm 1904, trận chiến-tranh Nga-Nhật kết-thúc bằng cái thắng oanh-liệt của giồng da vàng, đem lại niềm hy-vọng vô-biên cho giới sĩ-phu đất Việt. Họ tin-tưởng ở tài-lực tiềm-tàng của nòi-giống và họ nuôi ý-chí chông lại chế-độ thực-dân. Đầu đầu, họ cũng cùng nhau bàn-bạc về sự tự-cường của người Nhật, chí đến đàn-bà trẻ con cũng am-hiểu trận đánh giữa Nhật và Nga. Lợi dụng cơ-hội, ông Nguyễn-thần-Hiền thôi vào lòng những người quen một luồng sinh-khí mới, khiến họ hăng-hái đứng lên cùng ông tổ-chức một phong-trào ngầm-ngầm chống Pháp.

Tháng giêng năm Giáp-thìn (1904), ông Nguyễn-thần-Hiền qua Sa-đéc thăm ông Đặng-thúc-Liêng là một bạn cô-giao. Tình cờ ông gặp ông Phan-bội-Châu từ Thất-Sơn trở về. Sách *Tự phán* của Phan-bội-Châu do tác-giả Anh-Minh xuất-bản năm 1956, trang 36, có đoạn:

«Cuối tháng ấy, tôi từ Thất-Sơn trở về đến Sa-đéc, gặp được một người là ông ký Liêng giới-thiệu tôi với ông Hội-Đông Nguyễn-thần-Hiền. Ông Nguyễn sau cùng xuất-dương đồng sự với tôi hơn 7 năm<sup>1</sup>».

<sup>1</sup> Số 7 năm trong sách Phan-bội-Châu có lẽ không đúng, vì cụ Phan-bội-Châu nhớ chừng mà nói. Nếu tính từ năm 1904 (hai người hội-ngộ lần thứ nhất) đến năm 1914 là năm ông Nguyễn-thần-Hiền mất, thì phải 10 năm, còn tính từ năm 1908 là năm ông Nguyễn-thần-Hiền xuất-dương đến năm 1914 thì cũng chỉ mới có 6 năm thôi.

Cuộc gặp-gỡ tuy ngẫu-nhiên mà không kém phần thâm-thiết; hai nhà chí-sĩ đã cùng nhau bàn-luận hết chuyện xa đến chuyện gần. Ông Nguyễn-thần-Hiền hỏi thăm ông Phan-bội-Châu về tình-hình miền Trung sau khi đảng Cán-Vương tan rã, vua Hàm-Nghi bị đày. Ông Phan-bội-Châu cho biết: «Hiện nay giới sĩ-phu miền Trung đã tạm ngưng hoạt-động, số người trước kia hưởng-ứng theo phong-trào Cán-Vương thì bị người Pháp theo dõi chặt-chẽ, còn một số thì quá sợ-sệt nên có thái-độ cầu an, tìm nơi ẩn-dật. Tuy nhiên tinh-thần yêu nước vẫn còn tiềm-tàng trong dân-chúng, mà chính trong hàng-ngũ nhà Nho đã cộng-tác với Pháp, cũng có người còn giữ được thiên-lương, không quên tổ-quốc. Họ sợ-di không dám tích-cực hoạt-động chống Pháp chỉ vì còn e-ngại, rụt-rè».

— Chính ở miền Nam hiện nay, ông Nguyễn-thần-Hiền tiếp lời, tình-trạng cũng không khác mấy. Tôi đã đi khắp Lục-tinh, thăm dò tình-y tế giới sĩ, nông, công, thương, thì thấy họ cũng biết nước mắt là nhục, nhưng họ không dám ra mặt chống đối.

— Vừa rồi tôi nghe nói ở Thất-Sơn có sư Trần-nhật-Thi là người đầy nhiệt-tâm. Nhưng sau khi hội-kiến, thì tôi thấy không phải là hạng có chí lớn. Tôi trở về đây, duyên hạnh-ngộ xui gặp ông Hội-Đông, thật là may-mắn.

— Ở miền Nam, xa-xuôi, không bắt được liên-lạc với anh em Trung, Bắc, chúng tôi chỉ có nhiệt-tâm chờ chưa có kế-hoạch hoạt-động rõ-rệt. Vậy các ông ở ngoài kia, đã có mưu-lược gì, dám xin cho biết để chúng tôi được học-hỏi thêm.

— Thực ra, chúng tôi cũng chưa hoạch-định chương-trình hoạt-động. Nhưng đại-khái tôi thấy trong giai-đoạn này, việc bạo-động chưa xúc-tiến được. Chúng ta phải làm sao nâng cao dân-trí và củng-cố tài-chánh để mưu tính việc lâu dài.

Sáng hôm sau, hai ông búi-người chia tay nhau và hẹn sẽ có ngày tái-ngộ. Từ ấy ông Nguyễn-thần-Hiền âm-thầm hoạt-động. Những công-chức, thương-gia, điện-chủ ở miệt Trà-Vinh, Vinh-Long, Tam-Bình, Chợ-lách, Mỹ-tho, Bèn-tre, Cán-thơ, Trà-ôn, Rạch-giá, Long-xuyên, Châu-độc, Hà-tiên đều hưởng-ứng lời kêu gọi của ông.

Tháng chạp năm Ất-tý (1905), ông Tăng-bạt-Hồ mang bài văn "Khuyến thanh-niên du học" của Phan-bội-Châu về nước truyền đi khắp nơi. Được tin, ông Nguyễn-thần-Hiền liền triệu-tập đồng-chí, hội-hợp tại nhà ông Bùi-đình-Tá ở Chợ-Gạo (Mỹ-tho) để bàn-luận với vị đại-diện của ông Phan-bội-Châu. Có mặt các ông Gilbert Trần-chánh-Chiều, Mộng-Liêm Đặng-thúc-Liêng, Mộng-Vũ Bùi-chí-Nhuận, Mộng-Lan Nguyễn-thành-Phương, Phác-Đình Nguyễn-thần-

Hiên, Từ-Thông Lê-văn-Giải và Bùi-đình-Tá. Ông Nguyễn-thần-Hiền đọc bức thư của ông Phan-bội-Châu gửi về cho biết ông sang Nhật, gặp được Thủ-Tướng Khuyến-dưỡng-Nghị và Bá-tước Đại-Ôi. Họ khuyên nên đưa Đức Cường-Đề sang Nhật để cho giao tình giữa hai nước được đậm-đà hơn. Ngoài ra họ còn hứa sẽ cho thanh-niên ta vào học các trường Chấn-vô học-hiệu và Đông-văn thư-viện.

Đền đây, Vị Đại-diện tiếp lời: «Theo ông Phan-bội-Châu thì phải tìm thanh-niên đưa sang Nhật du học cho nhiều. Chỗ e-ngại của ông Phan-bội-Châu là không có học-sinh chịu xuất-dương, và nếu có, thì lại sợ không đủ tiền bạc để cho họ học đến nơi đến chốn».

Ông Nguyễn-thần-Hiền liền đứng lên trả lời: «Tiền bạc và du học-sinh, ở miền Nam chúng tôi không thiếu. Chỉ xin cho biết rõ kế-hoạch của quý anh ngoài Trung, Bắc ra sao để chúng tôi noi theo đó mà làm».

— Đức Cường-Đề sẽ sang Nhật, chuyên này, Vị Đại-diện nói. Ngại và ông Phan-bội-Châu sẽ lo liệu chu-đáo cho đám thanh-niên Đông-du. Cốt-yếu các anh trong này gửi đầy-đủ tiền nong và khuyến-dụ được nhiều thanh-niên xuất ngoại.

Bây giờ ông Lê-từ-Thông, một thanh-niên 21 tuổi mà đầy nhiệt-tâm, xin phép nói: «Chúng tôi sẵn lòng lo cho có thanh-niên xuất ngoại, và sẽ cố-gắng vận-động tài-chánh, nhưng chúng tôi xin anh theo đúng 4 điều-kiện».

— Bốn điều gì? Vị Đại-diện hỏi lại.

— Đây là bốn điều-kiện của chúng tôi, ông Từ-Thông nói tiếp. Thứ nhất, anh Phan-bội-Châu phải cho chúng tôi biết khi đức Cường-Đề ra khỏi nước và đến Nhật được an-toàn.

— Tại sao lại phải cần cho các anh hay việc hoàng-thần Cường-Đề xuất ngoại?

— Tôi hỏi anh khi đức Cường-Đề sang Nhật, làm sao người Nhật tin đó là một Hoàng-thần. Theo ý tôi, khi biết chắc đức Cường-Đề ra ngoài, sẵn tôi có quen một chủ-bút người Pháp, tôi sẽ mượn y viết báo loan tin có một Hoàng-thần xuất ngoại. Như vậy không phải là một cách làm cho đức Cường-Đề được người Nhật tin-nhiệm hơn hay sao?

Mọi người đều tán thành ý-kiến của ông Từ-Thông và xin ông cho biết điều-kiện thứ hai.

— Điều thứ hai, xin mua một biệt-thự để lập phủ hân-hội cho hoàng-thần Cường-Đề. Về tài-chánh, anh em miền Nam chúng tôi tình-nguyện đài thọ.

— Cần gì phải chịu tốn kém như thế?

— Cần lắm chứ, vì cái nhà rộng-rãi đó sẽ là nơi lưu-trú của du học-sinh. Các anh thử nghĩ những người đó phải đấu tất cả đều nặng lòng vì dân vì nước.

Trong lúc đang học, họ ở gần hoàng-thần và ông Phan-bội-Châu mới có thể huấn-luyện cho họ có tinh-thần ái-quốc, chờ đợi khi họ tốt-nghiệp ra trường, chúng ta còn đâu thì giờ để huấn-luyện họ nữa.

— Còn điều thứ ba?

— Điều thứ ba: Các anh phải săn-sóc du-học-sinh thật chu-đáo. Phải lo cho họ ăn đủ, mặc đủ mùa nóng cũng như mùa rét.

— Điều thứ tư?

— Chúng tôi sẽ không gọi tiền ngay cho du-học-sinh, mà sẽ gọi cho tổ-chức trung-ương, nhưng yêu-cầu tổ-chức trung-ương giao đủ tiền lại cho học-sinh.

— Tôi xin nhận lãnh 4 điều-kiện và sẽ nói với anh Phan-bội-Châu thi hành đúng theo. Vĩ Đại-diện kết-luận.

Và từ đó tổ-chức "Khuyến-dụ học-hội" bắt đầu thành lập ở Nam-Việt, ngầm đưa thanh-niên sang Nhật du học.

Đề tổ-chức kinh-tài nuôi họ, các nhà ái-quốc lập nhiều công-thương-hội: Ở Mỹ-tho, có "Duy-Tân Khách-sạn", sau đổi tên là "Minh-Tân Khách-sạn" giao cho ông Mộng Cốc Huỳnh-đình-Điện làm giám-độc và "Minh-Tân Công-nghệ" tức là hãng Sà-bông Cancan hiệu con Vịt do ông Mộng-Tiên Nguyễn-viên-Kiều quản-lý. Ở Sài-gòn ông Gilbert Trần-chánh-Chiều lập ra "Nam-trung Khách-sạn" ở ngang ga xe lửa, giao cho ông Trần-quang-Nghiêm giám-độc. Ông Nguyễn-an-Khương lập ra "Chiêu-Nam-Lầu", giao cho chị ruột ông trông nom, nhưng đổi với đảng-viên cách-mạng Chiêu-Nam Lầu còn có tên riêng là "Chiêu-anh Quán". Ông Lương-khắc-Ninh tự Vũ-thúc lập "Tê-Nam Lầu" ở đường Charner (Nguyễn-Huệ bây giờ), vừa làm khách-sạn vừa hút-tóc giao cho ông Nguyễn-thái-Ngọc quản-độc. Ông Lê-tử-Thông lập tiệm thuốc Bắc "Phước-Hưng-Đông" ở gần tòa tập tụng giao cho ông Đặng-thúc-Liêng cai-quản. Phong-trào "Đông-Du" được phát-động mạnh-mẽ. Số thanh-niên xuất-dương càng ngày càng nhiều, chia làm 4 chi-nhánh:

(1) Chi của Phác-đình Nguyễn-thần-Hiền và Lưu-đình-Ngoan ở Cán-thơ là chi hoạt-động mạnh nhất.

(2) Chi của Mộng-Liêm Đặng-thúc-Liêng ở Sa-đéc.

(3) Chi của Bùi-đình-Tá ở Mỹ-tho.

(4) Chi của Mộng-Vũ Bùi-chi-Nhuận ở Tân-An.

Năm Đinh-mùi (1907) ông Bùi-chi-Nhuận tự Mộng-Vũ, theo lệnh đức Cường-Đề mang bài "Hịch-cáo quốc-dân văn" và bài "Phổ-cáo Lục-Tinh văn" về nước, tìm gặp ông Nguyễn-thần-Hiền.

Một cuộc hội-hợp bí-mật được triệu-tập tại Chiêu-Nam-Lầu Sài-gòn. Các nhà ái-quốc chia nhau truyền-bá các bài nói trên. Đồng thời, ông Nguyễn-thần-Hiền cũng báo-cáo việc các thanh-niên nhóm ông Lưu-đình-Ngoan gọi thơ về, xin thêm tiền xài vì tổ-chức không chuyển ngân cho họ đầy-đủ. Thế là điều thứ tư trong giao-ước bị vi-phạm. Các nhà ái-quốc miền Nam đồng ý cử một quan-sát-viên sang Nhật để xem-xét tình-hình.

Năm Mậu-thân (1908), Đức Cường-Đề lại gọi thêm về Nam-Việt hai bài "Kính-cáo toàn-quốc" và "Ai-cáo Nam-Kỳ phụ lão" kêu gọi lòng yêu nước của toàn-dân để phát-động phong-trào nghĩa quyên, lầy tiền giúp các nhà ái-quốc đang sống ở Tàu và Nhật.

Trước đó, ông Nguyễn-thần-Hiền có trị bệnh bằng huyết cho vợ viên Tham-Biện Chủ-Tỉnh Cán-Thơ, nên rất được tin cậy. Nhờ thế ông đi cò-động khắp miền hậu-giang mà không gặp trở ngại. Nhờ ăn nói hoạt-bát, ông thảo-hoạch được kết-quả mỹ-mãn về tài-chánh. Các giới điển-chủ, thương-gia, công-chức đều sẵn lòng quyên giúp, những người có tiếng keo-kết nhứt cũng không nề chửi từ<sup>2</sup>.

Tháng 3 năm Mậu-thân (1908) ông Nguyễn-thần-Hiền lên Sài-gòn, tổ-chức tại "Nam-Trung khách-sạn" một tiệc rượu đãi thân-bằng để đưa người con trai độc nhứt của ông là Nguyễn-như-Bích<sup>3</sup> lên đường sang Nhật. Tháng sau ông Nguyễn-như-Bích tới Nhật, được đưa ngay vào Đông-văn thư-viện học tập. Mùa Đông năm ấy, Pháp-Nhật ký hiệp-ước bang-giao, Nhật-hoàng liền ra lệnh trực xuất cấp-tốc tất cả du học-sinh Việt-Nam. Ông Nguyễn-như-Bích cũng chịu chung số-phận với mọi người, đành bỏ dở-dang sự học trở về nước vào lúc cuối năm 1908.

Trong những năm 1907 và 1908, cuộc tuyên-truyền chống Pháp ở Việt-Nam mặc dầu còn trong vòng bí-mật, đã được mọi giới ủng-hộ. Phong-trào lan mau lạ từ thành-thị đến thôn quê. Dân-chúng sôi-nổi, đợi chờ một cuộc bạo-động lật đổ người Pháp.

Các nhà ái-quốc lạc-quan, tin-tưởng nắm chắc thắng-lợi ở ngày mai. Nhưng họ có dè dáu hành-tung của họ đã bị người Pháp chú ý theo dõi vì sự

2 Theo lời ông Lê-văn-Giải thì trong cuộc nghĩa quyên này chính ông có góp 20.000\$, ông Nguyễn-thần-Hiền (Trà-Vinh) giúp 20.000\$, còn ông Nguyễn-thần-Hiền cho bao nhiêu không rõ nhưng chắc-chắn là hơn 20.000\$.

3 Ông Nguyễn-như-Bích chánh thức xin đi du học ở Hồng-Kông, thông-hành số 38 ngày 9-4-1908 có giấy chứng-nhận của Tham-Biện Chủ-Tỉnh Cán-Thơ.

bất-cần của ông Trần-công-Huân, một du-học-sinh gốc-gác ở Cái-Bè (Mỹ-tho), đã quá tin một tên mật-thám, giao cả tài-liệu bí-mật cho y giữ giùm.

Sau khi ông Trần-công-Huân và một số du-học-sinh bị bắt, người Pháp khám-phá ra các tổ-chức bí-mật của người Việt.

Một đại-đội thám tử tung ra khắp Lục-Tinh để bô-trí một cuộc bắt-bớ lớn-lao. Các nhà ái-quốc lần-lượt sa vào tay người Pháp. Bị tra tấn khảo kẹp, nhiều người non gan đã tiết lộ bí-mật, gây thảm họa cho anh em.

(còn tiếp)



## THI - CA

### VĨNH SEN

Danh-hoa sắc đẹp, giá băng thanh,  
Tuy ở gần bùn chẳng nhiễm tanh.  
Quý thật! nhị vàng, bông đỏ thắm,  
Ưa thay! hương ngát, lá tươi xanh.  
Lòng Quân-tử sánh, trâm phần giống,  
Mặt Lục-lang so; bội vẻ xinh.  
Mỗi buổi chiều hè ta hóng mát,  
Trên ao thường ngoạn thoả thuê tình.

Đông-Viên PHẠM-HUY-TOẠI

## VỊNH LAN

Mai đã thừa bông, cúc đã tàn,  
 Vườn xuân thoang thoang một hương lan.  
 Tổ-tâm có sẵn màu thanh-quý,  
 Bạch-ngọc còn thêm vẻ mỹ-quan.  
 Thơm tựa sen hồng nơi Nhược-thủy,  
 Trong như tuyết trắng đỉnh Cao-san.  
 Hang sâu ai biết Hương Vương-giả,  
 Nở đề chen hoa, cỏ mọc tràn.

Việt-Nhân VŨ-HUY-CHIỀU

## VỊNH SEN

Đẹp sánh phù-dung, thơm thủy-tiên,  
 Vừa thơm, vừa đẹp, có hoa sen.  
 Lá xanh che bụi, trong làn nước,  
 Bông đỏ dâng hương, ngát cửa thiên.  
 Phảng-phất xuân dài... hơi gió lộng,  
 Long-lanh châu sáng, mặt trời lên.  
 Trăm hoa, ta quý hoa sen nhất:  
 Quân-tử từ xưa tiếng diễm-truyền!

Đông-Xuyến

NGUYỄN-GIA-TRU

Họa-vận bài thơ

## THẤT-THẬP TỰ-TRÀO

của Á-NAM Tiên-sinh

(đăng trong Văn-Hóa Nguyệt-San số 78)

Đường đời thăm-thẳm vừng chân đi,  
 Từng trải phong sương há kém gì?  
 Thọ bảy mươi tròn vui cảnh đây,  
 Xuân ba chục nữa bận tâm chi?  
 Bền gan, sá quản công thành bại,  
 Cao chí, bao nài cuộc thịnh suy.  
 Còn nước còn non còn lắm hội,  
 Mấy lời cung chúc họa văn thi.

MAI-BÌNH (Đà-lạt)

ĐỀ BẢN DƯ-ĐỒ VIỆT-NAM HÌNH-THỀ<sup>1</sup>

Dư-đồ Đại-Việt tượng trưng đây,  
 Hơn bốn ngàn năm : đất nước này.  
 Duyên-hải ba phần, xe cộ suốt,  
 Trường-sơn một dải, vách tường xây.  
 Núi non Tây-bắc, chen rừng rậm,  
 Sông lạch Đông-nam, tưới ruộng cây.<sup>2</sup>  
 Thăng-tích, danh-lam đâu có thiếu,  
 Bao lần đâu bề vẫn không thay.

ĐẠM-NGUYỄN

## BỜ BIÊN « SÔNG-CẦU »

Sông-Cầu dạo mát buổi tà-dương,  
 Phong-cảnh nhìn xem đẹp khác thường.  
 Sóng lượn lô-nhồ phô ngọc-bích,  
 Cát phơi lóng-lánh dọn kim-cương.  
 Dừa xanh lộng gió du-dương hát,  
 Buồm trắng nương lèo phấp-phới trương.  
 Tọa-hóa khéo tô tranh thủy-mặc,  
 Càng xem càng luyện cảnh quê-hương.

Hồng-Khanh HUỖNH-KHINH

## HUẾ NGÀY NAY

Vật đời sao đời mãi tới nay,  
 Xuân-Thành còn đó, khách còn đây!  
 « Vườn-Quỳnh » hoa ủ, chim bay vắng,  
 « Thành-Cấm » rêu phong, cỏ mọc đầy...  
 Kẻ thích « đường ngang », tìm rõ lối,  
 Người ưa « dò dặc », lái già tay.  
 Còn ai Bến-Ngự, trồng non nước,  
 Nghe cuốc kêu sâu khéo tỉnh say!...

THANH-TÙNG

1 Bản dư-đồ này do ông Đạm-Nguyễn kiến-tạo (Bản đồ tượng-trưng chỉ có sông, núi, ruộng, đường đi và bề).

2 Hai câu luận này ảnh-hưởng ở câu chữ Hán: « Tây-Bắc đa sơn, Đông-Nam đa thủy ».

## THUẬT-HOÀI

Cũng bởi thi-nhân lắm bệnh sầu,  
 Ngàn xưa cho mãi tới ngàn sau.  
 Bút nghiên chưa trọn duyên hồ thi,  
 Non nước thêm buồn cuộc bề dâu.  
 Tiếng cuốc đêm khuya còn vọng mãi,  
 Đèn trắng xóm vắng lặn từ lâu.  
 Nguồn thơ biết thả vào đâu nhỉ!  
 Ngắm dải tràng-giang sóng bạc đầu.

HỒNG-THIÊN

## NHỚ MỘT BÓNG THỐI

Mưa gió tăng cơn giọt-giọt rơi,  
 Mây sầu giăng-mắc khắp nơi-nơi.  
 Thương nhau cái buổi ban đầu ấy...  
 Lưu-luyến trong tim một bóng thối.

Ráng tím chiều vương tỏa góc trời,  
 Tiếng ca ngư-phủ động ngoài khơi.  
 Vắng trong mây gió ngày tàn ủ,  
 Ôi! cánh hoa lòng rụng tả-tơi!

Bến lạnh đò xưa lộng sắc mây,  
 Ngày vui ngẩn-ngủi nhớ khôn khuây.  
 Tơ lòng rộn-rã bờ sông vắng,  
 Cứ tưởng hình ai đứng chỗ này.

Dư-ảnh đâu đây gọi ước thề,  
 U-hoài lặng ngắm bóng trắng quê.  
 Tìm đâu lại được hương nồng cũ,  
 Man-mác bỗng trôi chẳng thấy về.

BẠCH-LĂNG

## ĐÒ TRĂNG

Không-gian lơ-lửng một thuyền trăng!  
 Phải chuyển đò khuya đợi khách chăng?  
 Sương rủ buồn thừa xa thăm thẳm,  
 Gió lộng mây nhạt kéo giăng giăng.  
 Trạo-phu vắng cả tay chèo Nghê,  
 Thi-sĩ mơ sông bóng chị Hằng!  
 Xuôi ngược bao giờ trong vũ-trụ?  
 Mà trơ như tuyết! lạnh như băng!

LÊ-VĂN-CHÍNH

## KHUYẾN CON

Hăm-hở ven trời cánh hạc tung,  
 Con mong thỏa mãn chí anh-hùng.  
 Đường mây dấu dặng vin nhành quế,  
 Mối nước sao cho rặng tiếng tung.  
 Chớ cậy nhân-tài quên đạo cả,  
 Hãy chiều thiên-lý tạc lòng trung.  
 Cũng con nhắc-nhờ phần nam-tử,  
 Phàm-giá con người vẹn thủy-chung.

THƯỜNG-TIÊN

## VÙNG ĐỨNG LÊN

Dưới cờ đạo-nghĩa quyết xông-pha,  
 Tuốt kiếm, giương cung giữ nước nhà.  
 Liễu yếu chi sừi cơn gió táp,  
 Trúc gãy chẳng ngại đợt mưa sa.  
 Đàng-giang, nghìn thuở xây biên-ải,  
 Bến-hải, muôn đời hận Pháp-Hoa.  
 Vui đứng vùng lên! Trai với gái,  
 Chung tay lấp bể, dựng sơn-hà.

VŨ-HUYỀN-DU

## THUYỀN TRÔI

Ôi buồn sao!  
Cất tiếng khôn tan nổi nghẹn ngào  
Xa cách từ đây xa cách mãi  
Thuyền trôi đã lạc bến trắng sao

Mây trắng không còn giăng lối cũ  
Đường về bóng tối phủ nơi nơi  
Sông dài bờ thẳm mênh mông quá  
Thuyền rạt về đâu giữa sóng giời

Ngày tháng phôi pha với lạnh lùng,  
Thuyền trôi lặng lẽ cảnh mông lung.  
Cô-đơn lữ-khách dừng chân lại,  
Có nhớ thuyền chãng chỉ ngại ngừng.

(Nét-Sầu)  
DUY KHÁC

VỊNH CÁI MỠ<sup>1</sup>

Cả tiếng, dài hơi vẫn giữ màu,  
Từ đời Phu-tử đã giời trau...  
Thay trời giữ đạo mà lên tiếng?  
Vị phật ôn kinh vẫn đứng đầu!  
Cảnh tỉnh đã bao người tục đó,  
Viên thành mấy lớp khách tu đâu?  
Sa-bà thế-giới nên tâm-niệm:  
Lặng mõ nghe kinh sẽ hết sầu!

HẢI-ÂU-TỬ

1. Bộ vận bài thơ «Vịnh cái mõ» của Quỳ-Uu đăng trong V.H.N.S số 78.

## MƯỜI NĂM

Mười năm đó bao lần trôi sóng nước  
Bãi dâu xưa mấy độ cát sông bồi  
Đêm vào khuya, ngàn sao lạ thay ngôi  
Màu tím hiện chập chờn trong giấc ngủ  
Thuở ấy mảnh trăng tơ còn thiếu-nữ  
Biếc xiêm y, đôi cánh trắng khoan từ  
Bông-hoa trời chưa bợn chút ưu tư..

Mười năm đã rùng sôi và biển động  
Lửa loạn ly thiêu tàn bao giấc mộng  
Dự ước huy hoàng của tuổi mười lăm

Mười năm qua, bao biển đổi với thặng trầm  
Thương tích thời-gian đã hằn trên trán rộ  
Tình duyên đã bao phen lòng rộn sóng  
Bút mực nào kể được chuyện con tim  
Chân-lý vâng son mỗi bước đi tìm  
Đường khắp-khẽnh ường công mình lặn đập

Cô hàng xóm nhỏ rẽ ràng son phấn  
Lên xe hoa sớm ấy pháo bay hồng  
Rời qua một đêm khói lửa mịt mù  
Khăn tang khó thấm khô dòng lệ rỏ  
Tay giặt con, thần thơ vào lối gió...

Nhân-loại ơi! sao chẳng hết chia lìa?

Tôi chong đèn thức trắng những đêm khuya  
Nghe tiếng đẽ khúc bờ hoang bãi rậm  
Trang sách dở giữa tháng năm sầu cảm  
Tiền bao người đi tới nghĩa-trang xa  
Và nhủ thầm: Lòng Đất rộng bao-la!

NGUYỄN-VĂN-HÀM

## L'ENNEMI

Ma jeunesse ne fut qu'un ténébreux orage,  
Traversé çà et là par de brillants soleils ;  
Le tonnerre et la pluie ont fait un tel ravage,  
Qu'il reste en mon jardin bien peu de fruits vermeils.

Voilà que j'ai touché l'automne des idées,  
Et qu'il faut employer la pelle et les râteaux  
Pour rassembler à neuf les terres inondées,  
Où l'on creuse des trous grands comme des tombeaux.

Et qui sait si les fleurs nouvelles que je rêve  
Trouveront dans ce sol lavé comme une grève  
Le mystique aliment qui ferait leur vigueur ?

— O douleur ! ô douleur ! Le Temps mange la vie,  
Et l'obscur Ennemi qui nous ronge le cœur  
Du sang que nous perdons croît et se fortifie !

CHARLES BAUDELAIRE

## KẺ THÙ

Tuổi trẻ đời ta là bão tố  
Đôi khi lóe ánh mặt trời soi  
Sấm gấm mưa đờ tàn hoang quá  
Còn lại vườn ta ít trái tươi

Khốn nỗi sâu thu đã nhuốm lòng  
Nào cây nào cuốc tồn bao công  
Nào đem đất phủ lên nền trũng  
Đào lỗ sâu như những huyệt không

Biết đâu đất cõi nơi vườn cũ  
Đất sạch trơ như bãi sóng đời  
Sẽ có một loài hoa-mới nở  
Hút màu huyền diệu để thêm tươi

Nhưng xót sa ! ôi xót sa !  
Thời-gian tàn phá kiếp người qua  
Kẻ-Thù đục mãi trong gan ruột  
Mi mạnh bằng tìm với máu ta

BÙI-THẠCH-ẤN dịch

NGUYỄN-ĐANG-THỰC

Khoa-trưởng

Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

## triết-học Trung-hoa cận-đại

## Bối-cảnh lịch-sử, chính-trị, xã-hội

Nhà Đường rực-rỡ một thời (618-904) về văn-trị cũng như võ-trị: phía Đông đánh lấy hai nước Cao-câu-ly và Bách-tế, lại giao-thông với Nhật-bản; phía Tây đánh lấy các nước Tây-vực và thông-hiểu với Tây-tạng, Ấn-độ, Ba-tư và Đại-thực; phía Nam bình được các rợ Miêu, chiếm-cứ Giao-châu, uy-thể xuống tới các miền Đông-Nam-Á như Nam-dương, Chân-lạp, Phù-nam, Ba-li, Chà-và công Thất-lợi-phật-thê (Sumatra). Quốc-thế bấy giờ lừng lẫy bốn phương, thịnh hơn cả đời Lưỡng-Hán.

Về sinh-hoạt kinh-tế thì công-nghiệp và thương-nghiệp phát-đạt làm động-cơ cho những cuộc ngoại-chinh của nhà Đường. Các dân-tộc xung-quanh phải triều-cống đồng-thời cũng đem hàng-hóa đến bán. Người lái-buôn Trung-hoa đi đến Ấn-độ, Ba-tư, Nam-dương quần-đảo và A-lập-bá (Arabie), Trường-an và Lạc-dương là hai trung-tâm về công-thương bấy giờ.

Về sinh-hoạt tri-thức, Khổng-dinh-Đạt, một danh-nho làm sách *Ngũ-kinh Chỉnh-nghĩa* đề thống-nhất tư-tưởng, khoa-cử được đề-cao, phải y theo sách ấy. Bên cạnh nho-học là cái học chính-thống. Phật-giáo cũng cực-thịnh. Huyền-Trang và Nghĩa-Tĩnh sang tận Ấn-độ để cầu tìm đạo-lý. Trong giới trí-thức thì chín người trong mười người hâm-mộ đạo Phật. Đạo Giáo cũng được qui-tộc bảo-hộ và tôn-sùng. Văn-học đời thịnh Đường cũng rực-rỡ với Lý-thái-Bạch, Đỗ-Phủ, Bạch-cư-Dị là kiểu-mẫu thi-phẩm Trung-hoa. Mỹ-thuật có Ngô-đạo-Huyền sở trường về sơn-thủy và nhân-vật, Lý-tư-Huân về kim-bích sơn-thủy. Đời Đường thực là một đời văn-hóa qui-tộc phát-đạt cực-điểm vậy.

Nhưng rồi kể từ Hiến-tôn (806-820) về sau phiên-trấn hoành-hành bên ngoài, hoạn-quan chuyên-chính bên trong. Phiên-trấn thì nắm quyền thưởng-phạt sinh-sát

[ Tập XII, Quyển 5 (Tháng 5, 1963) ]



nhân-dân trong tay, hoạn-quan thì tự-tiện làm việc phế-lập. Do đấy mà kế-tiếp có cuộc nội-loạn.

Loạn An-lộc-son, loạn Hoàng-Sào mà nhà Đường diệt-vong vào tay Châu. Ôn, một tướng bộ-hạ của Hoàng-Sào.

Sau khi Châu-Ôn diệt nhà Đường mà xưng đế, lập nhà Hậu-Lương, Tiết-độ-sứ Hà-đông là Khắc-Dụng không phục, Tiết-độ-sứ Phụng-tường là Lý-mậu-Trinh cũng không vâng lệnh, tất cả đều nổi lên độc-lập, gây thành cuộc phiến-trấn cát-cứ. Con Khắc-Dụng là Tồn-Húc diệt nhà Hậu-Lương xưng đế gọi là Hậu-Đường, thế là họ Sa-đà (Turc) rợ Đột-quyết dựng nước ở Trung-hoa.

Sau nhà Hậu-Đường có các nhà Hậu-Tấn, Hậu-Hán cũng đều thuộc họ Sa-đà. Sau nhà Hậu-Chu do Quách-Úy dựng nên thay nhà Hán thì chính-quyền mới lại trở về tay người Hán. Sử gọi thời kỳ này, từ 907-960, là đời Ngũ-đại. Các nước xưng-hùng cát-cứ bấy giờ, sử gọi là "Thập-quốc".

Nhà Hậu-Chu, con vua Thế-tôn là Tôn-Huấn lên ngôi, mới có bảy tuổi. Triệu-khuông-Dận thống-suất quân-đội ở địa-vị Điện-tiền đó-điểm-kiểm bấy giờ, chiến-thắng quân Khiết-đan hùng-cường ở phía tây bắc, được quân-nhân suy-tôn làm Hoàng-đế, đem binh về Biện-kinh, Khai-phong, đổi tên nước là Tống (960).

Bằng một cuộc quân-biến mà lên ngôi, cũng như các triều-đại trước đây nối-tiếp sau nhà Đường, Triệu-khuông-Dận lần này muốn chấm-dứt chính-sách quân-phiệt ấy đi để phục-hồi hiến pháp quốc-gia.

Bấy giờ các nước cát-cứ, ở đông-nam có nước Nam-Đường và Ngô-Việt, ở phía nam có nước Nam-Bình và Nam-Hán, ở phía tây có nước Hậu-Thục, ở phía bắc có nước Bắc-Hán. Tống Thái-tổ phái binh bình-dịnh; duy có Bắc-Hán thì đến khi em Thái-Tồ là Thái-tôn lên ngôi mới bình được. Thế là cục-diện Ngũ-đại và Thập-quốc cáo-chung mà Trung-hoa mới lại thống-nhất.

Trung-hoa vốn là một nước tở văn-minh ở Á-Đông từ xưa vẫn bị các bộ-tộc du-mục chung quanh dòm ngó, luôn luôn bị xâm chiếm cho nên thường phải đổi dịch. Sở dĩ Vạn-lý trường-thành xây-dựng mất bao công-phu xương-máu cũng vì muốn ngăn ngừa sự lan-tràn của Bắc-dịch. Mờ địa-dò Á-châu chúng ta thấy ngay phía tây-bắc Trung-hoa giáp đất Tây-bá-lợi-á của Nga, chạy xuống tận phía tây giáp Ấn-độ là đất Mông-cổ, Ninh-hạ; Tân-cương. Ấy là cánh đồng cỏ trung-bộ Á-tế-á, thủa xưa là sào-huyệt của nhiều bộ-tộc du-mục hùng-cường. Khi Trung-hoa mạnh thì họ chịu cảm-hóa thần-phục. Đến khi có cơ-hội thì họ tràn vào trung-nguyên phồn-thịnh phi-nhiều, bắt Trung-hoa phải dứt lốt lương-thực, xén bớt đất-đại, tới mất cả quyền tự-chủ cũng có.

Những bộ-tộc ấy đại-khái giữa nhà Chu là Yêm-doãn, đến Tần-Hán là Hung-nô, cuối Đông-Hán là Tiên-ti, qua Nam-Bắc-triều là Nhu-nhiên, nhà Tùy và sơ-Đường là Đột-quyết, rồi đến Hồi-hột. Sang đến đời Tống là Khiết-đan và Nữ-chân.

Khi nhà Tống làm chủ Trung-hoa thì mé Đông-bắc có nước Liêu, Tây-bắc có nước Tây-hạ, cả hai cùng cường-thịnh chọi đầu với Tống. Liêu là giống người Khiết-đan, con cháu của giống Tiên-ti, trước kia vẫn thần-phục nhà Đường. Lúc nhà Đường suy, nước Tàu rối loạn, chia năm xẻ mười, Khiết-đan thừa-cơ hoành-hành ở ngoài cõi rồi từ-trường là A-bảo-cơ đứng lên độc-lập khẩn ruộng, đắp thành, theo gương Trung-hoa mà quốc-thể càng ngày càng thịnh. Đến đời con là Đức-Quang mở thêm bờ cõi, xưng đế đặt quốc-hiệu là Liêu, đóng đô ở Yên-kinh tức Bắc-kinh của Tàu ngày nay.

Tây-hạ cũng lập quốc vào thời đó, chiếm cả đất Nội-mông và Ninh-hạ Cam-túc, tổ-tiên vốn họ Thác-bạt cùng chủng với Tiên-ti, vua nhà Đường cho quốc-tính là Lý, đời-đời làm Tiết-độ-sứ Hạ-châu, nhưng đến cuối nhà Đường tự lập thành một nước riêng truyền đến Nguyên-hiệu xưng làm Hoàng-đế. Sau khi Tống Thái-tôn (978-997) thống-nhất Trung-quốc, còn lại giới-hạn cố-hữu ở lưu-vực sông Giang, sông Hà thì ba nước Liêu, Hạ, Tống tam-phân đình-túc thiên-hạ Trung-hoa, luôn luôn khi chiến khi hòa, nhân-dân đồ-thán, tài-sản kiệt-quệ, xã-hội điêu-linh. Trạng-huống lịch-sử Tàu thời ấy đã được ngọn bút thi-hào Nguyễn-đình-Chiều cực tả:

*Kẻ từ Thạch-tân ở ngôi,  
U-Yên mây quận cát bởi Khiết-đan.  
Sinh dân nào xiết bùn than,  
U-yên trọn, cũng giao bàn về Liêu.  
Theo trong, người kiệt rất nhiều,  
Ôm tài, giàu tiếng làm tiêu làm ngư.  
Nước non theo thú ẩn cư,  
Thờ trên nuôi dưới, nên hư mặc Trời.  
Lại thêm Phật, Lão đưa lời,  
Nghĩ lòng người với đạo đời thêm thương.  
Nhà năm ba gánh疮-thương,  
Phần ai này giữ trọn giường thời thời.  
Đời vương, đời đề xa rồi,  
Nay Di, mai Hạ biết hỏi nào an!  
Năm trăm vạn ở Sông Vàng,*

Nước còn đương cầu không màng thánh nhân.  
Đã cam hai chữ « Tị Tẩn »,  
Nguồn Đào tìm dầu, non Xuân ruổi miễn.

Ngư-Tiêu Văn-dáp  
(Tân-Việt, tr. 79-81),

Đây là đối với Nhung-dịch phương Tây-bắc, thậm chí đến như phương Nam, có dân-tộc Việt-Nam, Miến-diện vốn ưa chuộng hòa-bình, chỉ lo an-cư lạc-nghiệp mà thần-phục Thiên-triều. Thế mà vào hồi này (thế-kỷ XI, 1075), dưới Lý Nhân-tôn ở Việt-Nam, hai tướng Lý-thường-Kiệt và Tôn-Đản đem quân đánh phá Khâm-châu, Liêm-châu, bắt dân lấy của ngay trên đất Tàu, là một điều hiếm có vậy! Đủ tỏ thời-thế nhà Tống sơ-khởi thật hiểm nghèo, đối ngoại, đối nội mười phần nguy-ngập.

Trung-quốc từ khi có sử đã trải qua nhiều cảnh Nhung-dịch quấy nhiễu, thường tổn công phòng-bị chinh-phạt. Ngay đời Nghiêu-Thuấn đã khó khăn với dân Tam-Miêu ngoan-ngạnh, Kinh-dô nhà Chu có hồi bị Khuyển-Nhung dày séo. Đọc kinh Thi thấy những bài thơ hùng-hồn ngợi khen công-nghiệp Doãn-cát-phủ đánh đuổi Yêm-doãn để cứu quê-hương khỏi vạ xâm-lược.

Cái đặc-sắc của chính-trị Trung-hoa đối với Nhung-dịch vốn thường lấy văn-minh mà giáo-hóa, vừa đề cảm-hóa vừa đề đồng-hóa hơn là chống-cự đàn-áp bằng sức mạnh võ-lực. Bởi thế mà các bộ-tộc ở biên-thùy tây-bắc, kể cả Tây-Chu lăm-lẻ tiêu-diệt Trung-hoa mà rồi dần-dần bị văn-minh Hoa-Hạ thấm-nhuần rồi hóa theo bất ngờ. Đây là trường-hợp Mãn, Mông, Hồi, Tạng, trải qua lịch-sử đã bị Tàu-hóa vậy. Lịch-sử Trung-hoa có những phản-động-lực ngầm-ngấm yên-lặng mà hiệu-quả rất sâu rộng, mạnh-mẽ lạ-lùng, tỏ ra một dân-tộc có một nghị-lực dẻo-dai bền-bỉ, một truyền-thống hầu như bất-tuyệt. Mỗi khi xã-hội quốc-gia đảo-điên, nội-chiến liên-miên, hoặc ngoại-xâm, hoặc tai-trương làm cho dân-tinh khốn-đốn, thì chính là lúc có những làn sóng tinh-thần quật-khởi đề phản-ứng thời-thế, muốn xoay đổi lại thế-đạo, phò nguy cứu-quốc, gây nên những ảnh-hưởng vi-đại trong lịch-sử tư-tưởng triết-học cũng như chính-trị xã-hội. Nhà Chu suy-vi đã tạo nên cả một phong-trào Bách-gia chư-tử như chúng ta đã thấy thời cổ-đại. Đến nay, nhà Tống nổi-nghiệp nhà Đường suy-vi cũng lại Nhung-dịch bức-hiếp, chiến-tranh làm cho dân-tinh khốn-khở, tài-chánh eo-hẹp, kinh-tế khủng-hoàng, ta thấy tư-tưởng Trung-hoa lại một phen bùng lên tạo-thành phong-trào triết-học Tống-Nho và cải-cách chính-trị xã-hội.

Như chúng ta đã thấy trên đây (Triết-học Trung-cổ q. IV), từ Tần, Hán, qua Tam-quốc, Lục-triều đến Tùy - Đường, trải qua có hơn ngàn năm, đạo Nho

đã suy-bại còn lại cái xác vô-hồn, tinh-thần sáng-tạo không bì kịp với đạo Phật, đạo Lão, vì có gì? Có chính là vì khuynh-hướng giáo-điều, nô-lệ chính-quyền, thiếu không-khí tự-do tranh-biến. Nhà Nho chỉ đua nhau học lối từ-chương, huấn-hỗ, tìm ý-nghĩa vụn-vật từng chữ từng câu, còn về ý-nghĩa uyên-thâm, hệ-thống sâu-rộng, tinh-thần nhất-quán của Khổng-Mạnh xưa thì chẳng ai màng khảo-cứu. Đến đời Hán chỉ mãi triết-trung, thiếu tinh-thần độc-đáo. Đến đời Đường tuy Nho-giáo có vẻ phát-đạt hơn trước, nhưng bất quá chỉ thịnh về văn-thơ, đến phần đạo-học lại càng lu mờ. Hàn-Dũ là một danh-nho mà cũng chỉ mãi đả-kích Phật-giáo một cách nông cạn. Bởi thế mà những người có tư-tưởng tìm-tòi, đều nhận thấy ở Phật, Lão có cái gì cao-siêu, trả lời cho khao-khát tâm-trầm của bản-tính nhân-loại hơn là văn-chương phù-phiếm, luân-lý thực-tiến vụn-vật của đạo Nho. Trong hàng trí-thức, phần lớn theo về Phật, Lão, mà ảnh-hưởng đã giúp cho Nho-học phục-hưng thành một nền triết-học nhân-sinh có cơ-sở vững-vàng của Lý học và Tâm-học đời Tống đời Minh vậy.

« Nho-giáo đời Tống sữ-di đột-nhiên vượt lên đến chỗ cao-siêu ấy là bởi có cái ảnh-hưởng của Lão-học và Phật-học. Tuy Tống-Nho thường hay phân-đối hai cái học này, nhưng chính đó là cái bằng chứng rõ-ràng là Tống-Nho đã chịu ảnh-hưởng vậy. Thường là bởi có chịu cái thế-lực nào mới có sự phân-đối cái thế-lực ấy. Nho-giáo đời Tống cũng vậy, vì có cái thế-lực của Phật-giáo và Lão-giáo, cho nên mới lập ra phái Lý-học đề cùng nhau tương-đối mà sinh-tồn ở trong xã-hội. Và những người sáng lập ra phái ấy phần nhiều là người đã học qua Lão-học và Phật-học cả». (Trần-trọng-Kim, *Nho-Giáo* q. III, tr. 145).

Sữ-di đã học Lão, học Phật mà lại trở về phục-hưng Nho-học là vì tinh-thần truyền-thống Trung-hoa vốn trọng nhân-sinh thực-tế. Nhưng thực-tế quá nên không thỏa-mãn lòng người về đường khát-vọng cao-sâu về tri-thức đến cùng, về tinh yếu vô hạn, trong bản-tính nhân-loại, cho nên chỉ có nhập-thế thì đi đến thấp hèn, thiên-cận, chỉ có xuất-thế siêu-nhiên thì quên mất người mà viển-vông không tưởng.

Đào-trình-Nhất có nhận xét rằng:

« Đạo Nho suy, tự nhiên đức-giáo chềnh-màng, đời càng biến-loạn, si-phu càng bốn xu danh-lợi, không mấy người biết nghĩ đến liêm-sĩ, khi-tiết.

« Từ hồi Ngụy Tấn về sau, người ta coi thường giáo-dục nhân-cách, xuống đến Ngũ-đại, thời-cục sớm chiều xoay đổi lung-tung, học-phong si-khí càng thêm bại-hoại.

« Xem như Phùng-Đạo là hạng nho-học danh-vọng đương thời, mà nay làm tôi triều họ, mai chạy theo nước kia, hễ ai thắng thì xu-phụ đề giữ lấy

chức quan. Đến nỗi trước sau đầu hàng bốn nước, thờ mười triều vua mà không lấy thể làm gương cho khí-tiết chút nào, lại còn lên mặt tự-xưng là Trường-lạc-lão 長樂老 tỏ mình tuy gặp đời loạn, nước mất kẻ thấy, vẫn giữ được lộc cả ngôi cao, sung-sướng mãi mãi. Người đời bấy giờ không chê cười lão già mặt dạn mày dày thì chớ, đủ rõ học-phong sĩ-khí tồi-tệ lắm vậy!

« Học-giả nhà Tống buổi đầu, nhận thấy đạo-học suy-vi, phong-khí hèn-hạ như thế mà chán; chính mình lại đang ở vào cảnh-ngộ quốc-gia yếu nghèo, cường địch lấn-hiếp, không khỏi động lòng suy-nghi, nhà nước hưng-vong dù kẻ thất-phu cũng gánh một phần trách-nhiệm, hưởng chi hàng người có học-thức như mình! Thế thì học-giả cũng phải phấn-phát tự-cường thế nào để giúp đời cứu-nước mới được!

« Phấn-động-lực này ra từ cái ý-nghĩ đương-nhiên đó!

« Thiệu-Ung, Chu-đôn-Di, Trương-Tái, anh em Trinh-Di, Trinh-Hiệu và những nhà học-vấn lỗi-lạc ở đời bấy giờ cùng nhau phấn-khởi, đem cái tinh-vi đạo-học của thánh-hiền đã lu-mờ bấy lâu, suy-diễn, phát-huy dựng nên một nền Nho-giáo cao-siêu tức là Lý-học 理學. Về sau, Chu-Hi nối theo, nghiên-cứu tinh-vi thêm, khiến cho Lý-học thành ra tinh-thần căn-bản của đạo Nho và truyền mãi đến thế-kỷ XIX vừa qua, không những ở Trung-quốc mà thôi, cả Nhật-bản, Cao-ly và nước Nam ta nữa.

« Từ khi Lý-học ra đời, Nho-giáo lại được nâng lên địa-vị cao-siêu, triết-học Trung-quốc mở ra một kỷ-nguyên mới, và phong-khí sĩ-phu cũng nhân đấy thay đổi tốt đẹp khác trước.

« Người ta cho cuộc phản-động này cũng như ở cuối đời Chu, đều có tinh-cách quan-hệ sâu-xa cho tinh-thần học-thuật nước Tàu, thật không phải là nói quá đáng.

« Trong khi những học-giả như họ Thiệu, họ Chu, họ Trương, họ Trinh ra sức nâng cao đạo-học thánh-hiền và cứu-vớt phong-khí sĩ-phu bằng tư-tưởng triết-lý, một nhóm học-giả khác dốc lòng cứu-vớt dân-tộc quốc-gia bằng tư-tưởng chính-trị mà người xướng-khởi tức là Vương-an-Thạch.

« Tư-tưởng chính-trị ấy là thực-hành biện-pháp từ việc học, việc binh, việc canh-nông, việc tài-chính v.v... nhất nhất phải thay cũ đổi mới để đi đến mục-dịch quốc-gia phú-cường.» [Vương-an-Thạch, tác-giả: Đào-trình-Nhất — Đại-La, tr. 44-47].

Vậy muốn hiểu sự phản-ứng của tinh-thần truyền-thống Trung-hoa đời Tống đối với trào-lưu xuất-thế của Phật-học và Lão-học, cũng như muốn biết

những điểm Nho-học đã thâm-thái ở hai hệ-thống trên để trở nên một nền triết-học nhân-sinh vững-chắc sâu rộng gọi là Đạo-học hay Lý-học như thế nào, chúng ta phải xét cuộc cách-mệnh tư-tưởng và chính-pháp mở đầu triều-dại mà lãnh-tu là một nhà nho: Vương-an-Thạch.

### Wương-an-Thạch với cuộc cải-cách toàn-diện đời Tống

Triết-học sử-gia Đức, E. V. Zenker, trong *Lịch-sử Triết-học Trung-hoa* (Histoire de la Philosophie Chinoise — Payot, Paris, 1932) viết về tư-tưởng triết-học đời Tống, mở đầu:

« Ở triều vua Thần-tôn (1068-1086), một nhân-vật bước lên sân-khấu đã có một ảnh-hưởng lớn-lao, và đầu gặp tất cả chỉ-trích và nền luân-lý giáo-diệu của Nho-si, với một tinh-thần tự-chủ ung-dung, lại được nhà vua tín-nhiệm nâng-đỡ, đã gây nên một cuộc cách-mệnh toàn-diện, nhân-vật ấy là Vương-an-Thạch.

« Ông tề-tướng toàn-quyền ấy, tuy không có thể mang danh-vị một triết-gia có tiếng, mặc dầu là tác-giả bộ *Vương Lâm Xuyên Toàn tập* 王臨川全集, nhưng ông có một diện-mạo đặc-sắc và trực-tiếp đánh dấu vào lịch-sử tinh-thần đời Tống một cách mạnh-mẽ đến nỗi một lịch-sử triết-học Trung-hoa không thể nào bỏ sót được.» (tr. 429).

Wương-an-Thạch 王安石, tự là Giới-Phụ 介甫 hiệu là Bán-sơn 半山, người Lâm-xuyên, tỉnh Giang-tây, sinh năm Tân-dậu (1021). Thiếu thời, ông đã nổi tiếng tài cao học rộng, văn-chương lỗi-lạc, thông-suốt Bách-gia Chư-từ cùng tư-tưởng Phật, Lão. Người đương thời gọi là “Kho sách sống”.

Họ Vương tự-phụ tài học, trong thiên-hạ không chịu nhường ai, nhưng khi gặp Chu-đôn-Di thì lại tỏ lòng kính-mộ về đạo-học và nhân-phẩm. Vương bị xúc-động rất mạnh về thuyết “Vô-cực nhi thái-cực” 無極而太極 của họ Chu đến nỗi quên ăn quên ngủ đến mấy ngày.

Sau lại kết-giao với Trương-Tái và anh em họ Trinh, tuy tư-tưởng hai đảng có khuynh-hướng trái nghịch, Vương thi đỗ tiến-sĩ rất trẻ, văn-tài làm rung-động cả nước.

Khi ấy Âu-dương-tu đang làm quan tại triều, vẫn có tiếng một nhà văn-học đại-gia, thấy văn của Vương-an-Thạch cũng phải chịu là thiên-tài, bèn tiến-cử lên vua làm chức giám-quan vì nghe Vương có tính ngay thẳng; nhưng Vương từ chối, vì trong lòng còn hoài-bảo cái mộng “biến-pháp” để làm cho quốc-gia phú-cường.

Trong một cuộc hội-âm với anh em họ Trình và Trương-Tái, ông tha-thiết tỏ bày chí-nguyện:

« Các ông chuyên về đạo học, tôi thích làm chính-trị, mỗi người mỗi việc. Tôi ôm nặng bên lòng cái chí-nguyện làm cho quốc-gia phú-cường mà chưa biết ngày nào mới được thực-hiện. Có điều muốn cho quốc-gia phú-cường, trước hết phải biến-pháp. . .

— Ông nói biến-pháp là thế nào? Trương-Tái chặn hỏi.

Vương đáp: — « Nghĩa là sửa đổi tất cả phép tắc không còn thích hợp với đời nay! »

Trình-Di ngạc-nhiên hỏi lại: — « Thế thì bao nhiêu thành-pháp của tiên-vương đời bỏ đi hết, không đáng bắt chước nữa ư? »

An-Thạch cười mà nói một cách trực-liệt không nề lời: « Chết rồi! Các ông hủ-nho khur-khur câu-nệ ở chỗ bắt chước tiên-vương, chẳng lẽ việc thiên-hạ cứ luân-quần thế mãi, không có gì mới? Bắt chước tiên-vương là bắt chước cái tinh-thần thôi, không cần phải bắt chước cái chế-độ của tiên-vương đâu! Việc trị thiên-hạ phải tùy thời cải-cách cho thích-hợp, làm lợi cả dân lẫn nước. Ta lấy sức của thiên-hạ để sinh ra của cho thiên-hạ, lấy của thiên-hạ để dùng vào việc cho thiên-hạ. Từ xưa phép trị thiên-hạ chưa từng lấy của không đủ làm lo, chỉ lo không có cái đạo trị của mà thôi. Cái thuật cường-dân phú-quốc của tôi cốt từ ở đây. »

(Vương-an-Thạch, Đào-trình-Nhất dịch-dẫn, Đại-La, tr. 58-62).

Trên đây họ Vương đã xác-dịnh tinh-thần cách-mệnh của mình đối với chế-độ tập-tục đương-thời, nhất là về đường tư-tưởng nho-sĩ. Khổng-tử xưa kia tuy có dạy hai chữ "Tùy-thời" hay "Thời-trung" nhưng nào ai đã có được cái tinh-thần học-hỏi ấy. Ngay sau khi Khổng-Tử mới qua đời mà đệ-tử của Ngài đã chấp vào hình-thức nào làm nhà ở gần mộ đến hết tang, hay là như Tử-Cống ở đó đến hết sáu năm mới thôi.

Bởi vậy mà Vương-an-Thạch phải nhắc lại với vua quan cũng như học-giá trong làng Nho cái ý-nghĩa tùy-thời, bắt chước tiên-vương về tinh-thần chứ không phải bắt chước về hình-thức. Một khi cái học đã đạt được tinh-thần thì tất cả vấn-đề là tìm phương-pháp thực-hiện. Cái học của Nho-gia là cái học để trị thiên-hạ, muốn trị thiên-hạ thì cổ-lai vẫn cốt ở chỗ:

« Nhân thiên-hạ chi lực dĩ sinh thiên-hạ chi tài, thủ thiên-hạ chi tài, dĩ cung thiên-hạ chí phí. 因天下之力以生天下之財, 取天下之財, 以供天下之費. »

Nghĩa là: « Nhân cái sức sẵn có của thiên-hạ mà sản-xuất ra tài-hóa của thiên-hạ, rồi lại lấy tài-hóa của thiên-hạ mà cung-cấp cho sự tiêu-phí của thiên-hạ. »

Tất cả vấn-đề là tìm ra phương-pháp, đường lối để trị thiên-hạ. Nhưng về đường lối thì mỗi thời mỗi khác, mỗi thế mỗi khác, không có thời nào, thế nào giống nhau cả. Thời-thế Xuân-thu khác, thời-thế Chu-công Văn-Vương khác với Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang; thời-thế Nghiêu-Thuấn khác với Tần-Hán, lại thời-thế Tần, Hán khác với thời nay, vì Trung-hoa càng ngày càng mở rộng gấp trăm gấp ngàn lãnh-vực cổ xưa, càng ngày càng giao-dịch với các dân-tộc xa-lạ, phong-tục xa-lạ, khí-hậu thay đổi, tóm lại về lượng cũng như về phẩm, Trung-hoa đời Tống khác với các giai-đoạn lịch-sử về trước, nhất là khác với thời-thế của tiên-vương. Như vậy làm sao có thể bắt chước chế-độ trị thiên-hạ của tiên-vương được? Vậy mà nhà nho uyên-thâm như họ Trình, họ Trương còn ngạo-nhiên thấy Vương-an-Thạch nói đến Tân-pháp 新法. Hèn chi dám hủ-nho-chẳng hùa vào dả-đạo tư-tưởng canh-tân của Vương-an-Thạch.

Tư-tưởng canh-tân cách-mệnh ấy, họ Vương trình bày minh-bạch vào « bài số vạn lời » dâng lên vua Nhân-tôn (Thượng Nhân-tôn hoàng-đế Vạn-ngôn-thư (上仁宗皇帝萬言書)).

Đây là một thiên văn-thư chính-trị hùng-hồn mà đời sau không ngớt xưng-tụng, như Phương-vọng-Khê, danh-nho đời Thanh, phê-bình rằng:

« Những bậc danh-thần đại-nho lúc bấy giờ như họ Âu, họ Tô đều dâng thư điều-trần thời-sự lên vua, nhưng mỗi bức thư hay bàn bạc tỏ bày nhiều việc một lúc, theo lối Giả-nghị dâng sớ chính-sự đời Hán. Duy có bài điều-trần này của Vương-an-Thạch, chỉ bàn nói riêng về một việc, lại khéo bày tỏ tất cả chỗ nên hư xấu tốt của các chế-độ phép-tắc, gài hết vào trong mà nghĩa lý đều liên-lạc thấu-suốt, tinh-thần lại bao-trùm quán-triệt; vì thế cho nên họ Vương cao hơn các ông đồng thời. »

Đây là cả một chương-trình cải-tạo quốc gia, kế-hoạch biến-pháp mà mười năm sau khi họ Vương gặp được sự đãi-ngộ "Minh-Vương Lương-Tê" ở Thần-tôn đã đem ra thi-hành. Nay hãy phân-tích nội-dung của « Vạn-ngôn-thư ».

(còn tiếp)

## « CULTURE LIBRARY »

published by the Directorate of Cultural Affairs  
Department of National Education

Already Published :

- SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents on Vietnamese History)  
by *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dụng*.  
(Culture Library No 1, 246 pages) . . . . . 25\$
- CỒ-ĐỒ HUẾ** (Huế, the Ancient Capital)  
(History, Monuments, Sites and Anthology) by *Thái-Văn-Kiểm*  
(Culture Library Nos 7-8, 487 pages, 53 illustrations and maps). 70\$
- ĐẠI-NAM NHẤT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
The 6 provinces of South Vietnam)  
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
Part I (Culture Library No 2, 152 pages). . . . . 20\$  
Part II (Culture Library No 3, 132 pages). . . . . 15\$
- ĐẠI-NAM NHẤT-THÔNG-CHÍ : TỈNH THANH-HÓA**  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
Province of Thanh-Hoa)  
translated by *A-Nam Trần-Tuấn-Khải*.  
Part I (Culture Library No 4, 122 pages). . . . . 15\$  
Part II (Culture Library No 5, 174 pages). . . . . 15\$
- ĐẠI-NAM NHẤT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
Central Vietnam)  
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
a) *The Capital* (Culture Library No 6, 96 pages). . . . . 15\$  
b) *Provinces of Quảng-Trị and Quảng-Bình*  
(Culture Library No 9, 208 pages) . . . . . 20\$  
c) *Province of Thừa-Thiên*, Part I (Culture Library No 10, 144 pages) 15\$  
Part II (Culture Library No 11, 152 pages) 15\$  
Part III (Culture Library No 12, in press) 15\$
- On sale in all bookshops of the Capital and the provinces, in **THÔNG-NHẤT** (329 Bd Trần-Hưng-Đạo, Saigon) and at the Directorate of Cultural Affairs (266 Công-Lý Street, Saigon).

VŨ-ĐIỀN  
TRƯƠNG-CAM-VINH

## sáu nguyên-tắc về hội-họa của Tạ-Hách<sup>1</sup>

### Tiểu-sử của Tạ-Hách<sup>2</sup>

Sinh tại Nam-Kinh, dưới triều vua Cao-Đề, niên-hiệu Kiến-Nguyên (479) nhà Nam-Tề, mất dưới triều vua Vũ-Đề, niên-hiệu Thiên-Giám (502) nhà Nam-Lương, thuộc thời-đại Nam-Bắc Triều (420-587), Tạ-Hách được biết danh vì tài họa chân-dung và nhân-vật. Dường như ông còn theo cựu-truyền hội-họa, có trước thời Phật-giáo xuất-hiện tại Trung-Quốc. Hai tác-phẩm còn lại của Cồ-Khải-Chi<sup>3</sup> cũng những hình chạm nổi thắp về thời Hán<sup>4</sup> đã cho chúng ta biết đại-khái họa-pháp của ông. Sáu nguyên-tắc về hội-họa sau đây đã được trích ở cuốn *Cổ Họa Phẩm-Lục* do ông soạn và vẫn còn được lưu-truyền cho tới ngày nay.

Sáu nguyên-tắc hội-họa của Tạ-Hách gồm có<sup>5</sup> : (1) Khí-vận sinh-động, (2) Cốt-pháp dụng-bút, (3) Ứng-vật tả-hình, (4) Tùy-loại phó-thái, (5) Kinh-doanh vị-trí, (6) Truyền-mô di-tả.

1 Bài này được viết với mục-dịch tiếp theo bài « Đệ-nhiết danh-họa Trung-Quốc : Ngô-Đạo-Tử », đăng trong *V.H.N.S.* số 80, tr. 615-626.

2 Tạ-Hách (Sie Ho 謝赫 479-502). Xin xem thêm ở ghi-chú số 4 và 7, cũng thuộc bài trên.

3 Xin xem bài « Cuốn tranh Tàu cổ quý của viện British Museum », đăng trong *V.H.N.S.* số 78, tr. 229-235 và số 79, tr. 425-433 cùng ghi-chú số 29 ở trang 428. Xin xem hình số 1 ở tờ phụ-trang của số *V.H.N.S.* này.

4 Xin xem ghi-chú số 30, cũng thuộc bài trên, trong *V.H.N.S.* số 79, tr. 429 và hình số 2 ở tờ phụ-trang của số *V.H.N.S.* này.

5 Sáu nguyên-tắc hội-họa của Tạ-Hách :

Khí-Vận Sinh-Động (Kì yun cheng tong 氣運生動)  
Cốt-Pháp Dụng-Bút (Kou fa yong pi 骨法用筆)  
Ứng-Vật Tả-Hình (Ying wou sie hinh 應物寫形)  
Tùy-Loại Phó-Thái (Sueo lu lou ts'ai 隨類傳彩)  
Kinh-Doanh Vị-Trí (King ying wei tche 經營位置)  
Truyền-Mô Di-Tả (Tch'ouan mou yi sie 傳摹移寫)

[Tập XII, Quyển 5 (Tháng 5, 1963)]

Sáu nguyên-tắc này đã được bàn cãi và phê-bình rất nhiều, từ những nhà văn Trung-Quốc cho đến những nhà khảo-cổ Âu-Châu. Chẳng thể nào đã nêu sáu nguyên-tắc ra mà lại không phê-bình. Văn-đề và nhất là lời giải-thích có tính-cách chuyên-môn và triết-lý đã là nguyên-nhân cho nhiều cuộc bàn cãi dài dòng. Để có một ý-tưởng xác-đáng, chúng ta tìm đến bài bình-luận của ông R. Petrucci. Điều đáng chú-ý là ngay từ thế-kỷ thứ V, một triết-lý về hội-họa đã được ấn-định để làm tiêu-chuẩn cho tất cả mọi tiên-triển của ngành mỹ-thuật ấy và cho tất cả mọi bình-luận sau này về nền hội-họa Trung-Quốc.

### Bình-luận của ông R. Petrucci

Nều chúng ta tìm hiểu nguyên-thủy của các nền văn-minh như của Ai-Cập, Chaldée và Assyrie, thì chúng ta sẽ thấy tính-chất thần-bí trong mọi trình-bày hình-thể đã chiếm phần ưu-thê so với tính-chất hoàn-toàn thâm-mỹ (tỷ dụ: hôn người chết nhập vào pho tượng thờ). Ý-tưởng nguyên-thủy cho rằng phải có ý-nghĩa sáng-tạo tinh-thần trong việc thành-lập một ảnh-tượng và về tức là gây một đời sống huyền-bí cho ngẫu-tượng, ý-tưởng ấy đã được coi như nền-tảng cho mọi quan-niệm thâm-mỹ của những Đại văn-minh Á-Châu thời xưa. Chính dưới quyền chi-phối của những ý-tưởng tương-tự, xảy ra tại Trung-Quốc từ thời Tần đến thời Hậu-Hán, mà những định-thức đầu tiên của nền thâm-mỹ Trung-Quốc đã được thiết-lập. Những ý-tưởng thần-bí của ảnh-tượng đã có thời khá mạnh, và điều này được chứng-minh bởi những chuyện hoang-đường như chuyện một con ngựa của Hàn-Cán<sup>6</sup> vượt khỏi nền tranh giấy và

6. Hàn-Cán (HanKan 韓幹 720-780). Theo truyền-thuyết thì Hàn-Cán, đỗ-đệ trực-tiếp của Tào-Bá (Tsiao Pa 曹霸) họa-sĩ chuyên vẽ ngựa, dường như xuất-thân nghèo, phải làm công cho một cửa hàng rượu, tức là nơi mà thi-họa-sĩ Vương-Duy (Wang Wei 王維) và các bạn của ông thường ngày đến mua chịu rượu để mang theo những cuộc du-ngoan. Một lần, Hàn-Cán đến thu tiền rượu tại nhà Vương-Duy và trong khi chờ đợi, có vẽ nghịch ruộng cát những hình người ngựa. Ngạc nhiên thấy cậu bé có tài và có khiếu hội-họa, Vương-Duy liền cấp cho Hàn-Cán một số trợ giúp hàng năm là 20.000 quan tiền và trông nom việc học vẽ của cậu trong khoảng hơn 10 năm. Đến giữa niên-hiệu Thiệu-Bảo (742-755), Hàn-Cán được vời vào triều và được lệnh theo học phép vẽ ngựa của Trần-Hoành (Tch'en Hong 陳宏 712-742). Nhưng một hôm, Đường Minh-Hoàng nhận thấy Hàn-Cán vẽ khác hẳn lối của thầy, liền hỏi vì sao lại có thể như vậy được, thì Hàn-Cán trả lời rằng: "Thần đã có những thầy riêng của thần: đó là những ngựa trong các chuồng của Đệ-Hạ." \* Về sau, câu này trở nên một trong những danh-ngôn của lịch-sử mỹ-thuật Trung-Quốc.

Trong những bức vẽ ngựa được coi là của Hàn-Cán, có bức *Chiêu-Dạ-Bạch* (Tchao Ye Po 照夜白) của sưu-tập Sir Percival và Lady David ở Luân-Đôn là giá-trị nhất. Bức này là một trong những con ngựa quý của Đường Minh-Hoàng, hẳn là bức tranh khá cũ và có bị sửa chữa vài chỗ. Đây là hình một con ngựa to giống Mông-Cổ. Bị cột vào một cọc, nó có vẻ tức-tối, hung-hăng nhảy động, bồm xù, đầu ngựa lên mà hí. Nhưng về ấy chỉ được nhận thấy rõ-ràng ở phần trước như đầu, cổ, còn móng và chân thì lại kém đẹp, có lẽ vì những chỗ hư đã được sửa không khéo. Đã thế, đuôi lại thiếu. Phải nên chú-ý đến phần đầu ngựa đẹp nhất làm bằng đất vẽ thời Hậu-Hán, vì đã được vẽ theo một kiểu-thức cổ-sơ. Trên bức họa này, ta nhận thấy có đóng nhiều triện của các danh-nhân các thời, như triện của Trương-Ngan-Viên, của Mễ-Phế, của vua Kiến-Long v. v. (Xin xem hình số 3 ở tờ phụ-trang).



Hình số 4

Bảo-tàng Guimet, Paris

### ĐIÀ-TANG-VƯƠNG BỒ-TÁT

giữa Tháp-điện Diêm-Vương

ở dưới: Quan-Âm, một cung-tiễn tín-nữ và những người thị-tông  
 Tranh thờ của động Đôn-Hoàng miền Trung-Á, tìm thấy bởi  
 phái-đoàn khảo-cổ Pelliot - Thế-kỷ thứ X  
 (Tranh vẽ trên lụa. Cao 2m 28, ngang 1m 58)

chuyện một con rồng của Ngô-Đạo-Tứ<sup>7</sup> bay ra ngoài nền tranh lụa.

Mặc dầu phát-sinh từ những ý-tưởng dị-đoan ấy, nền thẩm-mỹ Trung-Quốc đã được thiết-lập trong cuộc tiếp-xúc với những ý-tưởng triết-lý cao-nhã và tinh-khiết hơn. Chính phải nhờ chút ánh sáng Vũ-trụ-quan của Đạo-giáo mà chúng ta tìm hiểu sáu nguyên-tác hội-họa của Tạ-Hách. Chúng ta sẽ thấy vì sao, được tiếp-súc với một tư-tưởng cao-siêu những mẽ-tín dị-đoan thô-lộ lại có thể biến thành một hệ-thống diêm-lệ.

### 1. Khí-vận sinh-động

Đệ-nhất nguyên-tác ám-chỉ nguyên-thủy của Đạo, nguyên-thủy duy-nhất đã thông-trị thế-gian. Nguyên-thủy ấy mà chúng ta gọi là Đạo hay Một Con Đường bao-hàm ý-nghĩa một sức mạnh vô-thủy vô-chung đương chuyên-vận-Đạo là lẽ sinh-tồn của sự chuyên-dịch không ngừng, vừa có tính-cách tương-đôi vi biên-dịch, vừa tuyệt-đôi vi bất-hủ. Khí-vận sinh-động là cái khí không-hư đã cấu-thành bản-thể của vũ-trụ, là nguyên-tố của Vũ-trụ Vạn-Vật. Sự vận-hành bất-tức của Đạo chỉ là một hiện-tượng chính-xác của cái tiết-điệu dịp-dàng đã tràn ngập Vũ-trụ bao-la. Khí-vận sinh-động gây ra sự lưu-chuyển khôn cùng của vạn-vật. Vạn-vật là thành-quả, là phản-ảnh của Đạo. Vạn-vật sẽ biến vào cõi hư-vô nếu lẽ tuần-hoàn vi-đại của Đạo bỗng ngừng. Người họa-sĩ, xuyên qua sự vận-hành của những hình-tượng, phải cảm-thông trước nhất đến cái tiết-điệu của Khí không-hư, của Vũ-trụ nguyên-thủy mà những hình-tượng đã để phát-lộ ra: vượt qua những biểu-diện, người họa-sĩ phải nhận-thức đến nguyên-lý cấu-tạo và tồn-tại của Vũ-trụ.

Bản-thể kỳ-diệu ấy của Đạo chỉ được phát-lộ cho những tâm-hồn sáng-suốt trong quán-chúng. Chỉ những bậc kỳ-tài mới khám phá được bí-quyết ấy. Chỉ những ai đã tiến tới bậc chí-thượng tri-thức như được thần-linh giáng-bút, thì mới có thể, một ngày nào đó, xuyên qua những biểu-diện của các hình-tượng thiên-nhiên, diễn-tả trong một kiệt-tác bất-hủ, cái tiết-điệu dịp-dàng của khối tim Vũ-trụ vô cùng vi-đại ấy.

### 2. Cốt-pháp dụng-bút

Khi đã nhận-thức được giá-trị của nguyên-lý vi-đại mà hình-tượng vén mờ cho những ai biết đọc ra, người họa-sĩ phải tiến sâu vào nơi ẩn náu khuất nẻo của Đạo, chính ngay chôn thâm-huyền của vạn-vật. Cốt-pháp dụng-bút là phổ-diễn đầy đủ mọi cấu-tạo tiềm-tàng. Người họa-sĩ phải nêu ra cái ý-nghĩa của vật-thể chính-xác, phải định rõ đặc-tính của sự cấu-tạo căn-bản đã làm cho vật-thể ấy có cái cá-tính tạm-thời mà nguyên-lý bất-hủ phản-chiếu vào. Đây không phải là nghiên-cứu sự cấu-tạo đáng vóc của vật-thể mà là một lời cao-siêu



Hình số 2

HÌNH CHĂM NỒI THẬP TẠI PHẦN MỘ  
của gia đình họ Võ ở tỉnh Sơn-Đông (in 1931)  
Thời Hán, 147 - 188 sau T. C.

Phật-đoàn Khảo-cử Chouannes

hơn, khiến ta có cái cảm-tưởng như hồi-sinh lại dư-âm của cựu quan-niệm thần-bí về chân-dung-họa. Ngon bút của người họa-sĩ, trong khi nêu luật-định câu-tạo tiếm-tàng phải gây một luồng sinh-khí huyền-diệu cho hình-tượng mà nó đã giải-vi được bản-thể. Kết-quả, trong phương-diện hội-họa, không phải là sự trình-bày thật đúng và khéo-léo, mà là một lối biểu-tượng. Theo lối này, người họa-sĩ phải cương-quyết gạt bỏ mọi thực-tại tâm-thường và trực-tiếp, mà tiền sâu vào thực-tại tâm-huyền rồi nêu ra cái ý-nghĩa tổng-quát của nó.

### 3. Ứng-vật tả-hình

Sau khi đã khám phá được ý-nghĩa của những biểu-diện trong mỗi liên-hệ giữa Khi-vận và sự vận-hành của cuộc đời, sau khi đã thấu-hoạch được khả-năng phát-biểu phần chính-yếu của sự câu-tạo tiếm-tàng, người họa-sĩ đã tới lúc có thể diễn-tả hình-tượng một cách Phù-Hợp với vận-vật sinh-tồn trên thế-gian. Sự ăn ở Phù-Hợp hoàn-toàn với bản-thể của mình hay với thể-chất nhiệm-mầu của Đạo, khi áp-dụng vào con người ta ở đời, gây nên cái ý-tưởng về Thánh-Tinh ở Trung-Quốc. Bởi sự phù-hợp ấy, con người hay Thánh-Nhân trở thành ngang hàng với trời đất. Cũng bởi sự phù-hợp ấy mà hình-tượng vẽ ra trở thành một sáng-tạo chân-chính, và dựa vào tác-phẩm kỹ-thuật, được thực-hiện ngay trong nguyên-lý của Đạo. Tác-phẩm kỹ-thuật trở nên hình-ảnh một thể-giới hoàn-hảo mà những nguyên-tác chính-yếu đều được trình-bày một cách phối theo phép cân-xứng điều-hòa bởi vì mọi vật-thể đều được trình-bày một cách phù-hợp với bản-thể của nó. Như vậy, ta thấy chuyên-vị tới đây, theo chiều-hướng của một triết-lý cao-siêu, cái quan-diểm cổ-truyền về giá-trị thần-bí của chân-dung-họa. Rồi đây, quan-diểm này còn đổi theo mãi mãi con đường tiền-triên của hội họa và giúp nó thiết-lập một nền thẩm-mỹ căn-bản. Lẽ dĩ nhiên những ý-tưởng tương-tự phải diu-dắt người họa-sĩ tìm ra tổng-hợp-pháp cho những hình-tượng rồi diễn-tả, bằng một nét bút trừu-tượng nhưng chắc chắn, tất cả những gì có tính-cách thâm-trầm trong một hình-tượng thiên-nhiên bởi nhờ nó mà những luật-định được phát-lộ. Như thế đã được giải nghĩa cái kỳ-tài tổng-hợp, một đặc-tính của tất cả các nền kỹ-thuật trong toàn khối Văn-Đông vậy.

### 4. Tùy-loại phó-thái

Nguyên-tác thứ tư không phải bao-hàm có mỗi ý-tưởng nhắc lại màu sắc thật sự của vật-thể bằng cách đặt nó lên trên hình-tượng đã được vẽ ra. Phải nên nhận thấy tính-cách bất-dịch của ý-tưởng về giá-trị ảo-diệu trong mọi trình-bày hình-thể tô-tạo: Lấy màu sắc thật rồi Phóng-Chê ra. Màu của bức họa cũng phải có sinh-khí như màu của vật-thể. Màu ấy phải được phân-phối theo lẽ Tương-Tự chính-yếu với màu của mọi vật-thể. Nó cũng phải khỏa

vào đời sống riêng của nó cái lẽ câu-tạo tiếm-tàng mà nguyên-lý bắt-hủ cùng động-tác của Đạo phải được phát-lộ. Trong khi diu-dắt người họa-sĩ đến về giống bề ngoài mà con mắt thường của ta vẫn quen thuộc, thì màu sắc còn phải giúp người họa-sĩ kết-thúc nhiệm-vụ tâm-huyền ấy nữa.

### 5. Kinh-doanh vị-trí

Chúng ta sẽ làm lần một cách lạ lùng nếu chúng ta chỉ xét sơ-sài khoa bỏ-cảnh theo mỗi quan-diểm thẩm-mỹ Âu-Châu. Tư-tưởng Trung-Quốc khác hẳn. Tư-tưởng ấy quan-hệ ngay với nguyên-tác của thư-pháp, nghĩa là gán cho nét bút một đời sống riêng biệt và một ý-nghĩa hẳn hoi. Nguyên-tác này chủ-định đồng-nhất nét bút với tâm-tư hay ý-tưởng mà nét bút diễn tả ra. Trong hội-họa, nguyên-tác này thiết-lập sự liên-hệ giữa nét bút diễn tả với ý-nghĩa tổng-quát của bức họa, tức là nơi hoạt-động của nguyên-tác ấy. Những đường nét bao phủ trên mặt giấy phải tuân theo những luật-định tự-tại của Đạo. Ngay trong việc bôi tranh, phần trên gọi là Thiên bao giờ cũng phải dài gấp đôi phần dưới mà ta vẫn gọi là Địa hay Thổ. Nền thẩm-mỹ Trung-Quốc không bao giờ chấp nhận một bỏ-cảnh mà những đường vẽ cùng những hình-tượng lại như được ném luyên-thuyên trên mặt giấy, chẳng lý-hội gì đến lẽ huyền bí cần phải được nhập vào họa-phẩm. Một sự tùy-thuộc có tính-cách triết-lý phải được thiết-lập giữa các đường vẽ, trong toàn-diện bỏ-cảnh. Một chỗ và chỉ một chỗ thôi phải được dành cho một vài phát-biểu tư-tưởng. Những vị-trí của nét bút và của hình-tượng phải được thiết-lập theo những quan-hệ động-tác với nhau giữa các phần-tử trong toàn khối. Như vậy đã được ấn-định một hệ-thống mà ta có thể gọi là một lối phát-biểu trực-tiếp nguyên-lý điều-hòa của Vũ-trụ.

### 6. Truyền-mô di-tả

Người họa-sĩ sẽ Truyền Đi, theo lối của mình, những hình-tượng của thế-gian và, theo sự vận-hành toàn-diện của Vũ-trụ, mà tiền tới cõi toàn-thiện toàn-mỹ, bằng cách bỏ-tức cho những vật-thể đã tụ-thành những ảnh-tượng hoàn-mỹ hơn, có thể biểu-lộ nguyên-lý và thể-chất huyền-vi của Vũ-trụ. Như vậy bức họa vượt hẳn cái giá-trị vẫn thường được gọi là tô-tạo, để bắt lấy tính-cách trang-nghiêm và thần-bí. Như vậy, hội-họa hiện cho loài người hình-ảnh một thế-giới phải được hiểu như thế nào, trong cái chiều-hướng thiên-toàn. Thế-giới lý-tưởng ấy đã được thực-hiện trong mọi hoạt-động hội-họa, nói dặng từ danh-họa này sang danh-họa khác, khác nào như tiếng vọng của một âm-thanh vi-đại mà vẻ trang-nhã vang lừng trong thiên-hạ.





tạo, bởi vì, dù là thuộc môn-phái nào hay chủng-tộc nào chẳng nữa, thì những luật-định tô-tạo cũng vẫn như nhau cả. Vì thế cho nên tại sao những họa-sĩ thời sau, khi mà những ý-tưởng thần-bí, nguồn gốc của sáu nguyên-tắc, đã dần dần bị lãng quên, đến chung-cực chỉ còn biết thầy ở đây cái giá-trị chuyên-môn và trực-tiếp. Nhưng vững-vàng thay quyên-lục của tính-cách nguyên-thủy, chẳng thể mà đê-nhất nguyên-tắc vẫn phải được thoát-ly khỏi mọi lỗi giải-thích thực-nghiệm, chẳng thể mà cho đến tận ngày nay, tính-cách ấy vẫn còn như một sức mạnh huyền-bí, qui-phụ vào một thiên-tư bẩm-phụ, một trung-triệu thiên-tài.

Trong cuốn *Mãn-Hoa-Ký*, Trương-Ngạn-Viễn<sup>12</sup> đã dành cả một mục để bình-luận về sáu nguyên-tắc của Tạ-Hách. Ông không cho chúng ta một chút giải-thích nào, nhưng chúng tôi cũng xin trích vài đoạn ra đây với mục-đích duy-nhất là để bày tâm lòng tôn-kính của người thời Đường đối với văn-tập của Tạ-Hách. Trương-Ngạn-Viễn viết:

« Không mấy họa-sĩ thời xưa đã làm chủ được cả sáu nguyên-tắc Mặc dù « trong nghệ thuật hội-họa, chính hình-thể là điều phải tìm hiểu, nhưng một vài « người đã biết tả hình-thể mà lại không kể gì đến Cốt-pháp và Khí-vận. Thật « khó giảng cho số đông người hiểu được điều đó. Ta có thể tìm thầy ở họa-phẩm « thời nay chút về giông bề ngoài, nhưng khó nhận thấy phần-hưởng của Khí- « vận. Một bức họa sản phần-hưởng của Khí-vận, thì tất-nhiên sản thêm cả về « giông bề ngoài.

« Trong những bức họa cổ nhất, ý - tưởng thường được tả một cách « ngây ngô bằng một kiểu-thức sơ-sài, thể mà chúng vẫn đẹp và chân-thực lắm. « Trong những họa-sĩ buổi đầu, có Cồ-Khải-Chi, Lục-Thâm-Vi,<sup>13</sup> và mấy « người khác nữa. Những họa-phẩm về thời Trung-Cổ đều được vẽ cân thân « lăm, đầy những chi-tiết tỉ-mỉ, kể ra cũng đẹp lắm. Triển-Tử-Kiến<sup>14</sup>, Trịn- « Pháp-Si<sup>15</sup>, và mấy người khác nữa thuộc vào thời này. Những họa-phẩm trước « đây có vẻ rực-rỡ, sáng-sủa, đầy đủ, như thể cũng đẹp theo một lối riêng « của chúng. Còn những họa-phẩm thời nay thì đầy những lỗi-lầm, mơ-hồ, « thiếu ý-nghĩa, chẳng hơn gì loại tranh hàng do thợ tầm thường vẽ.

12 Trương-Ngạn-Viễn (Tchang yen yuan 張彥遠 thế-ký thứ IX) Xin xem ghi-chú số 3 của bài « Cuốn tranh Tàu... » trong *VHNS* số 78, trang 230.

13 Lục-Thâm-Vi (Lou t'an Wei 陸探微 420-479). Xin xem ghi-chú số 2 cũng ở bài « Cuốn tranh Tàu cổ quý... » trong *VHNS* số 78, trang 230.

14 Triển-Tử-Kiến (Tchan Tseu Kien 展子虔 581-618) vẽ rất tỉ-mỉ những người Man-di và những tích phức-tạp trong những bố-cảnh nặng-nề: Nhân-vật và ngựa của ông rất linh-dộng. Ông đã sáng-lập ra kiểu-thức được chuộng nhất trong thời Đường. Ông là người tiên-khu về ngựa như lối của Hàn-Cán.

15 Trịn-Pháp-Si (Tcheng Fa Che 鄭法士, thế-ký thứ IV). Chuyên vẽ nhân-vật theo họa-phép của Trương-Tăng-Đạo.



stru-lập của Sir Percival na  
Lady David ở Luân-Đôn

NGUYA ĐƯỢC VÀO MỘT CỐC

được coi là của Hàn-Cán (720-780)  
Tranh vẽ bằng mực và được tôn nức bằng màu  
Cao 0 m 30, ngang 0 m 35

Hình 3

« Muốn vẽ giống sự thật, thì phải quan-sát hình-tượng. Nhưng hình-tượng phải có Khí-Cốt (Khí-vận, Cốt-pháp). Khí, cốt, và hình là do chủ-định mà có, và được diễn-tả là nhờ có bút-pháp. Bởi vậy cho nên những ai đã thạo vẽ thì thạo cả viết chữ nữa ».

« Ma và người là những vật mà phần tinh-thần phải được tả thật khéo. Nếu không có phần-hưởng của khí-vận, thật vô-ích là chúng phô bày những hình-dáng đẹp-đẽ. Nếu nét bút không già, dầu có tô điểm nhiều cũng vô-ích. Những tranh như vậy không thể coi là kỳ-diệu được.

« Còn như việc lấy viên-cận, đặt bỏ-cảnh, vẽ phác, như thế là đại-khái lập thành một bức họa.

« Những tranh của Cồ, của Lục, và của những đồ-đệ hai ông thật là hiếm có, nên rất khó phê-bình từng chi-tiết một. Nhưng nếu chúng ta xét đến tranh của Ngô-Đạo-Tử, chúng ta có thể nói rằng tranh của ông đầy đủ cả sáu nguyên-tắc và chúng hoàn-toàn hay cả mọi mặt.

« Hẳn là có vị thần nào đã dẫn-dắt tay ông. Ông sáng-tác đến cực-độ hay và phần-hưởng của khí-vận đã ở ông như một sức hào-hứng mãnh-liệt đến nỗi không thể tự kim trên mặt lụa. Bút-pháp của ông thật là vô cùng táo bạo và linh-hoạt trong những bích-họa mà thời-gian đã làm lờ một cách tàn nhẫn quá chừng. Còn những bức tranh nhỏ của ông thì lại được vẽ rất cẩn-thận. Thật là những thần-phẩm, những kiệt-tác.

« Về 'Truyện-Mô Di-Tá', nguyên-tắc kém quan-trọng nhất trong sáu nguyên-tắc, những họa-sĩ thời nay đã khá thành công trong việc tả hình-thể bề ngoài, và đã lấy được ít nhiều về giống, nhưng họ vẫn không thể tả được phần-hưởng của Khí vận. Những tranh của họ có thể khá rực-rỡ vì làm màu, nhưng phần bút-pháp thật chẳng đáng kể. Sao lại có thể gọi là công việc của hội-họa được? Thật quá những họa-sĩ thời nay chưa tới trình-độ nghệ-thuật!

« Những họa sĩ thời nay đã pha trộn bụi bản vào bút mực của họ, bùn dơ vào màu vẽ của họ, họ thật chỉ làm bản lụa thôi! Như vậy, sao có thể gọi là tranh được! Thời xưa, những đại danh-họa toàn là có học rộng, có tài cao, có tâm-hồn cao-quí, toàn là những thi-nhân, những bậc thượng-quan, tuy đã lui về ẩn-dật mà còn ảnh-hưởng nhiều vào thế-sự, mà tên tuổi trải bao niên-kỷ vẫn còn truyền-tụng đến chúng ta. Lẽ dĩ nhiên không phải những hạng ngu-si, hèn-hạ, vô-dụng có thể làm được những việc mà những người ấy đã làm!»

(còn tiếp)



Hình 4

CHÍN HỒNG TRONG MÂY VÀ SÔNG  
(Những chi-tiết trong một cuộn dài, Cao 0 m 46, dài 10 m 96)  
của Trần-Dung (thứ-kỳ thứ XIII)  
Thấy mực trên giấy, được tôan nhẹ bằng màu

Museum of Fine Arts, Boston

« COLLECTION CULTURE »

éditée par la Direction des Affaires Culturelles  
Département de l'Éducation Nationale du Việt-Nam

Déjà parus :

- SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents sur l'Histoire du Việt-Nam)  
par *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dũng*.  
(Collection-Culture No 1, 246 pages) . . . . . 25\$
- CỒ-ĐỒ HUẾ** (Huế, Ancienne Capitale)  
(Histoire, Monuments, Sites et Anthologie) par *Thái-Vân-Kiểm*.  
(Collection-Culture Nos 7 et 8 réunis, 487 pages  
avec 53 illustrations et cartes). . . . . 70\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**  
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié :  
Les 6 provinces du Sud Việt-Nam)  
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
Tome I (Collection-Culture No 2, 152 pages). . . . . 20\$  
Tome II (Collection-Culture No 3, 132 pages). . . . . 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TỈNH THANH-HÓA**  
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié :  
Province de Thanh-Hóa)  
traduit par *A-Nam Trần-Tuấn-Khởi*.  
Tome I (Collection-Culture No 4, 122 pages). . . . . 15\$  
Tome II (Collection-Culture No 5, 174 pages) . . . . . 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié : Centre Việt-Nam)  
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
a) *La Capitale* (Collection-Culture No 6, 96 pages) . . . . . 15\$  
b) *Provinces de Quảng-Trị et Quảng-Bình*  
(Collection-Culture No 9, 208 pages) . . . . . 20\$  
c) *Province de Thừa-Thiên* : Tome I (Collect-Cult. No 10, 144 pages) . 15\$  
Tome II (Collect-Cult. No 11, 152 pages) . 15\$  
Tome III (Collect-Cult. No 12, à paraître) . 15\$
- En vente chez tous les grands libraires à Saïgon comme en province, chez  
**THÔNG-NHẤT**, dépositaire général (329 Bd. Trần-Hưng-Đạo, Saïgon) et à la  
Direction des Affaires Culturelles (266 Bd. Công-Lý, Saïgon).

WASHINGTON IRVING

*truyện Rip Van Winkle*

*Washington Irving là một văn-gia của thời-đại lãng-mạn Hoa-Kỳ, sinh năm 1783 ở Nữu-Uớc và mất năm 1859 ở Sunnyside về phía nam Washington. Trong số những tiểu-thuyết của ông, truyện RIP VAN WINKLE được nổi tiếng nhất. Truyện này ông viết khi còn ở bên Anh-Quốc và gọi đăng lần đầu tiên trong cuốn thứ nhất của loại sách The Sketch Book*

*Thời ấy, theo lời Sir Walter Scott đề-nghị khado-cứu các truyện cổ-tích nước Đức, nên Irving đã đọc nhiều sách của Otmar, của Laun v. v. . . và nhân đó tìm ra cốt truyện cho tập RIP VAN WINKLE.*

*Trước Irving, đã có những nhà văn dùng Mỹ-Châu làm khung-cảnh cho các câu truyện của Cựu-thê-giới, ví-dụ như Charles B. Brown đã viết nhiều đật-sự Gô-Tích trong khung-cảnh các tiểu-bang Pennsylvania và Nữu-Uớc, song phải đợi tới Irving thì công việc này mới thực thành-công.*

*Tới năm 1865, truyện RIP VAN WINKLE lại được soạn thành thoại-kịch và do tài-tử danh tiếng là Joseph Jefferson thủ vai chính. Trong vai này, Jefferson đã lấy làm mãn-y nhất qua 71 năm lăn lộn ở kịch-trường.*

*RIP VAN WINKLE là một truyện lý-thú do một tác-giả « thiên-tài » viết ra, văn-pháp tuyệt-bất dềm nổi đã trở thành tác-phẩm cổ-điển giá-trị trong bộ-môn truyện ngắn Hoa-Kỳ, để cùng với tập The Legend of Sleepy Hollow được dùng trong chương-trình Trung-học hiện nay.*

*Ai đã từng du-lịch ngược dòng sông Hudson đều nhớ tới rặng núi Kaatskill. Núi này là một ngành biệt-lập thuộc dãy đại-sơn Appalachian, có thể nhìn thấy từ xa phía tây-ngạn sông, đứng chênh-vênh hùng-vi, chề-ngự cả một vùng rộng lớn. Cứ mỗi khi tiết trời thay đổi hay thời-khắc qua lại thì màu sắc và hình-dáng*

[ Tập XII, Quyển 5 (Tháng 5, 1963) ]

núi cũng chuyển theo, khiến dân trong vùng đã coi núi như những chiếc phong-vũ-biểu hoàn-hảo. Gặp thời-tiết đẹp thì núi hiện màu xanh lam và in những nét bạo-dạn trên nền trời chiếu sáng rực, nhưng nếu gặp khi trời quang đặng không chút mây vẫn thì hơi nước tụ lại chung-quanh đỉnh núi thành hình chớp nón, rực-rỡ như những chiếc vương-miền lấp-lánh trong ánh nắng tà.

Dưới chân là một làng có những căn nhà mái gỗ hiện sáng giữa vùng cây cối. Đồi lán khói nhẹ ở các nhà đó tủa vào màu xanh lam của cảnh trên rồi tan dần và biến thành màu lá cây mát dịu, trường chừng như phảng-phất quanh mình. Đây là một khu làng rất lâu đời, do những người di-dân Hà-Lan lập từ ngày mới khai-phá vùng này, vào lúc bắt đầu chính-phủ Peter Stuyvesant (ông Stuyvesant người thật tốt, ta hãy cầu-nguyện cho ông được tịnh-độ siêu-sinh!). Ở đây từ vài năm qua, những người di-dân đầu tiên đã xây nhà bằng thứ gạch nhỏ màu vàng đưa tự Hà-Lan sang, nhà nào đứng trước cũng có cửa sổ đan, có trường hình tam-giác chắn, và trên nóc đều dựng phong-tiểu.

Từ ngày xưa, khi làng này còn dưới quyền cai-trị của người Anh, tại một ngôi nhà tiêu-tụy vì thời-gian và hư-hoại vì mưa gió, đã sống một người tinh-tinh chắt-phác giản-dị tên là Rip Van Winkle, thuộc dòng-giới anh-dũng các chiến-sĩ từng theo Peter Stuyvesant bao vây pháo-đài Fort Christina. Tuy dòng-giới anh-hùng nhưng Rip Van Winkle lại thừa-hưởng rất ít cái tinh-thần thượng-võ của tổ-tiên. Trên đã nói tinh-tinh Winkle đơn-giản và nhân-hậu, nhưng hơn thế, bác ta còn là một người láng-giếng tốt bụng và một người chồng biết vâng lời và sợ vợ. Có lẽ vì sợ vợ mà Winkle được nổi danh là người hiền lành, bởi những kẻ ở gia-đình đã phục-tòng kỷ-luật vợ thì đời với xã-hội cũng là những người ngoan-ngoãn hiền-hòa. Trong cái lò lửa nóng sức của những gia-đình khe-khắt ấy, chắc-chắn tinh-nết họ đã được hun-đúc để trở nên hết sức mềm dẻo, và một bài học vợ dạy bên song sẽ có giá-trị bằng tất cả các lời khuyên-giảng trên hoàn-cầu về những đức-tính kiên-tâm nhân-nại. Ở trường-hợp này, về một vài phương-diện, người vợ dữ có thể được coi như một phúc lành khả-dung, và như thế thì Rip Van Winkle đã được ban phúc lành tới ba bận. Cũng vì lẽ đó mà bác rất được các bà trong làng quý mến, họ thường bênh-vực bác trong những vụ cãi lộn gia-đình, và mỗi buổi tối có dịp ngồi lê trò truyện là họ không quên đề tất cả tội-lỗi lên đầu vợ bác. Trẻ con trong làng cũng rất yêu mến Winkle, cứ mỗi lần gặp bác là chúng lại vui-vẻ reo mừng. Bác thường làm đồ chơi và nô-dùa với chúng, dạy chúng thả diều, bắn bi hoặc kể cho chúng nghe những chuyện dài về người da đỏ hay về yêu-quái. Cho nên hễ ra

khỏi nhà là lập tức bác bị bẫy trẻ bao vây, níu lấy áo hoặc leo lên lưng, chòng ghẹo đủ trăm hình nghìn lối mà không sợ bác quở mắng. Suốt một vùng, bác đi tới đâu cả đèn chó cũng không con nào dám sủa.

Tuy bản tính bác Rip rất đáng quý, song bác lại phạm một điều đáng tiếc là quá thờ-ơ với những công-việc ích-lợi cho chính mình. Nói là vì thiếu căm-mẫn và kiên-nhẫn thì không đúng hẳn, bằng cứ là bác có thể ngồi câu cá suốt ngày trên một hòn đá ướt, tay cầm chiếc cần nặng chiu như ngọn giáo-trường của quân Thất-Đất câu mãi dù chẳng mấy khi được cá, hoặc vác một khâu súng trên vai lang-thang suốt ngày trong rừng rậm, lội qua các vũng lầy, trèo đèo xuống dốc để săn vài con sóc hay bó-câu rừng mà không thấy mệt-mỏi. Đồi với láng-giếng, bác không bao giờ từ chối một sự giúp đỡ nào dù là rất khó nhọc, ví-dụ như với đàn ông trong ngày hội, bác thường là người đứng đầu để làm các công việc say ngò, xây vách đá v.v., và với đàn bà thì bác rất nhanh nhẹn để đi mua bán lật-vật hộ hoặc làm các tạp-vụ linh-tinh mà có khi các ông chồng họ đã trẻ nãi không làm. Nói tóm lại, bác Rip sẵn-sàng giúp mọi người, nhưng đời với công việc của riêng bác, như săn-sóc nhà cửa hay trông coi vườn đất thì bác lại thấy chịu không làm được. Bác thường tuyên-bổ là dù bác có làm việc nhà cũng chẳng ích-lợi gì, kể cả vùng thì trại của bác là khu đất xấu nhất, trong đó mọi vật đều trái với ý muốn và chẳng ra đâu vào đâu cả. Nào hàng rào trại thì luôn luôn đổ nát, có con bò cái thì nếu không đâm hại vườn rau thì lại lạc phải mắt công đi tìm, nào hễ bác có công việc làm bên ngoài là y như giờ bắt đầu mưa, còn có hoang trong trại thì nhất định mọc mau hơn mọi chỗ. Thành thử mặc dầu di-sản để bác trông coi cứ rút nhỏ dần từng sào một, cho đến khi chỉ còn sót có một khoảnh trống ngò và khoai, nó vẫn là cái trại tối-tàn nhất trong vùng.

Con cái bác cũng vậy, đều rách-rưới hoang-tàng như những trẻ vô-thừa-nhận. Đứa con gái là một thằng ranh giông bác như đúc, cả về tinh-tinh cũng như về y-phục. Người ta thường thấy nó chạy lon-ton như ngựa con theo gót ngựa mẹ, mặc cái quần rộng thùng-thình ông bỏ thối cho, cứ phải lấy tay sách lên một cách khó-nhọc như một thiếu-phụ nằng tã áo dài thướt-tha trên đường xấu.

Tuy vậy bác Rip Van Winkle vẫn là một trong số những người sung-sướng với cái khí-chất ngỗ-nghech, cho đời là dung-dị. Việc ăn uống của bác rất dễ-dãi, bánh mì thì bột trắng hay không trắng cũng chẳng sao, bằng lòng với mọi thứ miễn là không phải nghi-ngợi hoặc khó-nhọc chi nhiều. Bác thuộc loại người thả chịu chết đói với một xu hơn là phải làm việc để kiếm lấy một đồng-bạc. Nếu cứ để mặc như ý, thì có lẽ cả đời bác chỉ huýt sáo một cách hoàn-

toàn sung-sướng cho qua ngày tháng, nhưng khôn nổi bà vợ lại luôn luôn phân-nân la-lỗi về tính lười-biếng cầu-thả của bác cũng sự suy-đổi mà bác đương đem lại cho gia-đình. Sáng, trưa, tối, bác Rip gái cứ liên-tiếp kêu-ca, và bắt cứ điều gì bác gái nói hay việc gì bác gái làm cũng là đầu-đề cho bác gái phân-nân thao-thao bất-tuyệt. Để trả lời loại diễn-từ khó chịu ấy, bác Rip chỉ có một cách (dùng mãi đã thành thói quen) là nhún vai lắc đầu và nín thinh ngửa mặt nhìn gò. Nếu vào trường-hợp quá lắm không chịu nổi, bác sẽ lặng-lẽ rút ra khỏi nhà và thực ra thì chỉ ở ngoài đường may ra những kẻ sợ vợ mới có được chút quyền hành mà thôi.

Trong gia-đình, đệ-tử độc nhất của bác Rip là con chó Wolf, cũng sợ sệt nhút-nhát như ông chủ. Bác Rip gái coi cả thầy lẫn tớ như một đôi bạn lười, và thường rất khắt-khe với con Wolf vì bà cho nó là cái nguyên-nhân khiến chủ bị lảm-đường lạc-lỗi.

Đã đành rằng nếu xét về tính-nết của một con chó tốt thì nó rất can-đảm ngang với loại chó dẫn lối trong rừng, song thử hỏi lòng can-đảm nào có thể chịu-đựng được những sự khùng-bồ liên-miên và dữ-dội của một người đàn-bà hay nói? Hễ vào đền nhà là con Wolf chỉ len-lén bước, đầu cúi gục, đuôi buông thõng hoặc cuộn giữa hai chân sau, mặt đầy vẻ khiếp-sợ và luôn luôn liếc nhìn bà Winkle, để hễ hơi thầy cái cán chổi hay cái môi vung lên là vừa cảm cổ chạy như bay ra cửa vừa sủa ầm-ì.

Cảnh sống của Rip Van Winkle trong gia-đình cứ kéo dài hết năm ấy sang năm khác như thế khiến bác càng ngày càng thêm điều đứng: có bao giờ tính khắt-nghệt của đàn-bà khi về già lại trở nên hiền-dịu được, và cái lười nhọt của người ta chẳng phải là thứ khí-cụ càng dùng càng sắc bén đó sao! Mỗi khi bị bắt buộc phải lánh ra khỏi nhà, đã có dạo bác Rip thường tự an-ủi bằng cách đến thăm một nhóm các nhà hiền-triết và các nhân-vật vô-công rói-nghe trong làng. Cái câu-lạc-bộ thường-trực của bọn người này thường họp trên một chiếc ghế dài phía trước cái quán trọ nhỏ treo tấm hình Hoàng-đế George Đệ-Tam mặt đỏ gay làm bằng hiệu. Ở đó, trong những ngày hè dài dằng dặc, họ chẳng làm gì ngoài sự ngồi bàn-tán việc làng một cách lo-đăng hay kể những chuyện dài-dòng buồn ngủ chẳng ra đầu vào đâu. Nhưng trái lại, nếu tình-cờ họ nhặt được một tờ báo cũ nào do du-khách bỏ quên thì cuộc bàn cãi sẽ sâu-xa sôi-nổi, mà thắng-hoặc bắt cứ nhà chính-trị nào qua đó được nghe sẽ lấy làm thích-thú. Họ mới nghiêm-nghị làm sao khi họ nghe thầy giáo Derrick Van Bummel, một học-giá người bé nhỏ nhưng

đông, đọc chậm-chạp các bài báo, dù gặp chữ khó-khăn nhất trong tự-vị cũng không thầy bị lúng-túng! Họ mới khôn-goan làm sao khi họ nghị-luận về các công việc đã xảy ra từ vài tháng trước!

Những ý-kiến của nhóm người này đều hoàn-toàn đặt dưới sự kiểm-soát của ông Nicholas Vedder, vừa là một bực lão-trưởng trong làng vừa là chủ cái quán trọ nói trên. Từ sáng tới tối, ông luôn luôn ngồi trước cửa dưới bóng một cây to đủ để tránh nắng cầu rợp, thành thử lãn-bàng có thể cứ nhìn ông cũng biết được thời-khắc đúng như trên một cái nhật-quy. Thật ra thì ông ít nói nhưng hút thuốc luôn miệng. Thế mà những giáo-đồ của ông (vi-nhân nào là chẳng có đệ-tử) đều hoàn-toàn hiểu ông và biết cách lượm-lặt ý-kiến của ông. Khi ông không bằng lòng hoặc tức giận vì một bài báo hay một câu chuyện nào thì người ta nhận thấy ông hít mạnh điều thuốc và luồn luồn thở ra những làn khói ngán; nhưng khi nào khoái trí thì ông điềm-tĩnh hút điều thuốc một cách chậm chạp rồi thở ra thành những đám mây nhẹ nhàng êm ả, hoặc đôi khi lại rút điều thuốc ra khỏi miệng để cho làn khói thơm cuộn bốc trước mũi rồi nghiêm-nghị gật đầu tỏ vẻ tán-thành.

Đã đến thế mà rút cuộc bác Rip vẫn bị bà vợ dữ tợn đuổi ra khỏi cái thành-tri đó. Bác Rip gái thường bất-thình-linh xông vào giữa buổi họp yên-tĩnh để phá-khuây và gọi các hội-viên là những đồ vô-giá-trị. Cả đèn nhân-vật cao-cả nhất là ông Nicholas Vedder cũng chẳng được miệng lưỡi của bà nghiệt-phụ kiêng nê, mà còn bị buộc tội một cách ráo hoảnh rằng đã khuyển-khích bác Rip gái quen thói ăn-không ngồi-rồi.

Sau cùng, bác Rip hầu như thất-vọng hẳn. Muốn tránh khỏi phải làm-lụng trong trại và thoát sự day-dứt của bà vợ mồm loa mép giải, bác chỉ còn mỗi cách là cắm sừng vào rừng sâu. Ở đó, thỉnh-thoảng ngồi dưới gốc cây để chia lương-thực trong túi dật với con chó Wolf mà bác thương mến coi như một người bạn thân trong cảnh bị hành-hạ khổ-sở, bác thường nói: «Khôn nạn Wolf ơi, bà chủ bắt mày sống cuộc đời một con chó, nhưng không cần con ạ, hễ ta còn sống thì bao giờ mày cũng có một người bạn thiết bên cạnh!» Con Wolf liến vẫy đuôi, nhìn ông chủ như có vẻ suy-nghi, và nếu giông chó có thể cảm-thông được lòng thương xót thì chắc rằng nó sẽ hết lòng để đến-đáp lại cái tình-cảm đó.

Trong các cuộc đi chơi dài thường-lệ như thế, vào một buổi trời thu đẹp, bác Rip đã vô tình lên tới ngọn một trong những đỉnh núi cao nhất của rặng Kaatskill. Bác mê mải với thú thích nhất là săn bắn sóc và những tiếng súng của bác vang lên nhiều lần trong khu rừng hoang-tịch. Khi bóng chiều đã ngã, bác thở hồn-hển và mệt-mỏi ngồi phịch trên một quả đồi chia ra bên vách núi,

cỏ mọc xanh rờn. Do một chỗ cây thưa, bác có thể nhìn thấy cả một vùng rộng vài dặm toàn những rừng cây san-sát. Đứng xa ở tít dưới chân, bác thấy dòng sông Hudson đang lặng lẽ trôi, phản-chiếu một đám mây hồng hay một cánh bướm lơ-lửng có lúc như ngủ quên trên mặt nước sáng như gương và sau cùng đi khuất vào những sơn-cảnh xanh-lam.

Bên bờ bên kia, bác nhìn xuống thấy một hàng núi sâu mọc lôm-chôm, đầy vẻ hoang-vu tịch-mịch. Tia nắng của mặt trời chiếu tỏa ánh sáng lờ-mờ xuống đáy thung-lũng ngồn-ngang những tảng đá rơi từ các vách núi nghiêng ngả hai bên. Bác Rip cứ nằm dài để chăm-chú ngắm cảnh-trí đó rất lâu. Trời tối dần và núi đã bắt đầu in những bóng xanh dài xuống lòng khe sâu thẳm. Bác nhận thấy mình đã vui cảnh ở lại quá lâu, bây giờ có về thì cũng phải khuya mới tới nhà, nên thờ dài buồn nản nghĩ đến những sự khủng-bổ của bà vợ lắm điều đang chờ đợi.

Lúc bác sắp trở xuống thì chợt nghe thấy có tiếng gọi « Rip Van Winkle! » từ đằng xa vọng lại. Bác nhìn chung quanh nhưng chẳng thấy ai trừ một con quạ đang lè-loi bay qua các đỉnh núi. Cho đó chỉ là tưởng-tượng, bác định bước đi thì lại nghe thấy tiếng gọi Rip Van Winkle! Rip Van Winkle! vang trong bầu không-khí tinh-mịch của trời chiều. Con Wolf sù lông sủa một hơi dài rồi đến bên chủ, mắt len-lét nhìn xuống hàng núi phía dưới. Lúc ấy bác Rip bàng-khuáng sợ hãi, liến trống theo về phía đó thì thấy một người, lom khom như mang vật gì nặng trên lưng, đang chậm chạp đi lên. Bác lấy làm lạ sao ở giữa nơi vắng-vẻ vào giờ này mà còn có người, nhưng sau cho rằng đó là một kẻ nào ở vùng lân-cận cần sự giúp đỡ nên bác vội chạy tới.

Càng đến gần bác càng ngạc-nhiên vì hình-dung cổ-quái của người lạ mặt. Người ấy đã có tuổi, mập, thấp, tóc bù xù và râu đã hoa râm. Y-phục thì theo lối Hà-Lan cổ: áo vải ngắn thật ngang lưng, quần mặc kép vài ba cái, cái ngoài rộng thùng-thình bên ông có hàng khuy chạy dài từ trên xuống dưới và quãng đầu gối rộng phình ra.

Vai vác một cái thùng lớn hình như đầy rượu, người ấy ra hiệu cho bác Rip lại gần để mang giúp. Tuy hơi ngỡ-ngang và ngờ- vực, bác cũng nghe theo ngay với vẻ sốt-sắng như mọi khi. Thế rồi cứ thay phiên nhau vác, hai người leo lên một cái hốc hẹp trông như cái lòng suối cạn. Trong khi đi thỉnh thoảng bác lại nghe thấy những tiếng ầm ầm kéo dài như tiếng sấm ở đằng xa phát ra từ khe núi sâu hay là từ cái hẻm giữa những tảng đá cao, đầu con đường gập-ghenh mà hai người đương đi tới. Bác ngừng một lát rồi lại tiếp tục tiến bước, cho đó chỉ là tiếng sấm của những cơn giông gần thường có trên các đỉnh núi cao. Sau khi đi hết khe núi thì hai người tới một cái

thung-lũng nhỏ, giống như cái vòm rạp hát hình tròn, chung quanh có vách đá dựng đứng và trên bờ cao thì cây-cỏ mọc san-sát, cành lá rậm-rạp khiến ta chỉ có thể nhìn thấy những khoảng trời xanh nho-nhỏ hoặc một vài đám mây chiếu. Bác Rip cùng người bạn đường vẫn cứ lặng-lẽ khó nhọc tiến bước, vì tuy kính-ngạc hết sức không hiểu mục-dịch mang thùng rượu lên núi hoang này để làm gì, nhưng ở người lạ mặt có cái gì dị-kỳ khó hiểu khiến bác Rip sợ hãi không dám thân-mặt hỏi-han.

Đi sâu vào cái thung-lũng hình tròn lại thấy hiện ra nhiều sự mới lạ nữa: khoảng giữa chỗ mặt đất phẳng, có một bọn người đang chơi lăn bóng. Y-phục của họ đều theo kiểu kỳ-quái dị-dạng: người thì áo chẽn, kẻ thì áo ngắn nửa chừng, thắt lưng dạt dao dài, và phần đông đều mặc quần rộng thùng-thình giống kiểu quần người dân-đạo. Mặt mũi họ cũng lạ-lùng, một người mặt to râu dài mắt ti-hí như mắt lợn, còn một người khác thì hình như cả bộ mặt chỉ có cái mũi to lớn, đầu đội mũ trắng hình bánh đường ngắt-ngưỡng có chiếc đuôi gà đỏ thò ra. Tất cả bọn họ đều có râu cằm, đủ kiểu, đủ màu. Đứng chỉ-huy cả bọn là một ông già mập mạp, nét mặt có vẻ dày dặn phong-trần, mình mặc áo chẽn có dua, thắt lưng to bản gắn dây đeo dao, mũ lông quá cao, bi-tắt đỏ và đi giày cao gót điềm hoa hồng. Cả bọn làm cho bác Rip nhớ đến những nhân-vật ở một bức tranh cổ của người Flamand đã được mang từ Hà-Lan sang từ hồi di-cư và hiện bày tại phòng-khách viên mục-sư trong làng là ông Dominie Van Snaick.

Điều mà bác Rip thấy lạ-lùng đặc-biệt là tuy những người ấy hiện-nhiên đương chơi bóng mà họ vẫn nghiêm-trang giữ nét mặt im lặng bí-mật, thật là một bọn người chơi đùa một cách buồn-rầu nhứt mà bây giờ mới được gặp. Không có cái gì phá tan sự yên-lặng của cảnh đó trừ tiếng quả bóng gỗ lăn đập vào vách núi vang lên như những hồi sấm động.

Khi Rip và người lạ lại gần thì bỗng-nhiên họ thôi không chơi nữa và nhìn bác tròn chọc bằng cái nhìn sừng-sững như tượng đá. Về mặt lạ-lùng vừa quái-gờ vừa lờ-ờ của họ làm cho bác Rip thấy như tìm ngừng đập và đầu gối thì run cầm-cập. Lúc ấy người cùng đi với Rip bèn đổ rượu trong thùng vào những chai lớn rồi ra hiệu cho bác đem chuộc mọi người. Bác run sợ vâng lời còn họ thì lặng lẽ uống xong lại quay ra chơi bóng.

Dần dần rồi bác Rip cũng thấy bớt sợ, và nhận lúc không ai để ý bác đánh liểu uống ngay một hớp rượu mà bác đoán chắc là thuộc loại Hà-Lan mỹ-tửu. Tất nhiên là bác đương khát nước lắm, và sau khi hớp một chút bác cứ thấy thêm uống mãi. Thế rồi hớp nọ liên-tiếp hớp kia, chai này theo chai khác

đền nổi sau cùng bác thầy thần-trí mỗi-một, mắt hoa lên và gục đầu xuống mà ngủ mê-man bất-tĩnh.

Bác ngủ bao lâu không biết, nhưng đến khi thức dậy bác thầy mình vẫn ở trên ngọn đồi cỏ xanh, chỗ mà bác đã thoạt nhìn thấy người lạ ở hang núi leo lên. Bác rụi mắt. Trời đã sáng rực trong ánh nắng chan-hòa. Chim chóc riu-riú ca hát trong các bụi cây và con phượng-hoàng đang vươn cổ lượn vòng tròn trên khoảng trời cao xanh mát. Bác nghĩ thầm: lẽ nào mình đã ngủ suốt đêm ở đây. Rồi bác nhớ lại những việc đã xảy ra, nào người lạ mặt với thùng to-nô rượu, nào cái khe núi, nào cuộc du-sơn kỳ-lạ, nào bọn người quái-dân chơi lân bóng, nào chai rượu... «Chà! chai rượu, cái chai rượu khôn nạn ấy!» Bác thầy ngại-ngùng không biết bây giờ về nhà sẽ nói với vợ ra sao.

Bác nhìn chung quanh để tìm khẩu súng sạch sẽ lau dầu mỡ cẩn thận, nhưng không thấy. Bên cạnh bác chỉ có một khẩu súng cũ kỹ, lòng thép rỉ đặc, cò bằm gãy rời và báng gỗ thì một ăn gần hết. Lúc này bác ngỡ rằng đã bị bọn du-dăng trông đạo-mạo ở trong núi trêu ghẹo, đổ rượu cho bác uống say mềm để lấy cắp súng. Con Wolf cũng biên đầu mắt, bác đoán có lẽ nó chỉ quanh-quẩn đầu đây để đuổi đây đi theo sóc hoặc gà gô. Bác huyết sáo rồi kêu tên nó để gọi nhưng đều vô ích, chỉ thầy hồi-thanh nhắc lại tiếng huyết sáo và tiếng gọi chó chó thì vẫn biệt tâm.

Bác quyết-định trở lại chỗ bọn lạ mặt chơi bóng tối qua để nêu gắp người nào sẽ đòi lại chó và súng. Nhưng lúc đứng dậy đi, bác thấy các khớp xương cứng nhắc và trong người thiếu hẳn sức hoạt-động mọi khi. Bác lại nghĩ là mình ngủ trên núi thật không hợp, ví dụ sau cuộc đi chơi này mà bị tê-thấp ốm liệt giường thì thật khổ với bà vợ. Bác vát và mới xuống được hàng núi phía dưới, tới chỗ khe mà hôm trước cùng người lạ đi qua, bác rất kinh-ngạc thấy một ngọn suối đang tung bọt chảy trên các tảng đá làm cho cả hang núi đầy tiếng róc-rách nước khua. Phải cố sức lắm bác mới tìm được lối đi men bên sườn đá và len-lỏi khó nhọc qua những bụi rậm cây hoa, cây trường, cây trăn, thỉnh-thoảng lại vấp ngã hoặc vướng vào những rễ nho dại cuốn từ cây này sang cây kia như là chằng lưới giữa lối.

Sau cùng, bác Rip cũng tới được chỗ khe núi đá mở rộng bên vách thành hình vòm rạp hắt tròn, nhưng chẳng còn lại vết tích gì cả. Tại đây chỉ thấy những tảng đá lăn chồng chất thành một bức tường kiên-cố có thác nước đổ từ trên cao xuống, sỏi bọt lăn tăn rồi rơi vào một cái vũng sâu dưới bóng cây rừng xanh om. Lẽ dĩ nhiên là bác Rip đến chỗ này thì phải dừng bước. Bác lại kêu, lại huyết sáo để gọi chó, nhưng trả lời bác chỉ có tiếng quàng-quạc của một đàn quạ lo-lừng đùa rên trên

không quanh một cái cây khô ngả bóng xuống vực đáy ánh nắng. Đàn chim này yên-ôn trên cao hình như đang nhìn xuống mà chề-riêu sự hoang-mang của con người khôn nạn. Làm thế nào bây giờ? Đã gần trưa và bác thầy đói bụng vì chưa được điếm-tâm. Bác buồn vì không tìm thấy súng và chó lại thêm nỗi sợ phải gặp vợ, nhưng cứ ở trên núi mà nhìn đôi cũng không xong. Bác lắc đầu chán-ngán, vác khẩu súng ri lên vai rồi trong lòng tràn-ngập lo-âu bồi-rối, cò lẩn lỏi quay gót trở về nhà.

Khi gần đến làng gặp mấy người lạ làm bác ngạc-nhiên vì xưa nay bác vẫn tưởng mình quen hết mọi kẻ trong vùng. Y-phục của mấy người này cũng khác chứ không theo kiểu mà bác thường biết. Họ trông-trọc nhìn bác một cách ngạc-nhiên không kém, và mỗi khi ngẩng lên trông bác họ lại dơ tay vuốt vào cằm. Cứ như thế nhiều lần làm bác cũng phải bất-chước, và kinh-hoàng nhận thấy bộ râu của mình đã mọc dài đến một thước.

Khi vào đến làng, bác lại bị một lũ trẻ con vừa reo-hò vừa chỉ-trỏ vào bộ râu. Những con chó cũng nhắt tể sủa vang vì chẳng còn con nào bác có thể nhận là quen-thuộc. Chính làng bác cũng thấy nhiều sự thay-đổi lớn: đất-đại phò-xá có vẻ rộng-rãi hơn trước và dân-chúng thì đông-đức thêm nhiều. Những căn nhà mà bác thường qua lại quen-thuộc thì biên đầu mất cả và thay vào đó lại là những dãy phố mới cất mà bác chưa từng trông thấy bao giờ. Trên các cánh cửa có viết những tên lạ, trong nhà nhòm ra có những bộ mặt cũng lạ, cái gì cũng lạ cả. Tâm-trí bác bị xáo-trộn và bác thầy ngờ-vực không hiểu có phải bác và thế-giới chung quanh đã bị mê-hoặc không. Chắc-chắn đây là nơi chôn rau cắt rốn của bác vừa bỏ đi có ngày hôm trước chứ gì! Kia là rặng núi Kaatskill vẫn chênh-vênh xừng xững, còn đó là dòng sông Hudson trắng như bạc vẫn lặng-lẽ chảy tới từ đằng xa, đồi núi thung-lũng đều nguyên vẹn như trước làm cho bác Rip thật hoang-mang cơ-cực. Bác nghĩ thầm chai rượu tối hôm qua đã làm đầu-óc bác thành u-mê ám-chương.

Phải khó-khăn bác mới tìm thấy nhà và khi tới nơi lại đứng im sợ hãi, chờ đợi từng giây từng phút để nghe tiếng the-thế của người vợ làm điệu. Bác thầy căn nhà đã điêu-tàn: mái thì đổ sụp, cửa sổ gãy nát và cửa ra vào thì long cả bản-lẻ. Một con chó chết đói dờ, trông giống con Wolf, đang ăn tròn trong đó. Bác Rip gọi nhưng con chó nhe răng sủa lại rồi đi mất. Bác buồn rầu coi như thế là điểm không tốt nên thờ dài lẩm bầm: «Cả đến con chó của mình nó cũng quên mình!»

Bác bước vào căn nhà mà từ xưa vợ bác vẫn giữ ngăn nắp sạch-sẽ, nhưng bây giờ thì trống-rỗng và rờ-ràng bị bỏ hoang không người coi sóc. Cảnh hoang-tàn ấy khiến bác vượt mọi nỗi sợ-sệt gia-đình để cất tiếng gọi vợ con,



nhưng những gian nhà chl rung-động theo tiếng vang một lát rồi lại chìm vào im-lặng như trước.

Bác liền vội-vả trở ra và tìm đến nơi trước kia thường lui tới là cái quán trọ trong làng, nhưng cái quán đó cũng biến đâu mất rồi. Tại chỗ đó bây giờ là một tòa nhà gỗ lớn ọp-ọp, cửa sổ mở toang thiếu vài cánh chớp phải che bằng những mảnh vải cũ, và trên tầm cửa ra vào thầy có tấm bảng kẻ chữ «Liên-Hiệp lữ-điêm, chủ-nhân Jonathan Doolittle». Chỗ gốc cây to thường che bóng mát cho cái quán trọ nhỏ-nhân yên-tĩnh kiểu Hà-Lan hồi xưa, bây giờ là cây cột cao vút, nhẵn-nhụi, ngọn treo một vật giống như cái mũ đi ngủ màu đỏ và trên hết là lá cờ mang hình các ngôi sao cạnh những đường kẻ dọc ngổ-ngình đương phát phới bay. Nói tóm lại cái gì cũng lạ-lùng khó hiểu, duy trên tầm biển có hình Hoàng-Đê George mà ngày trước bác thường tới bên dưới ngồi hút thuốc thì còn lại một vài nét mà bác tưởng nhận được ở bộ mặt đỏ gay. Ngoài mấy nét mơ-hồ đó thì cái biển cũng biến-hóa một cách ly-kỳ: ngày trước áo đỏ bây giờ hóa ra áo vừa xanh vừa vàng, ngày trước để đầu trần tay cầm vương-tiết, bây giờ lại đội mũ vành lật ngược và tay lại cầm một thanh gươm; bên dưới bức vẽ có kẻ chữ sơn lớn: Đại-Tướng Washington.

Cũng như trước, chỗ cửa ra vào vẫn có đám đông người tụ họp, nhưng bác Rip không nhận được mặt một ai. Tính cách của đám người này hình như cũng thay đổi: đáng lẽ thường lãnh-đạm lạnh-lẽ như buồn ngủ thì trái lại bây giờ họ lại bận-rộn, huyên-náo, cãi-cọ xôn-sao. Bác có ý tìm trước là nhà hiến-triệt Nicholas Vedder với bộ mặt to lớn, cái cằm có ngăn và cái điều thuốc dài thường im-lặng thờ những làn khói, rồi đến nhà giáo Van Bummel ngồi đọc những bài trong tờ báo cũ, nhưng đều không thấy. Thay vào hai người đó là một gã gầy còm có vẻ nóng nảy, túi đầy những truyền-đơn, đang nhiệt-liệt diễn-thuyết về dân-quyền, tuyên-cứ, quốc-hội, tự-do, đối Bunker, anh-hùng 1776... và nhiều vấn-đề khác bằng những danh-từ làm đầu óc bác Rip hỗn-loạn tưởng chừng như nghe đặc những từ-ngữ dân Babilon vậy.

Sự xuất-hiện của bác Rip với bộ râu bạc dài, khẩu súng ri, áo quần kỳ quái, và một lũ đàn-bà trẻ con theo sau, chẳng bao lâu đã được những chính-trị-gia ở tứ-điêm chú-ý. Họ quây chung quanh và nhìn bác một cách hết sức tò-mò. Còn diễn-giả thì hấp-tấp chạy đến để kéo bác ra chỗ riêng mà hỏi bác bầu cho bên nào. Bác Rip chỉ trông-chọc nhìn mọi người với vẻ ngầy-ngờ lơ-đăng. Lại một anh chàng khác người thấp bé cũng vội vàng kéo tay bác rồi kiếng chân ghé tận tai để hỏi bác thuộc đảng Liên-Bang hay Dân-chủ nhưng bác vẫn ngớ-ngẩn chẳng sao hiểu được nghĩa câu đó. Lúc ấy, một ông già có vẻ bác-học và tự-phụ, đầu đội cái mũ lớn vành lật ngược, rẽ đám đông

bằng cách gạt mọi người sang hai bên rồi đứng xứng trước mặt bác Rip, một tay tì vào thắt lưng một tay chống lên cái gậy, đôi mắt sắc-sảo cắt giọng nghiêm-khắc mà hỏi tại sao bác lại đến chỗ tuyên-cứ với một khẩu súng trên vai và một đám đông sau gót, phải chăng là có ý gây cuộc biến-động trong làng? Bác Rip kinh-hãi kêu: «Khòn nạn! Thưa các ngài, tôi chỉ là người nghèo khó hiền-tĩnh, sinh đẻ tại nơi đây và là thần-dân trung thành của Nhà-vua. Quốc-Vương vạn tuê!»

Mọi người bây giờ liền đồng-thanh hò-hét: «Tên này thuộc đảng tôn-vương! đảng bảo-hoàng! tên do-thám! tên tị nạn! đuổi nó đi! tống cổ ngay nó đi!» Con người kiêu-ngạo đội mũ lật vành phải khó khăn lắm mới lập lại được trật-tự, rồi ông lấy vẻ mặt nghiêm-khắc gấp mười lúc trước để hỏi phạm-nhân đến đó làm gì và có ý tìm ai. Bác Rip khò-khò khúm-núm cam-đoan là mình không hề có tà ý gì và chỉ muốn tìm mấy người láng-giềng quen vẫn hay tụ họp ngồi chơi ở chỗ này.

— «Thề à, vậy những người ấy là ai? Tên họ là gì?»

Bác nghi ngại một lát rồi hỏi: «Ông Nicholas Vedder đâu?»

Mọi người đương im lặng thì có một cụ già đáp, giọng nói nho-nhỏ nghe như tiếng sáo: «Nicholas Vedder ấy à? Ông ta chết đã từ mười tám năm rồi còn gì? Ở nghĩa địa trước vẫn có tấm biển kẻ rõ lai-lịch ông, nhưng nay cũng mục nát rồi!»

— «Thề ông Brom Dutcher đâu?»

— «Ồ ông ta tòng-ngũ ngay từ khi khởi chiến. Người thì bảo ông chết trong trận công-phá mỏm Stony Point, người thì nói ông chết đuối trong trận bão dưới chân núi Antony's Nose. Tôi cũng chẳng rõ, chỉ biết là ông ta không hề trở lại.»

— «Thề còn thầy giáo Van Bummel?»

— «Ông ấy cũng đi đánh trận, làm đến chức Đại-tướng Dân-quân, và bây giờ đã vào Quốc-hội rồi.»

Trước những sự thay đổi buồn rầu của gia-đình và bè bạn như thề bác Rip chán-nản hết sức và cảm thấy cuộc đời mình quá cô-độc lẻ-loi. Câu trả lời nào cũng làm bác ngạc-nhiên mê đặc vì đều nói đến những thời-kỳ dài quá chừng và đến những việc mà bác không hiểu được như là chiến-tranh, Quốc-hội, mỏm Stony Point v.v... Bác không còn can-đảm hỏi thăm thêm đến người nào nữa mà chỉ cắt tiếng thất-vọng than rằng: «Thề ở đây không có ai biết đến Rip Van Winkle à?»

— «Ồ ó, Rip Van Winkle à?» hai ba người vội kêu, «Có, hẳn đi chứ! Kia Rip Van Winkle đằng xa kia, đương đứng tựa vào gốc cây đây!»

Bác nhìn ra thì thấy một người giống mình khi lên chơi núi như đúc: bề ngoài trông lam-lũ hơn và chắc-chắn cũng có vẻ lười biếng không kém. Đền bây giờ thì bác thật hoàn toàn kinh-hoàng, đâm ra ngờ-vực cả chính mình, không rõ bác là bác hay là người kia. Giữa lúc đương ngây-dại như thế thì người đội mũ lật vành hỏi bác là ai và tên là gì?

Cuồng cuồng không biết ra sao, bác than: « Có trời biết. Tôi chẳng phải là tôi. Tôi là một người khác. Kia kia tôi kia kia! Không, đây, là người khác tự nhận là tôi. Tôi hôm qua tôi còn là tôi, nhưng vì lỡ ngủ thiếp trên núi bị chúng nó đánh tráo mắt khẩu súng, rồi cái gì cũng thay đổi, chính tôi cũng bị thay đổi, tôi không biết tên tôi là gì và tôi là ai nữa! »

Đám đông quay ra nhìn nhau, gật đầu, nhâm-nháy và gõ ngón tay lên trán. Lại có kẻ bảo phải giữ lấy khẩu súng để ông già không hành hung được. Tới lúc đó thì người đội mũ lật vành vội-và rút lui. Giữa cơn nguy-kịch có lẽ sắp bị dăng-dọ ấy, thì một thiều-phụ âm đưa trẻ bu-bấm chen đám đông để vào dóm ông lão râu bạc, nhưng vừa nhìn thấy ông Rip đưa trẻ đã sợ hãi khóc thét lên.

— « Im ngay, Rip! » người mẹ dỗ. « Nin ngay đi con, không sợ, ông ấy có làm gì đâu! »

Tên đưa trẻ, giọng nói và vẻ mặt của người mẹ đều nhắc nhở cho Rip Van Winkle đến bao nhiêu kỷ niệm xa xưa.

Ông hỏi: « Tên nhà bác là gì? »

— « Tên cháu là Judith Gardenier. »

— « Thế tên ông cụ nhà là gì? »

— « Ấy, khờn-nạ, tên thầy cháu là Rip Van Winkle, nhưng thấy cháu bỏ nhà vác súng ra đi đã hai mươi năm và từ đó bật tin tức, chỉ có con chó trở về mà thôi. Chẳng ai biết là người tự tử hay bị mọi da đồ bắt. Hối đó cháu còn nhỏ lắm. »

Ông Rip chỉ cần hỏi một câu nữa thôi và câu đó ông đã hỏi bằng một giọng do-dự: « Thế còn bà cụ nhà đâu? »

— « Ấy mẹ cháu cũng mới mất được ít lâu. Chỉ có tức giận một người hàng rong vùng New England mà đứt cả mạch máu. »

Tin đó ít nhất cũng hơi an-ủi được ông. Con người thực-thà không giấu mình nói nữa, ông ôm lấy con gái và đưa cháu bé mà nói: « Thấy đây con à? »

Khi ra đi thấy còn trẻ, bây giờ thì thấy đã già rồi. Ông lại than: « Thế không còn ai biết đến Rip Van Winkle này nữa ư? » Ai này đều đứng ngăn ra cho đến khi có một bà lão đi lấy-bây từ đám đông ra, để tay lên trán ngắm mặt Rip một lúc lâu rồi kêu: « Chấn-chấn rồi! Phải Rip Van Winkle đây

mà! Chính ông ấy đây! Hoan-nghênh ông láng-giềng lại trở về nhà nhé! Thế hai mươi năm giờ dòng-dã ông ở đâu? »

Ông Rip liền vội-vàng kể lại đầu đuôi câu chuyện, vì cả thời-kỳ hai mươi năm qua đối với ông chỉ là khoảng một đêm thôi. Khi nghe xong, những người láng-giềng đều nhìn trừng-trừng, một vài kẻ lại phồng mồm nháy mắt với nhau, còn cái người kiêu-ngạo đội mũ lật vành đã trở lại thì biu môi lắc đầu làm cho một số người trong đám đông cũng lắc đầu theo.

Sau hết cả bọn đều quyết-định phải hỏi ý-kiến cụ già Peter Vanderdonk mà họ thấy từ chân dốc đang chậm-chạp đi tới. Cụ là dòng-dõi của sử-gia Vanderdonk đã từng viết một trong những cuốn sử đầu tiên của vùng đó. Cụ là người già nhất làng, biết rõ tất cả các truyện truyền-thuyết kỳ-quái của toàn xứ-sở. Cụ nhận ngay ra Rip và vui-vẻ chứng thực câu chuyện. Cụ bảo với mọi người chắc chắn rằng núi Kaatskill vẫn thường có yêu-quái hiện hình, chính tổ-phụ của cụ là nhà viết sử đã truyền lại thế Cụ còn cho biết người ta đã xác-nhận rằng vi-nhân Hendrick Hudson, người đầu tiên thám-hiểm con sông và cả vùng, cứ cách hai mươi năm lại cùng với thủy-thủ tàu «Bán-Nguyệt» trở lại nơi này để thăm cảnh-trí cuộc mạo-hiểm ngày trước cũng là để canh-phòng con sông và cái thành-phố lớn mang tên người. Ông thân của cụ đã có lần trông thấy họ mặc quần áo kiểu Hà-Lan cò chơi lăn bóng trong một vũng núi, và một chiếu hè chính cụ cũng đã nghe thấy tiếng những quả bóng gỗ đập vào đá kêu vang như sấm động đàng xa.

Nghe xong câu chuyện dài dòng này thì đám đông giải-tán và trở lại với việc tuyên-cứ quan-trọng hơn. Người con gái ông Rip thì giắt bỏ về ở với mình trong một cái nhà ngăn-nấp sạch-sẽ có đồ-đặc tươm-tất. Chồng chị ta người đầy-dà vui-vẻ theo nghề làm ruộng, khi gặp mặt ông Rip nhận ngay ra đó là một trong số những đứa trẻ ranh vẫn thường leo lên lưng ông hồi xưa. Còn cậu con gái ông Rip, lúc đứng tựa gốc cây trông giông ông như đúc, thì bây giờ được thuê làm công trong trại. Tinh nết cậu cũng y hệt ông bố, nghĩa là sẵn lòng làm đủ mọi việc trừ công việc của chính mình.

Dần-dần ông Rip lại trở với những thói quen trước, như đi bộ chẳng hạn, và gặp lại nhiều bạn cũ-tri. Song vì họ đều có tuổi, yêu-đuôi lắm-cảm, nên ông thích làm bạn với đám hậu-sinh hơn, và lớp người này cũng rất quý mến ông.

Nhân không có việc gì làm ở nhà và lại đến cái tuổi sung-sướng có thể lười-biếng không ai trách-phạt, ông lại đến ngồi trên chiếc ghế dài trước quán trọ và được tôn làm bác-lão-trưởng trong làng, am-tường lịch-sử «trước hồi chiến-tranh». Cũng phải mất một thời-gian sau ông mới thành thạo để kể lại chuyện mình, và người nghe nhân thế mới biết chỉ trong có một đêm ông nằm

trên núi say rượu đến mắt cả tri-giác mà ở làng đã xảy ra bao nhiêu thay đổi: nào đã có một cuộc chiến-tranh cách mạng, nào trong nước đã lật đổ được ách đô-hộ của người Anh, nào bây giờ ông là công-dân tự-do của nước Mỹ chứ không phải là thần-dân của Hoàng-dê George Đệ-Tam nữa... Thật ra thì ông Rip không phải là nhà chính-trị, ông chẳng bận tâm gì đến những việc biên-thiên của đê-quốc hay quốc-gia, duy chỉ biết có một chề-độ chuyên-chê đã từng làm ông cơ-cực: đó là chính-phủ phu-nhân, Sung-sướng thay, chính-phủ đó đã cáo chung, ông rút được cớ ra khỏi cái tròng của gia-đình áp-chê, và bây giờ có thể đi về tự-do không sợ bà vợ làm phiền nữa. Tuy vậy hễ có ai nhắc đến tên Van Winkle phu-nhân là ông vẫn lắc đầu, nhún vai, và ngửa mặt nhìn trời, cử-chỉ này có thể coi như tỏ vẻ cam chịu số-mệnh hoặc vui mừng được giải-thoát.

Ông thường kể chuyện mình cho những người lạ đến tạm trú tại lữ-điếm của ông Doolittle nghe. Thoạt đầu người ta thấy mỗi lần truyện kể lại thay đổi một vài chỗ, chắc là vì mới tỉnh dậy nên thần-trí ông chưa được vững vàng. Nhưng về sau thì câu chuyện được ấn-định rõ-rệt như trên đã thuật, và nam phụ lão ấu trong vùng chẳng ai là không thuộc lòng. Cũng có kẻ nhát mợ bảo ông Rip vì hóa rõ hóa đại đã ngóng-cuống mà tưởng-tượng ra, song những dân-cư già lão người Hà-Lan thì hầu hết đều tin là chuyện thật. Cho đến ngày nay, mỗi buổi chiều hè nghe thầy giảng-tò nói lên ở rặng núi Kaatskill họ đều cho đó là ông Hendrick Hudson cùng thủy-thủ đương chơi lăn bóng, và khắp vùng lân cận các ông chống sợ vợ, nếu thấy đời mình khổ-sở, đều tâm-niệm mong được uống một ngụm ở chai rượu của Rip Van Winkle.

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA dịch

## *chánh-phủ địa-phương: căn-bản nền dân-chủ Mỹ*

Trước hết tôi xin giải-thích tựa-đề của buổi nói chuyện này. Đề-cập đến "Chính-phủ địa-phương, căn-bản nền Dân-chủ Mỹ", tôi có ý muốn nói đến hai điểm: (1) Chính-phủ địa-phương là căn-bản lịch-sử, trên đó nền dân-chủ Mỹ được thiết-lập cho đến ngày nay; (2) Chính-phủ địa-phương tại các làng, quận, thị-trần và thành-phò vẫn tiếp-tục là nguồn sinh-lực chính-yếu để duy-trì và phát-triển thêm nền dân-chủ Mỹ.

Vậy nên, trước hết tôi nói về lịch-sử của chính-phủ địa-phương Mỹ rồi đến hệ-thống hành-chánh địa-phương hiện có tại Mỹ. Và sau cùng, tôi sẽ giải-thích tại sao hệ-thống này quan-trọng trong quá-khứ cũng như trong hiện-tại và tương-lai.

### Lịch-sử

Ngay trước ngày độc-lập khi Mỹ-quốc còn là một thuộc-địa của Anh-quốc, chính-phủ địa-phương đã được thiết-lập mạnh-mẽ và vững-vàng rồi. Một lời tổ-chức chính-trị địa-phương danh tiếng nhất là Đại-hội thị-xã New England. Những người định-cư đầu tiên đã khởi sự lập hệ-thống này vào hồi thế-kỷ thứ XVII tại các thuộc-địa Massachusetts, Rhode Island, và Connecticut. Hệ-thống này vẫn được áp-dụng rộng-rãi tại vùng này ngày nay.

Đại-hội thị-xã nhóm họp mỗi năm ít nhất một lần, thường là nhiều hơn; mỗi cử-tri hợp thức đều được quyền tham-gia và trình-bày ý-kiến của mình. Dân-chúng bầu-cử những viên chức địa-phương và biểu-quyết về các công việc theo phương-pháp dân-chủ. Hầu hết các viên-chức địa-phương đều làm việc không ăn lương.

\* Nguyên-văn bài nói chuyện tiếng Việt của ông James E. Rosenthal, Đệ-nhi Tham-vụ tại Sĩ-quán Mỹ, tại hội Việt-Mỹ tối 22-3-1963.

Chính-quyền tại thị-xã có quyền đánh thuế (thường là thuế tài-sản hoặc đất-đai), quyền lấy tiền làm đường sá, cầu cống, thực-hành những luật-pháp và tổ-chức hệ-thống giáo-dục địa-phương. Tất cả những việc trên đều được thực-hiện mà không cần phải có sự chấp-thuận hay can-thiệp của thượng-cấp.

Trong những thuộc-địa miền Nam, không có cuộc bầu-cử các viên-chức. Thường là các viên-chức được đề-cử do Thống-Độc là vị Đại-diện cho Anh-Hoàng. Hơn nữa, cũng không có đại-hội nào hết.CORD, hệ-thống chính-trị này không dân-chủ nhưng thật ra các chính-phủ địa-phương này vẫn có quyền-hành và trách-nhiệm trong phạm-vi địa-phương như ở New England. Kinh-nghiệm và phong-tục tự-trị này giúp cho sự thiết-lập hệ-thống chính-trị dân-chủ được dễ-dàng hơn sau này. Trong vùng này hệ-thống chính-trị tổ-chức theo lối "từng Quận" là quan-trọng nhất.

Trong những thuộc-địa khác như ở New-York và Pennsylvania, tổ chức chính-trị "Quận" cũng được áp-dụng nhưng dân-chúng bầu-cử một Hội-đồng để điều-khiển công-việc hành-chánh. Những quận này cũng có quyền hành-chánh tự-trị địa-phương như ở New England và miền Nam. Ngày nay phương-pháp tổ-chức chính-quyền theo từng quận vẫn được áp-dụng rộng-rãi tại nhiều tiểu-bang.

Ta nên nhớ rằng trong thời-gian này, tất cả những đất thực-dân vẫn còn ở dưới quyền cai-trị của Chính-phủ Anh-Quốc. Hầu hết các thuộc-địa đều có một cơ-quan lập-pháp và đại-hội riêng, nhưng thường thì cơ-quan này bị Thống-độc Anh điều-khiển và kiểm-soát. Sự thật chính-phủ địa-phương ở Thống-độc Anh điều-khiển và kiểm-soát. Sự thật chính-phủ địa-phương ở cấp làng, thị-trần, hay quận đều là những tổ-chức mạnh-mẽ nhất và cũng (trừ ra ở Miền Nam) dân-chủ nhất. Dân-chúng tham-gia trong các tổ-chức này càng ngày càng nhiều hơn, trong những cuộc bầu-cử, bằng cách giữ các chức-vị công-cộng, và quyền tự-trị của họ tương-đối rộng-rãi.

Kinh-nghiệm và phong-tục tự-trị này đã là một yếu-tố chính trong sự đòi hỏi Anh-Quốc phải trả độc-lập. Khi đã được độc-lập rồi, những chính-trị-gia và hành-chánh-gia đã điều-khiển công-vụ địa-phương sẵn-sàng thiết-lập và điều-khiển một hệ-thống dân-chủ ở cấp quốc-gia. Và dân-chúng thì sẵn-sàng tham-gia vào tổ-chức chính-trị dân-chủ toàn-quốc bởi đã có kinh-nghiệm về nền tự-trị địa-phương.

### Tình-trạng hiện-hữu

Theo căn-bản thì hệ-thống hành-chánh địa-phương của Mỹ-Quốc không thay đổi nhiều từ hồi còn trong thời-kỳ thuộc-địa. Ví-dụ như ở New England,

đại-hội thị-xã vẫn còn là một hình-thức chính-yếu của chính-phủ địa-phương, ít nhất là ở nông-thôn. Hệ-thống quận của thời thuộc-địa vẫn còn, chẳng những chỉ trong những tiểu-bang vốn là đất thực-dân ngày trước, mà cũng ở trong phần nhiều tiểu-bang khác nữa.

Ngày nay, ở nông-thôn "quận" là đơn-vị hành-chánh quan-trọng nhất. Hệ-thống tổ-chức trong mỗi tiểu-bang khác nhau về chi-tiết nhưng trên căn-bản thì hầu hết đều giống nhau. Mỗi quận đều có một Ban Trị-sự được bầu ra để điều-khiển việc hành-chánh của quận. Những Ban này gồm có từ 3 đến 7 người. Những viên-chức đặc-biệt cũng được dân-chúng trong quận bầu-cử. Họ được bầu-cử để làm việc từ 1 cho đến 4 năm. Phần đông những viên-chức này được trả lương.

Chính-phủ hàng "quận" có 5 nhiệm-vụ chính-yếu sau đây:

- (1) đánh thuế trong quận (thường là thuế tài-sản hay thuế đất) và phân-định ngân-quỹ để thực-hiện dự-án công-tác của quận.
- (2) xây-dựng và giữ-giữ đường sá, cầu cống (hầu hết đường sá ở nông-thôn hiện nay là quận lộ).
- (3) xây cất và giữ-gìn những cơ-sở công-cộng như các nhà tù, tòa án, bệnh-viện, trại tề-bản v.v..
- (4) thi-hành luật-pháp và duy-trì hệ-thống tư-pháp tòa án (ở nông-thôn, tòa-án cấp thấp nhất là ở các quận).
- (5) tổ-chức các cuộc bầu-cử, không những chỉ ở cấp quận mà cũng cho tiểu-bang và liên-bang nữa (Chính-phủ hàng quận lo về việc ấn-định danh-sách cử-tri, về phương-pháp bầu-cử, và về việc đếm-thăm).

Ngày nay tại Hoa-Kỳ có hơn 3.000 quận. Phần đông những quận này có từ 10.000 đến 25.000 dân. Nhưng lớn nhỏ khác nhau. Quận nhỏ nhất là tại tiểu-bang Rhode Island với diện-tích 60 cây sô vuông và quận lớn hơn hết tại California với diện-tích 45.000 cây sô vuông.

Đáng lẽ, phần đông dân nông-thôn sống trong các làng và ấp là những phân-bộ của quận. Nhưng làng, ấp này thường có một hội-đồng gồm từ 3 đến 6 người điều-khiển. Hầu hết những người này được bầu-cử ra để phục-vụ mà không ăn lương. Họ có phận-sự đánh thuế trong làng và ấp, thực-hiện các công-vụ như trị-an, cung-cấp nước hay kiểm-soát vệ-sinh. Thường thì làng hay ấp không có tòa án riêng.

Mỗi làng hay ấp có từ 200 đến 2.500 dân, phần nhiều là dưới 1.000 người. Hiện nay có hơn 17.000 làng hay ấp tại Hoa-Kỳ.

Một tổ-chức đặc-biệt rất quan-trọng trong chính-phủ địa-phương là "Học khu". Mỗi tiểu-bang — chứ không phải chính-phủ trung-ương — có trách-

nhệm thành-lập hệ-thống giáo-dục riêng của mình. Nhưng việc quản-trị hệ-thống này vẫn luôn-luôn ở cấp địa-phương, thường là ở trong thành-phố, thị-trần hay thị-xã, có khi nhiều làng hay thị-trần nhỏ hợp-tác với nhau trong việc tổ-chức một "Học-khu". Dân-chúng bầu một ủy-ban đặc-biệt để thực-hiện công-tác này. Ủy-ban này khác-biệt với cơ-quan khác của chính-phủ địa-phương và hầu hết ủy-viên phục-vụ không ăn lương. Ủy-ban này lo về việc mượn giáo-viên, trả lương cho họ, xây cất trường trại thường cũng quyết-định việc dạy những môn nào, và việc dùng những sách nào.

Tại Hoa-Kỳ, có nhiều "học-khu" này — có hơn 50.000 — nhiều hơn bất cứ cơ-quan khác của chính-phủ địa-phương. Vì hơn 50% lợi-tức của chính-phủ địa-phương được dùng về việc giáo-dục, những ủy-ban học-chính này giữ một vai trò rất quan-trọng trong nền tự-trị địa-phương, đặc-biệt vì hầu hết các nhân-viên ủy-ban này không phải những nhà chuyên-môn hay những chính-trị-gia. Người ta có thể nói rằng người Mỹ khi phải chi-phí một phần lớn số tiền thuê của họ, không tin-tưởng các chính-trị-gia và muốn tự mình điều-khiển việc chi-phí này.

Qua lịch-sử, sự thay đổi lớn nhất trong xã-hội Hoa-Kỳ là sự phát-triển của thành-phố. Hiện nay hơn 60% người Mỹ sống trong các thành-phố. Có ba lối phổ-thông tổ-chức chính-phủ tại các thành-phố :

- (1) Một vị Thị-trưởng và những viên-chức đầy-đủ quyền hành-pháp và hành-chánh do dân bầu lên ;
- (2) Một Hội-đồng thành-phố do dân bầu-cử ; thường có trong những thành-phố nhỏ ;
- (3) Một "Hành-chánh gia" hay "Quản-độc thành-phố", một nhà chuyên-môn về hành-chánh không do dân bầu-cử đặt dưới sự kiểm-soát của một Ủy-ban hoặc Hội-đồng do dân bầu.

Thể-thức hành-chánh-gia hay quản-độc thành-phố này tương-đời mới và đương phổ-biến mạnh. Lý-do là công việc hành-chánh của một thành-phố ngày càng phức-tạp và về kỹ-thuật cần có một nhà chuyên-môn (thường là một kỹ-sư) để giải-quyết các vấn-đề khó-khăn. Hiện nay có trên 17.000 thành-phố tại Hoa-Kỳ. Dân-số từ 1.000 cho đến hơn 8 triệu như ở Nữ-Uớc. Phần nhiều thành-phố dân-số không quá 5.000 người.

#### Vai trò của Chính-phủ địa-phương

Chính-phủ địa-phương đã và đang đóng một vai trò rất quan-hệ trong việc xây-dựng nền dân-chủ Mỹ, ít nhất về năm phương-diện sau đây :

- (1) Dân-chúng có dịp tham chánh ở một cấp mà họ có thể hiểu dễ-

dàng. Nhờ các cuộc bầu-cử địa-phương, dân-chúng hiểu rằng lá phiếu của mình có thể có ảnh-hưởng quan-trọng. Có nhiều người thường, hiện làm viên-chức địa-phương — có trên 500.000 viên-chức địa-phương — được bầu để phục-vụ tại Mỹ, hiện nay, phần nửa không ăn lương. Như vậy, họ có thể tham-gia chính-phủ mà không cần phải trở nên những chính-khách hoàn-toàn. Như vậy, dân-chúng cảm thấy rằng đây là hệ-thống cai-trị của họ, và họ tham-gia sốt-sắng hơn.

(2) Những vấn-đề địa-phương được giải-quyết tại địa-phương mà không cần phải có sự can-thiệp của chính-quyền cao-cấp. Dân-chúng tại một địa-phương biết những vấn-đề của họ rõ hơn ai hết và họ muốn tự mình giải-quyết những vấn-đề của mình. Nếu chính-phủ địa-phương tự mình giải-quyết những vấn-đề này, giải-pháp sẽ tương-hiệp với sự đòi hỏi của dân-chúng địa-phương hơn. Càng khích-lệ chính-phủ địa-phương dùng phương-tiện của mình, chính-phủ toàn-quốc sẽ càng hữu-hiệu.

(3) Chính-phủ địa-phương giữ nhiều quyền-hành quan-trọng trong phạm-vi địa-phương, mà chính-phủ trung-ương không thể chiếm-đoạt. Nhờ đó chính-phủ trung-ương không thể trở nên quá lớn, quá mạnh hay quá phức-tạp. Mặc dầu có xảy ra khủng-hoảng ở cấp trung-ương, sự ổn-định vẫn được duy-trì trong toàn-quốc vì hành-chánh địa-phương cứ tiếp-tục hoạt-động độc-lập. Có lẽ đó là một lý-do giải-thích tại sao những chế-độ quốc-gia tại Mỹ đã thay đổi một cách êm-thắm và không lộn-xộn, mặc dầu có thể có sự thay đổi hoàn-toàn trong chánh-sách quốc-gia.

(4) Chính-phủ địa-phương huấn-luyện và giúp kinh-nghiệm cho hàng ngàn chính-khách và nhà cai-trị. Tỉ-dụ, trong số trăm thượng-nghị-sĩ hiện nay ở Hoa-Thịnh-Đồn có hơn 60 người đã được bầu ít nhất một lần và phục-vụ tại chính-phủ địa-phương trước khi được bầu vào thượng-nghị-viện. Chính Tổng-thống Kennedy cũng đã được bầu-cử phục-vụ tại chính-phủ địa-phương tại Massachusetts trước khi đến Hoa-Thịnh-Đồn. Những người này đã thấu nhập kinh-nghiệm trong hệ-thống dân-chủ ở cấp địa-phương và bây giờ họ dùng kinh-nghiệm đó ở cấp bậc quốc-gia.

(5) Rốt lại, sự thành-công của hệ-thống dân-chủ ở cấp địa-phương đã làm cho dân-chúng Hoa-Kỳ tin chắc rằng những vấn-đề khó-khăn lớn-lao của quốc-gia vẫn có thể giải-quyết bằng những phương-pháp dân-chủ. Hầu hết người Mỹ đều tin-tưởng ở nền dân-chủ quốc-gia không phải chỉ trên một căn-bản lý-thuyết và triết-lý, mà cũng vì hằng ngày họ được thấy nền dân-chủ thực-hiện trong địa-phương của họ.

**Kết-luận**

Hệ-thống chính-phủ địa-phương đã đóng một vai trò rất quan-trọng trong việc xây-dựng nền dân-chủ Mỹ. Theo lịch-sử, đó là chính-phủ dân-chủ đầu tiên của Hoa-Kỳ. Ngay sau khi được độc-lập, chính-phủ địa-phương đã ảnh hưởng và giúp-đỡ sự phát-triển của nền hành-chánh quốc-gia. Nhưng sự phát-triển vẫn chưa chấm dứt. Nền dân-chủ của chúng tôi chưa được toàn-thiện. Chúng tôi vẫn còn đang xây-dựng nữa. Chúng tôi cũng phải luôn-luôn thay đổi để phù-hợp với hoàn-cảnh xã-hội. Có người cho rằng hệ-thống hành-chánh địa-phương ở Mỹ vô hiệu và cũ quá. Chính-phủ trung ương càng ngày càng chiếm quyền của chính-phủ địa-phương. Tôi không đồng-ý, vì chính-phủ địa-phương, mặc dầu có khi không hữu-hiệu, đã có từ lâu lắm rồi và đã là một yếu-tố ổn-định và là một nguồn kinh nghiệm vô giá không có gì thay thế được.

Theo ý tôi, chính-phủ địa-phương sẽ cứ tiếp-tục đóng vai trò căn-bản trong sự phát-triển nền dân-chủ Mỹ sau này.

**TIN-TỨC VĂN-HÓA****A. TIN TRONG NƯỚC****1. TỔNG-THỐNG TIẾP-KIỆN CÁC CHỈ-HUY PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG QUỐC-GIA.**

Sáng 22-4-63, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã tiếp-kiến tại Dinh Gia-Long những đại-biêu của Phong-trào Cách-mạng Quốc-gia vừa tham-dự Đại-hội toàn-quốc lần thứ 5 nhóm tại trụ-sở Ủy-ban Trung-ương đường Tự-Đức (Sài-gòn).

Ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-Tịch Quốc-Hội, cũng hiện-diện trong buổi tiếp-kiến này.

Ông Hà-Như-Chi, tân Chủ-Tịch Ủy-ban Chấp-hành Trung-ương của Phong-trào, đã bày tỏ lòng tri-ân của tất cả các đại-biêu được vinh-dự đến yết-kiến Tổng-Thống, đồng thời xác-nhận một lần nữa lòng trung-thành tuyệt-đối của Phong-trào đối với Tổng-Thống.

Sau khi nhắc lại cuộc tranh-đấu của nhân-dân Việt-Nam dưới sự lãnh-đạo an-ninh của Ngô Tổng-Thống, trong hơn 8 năm trời đầy tiến-bộ và thắng-lợi, ông Hà-Như-Chi nhấn mạnh rằng việc thực-thi quốc-sách ấp chiến-lược và lời tuyên-cáo của Tổng-Thống ban-hành chính-sách Chiêu-hồi, đã ghi dấu hai khúc rẽ trong lịch-sử nước nhà, tăng-cường ý-chí cương-quyết của toàn-dân nỗ-lực tranh-đấu cho sự thắng-lợi của chế-độ Cộng-Hòa Nhân-Vị.

Ông Hà-Như-Chi cũng vạch rõ ý-nguyện của các đoàn-viên Phong-trào Cách-mạng Quốc-gia ứng-dụng với giai-đoạn mới này trong cuộc tranh-đấu của toàn-dân và liên-tục tiến-bộ để phụng-sự Tổ-quốc một cách hữu-hiệu hơn.

Sau đó, ông Chủ-Tịch Ủy-ban Chấp-hành Trung-ương Phong-trào Cách-mạng Quốc-gia tuyên đọc bản kiến-nghị của Đại-hội toàn-quốc Phong-trào kính đệ Ngô Tổng-Thống. Trong bản kiến-nghị này, Đại-hội xác-nhận lòng trung-thành với Tổng-Thống và nguyện cương-quyết xiết chặt hàng ngũ để hoàn-thành sứ-mạng lịch-sử: xây-dựng ấp chiến-lược và thi hành chính-sách Chiêu-hồi.

Tổng-Thống ban huấn-từ, nhắc lại những nguyên-tắc căn-bản của chế-độ: tôn-trọng nhân-vị công-đồng và đồng-tiến. Tổng-Thống nhấn mạnh về bổn-phận của các đoàn-viên Phong-trào Cách-mạng Quốc-gia, đặc-biệt trong giai-đoạn quyết-định này của cuộc chiến-tranh, phải dành hết mọi hoạt-động cho công-cuộc xây-dựng ấp chiến-lược.

## 2. TỔNG-THỐNG KÝ SẮC-LỆNH QUY-ĐỊNH HỘI-ĐỒNG XÃ.

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã ký sắc-lệnh số 45-NV, ngày 3-5-63, đặt xã dưới quyền quản-trị của một cơ-quan lấy tên là Hội-đồng xã.

Theo sắc-lệnh này, xã được phân chia thành nhiều ấp, đặt dưới quyền quản-trị của một cơ-quan dân cử lấy tên là « Ban Trị-Sự Ấp ».

Sắc-lệnh 45-NV của Tổng-Thống còn chia ra làm hai Tiết, gồm có 89 điều.

Tiết thứ nhất nói về Hội-đồng xã, có 2 chương :

*Chương I :* Thành-phần, nhiệm-vụ và quyền-lợi Hội-Đồng Xã.

*Chương II :* Bầu-cử Hội-Đồng Xã.

Tiết thứ hai nói về Ban Trị-sự ấp, có 2 chương :

*Chương I :* Thành-phần, nhiệm-vụ và quyền-lợi Ban Trị-sự ấp ;

*Chương II :* Bầu-cử Ban Trị-sự ấp.

Theo điều 4, thành-phần Hội-đồng xã gồm có : Đại-diện xã, Hội-viên Kinh-tế và Tài-chánh, Hội-viên Cảnh sát, Hội-viên Thanh-Niên, Hội-viên Hộ-tịch và Y-tế công-cộng.

Điều 51 ấn-định thành-phần Ban Trị-sự ấp như sau : Trưởng-Ban, Ủy-viên Chính-trị, Ủy-viên Thanh-Niên, Ủy-viên An-ninh, Ủy-viên Kinh-tế và Tài-chánh.

Nguyên-văn sắc-lệnh của Tổng-Thống được đăng trong mục tài-liệu của Việt-Tấn-Xã.

## 3. TỔNG-THỐNG CHỦ-TỌA LÊ ĐẠT VIÊN ĐÁ ĐẦU TIÊN CỦA TRUNG-TÂM GIÁO-DỤC Y-KHOA.

Sáng 9-5-63, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã đặt viên đá đầu tiên xây dựng Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa thuộc Viện Đại-Học Sài-gòn, trong một buổi lễ tổ-chức tại Chợ-lớn, ở góc các đường Nguyễn-Trãi và Phú-Đông Thiên-Vương.

Trên khán-đài danh-dự, người ta nhận thấy sự hiện-diện của nhiều nhân-vật cao-cấp Việt-Nam và ngoại-quốc, trong số có Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thơ, ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-Tịch Quốc-Hội, ông Đinh-Văn-Huân, Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến, các vị Bộ-Trưởng trong số có ông Trương-Công-Cửu, Bộ-Trưởng Đặc-Nhiệm Phối-hợp Văn-hóa Xã-hội, các vị đại-diện Ngoại-giao và Lãnh-sự-đoàn, Đại-Tướng Lê-Văn-Tỵ, Tổng Tham-Mưu-Trưởng Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa, các ông Vũ-Tiến-Huân, Đô-Trưởng Sài-gòn, Joseph L. Brent, Giám-Đốc Phái-Bộ Viện-trợ Kinh-tế Mỹ, Lê-Văn-Thới, Viện-Trưởng Viện Đại-Học Sài-gòn, cùng là nhiều vị Dân-Biểu và Khoa-Trưởng Đại-Học.

Tổng-Thống đến lúc 8 giờ 30. Liền đó, Tổng-Thống, có Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục và Đại-Tướng Lê-Văn-Tỵ, Tổng

Tham-Mưu-Trưởng Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa tháp-tùng, đã duyệt qua các phân-đội Thủy-Lục Không-Quân, các sinh-viên Trường Quân-Y bận lễ-phục và các sinh-viên Đại-Học Y-Khoa và Dược-Khoa đứng giàn chào

Trong bài diễn-văn khai-mạc (có đăng trong VHNS số này), ông Phạm-Biêu-Tâm, Khoa-Trưởng Y-Khoa Đại-Học Đờng Sài-gòn, đã bày tỏ lòng biết ơn sâu-xa đối với niềm tru-ái của Tổng-Thống và sự giúp-đỡ của Chính-phủ Hoa-Kỳ.

Ông Khoa-Trưởng kết-luận :

«Chúng tôi ước-mong với sự giúp-đỡ của Chính-phủ và Cơ-quan Viện-trợ Hoa-Kỳ, phần thứ hai sẽ được thực-hiện khi phần thứ nhất đã hoàn-thành ; như vậy, Trung-tâm này sẽ xứng-danh là một Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa vào bậc nhất nhĩ trong vùng Đông-Nam-Á ».

Sau đó, ông Frederick E. Nolting, Đại-sứ Hoa-Kỳ đọc diễn-văn (có đăng trong số báo này) và tuyên-bố :

«Điều yêu-cầu của Chính-phủ Việt-Nam (lập đồ-án và xây cất một Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa) đã phản-ánh ước-vọng của Tổng-Thống muốn nâng-cao trình-độ Y-tế và khoa trị bệnh cho dân-chúng Việt-Nam. Sự đồng-y của nước tôi hợp-tác với Tổng-Thống trong công-cuộc này phản-ánh ước-vọng góp tài-nguyên của chúng tôi để phát-huy giáo-dục và văn-hóa, Y-khoa và an-ninh của nhân-loại ».

Tiếp lời, Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, đã bày tỏ lòng tri-ân sâu-xa đối với cử-chỉ đầy tru-ái của Tổng-Thống chứng tỏ mối quan-tâm đặc-biệt của Người đối với giáo-chức và sinh-viên. (Bài diễn-văn có đăng trong số báo này).

Sau khi nhắc tới những thành-tích của Chính-Phủ trong lãnh-vực Đại-học, ông Bộ-Trưởng nhấn mạnh :

« Công-cuộc khuếch-trương rộng lớn và hợp-lý nền Đại-học mà tôi vừa trình-bày sơ-lược, chính Tổng-Thống đã đích-thân điều-khiển và theo dõi hằng ngày. Riêng những dự-án của Viện Đại-Học Sài-gòn, như Làng Đại-Học và Khu Đại-Học tại Thủ-Đức và Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa tại đây, đã có vinh-hạnh được Tổng-Thống đặc-biệt quan-tâm đến : chính Người đã đích-thân chọn lựa địa-diềm, kiểu mẫu kiến-trúc, đơn-đồ công việc thiết-lập và thực hiện đồ-án. Tôi chắc rằng không ai đã cộng-tác với Người trong các dự-án nói trên mà không thân-phục tâm-mắt bao-quát của Người, mà không cảm-động và phấn-khởi trước sự chăm-nom ân-cần và chu-đáo của Người ».

Sau đó, Tổng-Thống đã ban huấn-từ (nguyên-văn có đăng trong số báo này).

Tổng-Thống kết-luận :

Tôi tin rằng ngôi trường sắp được xây-dựng tại đây, sẽ là một trung-tâm Đâu-Tranh của toàn-thê giáo-sư và sinh-viên để đào-tạo những thế-hệ y-sĩ tân tiến, vừa có khả-năng chuyên-môn, vừa có tinh-thần xã-kỷ, biết hòa-minh với

nhân-dân để phục-vụ nhân-dân, biết chen vai sát cánh với mọi tầng lớp khác để  
vừa Đấu-Tranh vừa xây-dựng một xã-hội Việt-Nam mới.

Sau khi ban huấn-từ, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng - Hòa đặt viên đá đầu  
tiên cho Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa, tự tay Người gắn một tấm bảng kỷ-niệm  
vào một bức tường đã được xây cất cho dịp này.

Sau hết, Tổng - Thống cùng các quan - khách đã đi thăm phòng triển - lãm  
những họa-đồ và mô-hình của Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa.

*Vài chi-tiết về dự-án xây cất Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa.*

Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa mà Tổng - Thống vừa đặt viên đá đầu tiên  
để xây cất là kết-quả cuộc hợp - tác thân - hữu giữa hai chính-phủ Hoa - Kỳ và  
Việt-Nam. Trung-tâm này sẽ được xây cất trong hai giai - đoạn : trước hết là một  
trường Y-khoa mới để giảng dạy các khoa-học căn-bản và sau là một bệnh - viện  
thực-hành.

Đề-án xây cất cũng là kết-quả tốt đẹp của một sự hợp-tác chặt-chẽ giữa  
các kiến-trúc-sư Mỹ và Việt - Nam : một bên là hãng kiến-trúc-sư Mỹ Smith,  
Hinchman và Grills và một bên là đoàn kiến-trúc-sư Việt-Nam do ông Ngô-Việt-  
Thu, khởi-nguyên giải La-Mã, hướng-dẫn. Bắt đầu từ năm 1961, hai bên đã cộng  
tác để thiết-lập đề-án nói trên.

Khoảng tháng 6 năm 1962, các kiến-trúc-sư Việt và Mỹ đã hoàn-thành đồ  
án xây cất trường Y-khoa giảng dạy khoa-học căn-bản với đầy-đủ chi-tiết. Toàn  
bộ trường y-khoa này gồm có những phòng thí-nghiệm về mọi khoa-học căn-bản,  
những giảng-đường với 200 chỗ ngồi, một đại-thính-đường với 450 chỗ ngồi, một  
thư-viện 300 chỗ ngồi, một quán cà-phê và một bệnh-viện Nha-khoa.

Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa dự-định thu nhận 1.500 sinh-viên Y-khoa và  
Nha-khoa, như vậy mỗi năm sẽ có độ 200 bác-sĩ y-khoa và 50 nha-sĩ tốt-nghiệp.

Địa-điểm của Trung-tâm do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục lựa chọn là ở Chợ  
Lớn, gần hai bệnh-viện lớn là Hồng-Bàng và Hùng-Vương.

#### 4. "ĐỪNG LẤN LỘN QUYỀN-HÀNH VỚI PHÁP-LUẬT".

*(Lời Ông Cố-Vấn Chính-Trị trong lễ Mãn-khóa VIII  
Sinh-viên Học-viện Quốc-Gia Hành-Chánh)*

Sáng 2-5-63, tại Học - viện Quốc - gia Hành - chánh, nhân dịp nói chuyện  
thân-mặt với các cán-bộ hành-chánh, Ông Cố-vấn Chính-trị Ngô-Đình-Nhu, Dân-  
Biểu Quốc-Hội, Chủ-Tịch Ủy-ban Trung-ương Ấp Chiến-lược, nhắc nhở các sinh-  
viên rằng « đừng lấn-lộn pháp-luật với quyền-hành, đừng làm tưởng rằng pháp-  
luật tiêu-biểu cho Chính-nghĩa do quyền-hành mà ra ».

Ông Cố-Vấn nói thêm rằng sở-dĩ ông nhắc lại điểm này, một trong những  
điểm căn-bản, vì ông « nhận thấy một số cán-bộ hành-chính cấp tỉnh, và do gương  
của vài Tỉnh-Trưởng, cán-bộ hành - chánh cấp quận cho đến cấp xã thường lấn  
lộn quan-niệm toàn-quyền họ được sử-dụng với quan-niệm phóng-túng ngồi trên  
luật-pháp ».

Ông Cố-Vấn nói tiếp : « Cán-bộ hành-chánh có nhiệm-vụ áp - dụng đúng-  
đắn, nghiêm-chính luật-pháp hiện-hành cho dân, và nếu luật - pháp hiện-hành còn  
thiếu sót, còn sơ-hở không bao quát nổi đã tiến-phát của sinh-hoạt biến-chuẩn  
mau lẹ, thì phải đề-nghị luật mới, chứ hành-pháp không bao giờ thành lạm-pháp ».

Trước đó, khi bắt đầu câu chuyện, Ông Cố-Vấn Chính-trị đã vị-trí-hóa  
và xác-định vai trò của nền hành-chánh trong toàn-bộ cuộc vận-dộng và đấu-tranh  
của dân-tộc, để thực-hiện một Xã-Hội Mới.

Ông Cố-Vấn nhấn-mạnh : « Xã-Hội Mới nói đây là một xã-hội có tự-do, có  
công-bằng, có bác-ái hơn xã-hội hiện-tại. Đó phải là một xã-hội kỹ-nghệ, có đủ  
khả-năng vận-dụng lực-lượng thiên-nhiên để thỏa-mãn được nhu-cầu thiết-yếu của  
con người về các phương-diện ăn mặc, ở, giao-thông và vận-chuyên ».

Để vận-dộng đời sống mới đó, tất cả các kinh-tế-gia đều nhìn nhận phải  
chia ra nhiều giai-đoạn. Tuy nhiên, Ông Cố-Vấn nói tiếp : « Bước quyết-liệt và  
khó-khăn nhất là giai-đoạn dứt khoát với tình-trạng chậm tiến, một sự dứt-khoát  
không những về mặt kinh-tế mà thôi, mà còn về tất cả các mặt xã-hội, tâm-lý,  
chính-trị, hành-chánh, giáo-dục, quân-sự nữa ».

« Đó là cả một cuộc cách-mạng toàn-diện, toàn-dân, căm-go và khắc-khò, dù  
là trong hoàn-cảnh và điều-kiện thái-bình ».

Quan-niệm rằng giai-đoạn đầu nói đây thế nào cũng phải có sự can-thiệp  
mạnh-mẽ của Chính-phủ, Ông Cố-Vấn đã vạch rõ vai trò quan-trọng của các cán-bộ  
hành-chánh vì họ là những người trực-tiếp thúc đẩy công-cuộc vận-dộng. Ông Cố-  
Vấn đã nhắc-nhủ họ rằng : « Xã-hội ta ngày nay đang bị nhiều ý-thức-hệ ngoại-lai  
chia xẻ, nhiệm-vụ của tất cả cán-bộ, đặc-biệt là cán-bộ hành-chánh, là phải đấu-  
tranh giành-giữt dân hằng ngày với địch và nấp võng, lãnh-đạo nhân-dân đấu-  
tranh, bằng tư-tưởng lý-luận danh-thếp, bằng tác-phong liêm-khiết, bằng tở-chức  
chu-đáo thiện-thủy thiện-chung, bằng kỹ-thuật phù-hợp và sát với phương-tiện  
lịch-sử sẵn có trong tay ».

Sau hết, Ông Cố-Vấn Chính-trị đã nhắc-nhủ rằng thời-thế khó-khăn, nhưng  
bao giờ anh-hùng cũng tạo thời-thế thuận-lợi cho phù-hợp với ý-chí đấu-tranh  
vận-dộng đời sống mới của dân-tộc mình và Ông Cố-Vấn chúc cho toàn-thể các  
sinh-viên tốt-nghiệp, xứng-đáng với vinh-dự đó.



Buổi lễ Mãn-Khóa được tổ-chức trọng-thể tại Hội-Trường Học-viện Quốc-gia Hành-Chánh, dưới sự chủ-tọa của Ông Cố-Vấn Chính-trị.

Hiện-diện trong buổi lễ, còn có ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-tịch Quốc-Hội, ông Đinh-Văn-Huân, Chủ-tịch Viện Bảo-Hiến, các vị Bộ-Trưởng, các ông Tổng-Ủy-Trưởng, Tổng Giám-đốc, Viện-Trưởng và các Khoa-Trưởng, các Giáo-sư Viện Đại-học Sài-gòn.

Về phía Học-viện, người ta thấy có ông Tổng-Ủy-Trưởng Trần-Ngọc-Liên, Chủ-tịch Hội-đồng Quản-trị Học-viện, đông-đủ các Giáo-sư. Dưới Hội-trưởng là các sinh-viên Học-viện khóa VIII, IX và X, trong Áo-phục và nữ-phục màu trắng.

Mở đầu, ông Vũ-Quốc-Thông, Viện-Trưởng Học-viện đã đọc diễn-văn cảm ơn Ông Cố-Vấn và các vị quan-khách, đoạn giới-thiệu Khóa VIII của Học-viện Quốc-gia Hành-Chánh.

Ông Viện-Trưởng cho biết Khóa VIII này là một khóa cán-bộ hành-chánh tốt-nghiệp « giữa lúc nước nhà đang hân-hoan kỷ-niệm Đệ Nhất Chu-niên Quốc-sách Ấp Chiến-lược, vào giữa lúc Mặt Trận Cách-mạng Nhân-Vị đang chờ đợi thêm những lực-lượng tác-động để giúp dân-tộc xoay lại cuộc thế-chiến tận diệt kẻ thù Cộng-Sản, xây đắp nền Văn-minh Mới ».

Theo lời Ông Viện-Trưởng, số sinh-viên tốt-nghiệp Khóa VIII là 75 người, 30 người thuộc ban Hành-chánh và 45 người thuộc Ban Kinh-tế Tài-chánh. Với số 75 tân Phó Đốc-sự và Phó Giám-sự này, Ông Viện-Trưởng nói tiếp, tổng số sinh-viên Học-viện từ trước đến nay đã tăng tới 417 người tất cả.

Trong thời-gian ba năm thụ-huấn về lý-thuyết, thực-tập và căn-bản quân-sự trong dịp hè, sinh-viên đã có đủ vốn liếng để đảm-lãnh một vai trò quan-trọng trong nền hành-chánh. Ông Viện-Trưởng nói : « Họ đã từng được tai nghe mắt thấy và suy nghĩ, tìm kiếm giải-pháp về những vấn-đề quốc-kế dân-sinh nêu ra hằng ngày ở nơi thành-thị cũng như ở chốn thôn-ấp hẻo lánh ».

Cuối cùng, ông Viện-Trưởng kết-luận : « Trong cuộc chiến-đấu chống Cộng, xây-dựng đất nước, mỗi một sự tăng-cường cán-bộ kèm theo một sự cải-thiện về kỹ-thuật tinh-thần đạo-đức là một điều đáng mừng cho vận-mệnh quốc-gia. Chính trong niềm tin-tưởng đó mà hôm nay tôi rất lấy làm vinh-hạnh trình-diện trước Ông Cố-Vấn 75 sinh-viên tân khoa, tốt-nghiệp Khóa VIII của Học-viện Quốc-gia Hành-Chánh. »

Sau khi đã nói chuyện với các Học-viên, Ông Cố-Vấn đã trao chứng-chỉ cho hai sinh-viên tốt-nghiệp đã đỗ đầu ban Hành-Chánh (Anh Lê-Vinh-Phúc) và ban Kinh-Tế Tài-Chánh (Anh Diệp-Xuân-Tân).

Sau đó, các quan-khách hiện-diện đã trao chứng-chỉ cho 12 sinh-viên của hai Ban, trúng tuyển trong kỳ thi ra trường từ thứ 2 đến thứ 7. Một nữ-sinh viên

đã dâng hoa lên Ông Cố-Vấn, và sinh-viên Thủ-khoa Ban Hành-Chánh đã bày tỏ cảm-tưởng và cảm ơn sự chủ-tọa của Ông Cố-Vấn, « một khách-lễ và một vinh-dự lớn lao cho toàn-thể sinh-viên Khóa VIII ».

Sau khi trình-bày về chương-trình học-tập trong ba năm, thời-gian « tương-đối dài nhưng trước trách-vụ quá to-tát và nặng-nề mà sinh-viên sắp đảm-đương thành ra ngắn-ngủi », sinh-viên Lê-Vinh-Phúc, đại-diện cho 75 sinh-viên tốt-nghiệp trong 2 ban, đã bày tỏ lòng tin-tưởng ở chiến-thắng cuối cùng của dân-tộc, ở sự thành-công và đường lối cứu-quốc và kiến-quốc mà Tổng-Thống đã đề ra ».

Trước Ông Cố-Vấn Chính-trị và quan-khách trong khung-cảnh trang-nghiêm của buổi lễ, sinh-viên đại-diện đã nguyện đem hết lòng nhiệt-thành tâm-huyết ra phụng-sự Tổ-quốc yêu qui ».

Buổi lễ Mãn-Khóa chấm dứt bằng một tiệc trà tại Thư-viện của Học-Viện.

Vào những ngày tới, các sinh-viên tốt-nghiệp sẽ theo học lớp huấn-luyện quân-sự tại trường Huấn-luyện Hạ-Si-quan tại Nha-Trang trong thời-gian từ 6 đến 8 tháng. Và sau đó, họ sẽ đảm-lãnh chức-vụ mới.

#### 5. BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC NHẬN LIÊN-ĐỐI ẤP CHIẾN-LƯỢC 4 XÃ TÂN-TỨC (QUẬN BÌNH-CHÁNH, TỈNH GIA-ĐỊNH).

Sáng 28-4-63, Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, cùng phu-nhân, đã hướng-dẫn trên 800 công-chức các cấp từng-sự các Nha, Sở trực-thuộc bộ đến ấp chiến-lược 4 thuộc xã Tân-Tức, quận Bình-Chánh (Gia-Định) để chính-thức nhận liên-đối ấp này.

Trong buổi lễ tổ-chức đơn-giản tại ấp chiến-lược 4, Đại-Ủy Quận-Trưởng Bình-Chánh đã đọc diễn-văn chào mừng ông Bộ-Trưởng và trình-bày tình-hình tổng-quát của ấp này. Đại-Ủy cho biết, ấp chiến-lược nói trên, được khởi-công thực hiện ngày 1-5-1962 đến 26-7-1962 thì tạm hoàn-thành, nhưng trên thực-tế cần phải củng-cố rất nhiều cho đúng các tiêu-chuẩn của một ấp chiến-lược do Trung-ương đề ra.

Ấp chiến-lược 4 thuộc xã Tân-Tức, chiếm diện-tích 1.369 héc-ta qui-tụ 721 cư dân (nam phụ lão ấu) và có vòng đai chiến-lược dài 5.400 thước.

Sau buổi lễ, các công-chức của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã tham-gia công-tác phát-triển cộng-đồng tu-bổ các công-sự phòng thủ tại ấp này. Sau một ngày công-tác, các công-chức bộ này đã đắp được 800 thước bờ thành và 400 thước khối đất nền trụ-sở Ban trị-sự ấp. Các công-chức còn chích thuốc ngừa dịch-hạch cho đồng-bào trong ấp và phát 134 gói tặng-phẩm gồm có khăn bông, xà-bông và thuốc hút cho đồng-bào nghèo.

## 6. VỀ VIỆC THẦU-NHẬN HỌC-VIÊN VÀO TRƯỜNG SINH-NGŨ.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục thông cáo:

Kể từ ngày đăng Thông-cáo này, trường Sinh-ngũ, tại số 221, đường Cộng-Hòa Sài-gòn, sẽ thầu đơn xin nhập học năm Thứ Nhất các ban Anh, Pháp, Đức, Y-Pha-Nho, Nhật, Hoa và Việt sáng từ 10 đến 12 giờ, chiều từ 15 đến 17 giờ trong những ngày làm việc.

Thời-hạn chót thầu đơn được ấn-dịnh vào ngày 7-6-1963.

Quân-nhân, công-chức, tư-chức, sinh-viên Đại-học và Cao-đẳng, học-sinh các lớp Đệ Nhất Trung-học có thể xin nhập học và sẽ được nhận trong giới-hạn số chỗ ngồi ấn-dịnh như sau:

Ban Anh	: 80 học-viên
- Pháp	: 50 -
- Đức	: 50 -
- Y-Pha-Nho	: 50 -
- Nhật	: 50 -
- Hoa	: 50 -
- Việt	: 50 -

Hai ban Anh và Pháp, học-viên phải qua một kỳ thi tuyển mở vào ngày 26-6-1963, hồi 18 giờ, tại trường Sinh-ngũ, bài thi gồm có một bài giảng Anh-văn hay Pháp-văn, thời hạn 2 giờ.

Các ban Đức, Y-Pha-Nho, Nhật, Hoa, học-viên không phải qua một kỳ thi, nhưng sẽ được thầu nhận ưu-tiên theo thứ-tự thời-gian nộp đơn.

Ban Việt-ngữ dành riêng cho ngoại-kiểu.

## 7. PHƯỚC-TUY : TY TIÊU-HỌC ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN TỔ-CHỨC TRẠI HÈ HỌC-SINH Ở VŨNG-TÀU.

Ty Tiêu-học Đô-thành Sài-gòn vừa tổ-chức một Trại Hè tại Vũng-Tàu, dành riêng cho nam nữ học-sinh các trường Tiêu-học công-lập ở Thủ-đô. Ty này cũng đã được Bộ Quốc-gia Giáo-dục cho mượn trại hè học-sinh toàn-quốc ở ngã ba đường Hoàng-Hoa-Thám — Trần-Hưng-Đạo, quận-lỵ Vũng-Tàu, làm nơi lưu nghỉ trong suốt thời-gian tổ-chức Trại.

Trại này được chia làm hai đợt, đợt đầu từ 25-4 đến 2-5-63 dành cho 190 nam-sinh các lớp nhất và nhì, đợt nhì từ 2-5 đến 9-5-63 dành cho 200 nữ-sinh.

Các trại-sinh được tuyển chọn tham-dự trại hè này đều là những học-sinh học giỏi, tính-hạnh tốt, gia-đình nghèo, sức khỏe kém, và được Ty Tiêu-học Đô-thành đài-tho mọi phí-khoản về di-chuyến, ăn và ở.

Đợt đầu do ông Nguyễn-văn-Xuân, Hiệu-trưởng trường Tiêu-học Tân-Định làm Trại-trưởng.

Trong thời-gian lưu nghỉ ở Vũng-Tàu, ngoài phần tắm biển, hóng gió và viếng thăm những danh-lam thắng-cảnh ở địa-phương, các trại-sinh còn tham-dự các buổi chiếu bóng và trình-diễn văn-nghệ do Chi Thông-Tin địa-phương tổ-chức vào buổi tối giúp vui cho trại.

## 8. THÔNG-CÁO CHUNG NGÀY 5-6-58 CỦA VIỆN HỐI-ĐOÀI VỀ VIỆC CẤP PHÁT NGOẠI-TỆ ĐỀ MUA TÀI-LIỆU HỌC-TẬP GIÁO-KHOA HAY KHẢO-CỨU.

Viện Hối-Đoái và Nha Tổng Giám-Đốc Thương-Vụ (Nha Ngoại-Thương) trân-trọng thông báo rõ các điều-kiện đặc-biệt sau đây về cuộc cấp-phát ngoại-tệ đề mua tài-liệu học-tập giáo-khoa hay khảo-cứu.

(1) Những người được cấp ngoại-tệ: Học-sinh, sinh-viên, giáo-sư, công-chức hay quân-nhân muốn tu-nghiệp.

(2) Tài-liệu được phép mua: Sách học, sách khảo-cứu, bài học hàm-thụ tập-chí giáo-khoa, tạp-chí khảo-cứu, tạp-chí khoa-học, bản-đồ và tranh ảnh giáo-khoa, tài-liệu về giáo-khoa, đĩa hát học sinh-ngũ (những tài-liệu này không có tánh-cách thương-mại và mỗi loại không được mua trên một đơn-vị.)

(3) Số tiền được cấp: Mỗi người được cấp ngoại-tệ mua tài-liệu nói trên mỗi lần đến mức tối-đa là 3.500\$ V.N.

(4) Những cơ-quan nhận đơn:

a. Số tiền xin cấp từ 1.000\$ trở lại.

Đơn gửi tới Viện Hối-Đoái Quốc-Gia (làm một bản) kèm theo một hóa-đơn tạm (tho thường).

b. Số tiền xin cấp trên 1.000\$ đến 3.500\$. Làm đơn theo mẫu in sẵn (4 bản) gửi tới Nha Văn-Hóa, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, kèm theo hóa-đơn tạm (3 bản).

(5) Việc chuyển-ngân: Viện Hối-Đoái sẽ cấp giấy phép chuyển-ngân đặc-biệt cho các đương-sự đề gửi tiền bằng bưu-phiếu nếu mua ở Pháp và gửi tiền qua Ngân-Hàng trung-gian nếu mua ở các xứ khác.

(6) Nhận hàng. Mua từ 1.000\$ trở lại, khi nhận hàng vẫn theo thủ-tục cũ không thay đổi.

Mua từ trên 1.000\$ đến 3.500\$ thì khi lãnh hàng, phải xuất-trình cho Nha Quan-Thuế đơn xin mua tài-liệu nói ở 4/b (1 bản chánh và 1 bản phụ) cùng với hóa-đơn chánh-thức về Viện Hối-Đoái.

Sau khi nhận hàng, đương-sự sẽ được Nha Quan-Thuế cấp cho một biên-lai chứng nhận đơn mua tài-liệu đã được thanh-lý.

(7) *Trường-hợp số tiền xin cấp trên 3.500\$*. Phải theo thể-lệ nhập-cảng thường, nghĩa là đơn (theo mẫu thường dùng cho các vụ nhập-cảng hàng-hóa) gửi qua Nha Ngoại-Thương để chuyển đến Viện Hải-Đoái kiểm-nhận (nên xin ý-kiến Nha Văn-Hóa trước).

(8) *Đề nâng-dỡ giới hiệu-học*, các cơ-quan có thẩm-quyền sẽ dành mọi sự dễ-dàng trong việc xét đơn.

Muốn rõ thêm chi-tiết, xin liên-lạc với Nha Ngoại-Thương (Bộ Kinh-Tế), Nha Văn-Hóa (Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục) hoặc Viện Hải-Đoái Quốc-Gia.

#### 9. LỄ PHÁT PHẦN THƯỜNG CHO HỌC-SINH CỦA TRƯỜNG NỮ TRUNG-HỌC BÙI-THỊ-XUÂN (Đà-Lạt).

Sáng 18-4-63, ông Trần-Văn-Phước, Thị-Trưởng Đà-Lạt, chủ-tọa buổi lễ phát phần thưởng cho học-sinh trường Nữ Trung-học Bùi-Thị-Xuân, do trường này tổ-chức tại hội-trường Hòa-Bình ở Đà-Lạt. Tham-dự buổi lễ này, ngoài các giáo-sư và học-sinh của trường, còn có rất đông đại-diện cơ-quan, đoàn-thể địa-phương. Trong diễn-văn khai-mạc, bà Nguyễn-Văn-Đài, Hiệu-trưởng trường Nữ Trung-học Bùi-Thị-Xuân cho biết, trong niên-khóa 1962-63, nhà trường đã phối hợp với Chi-hội Phụ-huynh học-sinh của trường thiết-lập được một tủ sách giáo-khoa gồm 4.000 cuốn sách đủ loại để cho học-sinh nghèo mượn học, và đang xây cất một nhà trú mưa cho học-sinh trong khu trường-ốc với tổng-phí 200.000\$.

Bà Hiệu-Trưởng còn cho biết, trường Nữ Trung-học Bùi-Thị-Xuân, ngoài công-tác giáo-dục, còn tham-gia vào công-tác ích-lợi khác như nhận đỡ đầu Phường chiến-lược Hà-Đông thuộc khu phố 9 Đà-Lạt và dự-tính mở thêm 5 lớp Đệ thất và 1 lớp Đệ nhất vào đầu niên-học 1963-1964. Sau đó, ông Thị-Trưởng và quan-khách trao 100 phần thưởng do Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống, các vị Chủ-Tịch Quốc-Hội, Chủ-Tịch Bảo-Hiến, các vị Bộ-Trưởng và các cơ-quan đoàn-thể gửi tặng cho các học-sinh xuất-sắc của trường này.

Được biết trường Bùi-Thị-Xuân là trường Nữ Trung-học độc-nhất tại Đà-Lạt, trong niên-học vừa qua, có 15 lớp học, thu nhận 700 nữ-sinh từ Đệ thất đến Đệ-nhị. Buổi lễ kết-thúc bằng nhiều màn vũ-khúc, ca-nhạc do các nữ-sinh trường này phụ-trách trình-diễn.

#### 10. THI TUYỂN SINH-VIÊN NHẬP-HỌC KHÓA 20 SĨ-QUAN HIỆN-DỊCH.

Trường Võ-bị Quốc-gia Đà-lạt sẽ thu nhận 500 sinh-viên sĩ-quan đề theo học-khóa 20 Sinh-viên Sĩ-quan hiện-dịch vào ngày 9-12-1963.

1. *Điều-kiện nhập học*: Các điều-kiện dưới đây được áp dụng cho tất cả các thí-sinh dân-chính, cựu quân-nhân cũng như quân-nhân tại ngũ:

- Thanh-niên có quốc-tịch Việt-Nam
- Từ 17 đến 24 tuổi (dưới 21 tuổi phải có giấy phép của cha mẹ hoặc người giám-hộ). Hạn tuổi nêu trên được tính đến ngày nhập học 9-12-1963.
- Không can án, độc thân và cam-đoan không kết hôn trong suốt khóa học.

- Đầy-đủ sức khoẻ theo thể-lệ hiện-hành và đủ điều-kiện văn-hóa như sau:

a. *Được miễn thi nhập học*: Những thanh-niên có bằng Tú-tài 2 (Pháp hay Việt) các ban sau đây, nếu số đơn xin không quá số dự tuyển:

Việt: Ban A, Ban B, Kỹ-thuật

Pháp: Technique, Mathématique, Sciences expérimentales.

Trường-hợp số đơn xin vượt quá mức dự tuyển, các đương-sự cũng phải qua một kỳ thi tuyển.

b. *Phải qua một kỳ thi tuyển*: Những thanh-niên có bằng Tú-tài I (Pháp hay Việt) các ban sau đây, nếu số ứng-viên nêu trên không đủ số dự tuyển:

Việt: Ban A, Ban B, Kỹ-thuật.

Pháp: Moderne. Technique.

Kỳ thi nhập học sẽ được tổ-chức vào các ngày 23, 24, 25-9-1963 và hạn chót nộp đơn vào ngày 15-8-1963.

*Thành-phần hồ-sơ*:

Đơn làm theo mẫu.

Một bản trích-lục tư-pháp lý-lịch không quá 3 tháng.

Một bản sao văn-băng có cơ-quan hành-chính thị-thực.

Một bản trích-lục phiếu y-khoa cá-nhân do ban Quân-y tham-dự Hội-đồng kiểm-tra trung-bình thiết-lập.

Một bản chứng-chỉ tình-trạng quân-dịch hợp lệ.

5 tấm ảnh 4x6.

Muốn biết thêm chi-tiết, xin hỏi tại Nha Chiến-Tranh Tâm Lý Bộ Quốc-Phòng hoặc Bộ Tư-Lệnh các vùng Chiến-thuật.

### 11. VỀ VIỆC TUYỂN LỰA BÁC-SĨ, DƯỢC-SĨ, NHA-SĨ VÀO NGẠCH GIÁO-HUẤN Y-HỌC.

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa vừa ký Sắc-lệnh số 39-GD ngày 19-4-63, sửa đổi Sắc-lệnh số 265-DG ngày 26-7-57 về việc tuyển lựa Bác sĩ, Dược sĩ, Nha sĩ hoặc sinh-viên Y.khoa năm thứ 5 vào ngạch giáo-huấn Y.học như sau:

« Điều 1 (mới): Mỗi năm, tại Trường Y.khoa Đại-học Sài-gòn và Trường Y.khoa Đại-học Huế sẽ mở kỳ thi để tuyển lựa một số Bác-sĩ, Dược-sĩ Nha-sĩ và sinh-viên Y.khoa cuối năm thứ 5, thuộc ngành Dân-y hoặc Quân-y, tình-nguyên chọn nghề giáo-huấn về Y.khoa ».

« Điều 4 (mới): Thề-thức thi-hành Sắc-lệnh này sẽ do Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục ấn-định theo đề-nghị của Viện-Trưởng Viện Đại-học Sài-gòn và Viện Đại-học Huế ».

### 12. TRẠI CÔNG-TÁC VÀ DU-NGOAN CỦA HỘI THANH-NIÊN THIÊN-CHÍ TẠI ĐÀ-LẠT.

Đề bắt đầu chương-trình công-tác mùa hè 1963, Hội Thanh-niên Thiên-chí tổ-chức từ 4-5-63 đến 12-5-63, một trại Công-tác và Nghị-luận tại Đà-Lạt.

Công-tác chính của trại là sửa-sang và tu-bổ một Ký-Nhi-Viện trong châu-thành Đà-Lạt. Sau đó các trại-sinh sẽ có dịp thăm-viếng và học hỏi về những cơ-sở kinh-tế và những thắng-cảnh tại đây.

Cùng một lúc với trại này, Viện Đại-Học Sài-gòn cũng tổ-chức trại cho 150 sinh-viên tại Viện Đại-học Đà-Lạt và Lữ-quán Thanh-niên ở Đà-Lạt.

### 13. NHA CHIẾN-TRANH TÂM-LÝ TỒ-CHỨC «TRIỆU-LÂM THÁNG MƯỜI».

Vào dịp kỷ-niệm Quốc-Khánh 1963, Nha Chiến-Trans Tâm-Lý Bộ Quốc-Phòng sẽ tổ-chức tại Thủ-đô Sài-gòn từ ngày 26 tháng 10 đến 10 tháng 11 năm 1963 một phòng triển lãm Hội-họa và Điêu-khắc lấy tên là: «Triệu-lâm tháng Mười».

Phòng Triệu-lâm tháng mười sẽ là nơi tập-trung những tác-phẩm chiến-đấu nêu cao ý-chí cương-quyết của các nghệ-sĩ trong và ngoài quân-đội thuộc hai bộ môn nghệ-thuật: Hội-họa và Điêu-khắc. Đề-tài của nghệ-phẩm phải thể hiện được một trong những tiêu-chuẩn:

- (1) Chiến-sĩ Cộng-hòa chiến-thắng trong khó-khăn, gian-khổ.
- (2) Tình gia-đình là yếu-tố căn-bản khuyến-khích người chiến-sĩ chiến-thắng.
- (4) Quân-đội thi đua giúp dân xây-dựng ấp chiến-lược.

Ban Tổ-chức Phòng triển-lãm sẽ thu-nhận các loại tác-phẩm sau đây: Sơn dầu, sơn mài, bột màu, phấn tiên, thủy thái, mộc bản, điêu-khắc.

Các tác-phẩm tham dự triển-lãm phải gửi đến trụ-sở Ban Tổ-chức Triển-lãm trước ngày 1-9-1963 nơi địa-chỉ:

- 15, Lê-Thánh-Tôn, Sài-gòn (cho các họa-sĩ dân-sự)
- KBC. 4648 (cho các họa-sĩ quân-nhân).

Các họa-sĩ gửi tranh tham-dự phải tự mình liệt-kê vào mẫu giấy riêng (do Ban Tổ-chức in sẵn và gửi đến mỗi người):

- Đề-tài tác-phẩm
- Khuôn-khổ
- Loại tranh
- Giá tiền

đề Ban Tổ-chức có đủ chi-tiết dùng in vào quyền Tổng-mục.

Nha Chiến-Trans Tâm-Lý Bộ Quốc-Phòng sẽ tặng những giải thưởng sau đây:

1. Giải tối cao: 1 huy-chương vàng và 40.000 đồng
2. Giải nhất: 1 huy-chương bạc và 25.000 -
3. Giải nhì: 1 huy-chương bạc và 15.000 -
4. Giải ba: 1 huy-chương đồng và 10.000 -
5. Giải tư: 1 huy-chương đồng và 5.000 -
6. Giải năm: (do Bộ Quốc-gia Giáo-dục tặng 5.000\$).

Và 10 bằng Danh-dự tặng cho các họa-sĩ xuất-sắc.

### 14. LỄ KHAI-GIẢNG KHÓA NHÂN-VỊ THỨ 34 TẠI ĐÀ-LẠT.

Sáng 22-4-63, Trung-tâm Nhân-Vị Đà-Lạt, đã khai giảng khóa thứ 43, tại giảng-đường Viện Đại-Học Đà-Lạt. Tham-dự khóa này có 181 học-viên hầu hết là công-chức phục-vụ tại các Bộ, Nha, Sở ở Thủ-đô và các tỉnh trong toàn-quốc.

Khóa này, cũng như các khóa trước tiếp diễn trong một tháng, các học-viên được sống theo chế độ nội-trú tại Viện Đại-Học Đà-Lạt.

### 15. TỔNG GIÁO-KHU SÀI-GÒN CÓ THÊM 21 VỊ LINH-MỤC.

Sáng 23-4-63, trong một buổi lễ long-trọng tại Vương-Cung Thánh-Đường Sài-gòn, Đức Cha Nguyễn-Văn-Bình, Tổng Giám-Mục Giáo-Khu Sài-gòn đã phụng chức cho 21 Linh-Mục và 8 Thầy Chức Năm.

Các Linh-Mục và Thầy Chức Năm nói trên đều tổng học tại Đại-Chủng-Viện Sài-gòn.

Như vậy tổng số Linh-mục tại Tổng Giáo-Khu Sài-gòn lên tới khoảng 530 Linh-Mục.

### 16. LỄ PHÁT THƯỜNG CUỐI NĂM CHO HỌC-SINH TRƯỜNG QUỐC-HỌC HUẾ.

Ông Nguyễn-Văn-Toán, phụ-tá Đại-biêu Chánh-phủ tại Trung-Nguyên Trung-Phần đã chủ-tọa buổi lễ phát phần thưởng cuối năm cho học-sinh trường Quốc-Học Huế tổ-chức chiều 20-4-63 tại Phòng Khánh-Tiết của trường này ở số 7 đường Lê-Lợi (Huế).

Hiện-diện tại buổi lễ, có ông Nguyễn-Văn-Đàng, Tỉnh-Trưởng Thừa-Thiên kiêm Thị-trưởng thành-phố Huế, ông Tôn-Thất-Tất, đại-diện Bộ Quốc-gia Giáo-dục tại Trung-Phần, rất đông thân-hào nhân-si phụ-huynh học-sinh, đại-diện các cơ-quan đoàn-thể và ban Giáo-sư của trường.

Sau phần nghi-thức thường lệ, ông Phụ-Tá Đại-biêu Chánh-phủ đã tuyên-đọc huấn-từ của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa gửi các học-sinh nhân dịp nghỉ hè. Sau đó, ông Đinh-Quy, Hiệu-Trưởng trường Quốc-Học đã trình-bày những cố-gắng của nhà trường về phương-diện giáo-dục và hoạt-động của Hiệu-đoàn trong niên-học vừa qua, cùng giới-thiệu 150 học-sinh xuất-sắc của trường được lãnh thưởng gồm các sách giáo-khoa, học-phần, và nhạc-cụ trị-giá ngót 80.000\$00.

Trường Quốc-Học Huế, do Cụ Ngô-Đình-Khê sáng-lập hồi năm 1896 là trường Trung-Học Đệ-Nhị-Cấp gồm có 47 lớp thu nhận 2.863 học-sinh, trong niên-học 1962-63.

### 17. QUYỀN LỢI CỦA SINH-VIÊN SI-QUAN TỐT-NGHIỆP TRƯỜNG VÕ-BỊ QUỐC-GIA VIỆT-NAM.

Theo tinh-thần Nghị-dịnh số 325-QP (điều 6) của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ký ngày 10 tháng 4 năm 1963, Sinh-viên Si-quan tốt-nghệp Trường Võ-Bị Quốc-Gia được cấp *bạc Thiệu-úy* và cấp phát *Văn-bằng tốt nghiệp Trường Võ-Bị Quốc-Gia*.

Các Sinh-viên Si-quan tốt nghiệp Trường Võ-Bị Quốc-Gia đã có Tú-tài toàn phần sẽ được miễn Chứng-chỉ Dự-bị khoa-học Toán Lý-Hóa (MPC), Toán Vật-Lý (MGP), Toán-Đại-Cương (MG) để tiếp tục học thi các Chứng-chỉ Chuyên-khoa Ban Cử-Nhân Khoa-học và Toán tại các Trường Đại-học Khoa-học Việt-Nam, hoặc nếu muốn trở thành Kỹ-sư, sẽ được nhập-học miễn thi vào năm thứ 2 các Trường Cao-đẳng chuyên-nghệp Quốc-Gia.

### 18. CHƯƠNG-TRÌNH NGÀY LỄ LAO-ĐỘNG TẠI SÀI-GÒN.

Ngày 1-5-63, bắt đầu từ 8 giờ sáng, Tổng Liên-Đoàn Lao-Cộng, Tổng Liên-Đoàn Lao-Động và Lực-Lượng Thợ-Thuyền tổ-chức tại trụ-sở của mỗi Tổng Liên-Đoàn cuộc hội-hợp các đoàn-viên.

Suốt ngày, các công-nhân dự các cuộc chiếu-bóng không mất tiền tại 52 rạp chiếu bóng ở Đ.Đ. Thành.

Buổi chiều, ông Bộ-Trưởng Lao-Động mở tiếp tân tại Phòng Khánh-tiết Tòa Đ.Đ. Chính khoản đãi đại-diện các giới chủ-nhân và công-nhân ở Thủ-đô. Nhân dịp này, có chiếu phim tài-liệu về sinh-hoạt của công-nhân dưới chế-độ Cộng-Hòa, do Bộ Lao-Động thực-hiện.

### 19. HOẠT-ĐỘNG CỦA HỘI VIỆT-MỸ TRONG ĐỆ NHẤT TÂM-CÁ-NGUYỆT 1963.

Theo một bản phúc-trình về đệ nhất tam-cá-nguyệt năm 1963 của ông Raymond F. Iredell, Giám-đốc Hội Việt-Mỹ, gửi cho Hội-đồng Quản-trị Hội này, thì tổng-số học-sinh hiện đang theo các lớp Anh-ngữ tại Hội Việt-Mỹ lên tới 5.406 người.

Bản phúc-trình còn cho biết đã có 183 giáo-sư bán thời-gian dạy tại 177 lớp. Ngoài ra còn có 188 học-sinh đã dự kỳ thi lấy bằng "Proficiency in English" trong số có 81 người trúng tuyển.

Hội Việt-Mỹ ra đời hồi cuối năm 1955. Tính từ hồi đó tới cuối tháng 7 năm 1962 tổng số học-sinh theo học các lớp Anh-ngữ của Hội lên tới khoảng 26.000 người.

Bản phúc-trình của ông Raymond F. Iredell cũng cho hay là số hội-viên Hội Việt-Mỹ đã tăng thêm được lối 25% trong năm ngoái, và tổng-số hoạt-động hội-viên hiện thời có trên 1.000 người.

Hội cũng đã tổ-chức được nhiều bữa điềm-tâm và ăn chiều có tới 701 người tham-dự. Thêm vào đó cũng phải kể tới bữa tiệc Tết và một bữa ăn ngoài trời theo lối Mỹ.

Các hoạt-động khác của Hội gồm có 279 buổi thảo-luận, 180 buổi thuyết-trình và 615 buổi chiếu phim. Một trong số những buổi thuyết-trình đã do ông James Rosenthal, nhân-viên Sứ-quán Mỹ, đảm-nhiệm và trình-bày bằng tiếng Việt.

Ngoài ra, còn có những đêm hát bội, các buổi trình-diễn âm-nhạc, các cuộc viếng thăm đền chùa ở Thủ-đô, các trận đấu dả-cầu...

Trong đệ nhất tam-cá-nguyệt 1963, Thư-viện của Hội Việt-Mỹ đã cho mượn 5.217 cuốn sách, và 330 đĩa hát. Số người tới đọc sách tại Thư-viện trong thời-kỳ này lên tới 35.475 người.

Mặt khác, Hội Việt-Mỹ tiếp-tục hợp-tác với nhiều tổ-chức khác như Hội Thanh-niên Thiện-chí, Đoàn Nữ Hướng-đạo, Nha Quốc-gia Du-lịch. Hội Việt-Mỹ đã quyên-tặng các nạn-nhân vụ hỏa-hoạn Vinh-Hội 30.000\$ và giúp đồng bào Thượng-tị-nạn Cộng-sản một số tiền là 5.000\$.

Cuối cùng, bản phúc-trình của ông Iredell nhấn mạnh rằng với tất cả những hoạt-dộng kể trên, Hội Việt-Mỹ nhằm mục-dịch phát-triển những liên-lạc thân-hữu giữa người Việt và người Mỹ và giúp cho hai bên hiểu nhau thêm về văn-hóa và những ước-vọng của nhau.

Vấn theo bản phúc-trình này, sự thành-công của Hội Việt-Mỹ đã được chứng-tỏ bằng con số gia-tăng mạnh mẽ của các hội-viên và các học-sinh các lớp Anh-ngữ.

Hiện nay có tới vài ngàn người đang chờ tới lượt họ để được thụ nhận vào các lớp học của Hội.

**20. PHÁI-ĐOÀN VIỆT-NAM PHẢN-KHÁNG : VIỆT-CỘNG PHẠM THÊM NHIỀU TỘI ÁC DÃ-MAN ĐỐI VỚI GIÁO-VIÊN VÀ NHÂN-VIÊN HÀNH-CHÁNH CẤP XÃ.**

Nguồn tin hữu-quyền cho biết, Phái-đoàn Việt-Nam giao dịch với Ủy-Hội Quốc-tế Kiểm-soát Đình-chiến lại vừa thông-báo với Ủy-hội những việc như sau :

(1) Hồi 9 giờ ngày 26-3-63, một toán Việt-cộng võ-trang đã đột nhập trường học ấp Giao-Lợi (xã Hoài-Tân, quận Hoài-Nhân, tỉnh Bình-Định) và dùng súng hạ sát ngay tại chỗ ông Nguyễn-văn-Hàm, giáo-viên, giữa lúc ông đang giảng bài cho học sinh. Trước khi rút lui, bọn khủng-bố đã bắn nhiều loạt súng vào trường, giết chết ông Huỳnh-Cam, đoàn viên Thanh-niên Cộng-hòa.

(2) Tối 30-3-63, một bọn cán-bộ Việt-cộng võ-trang đột-nhập trường « Sao-Mai » tại Thốt-Nốt (tỉnh An-Giang), trong lúc trường đang tổ-chức trình-diễn văn-nghệ nhân-dịp phát thưởng cho học-sinh. Bọn khủng-bố ném 2 trái lựu đạn nổ trên sân-khấu, khiến một Dân-vệ xã bị chết và nhiều người bị thương trong số khán-giả phần lớn là phụ-nữ và trẻ em. Trong số những người này có 2 người bị thương nặng.

(3) Ngày 1-4-63, một bọn Việt-cộng võ-trang kéo vào công xưởng Hòa-xa ở cây số 1126.300 (tỉnh Phú-Yên) dùng súng hạ-sát ngay tại chỗ ông Bui-Soan-Cúc, Trường-toán xa lộ.

(4) Hồi 9 giờ ngày 7-4-63, ông Nguyễn-Văn-Sự, nhân-viên Hội-đồng xã Cẩm-Giang, quận Phú-Khương, tỉnh Tây-Ninh bị một toán khủng-bố Việt-cộng hạ sát bằng súng lục, sau khi chúng đột nhập nhà ông.

(5) Trông đêm mùng 7 rằm 8-4-63, một bọn Việt-cộng võ-trang đã ám-sát ông Huỳnh-Văn-Bô, cán-sự y-tế tổng-sự tại Định-Tường, tại nhà riêng của ông này. Phái-đoàn Việt-Nam cực-lực phản-kháng những tội ác dã-mạn của bọn Việt-cộng. Hành-dộng như trên, bọn này đã trắng-trợn vi-phạm hiệp-định Genève năm 1954 và nhà cầm-quyền Cộng-sản Hà-nội phải hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về những vụ này.

Phái-đoàn còn nhấn mạnh rằng những hành-dộng khủng-bố mù-quáng của bọn Việt-cộng nhằm vào giáo-chức và học-sinh, cũng như các nhân-viên hành-chánh xã, y-tế hương-thôn và Công-chánh, đã chứng-tỏ rõ-rệt tất cả sự dè-hèn và dã-mạn của bọn cán-bộ Việt-cộng trong âm-mưu đen-tối của chúng là tìm đủ mọi cách cản-trở những nỗ-lực của Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa để thực-hiện công-cuộc phát-triển kinh-tế và xã-hội cho đất nước.

Bởi vậy Phái-đoàn yêu-cầu Ủy-hội lên tiếng tố-cáo những tội ác đó trước dư-luận quốc-tế, đồng-thời áp-dụng mọi biện-pháp cần-thiết để những hành-dộng khủng-bố dã-mạn như vậy khỏi tái-diễn tại miền Nam vi-tuyến 17.

**21. BÌNH-ĐỊNH : 293 GIÁO-SINH BAN SƯ-PHẠM 1 NĂM TRƯỜNG SƯ-PHẠM QUI-NHƠN ĐỀU TRƯNG TUYỂN KỶ THI MÃN KHÓA.**

Toàn-thể giáo-sinh thuộc Ban Sư-phạm 1 năm tại trường Sư-phạm Qui-nhơn 293 người, đã trúng tuyển kỳ thi mãn-khóa, tổ-chức tại tỉnh-ly Qui-Nhơn Nhơn vào trung tuần tháng 4 năm 1963.

Được biết, 293 giáo-sinh này nhập học từ 15-8-62, chia làm 6 lớp, phần lớn đều thuộc các tỉnh miền Trung-nguyên và Cao-nguyên Trung-Phần. Các sinh-viên này sau khi trúng tuyển sẽ được bổ-nhiệm giáo-viên Tiểu-học tập sự vào niên-khóa tới và được hưởng lương tháng với chỉ số 250.

**22. LONG-AN : CƠ-QUAN VĂN-HÓA Á-CHÂU TRỢ CẤP 1.620.000\$ ĐỀ THIẾT-LẬP 33 LỚP HỌC TẠI CÁC ẤP CHIẾN-LƯỢC ĐÃ HOÀN-THÀNH.**

Theo Ty Tiểu-học Long-An, Ty này vừa được Cơ-quan Văn-hóa Á-Châu (Asia Foundation) cấp ngân-khoản 1.620.000 đồng để thiết-lập 33 lớp học tại các ấp chiến-lược đã hoàn-thành. Ngân khoản này gồm 1.320.000 đồng dành cho công-tác xây cất và 300.000 đồng dành cho việc trang-bị các lớp học.

Được biết, trong số tiền dành cho công-tác xây cất có 148.500 đồng về xi-măng do Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ (USOM) đảm-nhận cung-cấp, trung-bình mỗi lớp học được cấp 4.500 đồng về tiền ciment.

Riêng về sở-phí trang-bị, mỗi phòng học được cấp 1 bàn cho thầy giáo kê cả ghế, 1 tủ, 1 bảng xanh và 14 bàn ghế dài cho học-sinh, trị-giá chung 10.000 đồng.

Mỗi lớp học ấp chiến-lược dài 8 thước, rộng 6 thước.

Công-tác thiết-lập các lớp học này sẽ do một Ủy-ban xây-cất của tỉnh đảm-trách khởi công, chậm lắm vào trung tuần tháng 5-63 đến, để kịp khai-giảng vào niên-khóa 1963-1964.

23. KẾT-QUẢ CUỘC THI SÁNG-TÁC TÂN-NHẠC VÀ KỊCH NGẮN KỶ ĐỆ-NHẤT TAM-CA-NGUYỆT NĂM 1963 DO ĐÔ-THÀNH-ĐOÀN THANH-NIÊN CỘNG-HÒA TỔ-CHỨC.

Đô-Thành-Đoàn Thanh-niên Cộng-Hòa thông-cáo như sau kết-quả cuộc thi sáng-tác tân-nhạc và kịch ngắn kỷ đệ-nhất tam-cá-nguyệt 1963 :

**Tân nhạc :**

- Nhạc-phẩm « Góp sức Thanh-niên » của Nguyễn-Thanh-Liêm mang số 8 trúng giải nhất 1.500\$.
- Nhạc-phẩm « Cùng nhau xây Ấp chiến-lược » của Lê Xuân mang số 16 trúng giải đồng hạng 500\$.
- Nhạc-phẩm « Tình anh Dải-vệ » của Hoàng-Hùng mang số 41 trúng giải đồng hạng 500\$.
- Nhạc-phẩm « Người trai áo xanh » của Lê-Quang-Chung mang số 30 trúng giải đồng hạng 500\$.

**Kịch ngắn :**

- vở « Con không lấy » của Thùy-Hương tức Nguyễn-thị-Quế mang số 17 trúng giải đồng hạng 1.500\$.
- vở « Vòng đai chiến-lược » của Trần-Quốc-Tấn mang số 10 trúng giải đồng hạng 1.500\$.

Các tác-giả trúng giải nếu ở gần xin mời đến Ban V Đô Thành Đoàn Thanh-niên Cộng-Hòa 165 đường Tự-do (trên lầu) để nhận lãnh, còn xa Ban tổ chức sẽ gửi tới địa-chỉ riêng.

Đặc-biệt về kỳ đệ nhị tam-cá-nguyệt 1963, riêng phần tân-nhạc Ban Tổ chức chỉ đặt một giải thưởng duy nhất để chọn tác phẩm làm bài ca chính-thức của Đô-Thành-Đoàn Thanh-niên Cộng-Hòa. Vậy xin lưu các sáng tác-gia nhạc-si về nhạc-khăm dự thi kỳ này cần phải vui tươi lành mạnh và thể-hiện được sắc-thái riêng biệt của Đô-Thành; lời ca nên ghi những địa-danh, Khóm, Phường những công-tác đặc-biệt của Thanh-niên Cộng-hòa Đô-thành.

Về phần kịch ngắn : đề-tài tự-do nhưng cần có tính-cách xây-dựng cho phù-hợp với công-cuộc đấu-tranh của toàn dân trong giai-đoạn hiện tại.

24. VIỆN-TRỢ MỸ CẤP THÊM VẬT-DỤNG ĐỀ XÂY CÁT TRUNG-TÂM Y-HỌC CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC SÀI-GÒN.

Ban Y-Tế của Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Mỹ (USAID) hôm nay cho biết Viện-trợ Mỹ vừa cấp thêm một ngân-khoản phụ là 1.700.000 Mỹ-kim, dưới hình thức vật-dụng xây cát, để dùng vào việc xây-dựng Trung-Tâm Y-Học tại Viện Đại-Học Sài-gòn.

Người ta được biết Trung-tâm này đã nhận được một ngân-khoản là 96.200.000 đồng bạc và các vật liệu xây cát trị giá 230.000 Mỹ-kim để dùng vào việc xây cát đợt đầu của Trung-tâm, gồm có những tòa nhà dùng làm nơi giảng-dạy các môn khoa-học căn-bản.

Ngân-khoản xây cát này một phần lấy trong Ngân-sách quốc-gia một phần do Viện-trợ Mỹ đài-thọ.

Việc xây cát đợt hai tại Trung-tâm sẽ gồm có việc thiết-lập một bệnh-viện, thực-hành.

25. LỄ KHAI-GIẢNG KHÓA 4 HỘI THẢO VỀ CHÁNH-SÁCH CHIÊU-HỒI TẠI ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN.

Chiều 29-4-63, buổi lễ khai-giảng khóa 4 hội-thảo về chánh-sách chiêu-hồi đã được cử-hành tại Phòng Khánh-Tiết Tòa Đô-Chánh Sài-gòn, dưới quyền chủ-tọa của ông Phó Đô-Trưởng Hành-chánh đại-diện ông Đô-Trưởng, cùng sự hiện-diện của Trung-Tá Nguyễn-Hữu-Phước, Phó Đô-Trưởng Nội-an và 380 hội-thảo-viên công-chức Tòa Đô-Chánh.

Trong bài diễn-văn khai mạc, ông Trưởng Đô-Thành-Đoàn Công-Dân-Vụ đại-diện ban Giám-Đốc, cho biết rằng tính đến khóa 4 này, Ủy-Ban Chiêu-hồi Đô-Thành đã huấn luyện được 2.547 công-chức về chánh-sách Chiêu-hồi.

Ủy-Ban Chiêu-hồi Đô-Thành 15 tổ-chức những khóa sắp tới dành riêng cho các cán-bộ đoàn-thể và ban trị-sự các Khu Chiến-Lược tại Đô-Thành.

Trong đáp từ, ông Phó Đô-Trưởng Hành-chánh đặc-biệt lưu-ý các hội-thảo-viên học-tập cần kỹ bản tuyên-cáo của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ban hành chánh-sách Chiêu-hồi, ngày 17-4-63.

Ông Phó Đô-Trưởng kêu gọi anh chị em công-chức khóa 4 cố-gắng học tập thông-suốt chánh-sách Chiêu-hồi để khi trở về hoạt-động tại các địa-phương gặt hái được nhiều kết-quả tốt đẹp.

Buổi lễ đã chấm dứt hồi 17 giờ trong một bầu không-khí phấn-khởi và tin-tưởng.

26. VINH-LONG : DÀN QUÂN CHÁNH TỒ-CHỨC LỄ NGÂN-KHÁNH GIÁM-MỤC CỦA ĐỨC CHA NGÔ-ĐÌNH-THỤC.

Sáng ngày 29-4-63, giới Dân Quân Chính tỉnh Vinh-Long, đã tổ-chức tại Trung-tâm Công-giáo Tiến-hành ở Vinh-Long lễ Ngân Khánh Giám-Mục của Đức Cha Ngô-Đình-Thục, Tổng Giám-Mục Giáo-khu Huế, Niên-Trưởng Hội-động Giám-mục Việt-Nam. Linh-mục R. Minh, Đại-diện Tòa Giám-mục Vinh-Long đã dâng Thánh-lễ cầu nguyện nhân dịp lễ này.

Tham dự buổi lễ này, người ta nhận thấy có Trung-tá Lê-Văn-Phước, Tỉnh-Trưởng Vinh-Long, các ông Phó Tỉnh-Trưởng Hành-Chánh, Nội-An, rất đông đại-diện các cơ-quan, đoàn-thể và nam nữ nhân-viên, cán-bộ các ngành trong tỉnh.

#### 27. VIỆT-NAM ĐƯỢC MỜI THAM-DỰ HỘI CHỢ TRIỀN-LÂM TÂY BÁ-LINH

Nhân-dịp có 3 đại-diện chính-quyền Tây Bá-Linh tới thăm Việt-Nam, một cuộc tiếp-tân đã được ông Ludwig, Cố-vấn Kinh-tế tại Sứ-quán Đức, tổ-chức chiều hôm 30-4-63 tại Trung-tâm Văn-hóa Đức, số 120 đường Phan-Đình-Phùng. (Sài-gòn).

Ông Ludwig đã giới-thiệu 3 vị khách nói trên là Bác-sĩ Gunter Wilitzki, đại-diện Phòng Thương-mại Tây Bá-Linh, ông W. Woltdt Cố-vấn của ông Giám-Đốc Kinh-tế Tây Bá-Linh, và ông L. Thuermer, Kiến-trúc-sư của Hội-chợ Triền-lâm Bá-Linh, tất cả vừa từ Rangoon (Miến-Điện) tới Sài-gòn hôm qua.

Tiếp đó, ông Ludwig cho biết mục-dịch cuộc viếng thăm của 3 nhân-vật trong chính-quyền Tây Bá-Linh là để mời các đại-diện kinh-tế và các giới thương-mại Việt-Nam tham-dự cuộc Hội-chợ Triền-lâm Quốc-tế sắp mở tại Tây Bá-Linh vào tháng 10 tới.

Trước khi tới Việt-Nam, các vị đại-diện chính-quyền Tây Bá-Linh đã đến Đông-Kinh, Hán-Thành, Đài-Bắc, Hương-Cảng. Sáng nay, họ sẽ rời Sài-gòn để đi Vọng-Các và trên đường về Bá-Linh, họ sẽ ghé qua Kuala Lumpur, Colombo, Tân-Đê-Li và Karachi để tiếp-tục sứ-mạng kể trên.

Các giới kinh-doanh tại những thành-phố họ ghé qua đều được mời tham-dự cuộc Hội-chợ Triền-lâm Bá-Linh, nơi đây có một khu riêng dành cho các nước Á-Châu và mang đề-tài là: "Bá-Linh, thành-phố góp phần vào sự tiến-bộ của Á-Châu 1963".

Cũng nên nhắc lại rằng năm ngoái, cuộc Hội-chợ Triền-lâm Bá-Linh đã lấy đề-tài là "Bá-Linh, thành-phố góp phần vào sự tiến-bộ của Phi-Châu 1962".

Trong cuộc tiếp-tân nói trên các quan-khách đã có dịp thường-thức cuốn phim "Bá-Linh, thành-phố góp phần vào sự tiến-bộ". Người ta nhận thấy Nam-Tước Von Wendland, Đại-sứ Cộng-Hòa Liên-Bang Đức tại Sài-gòn, cũng hiện-diện trong cuộc tiếp-tân này.

#### 28. LỄ KỶ-NIỆM ĐỆ THẬP-NHỊ CHU-NIÊN NGÀY THỐNG-NHẤT PHẬT-GIÁO TẠI CHÙA XÁ-LỢI.

Chiều 1-5-1963 tại Chùa Xá-Lợi đường Bà Huyện Thanh-Quan Sài-gòn, Hội Phật-Học Nam-Việt đã cử-hành Lễ Kỷ-Niệm Đệ Thập Nhị Chu-Niên Ngày Thống-Nhất Phật-Giáo Việt-Nam và thành-lập Tổng-Hội.

Vào quãng này cách đây đúng 12 năm trước, theo lời hiệu-triệu của các vị Trưởng-Lão Hòa-Thượng của ba Phần, Hội-nghị Phật-Giáo Việt-Nam họp tại

Chùa Từ-Đàm, Thuận-Hóa, đã quyết-định thống nhất Phật-Giáo toàn-quốc. Hội-nghị này, qui-tụ 51 Đại-biểu Phật-Giáo ba phần, còn quyết-định thành-lập một Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam, lấy ngày mùng 8 tháng 4 Âm-lịch (Ngày Phật-Đản) làm kỷ-niệm, và bầu lên một Ban Quản-trị Trung-ương đặt trụ-sở tại Huế để thực-hiện chương-trình thống-nhất Phật-Giáo.

Buổi lễ kỷ-niệm nói trên được cử-hành đơn-giản nhưng không kém phần trang-nghiêm, dưới sự chứng-minh của Thượng-Tọa Thích-Tâm-Châu, Phó Hội-Chủ Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam, Thượng-Tọa Thích-Thành-Trụ, Cố-vấn, Thượng-Tọa Thích-Thiện-Hoa, đại-diện Thượng-Tọa Trị-sự Trưởng Giáo-Hội Tăng-Già Việt-Nam, và Đại-Đức Thích-Thiện-Khanh, Trụ-trì Chùa Xá-Lợi. Rất đông quan-khách Việt-Nam và ngoại-quốc trong số đó ta nhận thấy có Giáo-Sư Nguyễn-Đăng-Thục, Khoa-Trưởng Văn-Khoa, Đại-Học Sài-gòn và Ông Bà Raymond Iredell Giám-Đốc Hội Việt-Mỹ.

Đầu tiên Bác-sĩ Đỗ-Cao-Trí, Phó Hội-Trưởng Hội Phật-Học Nam-Việt thay mặt Ban Tổ-chức đọc diễn-văn ôn lại lịch-sử ngày kỷ-niệm và đề-cập đến vai trò hiện nay của Tổng-Hội. Ông Phó Hội-Trưởng cho biết hiện nay, Tổng-Hội Phật-giáo quy-tụ 6 tập-đoàn của ba phần (3 Giáo-hội Tăng-già, 4 hội Phật-học) và là cơ-quan Phật-Giáo duy nhất, có uy-tin trên bình-diện quốc-tế.

Tiếp đến ông Lê-Ngọc-Diệp, Tổng Thư-Ký Hội Phật-Học Nam-Việt tuyên-đọc tuyên-ngôn thành-lập Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam. Bản tuyên-ngôn này đã được công-bố năm 1951, của Đại-hội Đại-biểu Phật-Giáo toàn-quốc. Ông Chánh-Tri Mai-Thọ-Truyền, Hội-Trưởng Hội Phật-Học Nam-Việt và cũng là Phó Hội-Chủ Tổng-Hội Phật-giáo Việt-Nam, sau đó, tuyên-đọc Thông-điệp của Hòa Hội-Đồng Thích Tinh-Khiết, Hội-Chủ Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam nhân ngày kỷ-niệm Đệ Thập Nhị Chu-niên này.

Buổi lễ còn có sự tham-gia của rất đông thanh thiếu-niên Phật-tử Gia-Đình Phật-Tử Chánh Đạo. Các Phật-tử đã hát bài "Phật-Giáo Việt-Nam" và "Quy-ngưỡng Từ-Tôn".

Buổi lễ kỷ-niệm chấm dứt bằng một tiệc trà đạo-vị vào hồi 18 giờ.

#### 29. LỄ KHAI-GIẢNG KHÓA HUẤN-LUYỆN-VIÊN THANH-NIÊN THÈ-DỤC SƠ-CẤP.

Ngày 30-4-63 vào lúc 17 giờ, ông Cao-Xuân-Vỹ, Tổng Giám-đốc Thanh-niên, đã chủ-tọa lễ khai-giảng khóa huấn-luyện-viên Thanh-niên Thê-dục sơ-cấp tại Trung-tâm Huấn-luyện Thanh-niên số 639 đường Nguyễn-Trãi, Sài-gòn. Hiện-diện trong buổi lễ này có đầy-đủ các cấp Chỉ-huy tại Tổng Nha Thanh-niên.



Trước hết, ông Giám-đốc Trung-tâm huấn-luyện Thanh-niên đã tường-trình khóa-học và cho biết khóa này hiện có 71 khóa-sinh, chia làm 2 Liên-toán. Thời-gian huấn-luyện là 4 tháng, gồm 2 thời-kỳ: thời-kỳ thứ nhất kéo dài trong 3 tháng là thời-gian huấn-luyện Chính-trị, Thanh-niên, Thê-dục Thê-thao, Tinh-Báo nhân-dân và Hành-chính. Thời-kỳ thứ 2 là thời-kỳ huấn-luyện quân-sự, sẽ kéo dài trong 1 tháng.

Kể đó, ông Tổng Giám-đốc Thanh-niên đã ngỏ lời với các khóa-sinh nhấn mạnh đến mục-dịch của khóa huấn-luyện là đào-tạo các khóa-sinh thành những Cán-bộ đầu-tranh cho cách-mạng và những chiến-sĩ tiền phong để hướng-dẫn phong-trào thanh-niên. Ông Tổng Giám-đốc cũng đã nhắc-nhờ khóa-sinh phải cố gắng học-tập để cách-mạng bản-thân và sau này trở về địa-phương phải gắng phát-triển số vốn hiểu-biết đã thu-thập được trong khóa học để phụng-sự Quốc-gia, Dân-tộc.

Sau hết, ông Giám-đốc Trung-tâm huấn-luyện Thanh-niên đã hướng-dẫn ông Tổng Giám-đốc đi thăm giảng-đường và ký-túc-xá của Trung-tâm.

Buổi lễ khai-giảng đã chấm dứt vào lúc 18 giờ 30 trong ngày.

### 30. THỪA-THIỆN : VỀ VIỆC THI TUYỂN 250 NHẠC-SINH NHẬP HỌC TRƯỜNG QUỐC-GIA ÂM-NHẠC VÀ VÀ KỊCH-NGHỆ HUẾ.

Trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ Huế sẽ mở một kỳ thi tuyển 250 nhạc-sinh nhập-học năm thứ nhất, niên-khóa 1963-64 tại trường này vào ngày 22-7-1963. Các ứng-viên phải đến ghi tên và nộp hồ-sơ ứng thi tại Văn-phòng của Trường này ở Đại-Nội Huế kể từ ngày 1-6 đến 1-7-63 là hết hạn.

Những thí-sinh cư-ngụ ở các tỉnh khác ngoài Thừa-Thiên có thể chuyên-đơn và hồ-sơ đến trường bằng thơ bảo-đảm. Hồ-sơ thi tuyển nhập học gồm có đơn xin dự thi, giấy khai-sinh, tư-pháp lý-lich, bản sao văn-bằng phổ-thông hay văn-bằng âm-nhạc nếu có, giấy chứng-chỉ học-trình phổ-thông và 4 tấm ảnh 4 x 6.

### 31. CÔN-SƠN : TRƯỜNG TRUNG TIÊU-HỌC TẠI TỈNH-LY CÁT THÊM BẢY PHÒNG HỌC BẰNG VẬT-LIỆU NẶNG.

Trường Trung Tiêu-học tỉnh-ly Côn-Sơn hiện đang khởi công xây cất thêm 7 phòng học bằng vật-liệu nặng, tổng-phí 600.000\$. Trong số này, Nha Trung Tiêu-học thuộc Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cấp 400.000\$ và quỹ địa-phương đài-thợ số tiền còn lại. Công-tác xây cất này sẽ hoàn tất vào thượng tuần tháng 8-63 đến.

Như vậy, vào đầu niên-học 1963-1964, trường Trung Tiêu-học tỉnh-ly Côn-Sơn sẽ có cả thảy 12 phòng học đầy-đủ tiện-nghi, dành cho 160 học-sinh Trung-học và 320 học-sinh Tiêu-học.

### 32. LỄ PHẬT-ĐÀN NĂM NAY ĐƯỢC CỬ-HÀNH ĐƠN-GIẢN.

Cũng như năm ngoài, thế theo quyết-nghị của Hội Phật-giáo Thế giới, Lễ Phật-Đàn năm nay cử-hành vào ngày Rằm tháng Tư Âm-lich (8-5-1963) thay thế cho ngày Mồng 8 tháng 4 Âm-lich.

Nghi-lễ tổ-chức đơn-giản tại Chùa Xá-Lợi, trụ-sở của Tổng-Hội Phật-giáo Việt-Nam và Hội Phật-học Nam-Việt, và tại Chùa Ấn-Quang, trụ-sở của Giáo-hội Tăng-Già Nam-Việt và Giáo-hội Tăng-Già Toàn quốc.

Cuộc lễ cả hai nơi bắt đầu từ 5 giờ sáng ngày Rằm, và chương-trình tiếp-diễn đến 11 giờ đêm mới bế-mạc.

Tại Chùa Xá-Lợi, đường Bà Huyện Thanh-Quan Sài-gòn, Đại-lễ cử hành vào hồi 8 giờ sáng. Sau đó, vào hồi 9 giờ 15 có lễ trao tặng sách của Tổ-chức Viện-trợ Văn-hóa Á-Châu và khai-mạc Phòng Triển-lãm Sách Phật-giáo.

Vào buổi chiều, Lễ Quy-Y (nguyện theo Đạo Phật) của các thiện-tín, phát chần, phóng sinh vào 15 giờ, và hồi 17 giờ Gia-Đình Phật-tử hành lễ. Đến 20 giờ 30, có buổi chiếu phim "Gotama, Le Bouddha" (Đức Phật Thích-Ca), do Tòa Tổng Lãnh sự Ấn-Độ tại Sài-gòn cho mượn. Phim này đã chuyên-âm ra Việt-ngữ, và được Giáo-sư Langlet, Trường Đại-học Văn-khoa, bình giải.

#### Tại Chùa Ấn-Quang

Tại Chùa Ấn-Quang, đường Sư Vạn-Hạnh, Chợ-lớn, Đại-lễ Phật-Đàn cử hành hồi 7 giờ 30, trước cổng chùa trên một Phật-đài vừa mới xây-dựng.

Trong dịp này, có tuyên đọc Thông-bạch của Hòa-Thượng Thích-Tĩnh-Khiết, Hội-Chủ Tổng-Hội Phật giáo Việt-Nam, và đọc bài giảng về Phật-đàn. Sau đó, có nhiều phái-đoàn thăm viếng bệnh-viện, lao-xá và khu hòa-hoạn. Đến 15 giờ, ở đây cũng có lễ truyền tam-quy (quy-y Phật, Pháp, Tăng) và ngũ-giới cho thiện-tín.

Đến 17 giờ 30, Hưởng-Đạo Phật-giáo hành lễ, sau đó có buổi thuyết-pháp riêng cho Hưởng-đạo Phật-giáo.

Thật ra, Lễ Phật-Đàn cử-hành nhiều ngày trước ngày Rằm, tại các chùa khắp nơi trên toàn-quốc. Đài Phát-thanh Quốc-gia Sài-gòn dành hai buổi phát-thanh cho Tổng-Hội Phật-giáo Việt-Nam phân-dịp lễ Phật, ngày 14 Âm-lich từ 20 giờ 45 và ngày Rằm Âm-lich từ 10 giờ 05, trên hệ-thống A.

Đề kỷ-niệm ngày Phật-đản, trước đây Phái Tiêu-Thừa Theravada cử-hành vào ngày Rằm gọi là ngày Vesakha, và Đại-Thừa Mahayana cử-hành vào ngày Mồng 8. Đến nay, cả hai phái cử-hành lễ Phật-Đàn cùng ngày Rằm tháng 4 Âm-lich.

### 33. KẾT-QUẢ CÁC KỶ THI TẠI MẤY TRƯỜNG ĐẠI-HỌC

\* Về kỳ thi khóa tháng 4-1963, có 35 sinh-viên trường Đại-Học Y-khoa Sài-gòn đậu *Bác-sĩ Y-khoa* :

Ô.Ồ. Hồ-Đình-Quế, Vinh - Toàn, Phùng-Hữu-Chí, Phạm - Cửu, Cô Lâm-Thu-Vân, Ô.Ồ. Trần-Đình-Chương, Vũ - Âu, Tạ-Thúc-Phú, Bà Hoàng - Thị - Bội, Ô.Ồ. Ngô-Đình-Thuấn, Lê-Đình-Kỳ, Đinh-Việt-Hằng, Bà Ngô-Thị-Tâm, ông Lê-Quang-Hiền, Cô Huỳnh-Thị-Hoa, ông Vũ-Hữu-Bảo, các Cô Nguyễn-Thị-Kim-Thoa và Nguyễn-Thị-Mi. (*Hạng Tồi danh-dự*); Ô.Ồ. Nguyễn-Luyến, Nguyễn-Quý-Thê, Tô-Dương-Hiệp, Phạm - Tiên, Ngô-Văn-Nhâm, Dương-Văn-Hai, Vũ-Văn-Uông, Vũ-Văn-Trát, Tạ-A-Thanh dit Tạ-Thanh-Giang, Nguyễn-Xuân-Trình, Cao - Văn-Lê, Lê-Đình-Bình, Phạm-Kim-Chánh, Nguyễn-Khắc-Hai, Bà Huỳnh-Thị Nguyệt-Anh, Cô Phan-Thị Kim-Bội, ông Lê-Ngọc-Anh (*Hạng Danh-dự*).

\* 7 Sinh-viên sau đây trúng tuyển kỳ thi *Hóa-học Hữu-Cơ Cơ-cấu* tại Khoa-Học Đại-Học-Đường Sài-gòn, Khóa 1 năm 1963:

Cô Nguyễn-Ngọc-Sương (*tru*), Ô.Ồ. Nguyễn-Thành-Nguyên, La-Quốc-Bào (*bình*), Cô Tân-Long, Hà-Ngọc-Bích (*bình thứ*), Nguyễn-Văn-Hoàng và Nguyễn-Thối-Lai.

Về kỳ thi *Dự-bị Nha Khoa* có 23 thí-sinh trong số 30 thí-sinh, hiện-diện trúng tuyển: Ô.Ồ. Bùi-Bang-Tâm (*bình*), Tô-Anh-Vo, Nguyễn-Văn-Phân (*bình thứ*) Nguyễn-Thị Ngọc-Bình, Nguyễn-Minh-Trương, Nguyễn-Tân-Si, Từ - Thị Ngọc-Ngọc-Nur, Nguyễn-Cân, Trần-Hữu-Phước, Nguyễn - Kiêm - Vi, Bùi - Thế - Phan, Nguyễn-Ngọc-San, Nguyễn - Thị Hoàng - Anh, Nguyễn-Văn-Thu, Hồ-Văn-Lành, Huỳnh-Anh-Tuấn, Nguyễn-Văn-Nam, Bùi-Ngọc-Tô, Vũ-Gi-Muru, Trịnh - Thủy-Khanh, Dương-Thị-Lan, Nguyễn-Dinh-Nha và Đào-thị-Hưng.

\* Dưới đây là danh-sách thí-sinh trúng tuyển thi-thọ theo thứ-tự điểm, kỳ thi môn khóa lớp *Dự-bị Y-Khoa*:

*Bình*: Đặng-Cầm-Hồng, Trần-Quang-Mỹ, Vinh-Thọ-Sơn, Vũ-Thế-Hưng, Trịnh-Thị Nguyệt-Hồng.

*Bình thứ*: Nguyễn-Bá-Duy, Đồng-Quang-Ngọc, Đỗ-Hồng-Ngọc, Bùi-Ngọc-Điệp, Đào-Hữu-Trung, Khưu-Ngọc-Tiên, Vũ-Hoàng-Long, Mai-Trung-Kiên, Vũ-Khắc - Thảo, Trần-Văn-Phát, Phạm-Thành-Nhân, Nguyễn-Anh-Mỹ, Trần - Văn-Nhâm, Nguyễn-Dương, Dương-Quốc-Trung, Ngô-Thành-Hiền, Trần-Văn-Mẫn, Nông-Thế-Anh tức Nông-Sai-Yeng, Nguyễn-Tấn-Hiền, Bùi - Thị Ngọc-Điệp, Nguyễn-Cầm, Lê-Quốc-Khanh.

*Thứ*: Trần-Thuận-Kinh, Bùi-Khắc-Thành, Phạm-Quang-Trường, Nguyễn-Ngọc-Khôi, Đỗ-Ngọc-Long, Nguyễn - Hữu Thế - Truyền, Võ-Duy-Thành, Thái-Văn-Thư, Đào-Thu-Thủy, Vũ-Quang-Bân, Văn-Kỳ-Chương, Bùi-Trần-Anh, Phạm-Tuấn-Phát, Huỳnh-Quốc-Hưng, Vũ-Kiên, Nguyễn-Đình-Cường, Giáp-Phúc-Hải, Nguyễn-Kim-Giao, Ngô-Xuân-Lộc, Nguyễn-Thị-Khen, Vương-Minh-Đức, Trần-Thái-Lâm, Nguyễn - Xuân - Quang, Lâm-Thị Quỳnh - Hoa, Nguyễn Quốc-Gia,

Ngô-Văn-Phủ, Nguyễn-Công-Trứ, Nguyễn-Tần, Nguyễn-Thị Minh-Châu, Tạ-Si-Quý, Lê-Tiến-Phong, Lê-Quang-Khánh, Trần-Công-Bảo, Lương-Đức-Hiền, Đỗ-Ngọc-Vinh, Dương-Duy-Sử, Trần-Quốc-Đông, Hoàng-Gia-Hùng, Đỗ-Huy-Đạt, Nguyễn-Kim-Hưng, Bửu-Hương, Nguyễn-Tường-Vân, Nguyễn-Mậu-Hưng, Ngô-Quang-Nghiêm, Vũ-Quốc-Địch, Hoàng-Dũng, Vinh-Quý, Trần-Thiện, Phạm-Ngọc-Thuần Robert Louis, Võ-Phi-Hùng, Vũ-Công-Điệp, Vương-Ngọc-Lâm, Lê-Thanh-Thảo, Tề-Văn-Công, Bùi-Vinh-Thanh, Huỳnh-Thiện-Hậu, Trần-Thị-Ngọc-Oanh, Nguyễn-Ngọc - Đình, Lư-Trọng-Minh, Nguyễn-Trường-Xuân, Trịnh-Văn-Phương, Dư-Thị Kim-Liêng, Nguyễn-Văn-Thoại, Tạ-Duy-Chinh, Hồ-Đắc-Đàng, Đỗ-Đặng-Mỹ, Trương-Ngọc-Châu, Nguyễn - Văn - Lê, Châu - Long - Phi, Trương - Ngọc - Thạch, Nguyễn-Minh-Thuần, Phan-Văn-Tuấn, Vũ-Đàm, Nguyễn-Văn-Tích, Nguyễn-Văn-Hưng, Phạm-Thành-Khương, Trần-Trọng-Minh, Đinh-Văn-Hòa, Nguyễn - Văn-Vinh, Đỗ-Hiệp-Phổ, Phạm-Tự-Đại, Vũ-Văn-Dũng, Nguyễn-Châu-Cầm, Đặng-Quốc-Cường, Đào-Thế-Xương, Nguyễn-Anh-Tân, Lý-Đình-Hòa, Nguyễn-Mạnh-Hùng, Hoàng-Đình-Mũi, Hồ-Đình-Dur, Nguyễn-Hữu-Lộc, Văn-Sơn-Trường, Bùi-Tú-Vân, Bùi-Quang-Hiền.

\* Kỳ thi tuyển Bác-sĩ Ciăng-Nghiệm-viên đã mở tại trường Y-Khoa Huế từ 16-4-63 đến 19-4-63:

Hội-đồng Giám-khảo gồm có: Giáo-sư Thạc-sĩ Lê-Tấn-Vinh từ Ba-Lê về chủ-tọa, Giáo-sư Thạc-sĩ Pháp Seror ở Nam-Vang về cùng cáo giáo-sư Đức-Quốc và Việt-Nam của trường Y-Khoa Huế, Hội-viên.

Kết-quả 7 vị trong 13 bác-sĩ dự thi đã trúng kê như sau theo thứ-tự cao thấp:

*Ngành Ngoại-Khoa.*

1. Bác-sĩ Lê-Bá-Vân
2. - Nguyễn-Văn-Tự
3. - Vũ-Công-Thương
4. - Trần-trọng-Hà.

*Ngành nội - khoa*

1. Bác-sĩ Phùng-Hữu-Chí
2. - Nguyễn-Khoa-Mãn
3. - Nguyễn-Bá-Khôi.

\* Dưới đây là danh-sách 17 thí-sinh đã trúng tuyển kỳ thi khóa I năm 1963 lấy bằng *Cử-nhân Khoa-học giáo-khoa* do Khoa-Học Đại-học đường Sài-gòn cấp:

*Ban Toán*: Ô.Ồ. Nguyễn-Đam, Phan-Nhật-Hưng và Huỳnh-Huỳnh.

**Ban Vật-lý:** Ô. Cao - Xuân - An, Nguyễn - Thương - Dao, Nguyễn - Thương - Hành, Trịnh - Khai, Lê - Văn - Khiết, Nguyễn Văn - Luân, Trần - Ngọc - Lym, Lê - Văn - Mao tự Dầu và Nguyễn - Trọng - Thi.

**Ban Vạn-Vật:** Các cô: Nguyễn-Thị-Tân-Anh, Trần-Kim-Hanh, Nguyễn Ngọc-Hiện, Phan-Thị-Hoa, và Ông Lâm-Văn-Hon.

Ngoài ra 2 sinh-viên có tên sau đây đã trúng tuyển bằng *Cử-nhân Tự-Do*: Ông Phạm Đẳng-Hiệp và Cô Trương-Thị-Kim-Lan.

• 12 thí-sinh có tên sau đây đã trúng tuyển hẳn trong khóa thi đầu tiên năm 1963 lấy *Chứng-chỉ văn-chương Hán-Việt*:

Ô. Lê-Kim-Cương, Trần-Thế-Xương (*Bình thứ*), Nguyễn-Văn-Cầm, Lý-Kim-Hoa, Trần-Quang-Huy, Nguyễn-Quốc-Hùng, Nguyễn-Tăng-Huyền, Phạm-Đình-Phung, Nguyễn-Kim-Phụng, Phạm-Văn-Song, Lê-Văn-Trang, Nguyễn-Văn-Vỹ.

Ngoài ra, 16 thí-sinh sau đây đã trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Sử-học Cận-đại và Hiện-đại*:

Ô. Phạm-Cao-Dương, Lưu-Nguyễn-Đạt và Phạm-Dương-Hiện (*Bình thứ*); các cô Lê-Thị-Bích, Nguyễn-Nương-Minh-Châu, Lê-Mỹ-Hạnh, Bùi-Thị Thu-Hương, Thái-Tuyết-Lê, Hoàng-Thị Kim-Loan, Lương-Thị-Nga Josephine, Ô. Hoàng-Văn-Hai, Trần-Mạnh-Hoan, Phạm-Ngọc-Kha, Ngô-Văn-Minh, Lê-Trọng-Phong và Nguyễn-Tường-Vũ.

• Về kỳ thi khóa 1 năm 1963, có 19 sinh-viên Văn-Khoa Đại-Học-Đường Sài-gòn trúng tuyển kỳ thi lấy chứng-chỉ Ngữ-học Việt-Nam và 15 sinh-viên trúng tuyển kỳ thi lấy chứng-chỉ Lịch-sử Triết-Học Tây-Phương.

*Chứng-chỉ Ngữ-Học Việt-Nam*:

Các cô Đẳng-Thị Kim-Anh, Nguyễn-Ngọc-Diệp, Trần-Thị Ngọc-Diệp, Tô-Mỹ-Hạnh, Ô. Nguyễn-Văn-Cầm, Bùi-Ngọc-Giao, Tạ-Trung-Dũng, Trần-Công-Đoàn, Trần-Khắc-Hòa, Bùi-Quang-Kim, Nguyễn-Vinh-Lạc, Dương-Tấn-Lân, Nguyễn-Văn-Ngọc, Nguyễn-Phước-Quang, Nguyễn-Xuân-Quế, Nguyễn-Ngọc-Tâm, Bùi-Thế-Tập, Phạm-Long-Tiêm, Bùi-Văn Thủ-Thoại.

*Chứng-chỉ Lịch-sử Triết-Học Tây-phương*:

Cô Nguyễn-Xuân-Quang Thu-Hương, Ô. Nguyễn-Hải-Bằng, Nguyễn-Văn-Hiện, Nguyễn-Tử Quốc-Hùng, Đoàn-Văn-Thịnh và Bùi-Văn-Thủ (*Bình thứ*) Cô Trần-Thị Gia-An, Ô. Trần-Mạnh-Cường, Nguyễn-Hữu-Đặng, Trần-Văn-Kính, Vũ-Tế-Lương, Nguyễn-Văn-Thảo, Huỳnh-Văn-Thạnh, Đào-Phú-Thọ và Trần-Đức-Sinh.

• Trong khóa I năm 1963, có 13 sinh-viên trúng tuyển các kỳ thi lấy chứng-chỉ Địa-Lý Địa-phương, Địa-Lý Đại-cương và Lịch-sử Việt-Nam (Thượng và Trung-Cổ) tại Văn-Khoa Đại-Học-Đường Sài-gòn.

*Chứng-chỉ Địa-Lý Địa-phương*:

Ô. Trần-Minh-Tâm và Trần-Văn-Màu (*Bình thứ*), Ô. Nguyễn-Như-Dung, Ngô-Văn-Lam, Đặng-Dinh-Phung, Nguyễn-Đức-Tiên và Cô Phạm-Thị Xuân-Xuân.

*Chứng-chỉ Địa-Lý Đại-cương*:

Ô. Winiecks Bernard (*Bình thứ*), Lelièvre Michel, Trần-Văn-Màu và Roy Georges Daniel.

*Chứng-chỉ Lịch-sử Việt-Nam*:

Ô. Hoàng-Huy-Bích và Phan-Thông-Hao.

• Dưới đây là danh-sách các sinh-viên trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Hán-văn* tại trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn:

Ô. Lê-Kim-Cương, Nguyễn-Kiểm-Phung và Trần-Thế-Xương (*Bình Thứ*); Phạm-Nghĩa-Can, Bùi-Hữu-Huân, Nguyễn-Xuân-Hùng, Nguyễn-Quốc-Hùng, Phạm-Đình-Phung, Lý-Sanh, Trương-Toại và Phạm-Văn-Thịnh (*Thứ*).

Hai sinh-viên sau đây trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Xã-hội-học*: Ô. Võ-Tu-Khiêm và Bùi-Văn-Tôn (*Thứ*).

• Dưới đây là danh sách 14 thí-sinh trúng tuyển hẳn trong khóa thi đầu tiên năm 1963 lấy *Chứng-chỉ Luận-lý và Tâm-lý*:

Ô. Vinh-Đề và Nguyễn-Tri-Sử (*Bình Thứ*); cô Trần-Thị-Hường, Ô. Nguyễn-Ất, Nguyễn-Văn-Hiện, Phan-kim-Khánh, Phạm-Hữu-Lai, Trần-Văn-Nam, Hoàng-Chiêu-Nhân, Phạm-Kiều-Tùng, Lâm-Quang-Thị, Phạm-Văn-Thịnh, Nguyễn-Anh-Tường và Hồ-Văn-Trai.

Ngoài ra, 9 thí-sinh khác có tên sau đây đã trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Luận-lý và Siêu-hình-học*:

Ô. Nguyễn-Tri-Sử, Hồ-Văn-Trai (*Bình Thứ*), cô Đoàn-thị Văn-Anh, Trần-Thị-Nuôi, Ô. Trần-Như-Chương, Lê-Hữu-Ký, Phạm-Kiều-Tùng, Đào-Phú-Thọ và Nguyễn-Bùi-Thục.

• 27 thí-sinh có tên sau đây đã được tuyên-bố trúng tuyển hẳn trong kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Văn-minh Việt-Nam* tại Trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn, khóa I năm 1963:

Cô Phạm-thị Nhã-Ý, Ô. Vũ-Ngọc-Anh, Bùi-Huy-Hựu, Nguyễn-Văn-Luân, Đỗ-Hữu-Nghiêm, Nguyễn-Văn-Phong tự Hồng, Đặng-Quốc-Toàn và Phạm-Văn-Vinh (*Bình Thứ*); các cô Nguyễn-Thị-Đang, Bùi-thị Anh-Hoa, Nguyễn-Thị-Yến,

Ô.Ô. Trần-Đàng-Đại, Đinh-Văn-Đỗ, Trần-Doãn-Đức, Nguyễn-Hữu-Hiệu, Huỳnh-Hữu-Tùng, Hà-Văn-Hứa, Lê-Trung-Nghia, Lê-Đại-Quang, Đỗ-Kỳ-Quang, Nguyễn-Văn-Sâm, Nguyễn-Đức-Sơn, Nguyễn-Văn-Tạm, Cao-Thanh-Tùng, Nguyễn-Tri-Văn, Đặng-Phúc-Xuân và Nguyễn-Huy-Xương.

• Về khóa I năm 1963, có 16 sinh-viên trường Đại-học Luật-khoa Sài-gòn trúng tuyển kỳ thi lấy bằng Cao-học.

Về *Tư-Pháp Đệ nhất cấp*, có 7 sinh-viên trúng tuyển: Ô.Ô. Nguyễn-Trọng-Du, Nguyễn-Xuân-Thiên (*Bình Thử*), Phạm-Văn-Bảo, Lê-Minh-Đức, Phạm-Đô-Thanh, Nguyễn-Đình-Tri và bà Phạm-Kỳ-Thu (*Thử*).

Về *Tư-Pháp Đệ nhị cấp*, có 3 sinh-viên sau đây trúng tuyển: Ô.Ô. Nguyễn-Văn-Chi, Trần-Thanh-Quan (*Bình Thử*), Nguyễn-Mạnh-Bạch (*Thử*).

Về *Công-Pháp Đệ nhất cấp*, có 3 sinh-viên trúng tuyển: Ô.Ô. Diệp-Văn-Minh, Tô-Tiêng-Nghia và Phùng-Bá-Tu (*Thử*).

Về *Công-Pháp Đệ-nhị cấp*, Ô. Nguyễn-Văn-Quang trúng-tuyển.

Ô.Ô. Đỗ-Khắc-Siêm và Nguyễn-Minh-Tân trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Kinh-tế-học*.

• Sau đây là danh-sách các sinh-viên trúng tuyển kỳ thi *Cử-Nhân Luật-Khoa* toàn phần mở tại Sài-gòn khóa I tháng 3 năm 1963:

Ô.Ô. Nguyễn-Ngọc-Ánh, Trần-Quan-An, Nguyễn-Văn-Bính, Đinh-Thạch-Bích, Nguyễn-Văn-Bảo, Nguyễn-Hữu-Cận, Phạm-dzư-Chất, Lê-Minh-Chúc, Phạm-Quốc-Dũng, Cô Nguyễn-Kim-Dung, Hoàng-Ngọc Thanh-Dung, Ô.Ô. Trần-Sơn-Hà, Lê-Thế-Hiền, An-Quý-Hùng, Cô Trần-Thị-Hiền, Đoàn-Thị-Hào, Ô.Ô. Hoàng-Tiên-Hối, Phạm-Đình-Hưng, Bùi-Doãn-Huấn, Nguyễn-Hữu-Kính, Nguyễn-Xuân-Kinh, Vũ-Khuê, Cô Dương-Mỹ-Linh, Ô.Ô. Hồ-Si-Lâu, Nguyễn-Xuân-Lộc, Đoàn-Minh, Nguyễn-Đình-Minh, Trần-Minh-Nhựt, Bùi-Nhâm, Nguyễn-Năng-Nhu, Nguyễn-Văn-Phong tức Hồng, Cô Nguyễn-Kim-Phượng, Ô.Ô. Vũ-Công-Quang, Hoàng-Quốc-Sinh, Lê-Phước-Sang, Đoàn-Trần-Thiến, Cô Tôn-Thị-Tịch-Thắng, Ô.Ô. Tạ-Thúc-Tặng, Phạm-Minh-Tâm, Trang-Si-Tấn, Cao-Văn-Thân, Mai-Trọng-Thần, Vũ-Mộng-Thu, Đỗ-Hữu-Vị, Cô Phạm-Thị-Hồng-Vân.

• Dưới đây là kết-quả kỳ thi *Năng-lực Luật-khoa* tại trường Đại-học Luật-khoa Sài-gòn:

*Năm thứ nhất*

Ô.Ô. Trương-Phú-Đức, Nguyễn-Văn-Hoan, Lê-Thái-Linh, cô Nguyễn-thị Thúy-Liêu, Ô.Ô. Lương-Văn-Nhật, Lê-Văn-Phát, Lưu-Nguyên-Phổ, Nguyễn-Văn-Phương, Vũ-Văn-Trình và Hoàng-Thừa-Hy.

*Năm thứ nhì*

Ô.Ô. Mai-Xuân-Chín, Lê-Minh-Chí, Lê-Mỹ-Dương, Nguyễn-Tri-Hóa, Nguyễn-Văn-Long, Nguyễn-Phú-Trang, Trần-Khắc-Thịnh, Lê-Văn-Thuyết và Nguyễn-Công-Thành.

#### 34. MẤY CUỘC TRIỂN-LÂM TẠI SÀI-GÒN.

• Sáng 19-4-64, ông Viên-Tử-Kiến, Đại-sứ Trung-Hoa Dân-quốc tại Việt-Nam, đã chủ-tọa lễ khai-mạc cuộc triển-lâm hình-ảnh về các hoạt-động Dân-Quân-Chánh của Trung-Hoa Tự-do trong những năm vừa qua. Rất đông nhân-vật Thủ-đó tham-dự buổi lễ này.

Tổ-chức ở trên lầu Phòng Thương-mại Hoa-Kiểu, đờng Phùng-Hung (Chợ-lớn), cuộc triển-lâm gồm có khoảng 150 bức ảnh chụp, ghi lại những cuộc tiếp đón nồng-nhiệt vị Nguyên-thủ Việt-Nam Cộng-Hòa trong cuộc công-du Trung-Hoa Dân-quốc, những hoạt-động của Phó Tổng-Thống Trần-Thành trong các cuộc viếng thăm Hoa-Kỳ và Việt-Nam Cộng-Hòa; những hoạt-động của Đại-sứ Việt-Nam tại Trung-Hoa cũng như trong ngày Quốc-khánh Việt-Nam, cuộc tiếp đón Phái-đoàn Giáo-dục Việt-Nam ở Đài-Bắc, các cuộc thao đượt của Quốc-quân Trung-Hoa và công-cuộc phòng thủ Kim-Môn, tình-hình tiến-triển của Trung-Hoa trên phương-diện kiến-thiết nông-nghiệp và công-kỹ-nghệ; các cuộc đón tiếp nồng-nhiệt ở Đài-Bắc dành cho những người làm đường lạc-lối trở về với chánh-nghĩa như Triệu-Phúc, một nhân-viên an-ninh của "Sứ-quán" Trung-cộng ở Thụy-Điền chọn tự-do về với Tổ-Quốc v.v..

Cuộc triển-lâm mở cửa để công-chúng tự-do vào xem trong 3 ngày từ 19-4-63 đến 21-4-63.

• Sáng 22-4-63, cuộc Triển-lâm Họa-phẩm của Họa-sĩ Lâm-Kỳ-Sơn đã khai-mạc tại phòng Thông-Tin Đô-Thành.

Rất nhiều nhân-vật tham-dự buổi lễ khai-mạc.

Họa-sĩ Lâm-Kỳ-Sơn trưng bày 30 tranh sơn dầu, 14 tranh phần màu và 12 tranh mực màu.

Triển-lâm này mở cửa đến 30-4-63.

• Sáng 7-5-63, ông Ngô-Trọng-Hiểu, Bộ-Trưởng Công-Dân-Vụ đã chủ-tọa lễ khai-mạc cuộc Triển-lâm Hội-họa mùa Xuân 1963 trước sự hiện-diện của các vị đại-diện Ngoại-giao và Lãnh-sự-đoàn, trong số có ông H.A.F. Hohler, Đại-sứ Anh, J.K. Ganju, Tổng Lãnh-sự Ấn-Độ, R.J. Obez, Tổng Lãnh-sự Pháp v.v..

Trong số các nhân-vật Việt-Nam, người ta thấy có các ông Phan-Văn-Tạo, Tổng Giám-Đốc Thông-Tin và Lê-Văn-Lãm, Giám-đốc Nha Mỹ-thuật Học-vụ, Chủ-tịch Hội-đồng Giám-khảo cuộc triển-lâm.

Cuộc triển-lãm hội-họa mùa Xuân 1963 được chia ra làm 2 phần: phần đầu khai-mạc sáng nay, gồm có 83 bức sơn dầu, kén chọn trong số 400 tác-phẩm của các họa-sĩ thuộc đủ môn-phái và ở khắp nơi trong nước gửi tới.

Phần thứ hai, khai-mạc trong tuần tới, sẽ dành cho các loại tranh, lụa, phần màu, phần tiền, màu nước, vẽ than, và những họa-phẩm thực-hiện bằng cách cắt và dán giấy màu. Về phần này tổng-cộng có 110 bức chọn lựa trong số trên 400 họa-phẩm gửi dự thi.

Những họa-phẩm này đã được gọi tới tham-dự cuộc Triển-lãm Hội-họa Mùa Thu năm 1962, nhưng vì cuộc triển-lãm ấy không tổ-chức được, nên mới để dành cho tới nay và đem trưng-bày trong cuộc Triển-lãm Hội-họa Mùa Xuân 1963 phần thứ hai.

Những phần thưởng dành cho loại tranh sơn dầu đã được xét cấp như sau: Huy-chương vàng cho ông Nguyễn-Trung (họa-phẩm nhan-đề "Dạ-Khúc") Huy-chương bạc cho ông Đình-Cường (họa-phẩm "Chứng-Tích") và ông Nguyễn-Hữu-Phước (họa-phẩm "Quán Tim").

Năm huy-chương đồng đã được cấp như sau:

- Ông Nguyễn-Khai (họa-phẩm "Hoa-Hồng", "Chim họa-mi" và "Đôi Ta")
- Nguyễn-Văn-Liễu (họa-phẩm "Những người bạn")
- Nguyễn-Thành-Long (họa-phẩm "Nhà Sàn")
- Trần-Đình-Nghĩa (họa-phẩm "Núp Nắng")
- Lương-Văn-Tý (họa-phẩm "Ngày Vui").

Ngoài ra: 12 bằng danh-danh-dự đã được cấp phát cho những họa-sĩ có tên sau đây: Bà Kay Drachnick, các ông Phạm-Văn-Cơ, Lê-Chánh, Nguyễn-Hữu-Đức, Nguyễn-Duy-Huệ, Nguyễn-Văn-Hy, Uy-Linh, Văn-Nên, Anh-Phong, Phạm-Minh-Quang, Văn-Ro và Suburo Yamashita.

### 35. MẤY BUỔI DIỄN-THUYẾT TẠI SÀI-GÒN VÀ HUẾ.

Ngày 21-4-63, một buổi nói chuyện về Báo-chí Hoa-Kỳ dưới mắt ký-giả Việt-Nam đã được tổ-chức tại Trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ, đường Nguyễn-Du Sài-gòn, dưới sự bảo-trợ của Sở Văn-hóa Sử-quán Mỹ.

Thuyết-trình-viên trong cuộc thảo-luận này là các ông Phạm-Việt-Tuyền, Chủ-nhiệm báo Tự-Do, Nguyễn-Khiêm-Cát và Nguyễn-Duy-Liễu, nhân-viên biên-tập Việt-Tấn-Xã. Cả ba ký-giả này đã từng sang Hoa-Kỳ quan-sát về ngành báo-chí.

Trong buổi nói chuyện, ông Rosenthal, nhân-viên Sứ-quán Mỹ, giữ nhiệm-vụ điều hòa.

Ông Cát nói về chuyến du-hành quan-sát của ông tại Hoa-Kỳ, nhấn mạnh về 2 tháng công-tác của ông tại Tòa-soạn Lexington Herald Leader tại Lexington, Kentucky.

Ông Tuyền cũng nói chuyện về chuyến du-hành của ông tại Mỹ hồi năm ngoái với tư-cách Chủ-nhiệm.

Thuyết-trình-viên thứ ba, ông Nguyễn-Duy-Liễu, thuật lại cuộc tu-nghiệp của ông với tư-cách phóng-viên cho 2 nhật-báo "Fort Lauderdale News" tại Florida, và Independent, Press-Telegram, tại California cùng những cuộc tiếp-xúc của ông với dân-chúng Mỹ nói chung và với các ký-giả Mỹ nói riêng.

Các chuyến du-hành của ba ký-giả nói trên đều do sự bảo-trợ của Bộ Ngoại-giao Mỹ theo chương-trình trao đổi văn-hóa Mỹ-Việt.

Tối 25-4-63 ông Bửu-Hoan, Giám-Đốc Trung-Tâm Khuếch-Trương Kỹ-Nghệ, đã nói chuyện về vấn-đề năng-suất trong buổi họp hàng tuần của Phù-Luân-Hội Sài-gòn tại Lữ-quán Continental. Tham-dự buổi họp này, có rất nhiều nhân-vật các giới kinh-tài và Đại-học Thủ-Đô.

Diễn-giả được ông Vũ-Quốc-Thông, Viện-Trưởng Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chính, giới-thiệu với cử-tọa.

Trong buổi nói chuyện này, ông Bửu-Hoan đã đề cao nỗ-lực của Chính-phủ và tư-nhân để nhận-thức vấn-đề năng-suất. Ông quả-quyết rằng các áp-chiến-lược đã giúp vào việc gây ra một không-khí thuận-tiện để mọi người lãnh-hội được tính ham-chuộng tiến-bộ tức là năng-suất.

Mở đầu, diễn-giả nói về lịch-sử phong-trào gây năng-suất tại Âu-Châu và Á-Châu, kể đó ông Bửu-Hoan giải thích về phong-trào này trên bình-diện quốc-tế đồng thời phân-tích những đặc-tính của nó. Ông nói:

"Theo ý tôi, sở-di phong-trào này bành-trướng được là vì có lợi-ích thực-tiến, vì kinh-nghiệm thu lượm được ở Âu-Châu chứng-tỏ rằng sự đo lường năng-suất là một trong những phương-tiện hữu-hiệu nhất để tăng-gia hiệu-năng một nghiệp-vụ, và sự đo lường này ở Âu-Châu chẳng bao lâu đã trở thành một yếu-tố chính để kiểm-soát, tương-tự như việc đo lường nhiệt-độ trong ngành luyện kim hay việc đo lường cường-độ chất toan trong hóa-học".

Sau khi nhắc lại phong-trào này không bao giờ là một hiện-tượng tự-nhiên xuất hiện, ông Bửu-Hoan nhấn mạnh rằng: "trách-nhiệm phát-động phong-trào bao giờ cũng phải do chính-phủ và thành-phần ưu-tú trong nước đảm-đang."

Ông nói tiếp:

"Về phần chính-phủ, chính-sách tăng-gia năng-suất đã ấn-định rõ trong Đệ-nhi kế-hoạch ngũ niên. Trung-tâm Khuếch-trương Kỹ-nghệ mới đây cũng thành-lập một cơ-quan phụ-trách tăng năng-suất. Ngoài một vài chương-trình giáo-

huấn và đào-tạo của các sở thông-tin và truyền-bá kỹ-thuật, việc mở một văn-phòng nghiên-cứu kỹ-thuật cũng tỏ ra cần cần-thiết vì tình-trạng thiếu các tổ-chức Kỹ-sư Cổ-vấn tư. Chúng tôi hy-vọng rằng cơ-quan nghiên-cứu kỹ-thuật đó sẽ càng ngày càng giảm bớt tầm quan-trọng của nó, theo đà tiến-triển này-nở của những tổ-chức Kỹ-sư Cổ-vấn tư ở Việt-Nam.

• Chiều 26-4-63 Tấn-sĩ Franz Rathmann, Giáo-sư Hóa-học tại Đại-học-đường Sài-gòn, đã diễn-thuyết về đề-tài *Sự phát-triển khoa-học tại Hoa-Kỳ nhân dịp viếng thăm Huế*. Buổi diễn-thuyết này do Hội Việt-Mỹ Huế tổ-chức tại thính-dường của Hội ở số 8 đường Lý-Thường-Kiệt Huế.

Hiện-diện trong buổi diễn-thuyết này, ngoài một số đồng công-chức, sinh-viên, người ta còn thấy có rất nhiều nhân-vật Việt-Nam và ngoại-quốc tại Huế.

Người ta được biết, Tấn-sĩ Franz Rathmann đã nổi tiếng Mỹ-Quốc trong các công-trình khảo-cứu về hóa-học. Hiện nay, những công-trình của Tấn-sĩ về địa-hạt giáo-dục cũng như về địa-hạt khoa-học đều được các giới đặc-biệt chú-ý. Tấn-sĩ tốt-nghiệp tại Đại-học Illinois và cũng đã sang Đại-học-đường Goettingen ở Đức-Quốc nghiên-cứu thêm.

• Hồi 9 giờ sáng ngày 5-5-63, Bác-sĩ John E. Gee, Trưởng phái-đoàn Cố-vấn Sư-phạm Trung-Học Đại-Học-Đường Ohio, hiện giúp việc tại Ban Giáo-Dục Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ USOM, nói chuyện về *Học-bổng và trợ-cấp tại Hoa-Kỳ*, tại số 2, Đại-lộ Thống-Nhứt, Sài-gòn.

Bác-sĩ Gee, trước đây là Khoa-Trưởng Phân-Khoa Giáo-Dục tại Đại-Học-Đường "Bowling Green State University" tiểu bang Ohio, và là một giáo-dục có nhiều kinh-nghiệm.

Ngoài việc dạy học và quản-trị Học-đường, bác-sĩ Gee còn bỏ ra nhiều thời giờ công-phu để giúp vào việc phát-triển các hoạt-động giáo-dục trên toàn quốc.

Buổi nói chuyện của bác-sĩ Gee đặt dưới quyền bảo-trợ của Hội Cựu Sinh-Viên Đại-Học Mỹ ở Việt-Nam.

• Hội Việt-Nam Nghiên-cứu liên-lạc Văn-hóa Á-Châu tổ-chức một buổi nói chuyện về đề-tài *Phương-pháp nhận-thức của Đạo Phật* hồi 17 giờ Chủ-Nhật 5-5-1963 tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-nghệ, số 112 đường Nguyễn-Du, Sài-gòn.

Diễn-giả là Đại-Đức Thích-Đức-Nhuận, hiện là Tổng Thư-Ký Giáo-Hội Tăng-Già toàn-quốc và Ủy-viên Văn-Hóa Tổng Hội Phật-Giáo toàn-quốc.

### 36. THÔNG-CAO CỦA BAN TÂN GIÁM-ĐỐC NHÀ THÔNG-NHẤT.

Được cử ra điều-khiển Nha-Tổng Phát-Hành «THÔNG-NHẤT» kể từ ngày 9 tháng 5 năm 1963 do sự thỏa-hiệp giữa Báo-Chí và Hội Cựu Chiến-Sĩ chúng tôi hân-hoan gửi lời chào mừng Quý-Vị Chủ-Nhiệm các Nhật-Báo, Tuần-San và Tạp-Chí, anh em Cựu Chiến-Sĩ toàn-quốc, Quý-Vị Chi-Cuộc-Trưởng và Đại-Lý Thống-Nhất trên khắp lãnh-thổ Việt-Nam và tại Vương Quốc Ailao.

Trong hoàn-cảnh khó-khẩn hiện tại, chúng tôi rất trông đợi ở thiện-chí giúp đỡ của Quý-Vị để có thể làm tròn được nhiệm-vụ.

Tin-tưởng ở sự liên-dới hỗ-trợ của Quý-Vị để bảo-vệ quyền-lợi chung và phát-triển ngành phát-hành báo-chí, Ban Tân Giám-Đốc Thống-Nhất đã mạnh bạo đề ra một chương-trình hoạt-động gồm 5 điểm sau đây:

(1) Cải-tò nội-bộ.

(2) Nghiên-cứu một kế-hoạch phối-hiệp phát-hành báo «cờ-động» với các nhà báo, ngõ hầu bài trừ nạn gian-thương lũng-đoan thị-trường báo-chí.

(3) Kiểm-điểm lại hệ-thống Đại-Lý để loại bớt những Đại-Lý nào luôn luôn tỏ ra thiếu thiện-chí trong vấn-đề phát-hành và thanh-toán tiền báo.

(4) Mở một chiến-dịch bài-trừ nạn cho thuê mượn báo.

(5) Phở-biến báo-chí đến tận thôn xóm.

Về vấn-đề thanh-lọc hàng ngũ các Đại-Lý chúng tôi rất cảm ơn những Đại-Lý nào từ trước tới nay đã có thái-độ đứng-đắn trả tiền sòng-phẳng, nhưng chúng tôi sẽ cương-quyết áp-dụng mọi biện-pháp thích-ứng để loại trừ và đưa ra pháp-luật những Đại-Lý buôn-bán bất-chính thiếu nợ nhiều không chịu trả.

Với tinh-thần tha-thiết phục-vụ ngành phát-hành báo-chí chúng tôi trân-trọng kính gửi Quý-Vị lời chào đoàn-kết xây-dựng

Ban Tân Giám-Đốc Thống Nhất:

Giám-Đốc: Ông Ngô-Quân, Chủ-Nhiệm Báo Saigon-Mai.

Phụ-Tá Hành-Chánh: Ông Lê-Đình-Quế, Phó Tổng Thư-Ký Hội Cựu Chiến-Sĩ.

Phụ-Tá Tài-Chánh Thương-Mại: Ông Trần-Quốc-Thái, Khu-Hội-Trưởng Cựu Chiến-Sĩ Trung-Nguyên Trung-Phần

Phụ-Tá Kỹ-Thuật: Ông Vũ-Hữu-Bình, chuyên-viên của Báo-Chí.

## B. TIN TỨC NGOÀI NƯỚC

### 1. TRƯỜNG CAO-ĐẲNG MỸ-THUẬT GIA-ĐÌNH ĐƯỢC THƯỜNG HUY-CHƯƠNG BẠC TRONG CUỘC TRIỂN-LÂM NGHỆ-THUẬT SINH-VIÊN TẠI LA-MÃ.

Tại cuộc triển-lâm nghệ-thuật sinh-viên do báo "Il Giornale d'Italia" tổ chức tại La-Mã từ 16-2 đến 15-3-63, trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Gia-Đình đã được thưởng huy-chương bạc do Bộ Ngoại-Giao Ý tặng vì được xếp hạng nhì trong số 25 quốc-gia có tác-phẩm trưng-bày. Viện Mỹ-Thuật Cộng-Hòa Á-Rập Thống-Nhất được thưởng huy-chương vàng (hạng nhất) vì đã có tác-phẩm trưng bày trong 4 ngành của cuộc Triển-lâm.

Các cơ-quan khác sau đây được thưởng huy-chương bạc:

Trường Mỹ-Thuật Nhà-Điền, Viện Kỹ-Thuật Karthoum, Trường Trung Tiều-học Montevideo, các trường Đức ở La-Mã và Gênes, Viện Văn-Hoá Áo ở La-Mã...

Trong giải cá-nhân, Việt-Nam được 2 huy-chương bạc. (Ô. Đỗ-Trọng-Nhơn và Lưu-Tấn-Phước). Hoa-Kỳ cũng được 2 huy-chương bạc trong loại này.

Các nước sau đây được 1 giải cá-nhân:

Soudan, Algérie, Thụy-Điền, Vénézuêla, Phần-Lan, Trung-Hoa Dân-Quốc, Thụy-Si, Mễ-Tây-Cơ, Anh, Phi-Luật-Tân, Syrie, Đan-Mạch, Libye, Tây-Ban-Nha, A-Phú-Hãn, Guatemala, Ai-Cập, Hung-Gia-Lợi, Jordanie, Nam-tư, Arabie Séoudite và Uruguay.

### 2. VIỆT-NAM THAM-DỰ ĐẠI-HỘI LẦN THỨ 4 HIỆP-HỘI CÁC VIÊN ĐẠI-HỌC TRONG MIỀN ĐÔNG-NAM-Á.

Đại-hội lần thứ 4 của Hiệp-hội các Viện Đại-học trong miền Đông-Nam-Á, khai-mạc ngày 16-4 tại Bandung (Indonésia) đã chấm dứt sáng 19-4-63. Tất cả 7 quốc-gia hội-viên của Hiệp-hội đều gửi đại-diện tới tham-dự, trong số có phái đoàn Thái-Lan là đông người nhất, với 9 đại-diện.

Giáo-sư Lê-Văn-Lắm, Giám-Đốc Mỹ-Thuật Học-Vụ, đã đại-viện Việt-Nam Cộng-Hòa tại Hội-nghị này.

Trong phiên nhóm khoáng-dại đầu tiên, 3 đại-diện đã được toàn-thể Đại-hội bầu vào Ủy-ban công-tác để giúp Ban Chấp-hành trong việc điều-khiển Hội-

nghị: đó là Giáo-sư Irro Kosasih, Indonesia, Bác-sĩ Abdul Wichiencheroen, Thái-Lan, và Giáo-sư Lê-Văn-Lắm, Việt-Nam.

Trong một phiên khoáng-dại, Hiệp-hội các Viện Đại-học trong miền Đông-Nam-Á đã chọn Đà-Lạt làm nơi tổ-chức khóa hội-thảo sắp tới về môn dạy Toán, dự-định họp vào tháng 11 năm 1964. Ngoài ra, đại-diện Việt-Nam đã được bầu vào Ủy-Ban Chấp-hành của Hiệp-hội trong năm 1963-1964.

Giáo-sư Lê-Văn-Lắm cũng đã tham-dự một khóa hội-thảo về ngành mỹ-thuật tại Viện Đại-học De Udayana (Bali).

### 3. LẦN THỨ TƯ ĐẠI-BIỂU VIỆT-NAM CỘNG-HÒA ĐƯỢC BẦU LÀM PHÓ CHỦ-TỊCH ỦY-HỘI CHÍNH-TRỊ CỦA LIÊN-HIỆP QUỐC-TẾ NGHỊ-SĨ.

Trong phiên-họp của Liên-Hiệp Quốc-tế Nghị-sĩ tại Lausanne hôm 19-4-63, ông Nguyễn-Phương-Thiệp, Đại-biểu Việt-Nam Cộng-Hòa, đã được bầu làm Phó Chủ-tịch Ủy-hội Chính-trị của Liên-Hiệp. Đây là lần thứ tư trong 4 năm liền, ông Nguyễn-Phương-Thiệp được bầu vào chức-vụ này.

Liên-Hiệp Quốc-tế Nghị-sĩ hiện quy-tụ trên 60 quốc-gia hội-viên, nhóm họp tại Lausanne từ 15-4-63 vừa qua để chuẩn-bị chương-trình nghị-sự cho khóa Đại-hội Liên-Hiệp Quốc-tế Nghị-sĩ sẽ họp tại Belgrade (Nam-Tur) vào tháng 9 năm nay, đồng thời đề soạn-thảo những dự-án quyết-nghị sẽ đệ-trình Đại-hội thường-niên nói trên.

Cũng hôm 19-4-63, ông Nguyễn-Phương-Thiệp đã được Liên-Hiệp mời chủ-tọa phiên-họp nghiên-cứu các phương-tiện tăng-gia hiệu-năng của Liên-Hiệp-Quốc trong tác-động duy-trì hòa-bình và an-ninh Thế-giới.

Người ta còn nhớ trước đây Nga-Sô đã nhiều lần dùng quyền phủ quyết ngăn-cản việc Việt-Nam Cộng-Hòa xin gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc. Nay lại chính đại-biểu của Việt-Nam Cộng-Hòa được mời chủ-tọa một buổi họp công-tác quan-hệ đến Liên-Hiệp-Quốc như trên, khiến cho nhiều nhà quan-sát coi đó như một dấu hiệu chứng-tỏ Liên-Hiệp Quốc-tế Nghị-sĩ nhất quyết ủng-hộ chính-ngĩa của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Năm ngoài, ông Nguyễn-Phương-Thiệp đã được bầu làm nhân-viên Ủy-ban Chấp-hành Trung-ương của Liên-hiệp Quốc-tế Nghị-sĩ trong một cuộc bầu-cử sôi-nổi mà kết-quả là đại-biểu Việt-Nam Cộng-Hòa đã đánh bại đại-biểu Nga-Sô với đa-số 60 so với 30 thăm.

Việt-Nam là nước duy-nhất tại Liên-Hiệp Quốc-tế Nghị-sĩ đã giữ hai chức-vụ chỉ-đạo trong tổ-chức quốc-tế này.

#### 4. MỘT GIAN TRUNG BÀY "ẤP CHIẾN-LƯỢC" TẠI CUỘC TRIỂN-LÂM CỦA QUÂN-ĐỘI HOA-KỲ Ở HOA-THỊNH-ĐỐN.

Một cuộc triển-lâm về các loại quân-cụ đặc-biệt dùng trong các Ấp chiến-lược tại Việt-Nam Cộng-Hòa để chống lại du-kích-quân Cộng-sản đã được tổ-chức tại Bộ Quốc-Phòng Mỹ từ 21 đến 27-4-1963.

Theo nguồn tin của Quân-Đội Mỹ, gian triển-lâm này do các quân-nhân vừa ở Việt-Nam về đảm-nhiệm.

Đây là một trong những cuộc triển-lâm mà Quân-Đội Hoa-Kỳ tổ-chức nhân dịp kỷ-niệm «Tuần-lễ Thư-viện Quốc-gia». Ngoài gian triển-lâm 'ẤP chiến-lược' nói trên, còn có nhiều gian khác thuộc nhiều ngành trong Quân-Đội Hoa-Kỳ, như Sở họa-đồ của Lục-quân, các trường dạy Sinh-ngữ và Tinh-báo.

#### 5. NGOẠI-TRƯỞNG VŨ-VĂN-MẪU DIỄN-THUYẾT VỀ TƯ-PHÁP VIỆT-NAM TẠI STRASBOURG.

Theo lời mời của trường Đại-học Luật-khoa đối chiếu ở Strasbourg (Pháp), Ngoại-trưởng Vũ-Văn-Mẫu, nguyên Khoa-trưởng trường Đại-Học Luật-khoa Sài-gòn, đã từ Ba-Lê tới Strasbourg. Ngoại-trưởng Vũ-Văn-Mẫu đã được ông F.de Sola Canizare, Khoa-trưởng trường Đại-học Luật-khoa đối-chiếu đón-tiếp.

Trong hai ngày lưu-trú tại Strasbourg, Ngoại-trưởng Vũ-Văn-Mẫu đã diễn-thuyết nhiều lần tại trường Đại-học Luật-khoa đối-chiếu.

Ngày đầu ngoại-trưởng đã hai lần diễn-thuyết, lần thứ nhất về đề-tài *Sự thuận nhất nội-bộ của Tư-pháp*, lần thứ hai về đề-tài *Việc di-chuyển tài-sản theo Luật-Pháp Việt-Nam*.

Ngày thứ hai, Ngoại-Trưởng diễn-thuyết về *Tư-Pháp Việt-Nam đối-chiếu với luật-pháp Tây-phương*.

Trong các buổi diễn-thuyết này, cử-tọa đã nhiệt-liệt hoan-nghehng Ngoại-trưởng.

Kể đó, Ngoại-trưởng dự tiệc trưa do ông Khoa-trưởng trường Đại-học Luật-khoa đối-chiếu khoản đãi, và buổi chiều ông sẽ tham-gia với các giáo-sư trường Đại-học một cuộc nghị-luận về «sự thuận nhất nội-bộ của Tư-Pháp».

#### 6. VIỆT-NAM THAM-DỰ ĐỆ-NHỊ ĐIỆN ẢNH Á-CHÂU Ở FRANCFORT.

Đệ Kỳ-niệm đệ nhất chu-niên Quốc-sách Ấp chiến-lược, Việt-Nam tham-dự Đệ-nhị Đại-hội Điện-ảnh Á-Châu ở Francfort với 3 cuốn phim, trong số có một phim về Ấp chiến-lược nhan-đề *Quê Mẹ*. Các phim này đã chiếu tại Theater-Am-Turm trước sự hiện-diện của ông Hà-Vinh-Phương, Đại-Lý Đại-Sứ Việt-Nam, cùng các Đại-Sứ Tích-Lan, Hồi-Quốc, Phi-Luật-Tân và một số đồng tân khách.

Trước khi chiếu các phim này, ông Nguyễn-Văn-Thinh, Tùy-viên văn-hóa Sứ quán Việt-Nam tại Bonn, đã nói về tầm quan-trọng của Ấp chiến-lược và nhấn mạnh rằng Việt-Nam tham-dự Đại-hội Điện-ảnh là có ý muốn phát-triển sự hợp-tác với Cộng-Hòa Liêng-Ban Đức về mọi phương-diện.

#### 7. VIỆT-NAM THAM-DỰ MỘT KHÓA NGHIÊN-CỨU DO LIÊN-HIỆP-QUỐC TỔ-CHỨC TẠI CANBERRA (ÚC).

Ông Lê-Văn-Tuân, Phó Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm Sài-gòn đã rời Sài-gòn ngày 25-4-63 đi Úc-Đại-Lợi tham-dự một khóa nghiên-cứu về vai trò của Cảnh-binh trong việc bảo-vệ nhân-quyền do Liên-Hiệp-Quốc tổ-chức tại Canberra từ 29-4 đến 11-5-63.

Tại khóa nghiên-cứu này, có 17 Quốc-gia Á-Châu và miền Thái-Bình-Dương tham-dự: Úc-Đại-Lợi, Tân-Tây-Lan, Đại-Hàn, Trung-Hoa Dân-Quốc, Việt-Nam Cộng-Hòa, Nhật-Bản, Cambodge, Indonexia, Mã-Lai, Bắc Bornéo, Phi-Luật-Tân, Sarawak, Tân-Gia-Ba, Hương-Cảng, Tích-Lan, Hồi-Quốc, Ba-Tur. Những quốc-gia và lãnh-thổ nói trên đều thuộc Viễn-Đông Kinh Ủy-Hội.

Từ năm 1956 đến nay, Liên-Hiệp-Quốc đã tổ-chức 3 khóa nghiên-cứu về hình-sự pháp cho các quốc-gia trong vùng Viễn-Đông Kinh-Ủy-Hội.

Đại-biêu tại khóa nghiên-cứu nói trên là những Bộ-Trưởng, Thứ-Trưởng, Chương-Lý, Cố-Vấn Pháp-Luật, Thẩm-phán, Luật-Sư, Công-chức cao-cấp...

#### 8. VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NHỊ Y-TẾ THẾ-GIỚI KỶ THỨ 16 TẠI GENÈVE.

Giáo-Sư Trần-Đình-Đệ, Bộ-Trưởng Y-tế, rời Sài-gòn ngày 4-5 sắp tới đi Genève để hướng-dẫn một phái-đoàn Việt-Nam tham-dự Hội-nhị Y-Tế Thế-giới kỷ thứ 16 khai-mạc tại Tòa lâu đài Vạn-Quốc ngày 7-5.

Ngoài Ông Bộ-Trưởng, Phái-đoàn Việt-Nam còn có một nhân-viên là Bác-si Lê-Cửu-Trường, Tổng Giám-Đốc Y-Tế và Bệnh-viện, và một cố-vấn, ông Nguyễn-Văn-Thinh, Đệ Nhất Tham-Vụ Tòa Đại-Sứ Việt-Nam tại Bonn.

Khóa họp thứ 16 của Hội-nhị Y-tế Thế-giới sẽ tiếp-diễn chừng 20 ngày và quy-tụ các đại-diện của 110 quốc-gia. Chương-trình nghị-sự sẽ gồm có những vấn-đề chính sau đây:

- Thâu nhận hội-viên mới;
- Bàu đại-diện các quốc-gia vào ban Chấp-hành Tổ-chức Y-Tế Thế-giới;
- Báo-cáo về tình-trạng tiến-triển của chương-trình Diệt trừ sốt rét;
- Chương-trình Diệt trừ bệnh đậu mùa;
- Duy-trì Viện-trợ cho các quốc-gia mới thâu-hồi độc-lập;
- Phần đóng góp hàng năm của các quốc-gia vào Tổ-chức Y-tế Thế-giới.



9. NHẠC-SĨ DANGSAC MUỐN GIỚI-THIỆU NHẠC VIỆT-NAM  
VỚI THÍNH-GIẢ ÂU-CHÂU.

Ông D. Dangsac, thuộc Viện Quốc-Gia Âm-Nhạc Ba Lê, có ý muốn trình bày những bản nhạc và bài ca của Việt-Nam tại nhiều Hội Văn-nghệ Pháp.

Để phụng-sự cho nền văn-nghệ Việt-Nam, ông Dangsac yêu-cầu các nhà sáng-tác và xuất-bản nhạc nên gửi thẳng những tác-phẩm của họ tới địa-chỉ sau đây của ông: 15, rue des Tournelles, Paris 4<sup>e</sup>.

Ông Dangsac sẽ cho các nhà sáng-tác' và xuất-bản nhạc ấy rõ về kết-quả cuộc trình-bày để được biết các thính-giả đã thích những bản nhạc nào. Những tạp-chí nghệ-thuật ở Việt-Nam có thể đăng những bài nhận-xét và các bản nhạc hoặc bài ca ấy.

Nhạc-sĩ Dangsac cùng một số bạn của ông hiện đang trình-bày tài-nghệ khắp các thành-phố lớn trên đất Pháp. Ban nhạc của ông đã thành-công rực-rỡ trong những buổi dạ-hội khiêu-vũ tổ-chức tại Cư-xá Đại-Học Ba-Lê, hồi tháng Giêng năm 1962. Ông Dangsac cũng trình-bày những bản-nhạc đệm trong phim. Ông là một nghệ-sĩ thổi kèn saxophone có tài.

*phần phụ-trương*

## COMMENCEMENT ADDRESS

by

POLITICAL COUNSELOR MR. NGO DINH NHU  
Member of the National Assembly,  
Chairman of the Central Committee for Strategic Hamlets,  
at the National Institute of Administration  
May 2, 1968

Dear young Cadres,

Upon the invitation of the Rector and the Faculty of the National Institute of Administration, and on the occasion of the Graduation Ceremony of the 8th Class, I come here today to be with you at your last meeting, to be with you before you go back to your respective provinces, before you leave to take your places in the forefront of the fight against the enemy in the struggle to win the population over to the National Cause.

You already know that the Strategic Hamlet Policy, through its internal revolutionary logic, has started a movement for a total revision of the doctrine and the organization, as well as the technical approach, of the present political system. What I wish to say here today in all frankness and simplicity is within this revisionist movement, as viewed from the administrative system of the Republic.

It is in this spirit and in this perspective that I wish to suggest to you a few themes of study and a few principles which, I hope, will help to make your struggle more effective.

I. We must try first of all to *define the role of public administration in the general context of our national effort*. This is necessary in order to understand our respective duties and to fulfill correctly the administrative task during this important moment of our history.

I said some weeks ago: "For an individual to build a new society, a new life with new values, to live by his own means, to work in his own security and with his own strength, starting from the infrastructure of the hamlets and quarters to pervade all the superstructure of the state — is not this the profound, the genuine aspiration of each of our people?"

It remains, however, to define that new society, that new life. We can say that this new society contains more freedom, more justice and more charity than our present society. And we would be right.

But our definition would have only listed our aspirations. We must still give those aspirations a point of impact in time and space, in a given context, with real conditions and real perspectives. Only such an effort of definition could allow us to build the new life in conformity with our hopes.

At this present state of civilisation, we cannot conceive any new society, any modern society, without linking it to an *industrial society*, one capable of taming the natural sources of power to satisfy the elementary and eternal needs of man: housing, clothing, food, transportation, communication, and the others. It is precisely that society which we conceive as the real context of tomorrow. It is in that society that we shall achieve our aspirations of freedom, of justice, and of charity.

We must recognize that as long as a society has not been industrialized, it cannot bring about self-sufficiency for its members in any field. *We may indeed hesitate in the face of the need to industrialize*, because we are under the impression that, in the past, industrialization has often been accompanied by materialism and by the disintegration of moral traditions.

In fact, in the history of the older western countries if such phenomena have actually occurred, it is because they strayed from one of the two sources of their civilization: the mathematical logic of Ancient Greece, and the Evangelical Message.

In a more objective analysis, the real reason for our reluctance to proceed to industrialization is the shirking of the long and difficult struggle that industrialization imposes on an underdeveloped country. The passage from underdevelopment to industrialization is a lengthy, even painful march, during which we have to fight a threefold enemy: first, *underdevelopment*, which ties us down to the present and the past with all its power of inertia; second, *disunity*, which dissipates our strength; and finally *communism*, which seeks to disrupt the trend of national progress. Its objective is to create conditions which would allow communism to conquer all those countries attempting to escape underdevelopment without accepting neither its pattern nor its control.

All economists agree that the achievement of a new life must be attained through many stages. Professor Walter W. Rostow, in his book *The Stages of Economic Growth*, proposed a pattern for economic evolution in five stages: the stage of traditional society, the stage of preparation for the take-off, the stage

of actual departing from the status of underdevelopment, the stage of marching toward maturity and, finally, the stage of mass consumption. We can reduce these five stages to only two. First, a stage in which we irrevocably depart from the traditional society as far as our thinking, our organization and our technique are concerned; second, we move into a state of industrialization and a stage of maturity.

All economists agree that the most decisive and the most difficult step is the step which separates us from the stage of underdevelopment. This initial stage of industrialization requires, of course, radical changes of a social, psychological, political, economic, administrative, educational and military nature. In other words, while it is possible to view the later stages as a sequence of reforms, the first stage constitutes a total revolution, in which all the people must participate; a long and difficult revolution, even in peacetime.

Having determined the nature of the new society as the material objective of development, and having distinguished the various stages toward that objective, let us now try to see which political system is best suited to each stage, especially to the initial stage of industrialization.

If we study the nature of traditional societies, and of industrialization, and if we recall the historic experiment of other countries which have already gone through the initial stage, we can be certain that the first stage of modernization requires strong action on the part of the State, *through the very important role of public administration*. This is all the more true in countries which have few entrepreneurs and individual savings.

All economists are unanimous in recognizing that it is highly improbable that a developing country can combine representative institutions and universal suffrage with the active and necessary participation of the total population. This recognition is simple and objective.

After having outlined, through concrete examples, the movement towards a new life, I wish to emphasize the eminent place of the public administrative branch in the context of our national struggle. I wish to define the high intellectual and moral standards which the administrative cadres must attain and constantly surpass at all costs, during this crucial period of the history of our Nation and that of the underdeveloped peoples.

II. The public administration cadre must know not only how to place himself in the general context of the total struggle in which the entire people take part through fire and blood in order to build a new life realistically, but he must also possess the technique and the art of commanding in order to mobilize

the people in the national struggle. Why leadership instead of administration? Must an administrator no longer rule according to our former concept and practice?

In homogeneous societies, attached to the same ideals, where the basic principles which regulate public as well as private life, receive the acceptance and support of the majority, and where the notions of a modern life are thoroughly possessed, the simple application of the technique and the art of administration and guidance would be sufficient and timely. But in a society which has just emerged from several centuries of foreign domination, a society which is still underdeveloped, and which has not yet adjusted itself to the basic concepts of progress such as freedom of assembly, and freedom of opinion, the National Cause is not always the object of a clear and correct vision.

You have all noticed, perhaps, the many around you who still place their cause in Moscow, in Washington, in Paris, or in the nowhere land of neutralism. We know that the National Cause appears in all its brightness in the very historical movement, initiated four thousand years ago by our forebears, and that we are pursuing, in search of a new life, on this heroic and sacred land.

Our society is at the present time torn apart by several alien ideologies. That is why the role of all cadres, especially the public administration cadres, is to fight them and struggle with the enemy day-by-day to win the people over to the National Cause, and to provide the population with guidance in the struggle. We can attain this leadership only with solid reasoning, with individual integrity, with appropriate organization, and with techniques adjusted to available resources.

On several occasions during the past four years I have reminded the cadres of the four steps to improve technique of stewardship:

- (a) classify the population in different categories;
- (b) apply to each category a different approach more likely to rally this category to the National Cause because it is more adapted to its psychology;
- (c) organize the population into civic organizations according to age and sex;
- (d) educate the people with a view to launching the movement and assume the stewardship of this movement for each policy.

It is only after having helped the people to be fully aware of the National Cause, to be able to recognize friend from foe, and to agree to fight with resolution for this cause, that the task of public administration and guidance is

possible because the requirement of a homogeneous population has been fulfilled. This is extremely important.

III. We have just seen that in the actual conditions of an underdeveloped nation struggling for a new life, a public administration cadre, as a leader, is a key figure.

And precisely because of the importance of his role, as evidenced by Ordinance 57 A, I wish to make this final and fundamental recommendation to our public administration cadres: do not confuse power with Law; do not conceive Law as generated from power, because, on the contrary, power is generated from Law.

I felt it necessary to remind the public administration cadres of such an elementary notion because I have noticed that oftentimes, a certain number of public administration cadres of the provincial level, and, following the examples of a few province chiefs, public administration cadres of the district and the village levels conceive the exercise of the full powers attributed to them as an authorization to place themselves above the Law.

The cadres of the executive have the duty to apply the existing Laws and if these laws are imperfect or do not entirely respond to the changing realities of life and progress, to propose new ones. But to execute the Law can never mean to evade that which is legal.

In conclusion to these informal remarks, I wish to emphasize to our cadres of all levels that: the Strategic Hamlet policy, the Chieu Hoi campaign, as well as the revisionist movement — a topic which is greatly animating our study sessions — have taken form. I wish to remind all that they originated in the historical struggle of our people to build a new life in harmony with the geopolitical conditions of our country.

Such is the Destiny of our people, and of our nation. Let us face this Destiny with courage, and shape it to the full dimensions of man. Man as an individual, in his conscience and in his heart, with liberty, reason and love. Man living in society and the universe, and man as he is related to the Supreme Being which is the perfect truth, the perfect beauty and the perfect righteousness.

The circumstances are very difficult. It is up to the heroes to create for themselves conditions favorable to their ideal which is to help bring about a new life.

I wish that each of you will rank among those heroes.

Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên  
Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa dưới quyền Chủ-Tọa Tối Cao của  
TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

**DIỄN-VĂN**  
của ông  
**KHOA-TRƯỞNG Y-KHOA ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG SÀI-GÒN**  
(9-5-1963)

Kính thưa TÔNG-THÔNG,

Thật là một vinh-dự lớn-lao cho chúng tôi được chào mừng TÔNG-THÔNG trên thửa đất này mà TÔNG-THÔNG đã ban cho từ lâu đời ngày khởi công xây cất một tác-phẩm kiến-trúc của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Nhân-danh là Khoa-Trưởng Y-Khoa Đại-Học-Đường, Viện Đại-Học Sài-gòn, và thay mặt toàn-thể giáo-sư cùng sinh-viên y-khoa, chúng tôi xin đề lên TÔNG-THÔNG lòng biết ơn sâu-xa của chúng tôi đối với niềm ưu-ái của TÔNG-THÔNG đã dành cho nền giáo-dục y-khoa trong nước: giữa bao nhiêu vấn-đề kiên-quốc, TÔNG-THÔNG đã không quên dành cho ngành này một tầm quan-trọng đúng mức để cho nó một ngày một thêm phát-triển. Chúng tôi tin rằng trong ít năm nữa, sau khi công-tác này đã hoàn-thành, những kết-quả cụ-thể bắt đầu gặt-hái được sẽ nói lên một cách hùng-hồn hơn là chúng tôi có thể trình-bày sự nhìn xa trông rộng của TÔNG-THÔNG.

Thưa Đại-Sứ Hoa-Kỳ,

Đã biết bao lần, trong những buổi lễ long-trọng, Đại-Sứ đã nhận những lời cảm ơn của đồng-bào tôi đối với Chính-Phủ cũng như nhân-dân quý quốc. Hôm nay, một lần nữa tôi xin Đại-Sứ nhận ở đây mỗi tri-ân nồng-hậu của toàn-thể nhân-viên giáo-huấn và sinh-viên y-khoa — sinh-viên dân-y cũng như quân-y — đối với Chính-Phủ và nhân-dân Hoa-Kỳ về mọi sự giúp đỡ cho Trung-Tâm Y-Khoa sắp xây-cất đây.

Thêm vào những lời cảm ơn nồng-hậu ấy, xin Đại-Sứ nhận thêm sự cảm-phục của tôi đối với Đại-Sứ và quý Vị cộng-tác-viên đã từng năm này sang năm khác liên-tục hoạt-động để cho chương-trình viện-trợ này có thể thành-tựu được.

Chúng tôi mong rằng ảnh-hưởng tốt đẹp trong tương-lai của chương-trình này trên bình-diện giáo-dục, y-tế và cả kinh-tế nữa sẽ đền bù lại một cách xứng-dáng lòng chiều-cổ đáng quý đó.

Kính thưa TÔNG-THÔNG,

Thưa quý Vị,

Dự buổi lễ hôm nay, chúng tôi đang được hưởng phút vui nhẹ trong lòng không khác gì hồi còn nhỏ ở nhà quê chờ mẹ lên tỉnh mấy hôm mới về mang theo cho quà thành-thị. Sự vui mừng gặp lại người thương-yêu pha lẫn với lòng vui sướng được món quà quý làm cho lòng trẻ hường những vui sướng hồn-nhiên mà sau này lớn lên đã dễ mấy khi mà có được! Sáng hôm nay, lòng chúng tôi đã được vui trẻ lại, vì đây là kết-quả của hơn 8 năm cố-gắng, ước-mong, chờ-đợi và sắp được trông thấy.

Thực vậy, mấy tháng sau ngày 11-5-1955 là ngày Viện Đại-Học đã được thu-hồi về cho Chính-Phủ Việt-Nam, sự khêu-ch-trưng cơ-sở cho nền giáo-dục Y-khoa đã được ý-niệm ngay. Qua năm 1956, Cơ-quan Viện-trợ Mỹ đã nhận suy-tính vấn-đề. Và nếu chúng ta lấy ngày của một chuyên-viên Hoa-Kỳ sang nghiên-cứu đặc-biệt về ngành giáo-dục y-khoa tại Việt-Nam làm bước đầu cho sự hợp-tác Việt-Mỹ trong vấn-đề này thì chúng ta có thể ghi lấy tháng 4 và tháng 5-1956 là thời-gian mà Bác-sĩ Horning đến cư-ngụ tại Sài-gòn để sau đó làm ra "tờ-trình Horning" khơi mào cho những cuộc thảo-luận đầu tiên.

Rồi từ ngày ấy trở đi, đã qua biết bao nhiêu là giai-đoạn: tìm một khu đất thích-hợp, lập một tờ-trình chuyên-môn do Khoa-Trưởng Jason ở Hoa-Thịnh-Đôn sang phụ-trách cùng với các giáo-sư Việt-Nam, thuê một hãng kiến-trúc-sư Hoa-Kỳ chuyên-môn về xây-cắt Trung-Tâm Y-Khoa, đặt thể-thức cộng-tác giữa hai giới kiến-trúc-sư Hoa-Kỳ và Việt để vẽ họa-đó, mở cuộc đấu thầu, là những chặng đường chính từ năm này sang năm khác mà không chặng nào là không cân-thận và tỉ-mỉ và vì vậy đã mất rất nhiều thì giờ.

Với thời-gian đó, còn cần đến sự thiện-chí và nâng-đỡ của quý vị Cố-Vấn Giáo-Dục Y-Khoa, là Bác-sĩ J. Plaggee và Jacques M. May, vị Giám-Độc Sở Y-Tê Viện-Trợ Mỹ là Bác-sĩ W. Boynton và quý vị Giám-Độc Viện-Trợ Mỹ là quý Ông L. Barrows, A.Z. Gardiner và J.L. Brent, và về phía Việt-Nam của quý vị Viện-Trưởng, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục và Bộ-Trưởng tại Phú Tông-Thông; xin quý Vị nhận ở đây những lời cảm-tạ thành-thật của tôi.

Chúng tôi cũng không quên lòng sốt-sắng của những vị Kiến-Trúc-Sư đã cố-gắng cho công-việc dự-bị được thập phần mỹ-mãn.

Với bao nhiêu hiểu-biệt và cảm-tình quý Vị đã dành cho, rồi đây nền giáo-dục y-khoa tại Sài-gòn sẽ tìm được đủ phương-tiện để có thể mạnh-tiến.

Giáo-dục Y-khoa ngày nay đòi hỏi rất nhiều điều-kiện để giữ-vững một trình-độ quốc-tê, vì tính-cách đặc-biệt của nó, vì quyền-lợi quốc-gia, vì nhu-cầu dân-tộc.

VIII

Điều-kiện cơ-sở là một trong những điều-kiện khác như trang-bị, nhân-viên, quan-niệm giáo-dục, hết thảy đều quan-trọng cả và vì liên-hệ với nhau nên đều đã được đặt ra để được song-song giải-quyết.

Tất cả những điều-kiện đó sẽ cho phép chúng ta đề-cập đến vấn-đề cải-tô chương-trình một cách thiết-thực, nghĩa là đi theo với sự áp-dụng trên thực-tê mà nếu không đủ điều-kiện sẽ chỉ là một sự cải-tô trên giấy tờ.

Không dám đề-cập đến ảnh-hưởng tốt đẹp về y-tê và kinh-tê, riêng về giáo-dục, quý Vị cũng đã nhận thấy những viễn-tượng tốt đẹp của việc xây-cắt Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa này.

Kính thưa TÔNG-THÔNG,

Thưa quý Vị,

Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa này cũng như Y-khoa Đại-Học-Đường từ trước tới nay sẽ dùng để đào-tạo sinh-viên dân-y lẫn quân-y.

Trung-Tâm gồm có hai phần: một Trường Y-khoa mới gồm các tiện-nghi để giảng-dạy các khoa-học căn-bản và một Bệnh-viện thực-hành để sinh-viên tiện thực-tập.

Phần thứ nhất chỉ còn xây-cắt là xong, nhưng phải cần đến 2 năm tròn và tất cả công-tâm của các Nhà Thầu-khoán thì mới hoàn-hảo được.

Phần thứ hai đang trong thời-ky nghiên-cứu.

Chúng tôi ước-mong với sự giúp-đỡ của Chính-Phủ và Cơ-quan Viện-Trợ Hoa-Kỳ, phần thứ hai sẽ được thực-hiện khi phần thứ nhất đã hoàn-thành; như vậy Trung-Tâm này sẽ xứng danh là một Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa vào bậc nhất nhì trong vùng Đông-Nam-Á.

Trân-trọng kính chào TÔNG-THÔNG và quý Vị.



IX

Ceremony of the Laying of the Cornerstone  
 of the Medical Education Center placed under the High Patronage of  
 HIS EXCELLENCY THE PRESIDENT OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

SPEECH

by  
the Dean  
of the Faculty of Medicine, University of Saigon  
(May 9, 1963)

Mr. President of the Republic,

It is a great honor for me to be allowed to greet you, Mr. President, on this plot of land which you so generously granted long ago for the purpose of housing an outstanding piece of architectural work in the Republic of Vietnam.

In my capacity as Dean of the University of Saigon Faculty of Medicine, and on behalf of all the faculty members and medical students, I should like to present to you, Mr. President, our deepest gratitude for the kind solicitude you have shown to medical education in our country. Amidst your tremendous work to save the nation and among so many problems of national reconstruction, you have given appropriate attention to medical education so as to encourage its development. We are confident that in a few years, when the construction work is completed, the concrete results of it will speak of your vision and far-sightedness more eloquently than we can do at present.

Mr. Ambassador,

Many times in the past, in formal ceremonies, you have accepted my compatriots' thanks addressed to the Government and the people of the United States of America. Today, once more, please accept here the most profound gratefulness of the entire teaching staff and student body — both civilian and military — of our medical school. We are grateful to the government and people of the United States for all the help assistance given to the Medical Education Center which is about to be built here. In addition to our heartfelt thanks I should like to express my admiration for you and your colleagues who have continuously worked year after year to implement this assistance program. We hope that the future effects of this program upon education, medicine and the national economy will adequately reward that laudable efforts.

Mr. President of the Republic,  
Ladies and Gentlemen,

Attending this ceremony today I am reminded of those pleasant moments when as a country boy I used to wait impatiently for my mother to return from a brief visit to the provincial capital. She always came back with a small present from town, and the joy of seeing her again coupled with the pleasure of receiving a little package always brought me a sensation of spontaneous elation which I have not since outgrown. I feel stirred by the same feeling this morning as I see the result of over eight years of efforts, hopes and expectations gradually come to fruition.

Indeed the idea of developing and expanding the existing facilities for our medical education began to take shape immediately after May 11, 1955, the date when the University of Saigon, then called the National University, was turned over to the Vietnamese Government.

In 1956 the U. S. Operations Mission agreed to look into the problem. And we can consider it the first step in Vietnamese-American cooperation along these lines of endeavor when an American expert was sent over here to make a study of medical education in Vietnam during the months of April and May, 1956: the report which Dr. Horning prepared in the course of that short stay in Saigon was to launch the first discussions.

Since then, we have witnessed a sequence of events. First we had to select an appropriate site. We also had to draft a technical report worked out jointly Dean Jason of Washington, D. C. and the Vietnamese doctors. We next had to enlist the services of an American architectural firm which specializes in the construction of medical buildings. Then we had to draw up the working procedures to be followed by American architects and their Vietnamese counterparts in setting setting up blueprints. Then there was the invitation to bid by various contractors.

Every one of these main steps has been time-consuming because we had to be careful and meticulous. Throughout them fortunately we have had the strong

support of many men of good will : first of all, such advisers as Dr. J. Plaggee and Dr. Jacques M. May, then Dr. W. Boynton, who had headed the Health and Sanitation Division of USOM for several years, then of course the successive directors of USOM, namely Messrs. L. Barrows, A. Z. Gardiner and J.L. Brent. On the Vietnamese side, the Rectors of the University of Saigon, the Ministers of National Education, and the Honorable Secretaries of State for the Presidency have shown deep interest in, and provided vast encouragement for, the project. May I be permitted here to express our most sincere thank to all of you.

Nor do we forget the enthusiasm of the architects who have tried to perfect the preparatory work.

Having the benefit of so much understanding and so much friendly cooperation on your part our medical education in Saigon will definitely acquire every resource needed for its progress.

We all know that because of its highly specialized nature medical education today demands a great number of conditions if it is to maintain an international level for the sake of national interests and national needs.

The physical plant, its equipment, its personnel, its educational concept, all are equally important, and since they are interrelated factors they must be solved together and along parallel lines.

Once fulfilled, those requirements will enable us to tackle the problem of curriculum revision in a realistic manner, that is to say, in its practical applications. Without those requirements any reform would merely remain a reform on paper.

I do not have to speak of the influence of this type of installation upon our public health and our national economy. In the field of education alone the potentialities of such a Medical Education Center as this one can easily be seen.

Mr. President,

Ladies and Gentlemen,

Just as the Faculty of Medecine has been doing is thus far the future Medical Education Center will train medical students for both civilian and military needs. The Center will consist of two parts : a new medical school fully equipped to give instruction in the basic sciences, and a teaching hospital where the students can carry out their observations and practical work.

The completion of the first part will require a period of two years and depend upon the devoted efforts of our contractors. The second part is still in the planning stage.

Allow me now to express the hope that with the support of the Government of Vietnam and of the U.S. Administration for International Development, the second part of our dream will come true as soon as the first one is completed, so that this Center may truly become one of the very best centers of education in the whole of Southeast Asia.

May I thank you once more, ladies and gentlemen.



Ceremony of the Laying of the Cornerstone  
of the Medical Education Center placed under the High Patronage of  
HIS EXCELLENCY THE PRESIDENT OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

SPEECH

by  
THE HONORABLE FREDERICK E. NOLTING, JR.  
(May 9, 1963)

Mr. President, Excellencies, Ladies and Gentlemen,

It is a great pleasure for me to represent my country at the laying of this cornerstone. When in 1956 your Government requested our assistance in the planning and construction of a medical center, we felt that no better use could be made of our technical, scientific and financial assistance. The request, of your Government, Mr. President, reflected your desire to build up the level of medical care and health of your people. My country's agreement to join with you in this enterprise reflected our desire to contribute our resources for the promotion of education and culture, medical science, and human welfare.

Since this project was conceived, a cruel war has been launched against the free people of Viet-Nam, by an enemy who preaches human welfare but practices destruction of human values. You had to reorganize your resources to fight back this destructive attack, and we, on our part, had to give priority to the support of activities primarily connected with your survival as a free nation. The Communist enemy seized this opportunity to declare that our aims were military, our assistance imperialistic. But who is chiefly responsible for the delay in realizing this and other projects devoted to the betterment of your people? It is the Viet Cong. And yet, despite them, you are moving ahead.

Here today is a demonstration of your determination and your progress. In the midst of war, we are joining our resources and our skills to establish this permanent monument of modern science, whose beneficial effects will remain long after your certain victory has restored peace and tranquillity to your country.

I am told, Mr. President, that medical science has developed so much in the past 30 years that teaching programs and techniques and laboratory equipment have had to be greatly expanded. Knowledge of the human body had developed

apace with knowledge of atomic physics and knowledge of outer space. As a consequence, the tools needed to educate the physicians of tomorrow have to be overhauled and adjusted to modern needs. Not only is this the case in physical equipment and experimental techniques, but in teaching methods as well. In the instruction of modern medicine, close cooperation between the various professors is essential so that the student may grasp the unity of the human patient and learn how to make a synthesis of what he is taught in the various disciplines. The integration of the emotional with the functional and organic aspect of diseases makes it necessary to teach the student to understand his patient as a whole and not as a juxtaposition of separate systems. This, of course, is nothing new - but rather a return to a more ancient concept which had been, unfortunately, neglected through over-specialization. The proven benefits of preventive medicine extend to entire populations and, of course, the costs per capita of preventive medicine are much less than those of curative medicine. The social aspects of medicine have now come to the fore and become an important aspect of medical care.

In terms of Medical Education, these observations mean that a medical center with its laboratories and classrooms should be efficiently related to a hospital where the patients are being treated, so that the knowledge gained in the scientific courses at this center can be perfected and applied through the teaching of medical care at the bedside of the patient.

Mr. President, the magnificent site that your Government has assigned to this purpose makes me anticipate the day when the second phase will be completed. We are together building for the future. We want to help produce the physicians and dentists that your country needs not only in the Army but in all the social projects that you are promoting. Together with you, we want the health workers and nurses of the strategic hamlets to be supervised by qualified physicians, well trained in their profession, and we would like to see all hospitals have an adequate staff. May the building we are starting today grow fast as a symbol of our common faith in a future where the benefits of modern science will be brought to all the people of Viet-Nam, as a symbol of our lasting friendship and of the lasting cooperation of our two cultures.

Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên  
Trung-tâm Giáo-Dục Y-Khoa dưới Quyền Chủ-Tọa Tối Cao của  
TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

DIỄN VĂN

của

Đại-sứ FREDERIC E. NOLTING, Jr.  
(9 - 5 - 1963)

Thưa Tổng-Thông,

Thưa Quý Vị,

Tôi rất lấy làm hân-hạnh được đại-diện xứ tôi để đặt viên đá đầu tiên của Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Tê Đại-Học-Đường Sài-gòn.

Năm 1956, khi chánh-phủ Việt-Nam yêu-cầu chúng tôi giúp-đỡ lập đó-án và xây-cắt một Trung-Tâm Y-Tê, chúng tôi nhận thấy chương-trình này rất phù-hợp với khả-năng viện-trợ kỹ-thuật, khoa-học và tài-chánh của chúng tôi.

Thưa Tổng-Thông,

Điều yêu-cầu của Chánh-phủ Việt-Nam phản-ánh ước-vọng của Tổng-Thông muốn nâng cao mục y-tê và khoa trị bệnh dân-chúng Việt-Nam. Sự đồng ý của xứ tôi để hợp-tác với Tổng-Thông trong công-cuộc này phản-ánh ước-vọng góp tài-nguyên của chúng tôi để phát-huy giáo-dục và văn-hóa, y-khoa và an-sinh của nhân-loại.

Từ khi kế-hoạch này được dự-định đến giờ, nhân-dân Việt-Nam tự-do lâm vào một cuộc chiến-tranh tàn-khốc do một kẻ thù, ngoài mặt khuyến-cáo an-sinh nhân-loại nhưng trên thật-tề chỉ phá-hoại những giá-trị của loài người, phát-động.

Quý quốc phải tổ-chức lại những tài-nguyên để đối phó với những sự tàn-công phá-hoại của kẻ thù, còn chúng tôi thì dành ưu-tiên cho những hoạt-động liên-quan mật-thiết đến sự sinh-tồn của một quốc-gia tự-do. Dịch-thủ nhân cơ-hội này tuyên-bồ mục-đích chúng tôi là quân-sự và sự viện-trợ chúng tôi là đề-quốc. Nhưng trách-nhiệm về việc ngăn-trở sự thi-hành những kế-hoạch hay chương-trình để cải-thiện đời sống dân-chúng Việt-Nam do ai chịu? Chính bạn Việt-Cộng. Mặc dầu thế, quý-quốc vẫn mạnh-tiền.

Hôm nay là một dịp để chứng tỏ lòng cương-quyết và sự tiên-bộ của quý quốc. Trong lúc chiến-tranh tiếp diễn, chúng ta cùng chung góp tài-nguyên và tài-năng của chúng ta để xây-dựng tòa nhà khoa-học tối-tân này mà những sự ích-lợi của nó sẽ tồn-tại mãi sau khi kẻ thù bị bại-trận và hòa-bình và an-ninh ở Việt-Nam được văn-hồi.

Thưa Tổng-Thông,

Tôi được biết rằng y-khoa đã phát-triển nhanh chóng trong vòng 30 năm vừa qua đến nỗi chương trình dạy học, kỹ-thuật và dụng-cụ phòng thí-nghiệm phải mở rộng và mở-mang thêm rất nhiều.

XVI

Sự hiểu biết về thân-thể con người phát-triển cùng một nhịp với kiến-thức về khoa vật-lý nguyên-tử và về ngoại tầng không-gian.

Vì thế, những phương-tiện cần-thiết để giáo-dục các y-sĩ tương-lai cần phải được xem xét lại và điều-chỉnh cho hợp với những nhu-cầu hiện-dại. Việc này không những chỉ áp-dụng trong trường-hợp dụng-cụ và kỹ-thuật thí-nghiệm, mà cũng áp-dụng đối với phương-pháp giáo-dục nữa.

Trong việc dạy y-khoa ngày nay, sự cộng-tác chặt-chẽ giữa các giáo-sư rất cần-thiết để sinh-viên có thể hiểu sự đồng-nhất của bệnh-nhân và biết cách làm phép tổng-hợp những điều đã học-hỏi trong các môn khác.

Sự phối-hợp các phương-diện xúc-động với cơ-năng và hữu-cơ của chứng-bệnh làm cho việc dạy các sinh-viên hiểu bệnh-nhân là thuần nhất, chứ không phải là sự sắp đặt của các hệ-thống khác-biệt kế nhau, trở nên một việc cần-thiết. Đây không phải là một điều mới lạ, đúng ra, đó là sự trở về một quan-niệm cũ đã bị hồ-hững do sự chuyên-môn-hóa gây nên.

Những kết-quả hiển-nhiên của y-học dự-phòng đã được toàn-thể dân-chúng hưởng-thụ và lẽ dĩ-nhiên là phí tổn y-học dự-phòng tính từng người một so ra rất ít đối với y-học trị bệnh. Những khía cạnh cạnh xã-hội của y-học này đã trở nên rõ-rệt và trở thành một phương-diện quan-trọng của khoa trị-bệnh.

Những sự quan-sát này về phương-diện Giáo-Dục Y-Tê có ý-nghĩa là một trung-tâm y-khoa với các phòng thí-nghiệm và lớp học phải có liên-quan một cách hữu-hiệu với một bệnh-viện có bệnh-nhân nằm điều-trị, hầu kiến-thức thấu thập trong các lớp khoa-học tại trung-tâm này có thể kiện-toàn và áp-dụng nhờ dạy cách trị-bệnh tại giường của bệnh-nhân.

Thưa Tổng-Thông,

Địa-điểm tốt đẹp mà chánh-phủ quý-quốc dành cho việc xây cắt trung-tâm y-tê này làm cho tôi nghĩ đến ngày đọt nhì của công-cuộc kiến-trúc Trung Tâm này sẽ hoàn thành. Chúng ta đang chung sức xây đắp tương-lai. Chúng tôi muốn giúp đỡ quý-quốc để đào-tạo những y-sĩ và nha-sĩ, không những cần-thiết cho quân-đội mà cho tất cả những chương-trình xã-hội đang được xúc-tiến. Chúng tôi cũng có một ý-nguyện như quý-quốc là những nhân-viên y-tê và y-tá trong các Ấp Chiên-Lược hoạt-động dưới sự điều-kiển của những y-sĩ có khả-năng, được huấn-luyện chu-đáo cũng như chúng tôi mong rằng tất cả các bệnh-viện đều có đầy-đủ số nhân-viên để săn-sóc bệnh-nhân. Chúng tôi thành-thật mong rằng tòa nhà khỏi-công xây cắt ngày hôm nay sẽ sớm trở thành một biểu-tượng của lòng tin-tưởng của chúng ta vào một tương-lai trong đó tất cả dân chúng Việt-Nam được hưởng-thụ những ích-lợi của khoa-học ngày nay và tượng-trưng cho tình thân-hữu lâu dài và sự cộng-tác bền chặt của hai nền văn-hóa Việt-Mỹ.



XVII

Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên  
Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa dưới quyền Chủ-Tọa Tối Cao của  
**TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA**

**DIỄN - VĂN**  
của  
**ÔNG BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC**  
(9 - 5 - 1963)

Kính thưa **TỔNG-THÔNG**,

Hôm nay là một ngày vui mừng khôn tả cho gia-đình giáo-dục chúng tôi : vui mừng vì sắp thực-hiện một trong những dự-án quan-trọng nhất của nền Đại-học Việt-Nam, và càng vui mừng thập bội vì **TỔNG-THÔNG** đã vui lòng đến Chủ-tọa buổi Lễ này. Cử-chỉ đầy ưu-ái của Vị Nguyên Thủ Quốc-Gia, chứng tỏ mỗi quan-tâm đặc-biệt của Người đối với thanh-niên hiếu-học, đã làm cho giáo-chức và sinh-viên vô cùng cảm-kích. Chúng tôi xin **TỔNG-THÔNG** nhận nơi đây lòng thành-kính và tri-ân sâu-xa của chúng tôi.

Kính thưa **TỔNG-THÔNG**,

Cách đây 9 năm, khi Viện Đại-Học này vừa di-chuyển vào Nam và được giao-hoàn cho Chính-Phủ do **TỔNG-THÔNG** lãnh-đạo, nền Đại-học Việt-Nam còn trong trạng-thái phôi-thai và thiếu-thốn về mọi mặt. Nhưng ngay khi ấy, lúc khởi-nguyên của chế-độ Cộng-Hòa, giáo-chức và sinh-viên đã đặt hết tin-tưởng vào **TỔNG-THÔNG** và, đoàn-kết sau lưng Người, tâm-niệm những lời chỉ-giáo của Người để cố-gắng xây-dựng một nền Đại-học chân - chính, vừa thích-nghĩ với nhu-cầu của một quốc-gia trẻ-trung, tân - tiến, vừa tôn-kính và phát-huy kho-tàng vô giá của truyền-thống dân-tộc.

Chín năm vừa qua, mặc dầu bao khó-khăn trở-ngại do chiến-tranh gây nên, nền Đại-học đã lớn mạnh tại miền Nam tự do và, được soi sáng bởi những Lý-tưởng vừa cao-siêu vừa thiết-thực của Chính-Thê Cộng-hòa nhân-vận, đã đặt những nền-móng tinh-thần và vật-chất, hứa hẹn một sự phát-triển điều-hòa về tư-tưởng và tổ-chức, thích-hợp với những đòi hỏi của quốc-gia.

Số sinh-viên toàn-quốc, từ non 2.000 trong năm 1954-55, đã lên đến trên 17.000 trong niên-học vừa qua. Viện Đại-Học Sài-gòn hiện nay đã có đầy đủ

các phân khoa; Viện Đại-Học Huế, do chính **TỔNG-THÔNG** sáng-lập và khánh-thành năm 1957, đang khuếch-trương mạnh-mẽ; Viện Đại-Học Đalat, công-trình của Đức Tổng Giám-Mục Huế, đã được Chính-phủ nhìn nhận, khuyến-kích và cũng tiên-bộ khả-quan. Với chương-trình kiến-trúc được hoạch-định, chúng ta có thể hy-vọng rằng trong một tương-lai không xa lắm, mỗi vùng của miền Nam tự-do đều có những cơ-sở giáo-dục hoàn-bị, từ Tiểu-Học đến Đại-học.

Công cuộc khuếch-trương rộng lớn và hợp-lý nền Đại-học mà tôi vừa trình bày sơ-lược, chính **TỔNG-THÔNG** đã đích thân điều-khiển và theo dõi hằng ngày. Riêng những dự-án của Viện Đại-Học Sài-gòn, như Làng Đại-Học và Khu Đại-Học tại Thủ-Đức và Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa tại đây, đã có vinh-hạnh được **TỔNG-THÔNG** đặc-biệt quan-tâm đến, chính Người đã đích-thân chọn lựa địa-điểm, kiểu mẫu kiến-trúc, đôn-đốc công việc thiết-lập và thực-hiện đồ-án. Tôi chắc rằng không ai đã cộng-tác với Người trong các dự-án nói trên mà không thán-phục tằm mắt bao-quát của Người, mà không cảm-động và phần-khởi trước sự chăm nom ân-cần và chu-đáo của Người.

Hai năm nữa, chính tại nơi **TỔNG-THÔNG** đặt viên đá lịch-sử này, sẽ vươn lên một tòa kiến-trúc tráng lệ với những lớp học rộng-rãi, thích-nghĩ, những phòng thí-nghiệm trang-bị đầy đủ. Công-trình này là hậu-quả của một sự hợp-tác cần-cù nhưng hào-hứng và huynh-đệ giữa các nhà giáo-dục, các chuyên-viên Việt-Nam và Hoa-Kỳ. Nó biểu-thị ý-chí tiên-bộ của dân-tộc Việt-Nam trong một ngành giáo-dục có liên-hệ thiết-yêu đến đời sống quán-chúng, đồng thời nó cũng tượng-trưng cho tinh hữu-nghị bền-chặt giữa nhân-dân Hoa-Kỳ và Việt-Nam. Tiếp theo lời Ông Khoa-Trưởng Y - Khoa Đại - Học Đường, tôi có lời thành thật cảm ơn tất cả những người đã cộng-tác vào dự-án này, đặc-biệt là Ông Đại-Sứ Nolting, Ông Giám-Độc Brent và hai Ủy-ban Y-tê và Giáo-Dục trong Phái-bộ Viện-trợ Mỹ.

Kính thưa **TỔNG-THÔNG**,

Cơ-sở phong-quang của Trung-Tâm Giáo-Dục Y-Khoa này, với những dụng-cụ tân-tiền của nó, sẽ giúp cho nền Giáo-Dục Y-Khoa điều - kiện bành-trướng về chuyên-môn, để theo kịp đà tiên-triển của thế-giới, đồng-thời thích ứng với nhu-cầu thực-tê của nhân-dân.

Nhưng sự hiện-diện của **TỔNG - THÔNG** hôm nay mới chính là một khích-lệ quý báu cho giáo-chức và sinh-viên. Chúng tôi, toàn-thê cán-bộ giáo-dục và thanh-niên Đại-học, đều nhận chân giá-trị của tâm lòng ưu-ái ấy và sẵn-sàng gánh lấy trách-nhiệm của mình để xứng đáng với đặc-án mà **TỔNG-THÔNG** đã ban cho chúng tôi.

Ceremony of the Laying of the Cornerstone  
of the Medical Education Center placed under the High Patronage of  
HIS EXCELLENCY THE PRESIDENT OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

ADDRESS  
by  
THE SECRETARY OF STATE FOR NATIONAL EDUCATION  
(May 9, 1963)

Mr. PRESIDENT OF THE REPUBLIC,

Today is a day of great rejoicing for our family of educators: we rejoice because we are about to achieve one of the most important higher education projects, and we rejoice all the more because you, Mr. President, have been so kind as to come and preside over this ceremony. Your solicitude is a proof of your concern for our studious youth: In their name as well as in the name of their professors and in mine, I wish to say how much we are, all of us, grateful for it.

Mr. PRESIDENT,

Nine years ago, when the University of Hanoi was transferred to Saigon and handed over to the Government of the Republic under your leadership, our higher education was in lack of adequate facilities. But even at that time, when our Republic was still in its inception, educators and students alike placed their whole faith in you, Mr. President, rallied behind you, and following your instructions, have endeavoured to build a sound higher education system, which both meets the needs of a young and progressive nation, and safeguards the priceless cultural heritage of the past.

During the past nine years, in spite of numerous obstacles due to war, our higher education has considerably expanded in this free part of Vietnam, and enlightened by the high and practical ideals of the Personalist Regime, has laid its material and spiritual foundations, with a prospect to achieving a steady development in thought and organization in harmony with the requirements of our nation.

The total enrollment has increased from nearly 2,000 in 1954-1955 to over 17,000 during the past school-year. The University of Hue, created and inaugurated

XX

by yourself, Mr. President, in 1957, is continuing its expansion. The University of Dalat, one of the major achievements of the Most Reverend Archbishop of Hue, has been recognized and encouraged by the Government and is making satisfactory progress. With our present construction projects, we can hope that in a not too distant future, every region of free Vietnam will have adequate school buildings from the elementary to the university level.

This nation-wide development programme, Mr. President, you have actually supervised it yourself. The projects of the University of Saigon, in particular, such as the University Village, and the University Campus at Thu Duc, and the Medical Education Centre here, have had the honour of your special attention. You have personally chosen the site and the styles of architecture, and urged the completion of building plans. I am sure that no one who has ever been associated with the projects mentioned above, will fail to admire your quick appraisal of the overall situation, and to feel inspired by your thoughtful care.

Two years from now, on this very site where you are laying the foundation stone, will rise a beautiful building with spacious classrooms, and well-equipped laboratories. This is the result of a friendly and fruitful cooperation between Vietnamese and American educators and technicians. It shows the will to progress of the Vietnamese people in a branch of education which bears a great impact on the life of the population; it is also the symbol of the close friendship between the peoples of the United States and Vietnam. I wish to join the Dean of the Faculty of Medicine in extending my sincere thanks to all those who have collaborated in this project, especially Ambassador Nolting, Director Brent, and the two Health and Education Divisions of USOM.

Mr. PRESIDENT,

This large Centre, with its modern equipment, will enable our Medical Education to develop its techniques in order to keep pace with world progress and to meet the needs of our population.

But your presence here today, Mr. President, is the actual incentive for our educators and students. All of us, education cadres and University youth, are most grateful for your solicitude, and promise to assume our responsibility to deserve the special favour that you have extended to us.

XXI

## ADDRESS

by  
THE PRESIDENT OF THE REPUBLIC  
at the Ceremony of the Laying of the Cornerstone  
of the Medical Education Center  
(May 9, 1963)

Ladies and Gentlemen,

I am happy to be here to preside over this ceremony of the laying of the corner stone of the Medical Education Center of the University of Saigon.

This important project has been under study by our Government for a long time, within the framework of the development of the program of higher education, and today, with the cooperation of USAID, we are entering the stage of implementation. On the completion of this project, Vietnam will have a well-equipped Medical Education Center which can compare favorably with any of its most modern counterparts in South East Asia.

I wish to extend my warm thanks to the Government of the United States for the substantial help it has given to this project, and I want to congratulate all the American and Vietnamese technicians who have collaborated so closely and efficiently in the elaboration of building plans.

The health of the people is a determining factor in our fight to emerge from the state of underdevelopment. For this reason, as soon as I assumed the leadership of our country, I issued orders to multiply the number of health institutions throughout the nation, and to develop as rapidly as possible the teaching of medicine and pharmacy. Under this development program, a Faculty of Medicine has been established at Hue, the department of Pharmacy in Saigon has been raised to the full status of a Faculty, and today the construction of the first phase of the Medical Education Center begins here, scheduled for completion in 24 months. In addition, the National Schools of Nursing and Midwifery have been making steady progress.

Thus, in the near future, the present shortage of health technicians will be greatly eased, and the health of our countrymen, especially in the rural areas, will be better cared for.

XXII

Dear Students,

You will have here an adequate school, equipped with all modern facilities for your study, research and practice, which will enable you to become competent physicians. This competence you will use to serve the nation, and to help achieve the collective progress of the Vietnamese society.

But technical knowledge, however wide or deep, is but a tool used to reach selfish personal ends if you lack the fighting spirit required by our revolutionary ethics, if you are not firmly determined to help guide the destiny of the nation and shape it in the spirit of the respect for the dignity of man particularly of disinherited man.

For this reason, even while at college, you must try to grasp the importance of the mission invested in the Vietnamese physician for the fight which the Nation is now waging for a new life.

In other words, within the overall struggle of our people, you must fight against disease serving at the front lines in our fight against underdevelopment. If, like certain physicians who are competent but not conscious of their mission, you neglect your duty toward the Nation, you will be deserters, betraying history, betraying the Nation, betraying your children and yourselves. If we stay aloof from the struggle of the Nation, our own children will one day have the right to look down on us.

I am confident that the buildings which will be erected here will shelter not only a center of studies, but also a center of combat which will group professors and students for the training of new generations of physicians, both competent and imbued with a spirit of sacrifice, able to live among the people in order to serve the people, able to march with all strata of the society in the common fight for the building of a new society.

XXIII

**DISCOURS**  
du  
**PRÉSIDENT DE LA RÉPUBLIQUE**  
à la Cérémonie de la pose de la première pierre  
du Centre Médical de Saïgon  
(9 Mai 1963)

Mesdames, Messieurs,

J'ai plaisir à présider ce matin la Cérémonie de pose de la première pierre du Centre d'enseignement médical de Saïgon.

C'est un important projet, étudié depuis longtemps par le Gouvernement dans le cadre du développement de l'enseignement supérieur, qui entre aujourd'hui dans sa phase de réalisation avec le concours de l'Aide américaine. Quand ces travaux seront achevés, nous disposerons d'un Centre d'enseignement médical bien équipé, apte à soutenir la comparaison avec les établissements les plus modernes de même type dans le Sud-Est Asiatique.

Je dois à cette occasion exprimer mes chaleureux remerciements au Gouvernement des Etats-Unis, qui a bien voulu nous accorder une aide substantielle; je tiens aussi à féliciter les experts américains et vietnamiens qui ont collaboré de façon étroite et efficace à l'élaboration des plans.

La santé du peuple est un facteur déterminant dans notre lutte pour sortir de l'état de sous-développement. C'est pourquoi dès mon accession au pouvoir, j'avais ordonné la création d'établissements hospitaliers dans tout le pays, en même temps que je prescrivais le développement rapide de l'enseignement médical et pharmaceutique. Dans le cadre de ce programme, une Faculté de Médecine a été créée au sein de l'Université de Hué et la section de Pharmacie de l'Université de Saïgon a été élevée au rang de Faculté; enfin aujourd'hui commence ici la construction de la première tranche du Centre d'enseignement médical de Saïgon qui doit être achevée dans 24 mois. Par ailleurs, l'organisation des Ecoles d'Infirmiers et de Sages-femmes d'Etat poursuit son développement normal.

Ainsi dans un proche avenir, la pénurie actuelle de techniciens dans le domaine médical sera fortement réduite et la santé de nos compatriotes, particulièrement à la campagne, se trouvera mieux protégée.

XXIV

Chers étudiants,

Vous serez accueillis ici dans une école moderne dotée de tous les équipements afin d'apprendre, de rechercher et de pratiquer en vue de devenir des médecins compétents. Votre science, vous le mettez au service de la Nation pour le progrès toujours plus accéléré de la société vietnamienne entière.

Car les connaissances techniques, si vastes et profondes soient-elles, n'apportent à l'individu qu'un instrument favorable à son seul intérêt égoïste si elles ne sont pas axées dans le courant de notre œuvre communautaire et révolutionnaire; si celui à qui elles ont été dispensées n'est pas résolu à assumer avec ses pairs le destin de la patrie, lequel commande le respect de l'homme, surtout de l'homme déshérité.

C'est pourquoi durant vos études, vous devez vous efforcer de prendre conscience de l'importante mission du médecin vietnamien dans le combat que livre actuellement la Nation pour accéder à une vie nouvelle. Votre lutte contre les maladies prend place dans la perspective de la guerre totale que mène notre peuple, vous devez vous tenir à l'avant-garde de notre lutte contre le sous-développement. S'il vous arrivait de faiblir, comme cela s'est produit pour d'aucuns médecins, compétents certes mais non conscients de leur mission, alors vous trahiriez votre devoir, vous agiriez en déserteurs, en renégats à l'égard de l'histoire, de la Nation, de vos enfants et de vous-mêmes. Car celui qui se dérobe dans le combat au service du pays se voue du même coup au mépris de ses propres descendants.

Je suis sûr que les bâtiments qui s'élèveront ici abriteront, en même temps qu'un Centre d'études, un véritable Centre de combat rassemblant l'ensemble des professeurs et des étudiants voués à la formation de nouvelles générations de médecins compétents et pénétrés de l'esprit de sacrifice, fiers de se mêler au peuple pour le servir et résolus à marcher au coude à coude avec toutes les classes sociales pour la défense de la Patrie et l'édification d'une société nouvelle.

XXV